

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC  
**TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II**

**TUYỂN TẬP ĐỀ TÀI**  
KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ  
tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

**Tập 1**

**ĐỀ TÀI KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ  
HÌNH THÀNH TRƯỚC NĂM 1954**



NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

**TUYỂN TẬP ĐỀ TÀI  
KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LUU TRỮ  
tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II**

**TẬP 1**

**ĐỀ TÀI KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LUU TRỮ  
HÌNH THÀNH TRƯỚC NĂM 1954**



CỤC VĂN THƯ VÀ LUU TRỮ NHÀ NUỐC  
TRUNG TÂM LUU TRỮ QUỐC GIA II

TUYỂN TẬP ĐỀ TÀI  
KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LUU TRỮ  
tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

TẬP 1

ĐỀ TÀI KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LUU TRỮ  
HÌNH THÀNH TRƯỚC NĂM 1954

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI  
TP. HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

**Chỉ đạo biên soạn:**

VŨ VĂN TÂM

*Phó Giám đốc Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II*

**Ban biên soạn:**

HÀ KIM PHƯƠNG

TRẦN THỊ VUI

LÊ VỊ

HÀ THỊ TUYẾT MAI

## MỤC LỤC

### Lời nói đầu

7

### Phần Một

#### TỔNG QUAN THÀNH PHẦN, NỘI DUNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ HÌNH THÀNH TRƯỚC NĂM 1954

I. TÀI LIỆU LƯU TRỮ THỜI KỲ PHONG KIẾN NHÀ NGUYỄN (1802-1945)	11
II. TÀI LIỆU LƯU TRỮ THỜI KỲ THUỘC ĐỊA PHÁP (1858-1945)	17
III. TÀI LIỆU LƯU TRỮ THỜI KỲ PHÁP XÂM LUỢC VIỆT NAM LẦN THỨ HAI (1945-1954)	33

### Phần Hai

#### TUYỂN TẬP ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỘC GIẢ

I. LỊCH SỬ QUÁ TRÌNH XÂM CHIẾM THUỘC ĐỊA VÀ CÔNG CUỘC GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở VIỆT NAM	39
1. Quá trình xâm lược, cai trị thuộc địa ở Việt Nam	39
2. Lịch sử Việt Nam cận đại và công cuộc giải phóng dân tộc	46
3. Địa phương chí và các di tích lịch sử	61
4. Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các nhân vật lịch sử	86
II. KINH TẾ	105
1. Nghiên cứu chung về kinh tế - xã hội	105
2. Các lĩnh vực kinh tế	112

a. Nông - lâm nghiệp	112
b. Công kỹ nghệ	119
c. Tài chính - thương mại, du lịch và hàng hải	121
<b>III. VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>	<b>127</b>
1. Giáo dục và sự phát triển của chữ Quốc ngữ	127
2. Y tế, cùu tế xã hội	134
3. Dân cư, lao động	139
4. Hệ thống đê điều, giao thông công chánh và công trình kiến trúc	150
5. Tư tưởng, tôn giáo và văn hóa, nghệ thuật	164
<b>IV. NGOẠI GIAO</b>	<b>173</b>

### **Phần Ba**

<b>TUYÊN TẬP CÁC ĐỀ TÀI, XUẤT BẢN PHẨM VÀ BÀI VIẾT CỦA ĐỘC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ, XUẤT BẢN</b>	<b>178</b>
I. ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ LUẬN VĂN, LUẬN ÁN	178
II. XUẤT BẢN PHẨM	229
III. BÀI VIẾT, THAM LUẬN VÀ BÁO CÁO KHOA HỌC	262
<b>BẢNG CHỈ DẪN ĐỊA DANH</b>	<b>287</b>
<b>BẢNG CHỈ DẪN NHÂN VẬT</b>	<b>296</b>

## LỜI NÓI ĐẦU

Trung tâm Lưu trữ quốc gia II - nơi đang gìn giữ hơn 14.000 mét giá tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức và cá nhân, gia đình dòng họ tiêu biểu, gắn liền với quá trình khai hoang lập làng, đấu tranh chống thực dân, đế quốc và xây dựng, bảo vệ vùng đất phía Nam của Tổ quốc từ cách nay hơn 200 năm. Với hơn 180 phòng và sưu tập tài liệu, sưu tập sách, tạp chí bổ trợ lưu trữ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II (Trung tâm II) cung cấp nguồn sử liệu quan trọng, phản ánh khách quan, chân thực tiến trình lịch sử của vùng đất Nam Bộ và Việt Nam nói chung từ thế kỷ thứ XVII đến nay.

Tài liệu do Trung tâm quản lý trở thành “nguyên liệu” chính cho hàng nghìn đề tài, án phẩm nghiên cứu khoa học, từ khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, các bộ địa chí, lịch sử Đảng bộ các tỉnh thành, huyện thị, cũng như các công trình khoa học chuyên khảo về các mặt đời sống xã hội, các nhân vật lịch sử chính diện và phản diện,... Tổng kết 40 năm, Trung tâm đã phục vụ hàng trăm nghìn hồ sơ cho hơn 30.000 lượt độc giả trong và ngoài nước.

Nhân kỷ niệm 40 năm thành lập (29-11-1976 - 29-11-2016), Trung tâm II tổ chức thông kê, sưu tầm các đề tài, công trình, án phẩm của độc giả đến nghiên cứu và sử dụng tài liệu lưu trữ, tập hợp thành bộ sách “*Tuyển tập đề tài khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II*” gồm 2 tập:

*Tập 1: Đề tài khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ hình thành trước năm 1954.*

*Tập 2: Đề tài khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ hình thành sau năm 1954.*

Tập 1 gồm 3 phần:

*Phần Một: Tổng quan thành phần, nội dung tài liệu lưu trữ hình thành trước năm 1954, giới thiệu lịch sử hình thành, thành phần và khái quát nội dung các phông, sưu tập tài liệu, sưu tập sách, tạp chí bô trợ hình thành trước năm 1954 do Trung tâm Lưu trữ quốc gia II quản lý.*

*Phần Hai: Tuyển tập đề tài nghiên cứu của độc giả, giới thiệu các đề tài nghiên cứu tài liệu trước năm 1954 của độc giả tại phòng Đọc từ năm 1976 đến nay (2016). Các đề tài nghiên cứu của độc giả được trình bày theo bố cục: tên độc giả, tên đề tài, tổng quan nội dung tài liệu nghiên cứu, phông và hồ sơ tài liệu độc giả yêu cầu khai thác. Tuy nhiên, trải qua quá trình xử lý khoa học kỹ thuật, các phông, sổ ký hiệu tài liệu có nhiều sự thay đổi. Vì vậy, độc giả cần đến phòng Đọc của Trung tâm II, đối chiếu với mục lục (hoặc) cơ sở dữ liệu hiện hành để có địa chỉ tra tìm hồ sơ, tài liệu chính xác.*

*Phần Ba: Tuyển tập các đề tài, xuất bản phẩm và bài viết của độc giả đã công bố, xuất bản, giới thiệu các đề tài khoa học, luận văn, luận án, sách, bài viết khai thác sử dụng và tham khảo khối tài liệu trước năm 1954 do Trung tâm Lưu trữ quốc gia II quản lý.*

Tuyển tập hướng tới mục tiêu cung cấp cho độc giả, các nhà nghiên cứu những thông tin cần thiết về nguồn tài liệu, cũng như tập hợp, hệ thống các đề tài nghiên cứu của độc giả để làm

rõ hơn tiềm năng, giá trị tài liệu lưu trữ mà Trung tâm đang quản lý. Đồng thời, giúp độc giả, các nhà nghiên cứu có thông tin hữu ích về các đề tài đã được công bố, xuất bản. Qua đó xây dựng đề tài, công trình khoa học tránh trùng lặp, cũng như tập trung đi sâu nghiên cứu vào những lĩnh vực đang còn bỏ ngỏ.

Tuy nhiên, trong điều kiện độc giả đến từ nhiều quốc gia trên thế giới, Tuyển tập chưa phải là bộ sưu tầm đầy đủ nhất các đề tài, công trình sử dụng tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Đặc biệt là những đề tài, công trình do các độc giả công bố, xuất bản ở nước ngoài. Vì vậy, Trung tâm rất mong nhận được sự thông tin của độc giả, các nhà nghiên cứu, để Tuyển tập được đầy đủ hơn ở lần tái bản sau./.

ARCHIVES.GOV.VN

## Phần Một

### TỔNG QUAN THÀNH PHẦN, NỘI DUNG TÀI LIỆU LUU TRỮ HÌNH THÀNH TRƯỚC NĂM 1954

#### I. TÀI LIỆU LUU TRỮ THỜI KỲ PHONG KIẾN NHÀ NGUYỄN (1802-1945)

Năm 1802, vua Quang Trung băng hà, triều đình rối loạn, Nguyễn Ánh dấy quân đánh đổ nhà Tây Sơn, lên ngôi Hoàng đế, lấy hiệu là Gia Long, quốc hiệu Việt Nam, đặt kinh đô ở Phú Xuân (Huế). Năm 1806, vua Gia Long tổ chức lại nền hành chính, phân chia lãnh thổ Việt Nam làm 4 doanh, 23 trấn. Từ Bình Thuận trở vào gọi là Gia Định thành, gồm 5 trấn, 4 phủ và 15 huyện, thêm trấn Hà Tiên có 2 đạo và 2 huyện<sup>1</sup>. Năm 1808, sau khi giao Lê Văn Chất cai quản, hoàn thành sửa chữa con đường quan lộ từ Quảng Nam đến Biên Hòa, Gia Long tiến hành cải tổ hành chính ở cấp địa phương. Về tổ chức hành chính, vua Gia Long đặt Gia Định thành dưới quyền cai trị của một Tổng trấn. Ở 5 trấn thuộc hạt đặt các quan Lưu trấn hay quan Trần thủ, dưới có Cai bạ và Ký lục coi việc cai trị dân chúng. Dưới trấn là các phủ, huyện có các quan Tri phủ và Tri huyện.

Năm 1832, sau khi Tổng trấn Gia Định Lê Văn Duyệt qua đời, vua Minh Mạng bãi bỏ chức quan tổng trấn và đổi trấn làm tỉnh, chia Nam Kỳ ra thành sáu tỉnh (gọi là Nam Kỳ lục tỉnh):

<sup>1</sup> Đào Văn Hội, Lịch trình hành chánh Nam phần, 1961, vn.1528, TT LTQG II, tr.23

Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên gồm 18 phủ, 43 huyện<sup>2</sup>. Về tổ chức bộ máy chính quyền, cấp tỉnh, nhà vua đặt các chức quan Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chính sứ, Án sát xứ và Lãnh binh lo việc cai trị dân. Trong đó, quan Tổng đốc và Tuần phủ do triều đình cát cử xuống, còn lại là các quan địa phương. Đối với tỉnh nhỏ, triều đình cát cử quan Tuần phủ với trách nhiệm cai quản địa phương về chính trị, giáo dục và giữ gìn phong tục. Dưới cấp tỉnh, nhà Nguyễn phân thành các cấp phủ - huyện - tổng - làng. Tương ứng có các chức quan cai trị Tri phủ - Tri huyện - Cai tổng (chánh tổng). Bộ máy chính quyền làng - đơn vị hành chính cơ bản, do một Thôn trưởng cai quản dưới sự phụ tá Hội đồng Hương thôn với một số trùm, trưởng, phó lý tùy vào cấp độ làng. Hội đồng Hương thôn chia làm hai hạng hương chức. Hương chức lớn gồm: Hương cả, hương chủ, hương sư, hương trưởng, tham trưởng, hương bảo, hương nhứt, hương nhì, hương chánh, hương lễ, hương văn, hương quan, hương ấm, hương thân, hương hào, hương bộ, thủ chí, thủ bón, thủ khoán, câu đương, cai định, thôn trưởng. Hương chức nhỏ: Lý trưởng, áp trưởng, trùm dịch, cai thị, cai binh, cai thôn.

Cùng với quá trình hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, các vua nhà Nguyễn ban hành những quy định chặt chẽ về việc lập các loại sổ định, điền, ngưu, thuyền, diêm,... tại các thôn, làng để thực hiện quản lý xã hội. Các loại sổ trên được ghi chép bằng ngôn ngữ Hán - Nôm (ngôn ngữ được sử dụng chính thức trong hoạt động quản lý của triều đình nhà Nguyễn) nên được gọi chung là Sổ bộ Hán Nôm.

Từ nửa cuối thế kỷ XIX, song song với tiến trình xâm chiếm và bình định thuộc địa, thực dân Pháp từng bước thiết lập bộ máy

<sup>2</sup> Đào Văn Hội, Lịch trình hành chánh Nam phần, 1961, vn.1528, TT LTQG II, tr.24

cai trị thuộc địa ở Nam Kỳ. Trong giai đoạn đầu, chính quyền thực dân duy trì chế độ quản lý làng, xã Nam Kỳ thông qua các loại sổ như thời kỳ nhà Nguyễn. Đầu thế kỷ XX, chính quyền thực dân Pháp thực hiện cải tổ quản trị làng xã ở Nam Kỳ, xóa bỏ chế độ quản lý thông qua các loại sổ bô.

Hoạt động cai trị của triều đình nhà Nguyễn và chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ đưa đến sự hình thành khối tài liệu Sổ bộ Hán Nôm bao gồm chủ yếu là các văn bản viết tay, sử dụng ngôn ngữ Hán - Nôm, ghi tin trên chất liệu giấy dó có niên đại từ năm 1819 đến năm 1918. Tuy nhiên, trải qua tiến trình lịch sử, tài liệu Sổ bộ Hán Nôm bị thất lạc. Nhiều loại sổ chỉ còn lưu giữ được của một số thôn, tổng trong khoảng thời gian nhất định.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), tài liệu Sổ bộ Hán Nôm được giao cho Kho Lưu trữ Trung ương II, Cục Lưu trữ Thủ tướng (từ năm 1988 là Trung tâm Lưu trữ quốc gia II), quản lý.

Đến nay, qua quá trình xử lý khoa học kỹ thuật, tài liệu Sổ bộ Hán Nôm trở thành bộ sưu tập tài liệu lưu trữ thuộc phông Lưu trữ quốc gia Việt Nam với 10.850 đơn vị bảo quản, gồm 18 loại sổ, tạp sổ và các loại văn bản liên quan. Cụ thể gồm các loại sổ:

1. *Dinh bộ*: 1.016 đơn vị sổ, niên đại từ 1822-1892, ghi chép số dân đinh, thuế thân và sâu của từng hạng dân.

2. *Điền bộ*: 1.644 đơn vị sổ, niên đại từ 1836-1900, kê khai ruộng đất các hạng (công điền, công thô, tư điền, tư thô) về diện tích, tình trạng canh tác, số thuế phải đóng, sự biến động sở hữu.

3. *Dinh điền bộ*: 217 đơn vị sổ, niên đại từ 1867-1892, thống kê nhân đinh và ruộng đất.

4. *Thể bộ*: 396 đơn vị sổ, niên đại từ 1868-1918, thống kê

dân số của thôn theo hạng dân đinh.

5. *Binh đinh bộ*: 36 đơn vị số, niên đại từ 1877-1884, kê khai số binh đinh lưu ngũ, tại ngũ và giải ngũ.

6. *Hôn thư bộ*: 545 đơn vị số, niên đại từ 1879-1883, ghi chép việc kết hôn.

7. *Sinh bộ*: 888 đơn vị số, niên đại từ 1879-1883, ghi chép việc sinh đẻ.

8. *Tử bộ*: 641 đơn vị số, niên đại từ 1879-1883, ghi chép việc tử tuất của các hạng dân.

9. *Thanh nhân bộ*: 64 đơn vị số, niên đại từ 1869-1883, thống kê số người Thanh (người Hoa) cư trú tại các thôn.

10. *Ngưu bộ*: 1.176 đơn vị số, niên đại từ 1868-1887, đăng ký số trâu bò của các hộ dân.

11. *Thuyền bộ*: 884 đơn vị số, niên đại từ 1868-1887, đăng ký thuyền bè.

12. *Công nghệ bộ*: 63 đơn vị số, niên đại từ 1871-1887, ghi chép số hộ hoạt động trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp.

13. *Đà chử bộ*: 56 đơn vị số, niên đại từ 1870-1884, thống kê diện tích mặt nước khai thác nguồn lợi thủy sản.

14. *Diêm điền bộ*: 20 đơn vị số, niên đại từ 1865-1895, thống kê diện tích ruộng muối.

15. *Kiều lô bộ*: 33 đơn vị số, niên đại từ 1880-1892, thống kê hệ thống cầu cống, giao thông nội thôn.

16. *Thu - chi bộ*: 1.416 đơn vị số, niên đại từ 1882-1888, ghi chép việc thu - chi ngân sách của các thôn.

17. *Viên chức bộ*: 14 đơn vị số, niên đại từ 1878-1879, thống

kê số chức dịch tại các tổng.

18. *Tạp sổ*: 148 đơn vị sổ, niên đại từ 1866-1884, thống kê tổng hợp về kinh tế - xã hội (dân số, ruộng đất, trường học,...).

Bên cạnh sổ bộ còn có các báo cáo kinh tế - xã hội của thôn, làng; bô cáo, yết thị, văn thư,... của các bộ, nha gửi cho chức dịch các thôn, làng.

Số bộ Hán Nôm là những tài liệu gốc được sản sinh trong quá trình hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước cấp thôn, xã dưới triều đại phong kiến nhà Nguyễn và chính quyền thuộc địa Pháp tại Nam Kỳ. Tài liệu Số bộ Hán Nôm ghi chép cụ thể các số liệu về điền địa, nhân khẩu, giao thông, thuế khóa và số liệu các hoạt động kinh tế chủ yếu của trên 800 xã, thôn tại Nam Kỳ lục tỉnh.

Cùng với Số bộ Hán Nôm, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II đang quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu Mộc bản triều Nguyễn (1802-1945) - là cơ sở dữ liệu của 55.318 bản dập mặt khắc ngược chữ Hán hoặc chữ Nôm trên gỗ để in sách. Cơ sở dữ liệu chứa đựng nội dung của 152 đầu sách do Quốc Sứ quán triều Nguyễn biên soạn và khắc in. Trong đó, đặc biệt có giá trị là các sách chính sử và tác phẩm văn chương chính thống của triều Nguyễn. Có thể kể các tác phẩm tiêu biểu như:

Chính sử:

- Đại Nam chính biên liệt truyện.
- Đại Nam liệt truyện tiền biên.
- Đại Nam thực lục chính biên.
- Đại Nam thực lục tiền biên.
- Đại Việt sử ký thực lục.

- Đại Việt sử ký toàn thư.
  - Khâm định Việt sử thông giám cương mục
  - Đại Nam nhất thống chí.
  - Khâm định tiêu bình Bắc Kỳ nghịch phi phương lược chính biên.
  - Khâm định tiêu bình Nam Kỳ nghịch phi phương lược chính biên.
  - Khâm định tiêu Bình Thuận tỉnh Man phi phương lược chính biên.
  - Khâm định tiêu bình Xiêm khẩu phương lược chính biên.
  - Đại Nam công báo.
  - Hoàng Việt luật lệ.
  - Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ.
- ...

Tác phẩm văn chương của các Hoàng đế triều Nguyễn:

- Ngự chế văn sơ tập (Thiệu Trị).
  - Ngự chế văn sơ tập (Minh Mạng).
  - Ngự chế văn nhị tập.
  - Ngự chế văn tam tập.
  - Ngự chế lịch đại đế vương thi tập.
  - Ngự chế Bắc tuần thi tập.
  - Ngự chế tiêu bình Bắc Kỳ nghịch phi thi tập.
  - Ngự chế tiêu bình Nam Kỳ tặc khẩu thi tập.
  - Thánh chế văn tam tập.
- ...

Tài liệu Mộc bản triều Nguyễn là nguồn sử liệu có giá trị, cung cấp cho các nhà khoa học những thông tin có độ tin cậy cao trong nghiên cứu lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam (1802-1945).

Ngoài ra, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II đã sưu tầm, thu thập được một số sưu tập tài liệu hình thành trong thời kỳ phong kiến triều Nguyễn, như: bản sao tài liệu Hán Nôm về dòng họ Cống Quận công Trần Đức Hòa, phủ Quy Nhơn, Bình Định (1564-1715); bản sao Sắc phong của triều đình nhà Nguyễn cho dòng họ Mạc ở Hà Tiên (1822-1850).

## II. TÀI LIỆU LUU TRỮ THỜI KỲ THUỘC ĐỊA PHÁP (1858-1945)

Ngày 1-9-1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng vào bán đảo Sơn Trà, đánh chiếm Đà Nẵng, mưu đồ thực hiện cuộc chiến tranh “chớp nhoáng”. Tuy nhiên, sau 5 tháng, trước sự kháng cự quyết khởi của quân dân Việt Nam, quân Pháp bị cô lập, sa lầy tại chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng nên quyết định chuyển hướng chiến tranh, tiến hành xâm lược Sài Gòn - Gia Định.

Ngày 2-2-1859, Rigault De Genouilly đưa hai phần ba quân số và 8 trong 14 chiến thuyền tại mặt trận Đà Nẵng, tiến vào Nam. Ngày 9-2-1859, liên quân Pháp - Tây Ban Nha vào đến cửa Càn Giò, lần lượt tấn công các đồn dọc sông Sài Gòn và nhanh chóng chiếm được thành Gia Định. Nhưng liên tiếp phải đương đầu với phong trào kháng Pháp mạnh mẽ của quân dân Nam Kỳ, đến đầu năm 1861, quân Pháp buộc phải rút khỏi một loạt cứ điểm trọng yếu ở Gò Công, Chợ Gạo, Cái Bè,... và nhiều vùng đất đai rộng lớn xung quanh Sài Gòn. Nhằm cải thiện tình hình, Hoàng đế Pháp quyết định cử Chuẩn Đô đốc Bonard sang thay Phó Đô đốc Charner chỉ huy cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Đầu năm 1862, thời điểm quân Pháp đang trong thế bị bao vây cô lập, triều đình nhà Nguyễn “bất ngờ” gửi thông điệp nghị hòa. Và đến ngày 5-6-1862, “Hiệp ước hòa bình và hữu nghị” - Hòa ước Nhâm Tuất, mà nội dung quan trọng nhất là nhượng chủ quyền trọn ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường, cùng đảo Côn Lôn cho Pháp, được ký kết giữa triều đình nhà Nguyễn và Hoàng đế Pháp.

Sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, ngày 28-11-1862, chính phủ Pháp thiết lập chế độ võ quan dưới quyền cai trị của một sĩ quan Hải quân Pháp với chức danh Đô đốc Thống đốc (Amiral - Gouverneur). Trong thời kỳ võ quan, chức năng, quyền hạn của các Đô đốc Thống đốc được phân chia thành hai lĩnh vực tương đối độc lập: một là, đảm nhận chức năng cai trị, bình định Nam Kỳ; hai là, giữ vai trò chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp tiến hành công cuộc xâm chiếm thuộc địa ở Việt Nam và các vùng đất khác ở Viễn Đông, như: Lào, Campuchia, Thái Lan, Quảng Châu Loan (Trung Quốc),...

Trong lĩnh vực cai trị thuộc địa, ngày 10-1-1863, Hoàng đế Pháp ban hành sắc lệnh án định tổ chức hành chính và tài chính ở Nam Kỳ. Sắc lệnh chính thức giao trách nhiệm đại diện cho chính phủ Pháp, có toàn quyền về lập quy, hành pháp và tư pháp ở vùng đất Nam Kỳ cho Đô đốc Thống đốc (ngày 28-1-1863, Paul Pierre Marie De La Grandière là viên sĩ quan Hải quân Pháp đầu tiên được bổ nhiệm làm Đô đốc Thống đốc Nam Kỳ). Sắc lệnh cũng đồng thời án định một cơ cấu có chức năng trợ tá cho Đô đốc Thống đốc, tên gọi Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ - một hội đồng có tính cách tư vấn, với các thành viên được án định bởi Bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp. Theo quá trình phát triển bộ máy cai trị thực dân, đến năm 1869, Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ bị giải thể, thay

bằng 2 cơ cấu là Hội đồng Tư mật Nam Kỳ (thành lập năm 1869) và Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ (thành lập năm 1880).

Đối với chính quyền địa phương, Pháp xóa bỏ cơ cấu hành chính 6 tỉnh và cho thiết lập các Sở Tham biện (Inspection), giao cho các quan chức người Pháp cai trị. Ở cấp tổng, huyện, xã, chính quyền thực dân Pháp tiếp tục duy trì thiết chế hành chính của triều đình nhà Nguyễn.

Về tổ chức bộ máy, do tập trung mọi nỗ lực vào tiến hành cuộc chiến tranh xâm chiếm thuộc địa, các Đô đốc Thống đốc không thực hiện cai trị trực tiếp Nam Kỳ mà cho thiết lập dưới quyền một tổ chức có trách nhiệm nội trị tổng quát - cai trị xứ Nam Kỳ trên các mặt hành chính - kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh, chính trị gọi là Nha Nội chính (Direction de L'Intérieur), đặt dưới quyền một Giám đốc người Pháp<sup>3</sup>. Theo thiết chế này, tham biện các hạt phải chịu sự chỉ đạo trực tiếp và thực thi các mệnh lệnh, chỉ thị của Thống đốc thông qua Nha Nội chính. Và ngược lại, quan tham biện phải báo cáo tình hình và kết quả việc cai trị thuộc địa trong phạm vi quản hạt cho Giám đốc Nha Nội chính.

Chế độ võ quan được duy trì cho đến năm 1879, sau khi cơ bản hoàn thành bình định Nam Kỳ, chính phủ Pháp chuyển chế độ cai trị ở Nam Kỳ bằng việc bổ nhiệm Charles Le Myre de Villiers làm Thống đốc dân sự đầu tiên - (Gouverneur de la Cochinchine).

Từ giữa thập niên 80 của thế kỷ XIX, sau khi cơ bản hoàn thành bình định các vùng đất thuộc địa, ngày 17-10-1887, Tổng thống Pháp ban hành sắc lệnh thành lập Liên bang Đông Dương, gồm 5 xứ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Lào, Campuchia (năm

<sup>3</sup> Nghị định ngày 9-11-1864 của Thống đốc Nam Kỳ, Công báo Nam Kỳ thuộc Pháp năm 1864, tr.16-17.

1900, thực dân Pháp sát nhập thêm Quảng Châu Loan - Trung Quốc vào Liên bang Đông Dương). Nam Kỳ trở thành thuộc địa mang tính tự trị. Thống đốc Nam Kỳ trở thành người đại diện cho Toàn quyền Đông Dương cai trị xứ thuộc địa Nam Kỳ (Sắc lệnh ngày 29-10-1887 của Tổng thống Pháp<sup>4</sup>). Để phù hợp với chế độ cai trị dân sự, ngày 20-12-1899, thực dân Pháp ban hành nghị định đổi các Sở Tham biện thành tỉnh, người đứng đầu tỉnh gọi là Quan cai trị - Chủ tỉnh (Administrateur - Chef de Province) và chia toàn xứ Nam Kỳ thành 22 tỉnh. Tuy nhiên, chỉ giao cho chức năng thừa hành, chịu trách nhiệm trước Thống đốc về mọi mặt an ninh chính trị, kinh tế, xã hội trên địa bàn cai quản, nên chính quyền thực dân thiết lập bộ máy hành chính cấp tỉnh rất gọn nhẹ, không có các cơ cấu tư vấn hay đề xuất chủ trương, chính sách cai trị. Với việc tổ chức bộ máy theo từng lĩnh vực cụ thể, Thống đốc nắm trọn quyền và thực hiện cai trị trực tiếp thuộc địa Nam Kỳ, biến chính quyền địa phương thành cấp thừa hành.

Trong khoảng thời gian từ năm 1858 đến năm 1945, hoạt động của bộ máy cai trị thực dân Pháp ở Nam Kỳ đã hình thành nên khối lượng tài liệu đồ sộ, phản ánh đầy đủ mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội Nam Kỳ, cùng nhiều tài liệu liên quan đến tiến trình tiến hành cuộc chiến tranh xâm chiếm thuộc địa ở Việt Nam và các vùng đất ở Viễn Đông.

Tài liệu bao gồm bản chính các bản văn, báo cáo của quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương; của các cơ quan: Hội đồng Tư mật; Hội đồng Thuộc địa; Thủ Thống đốc (văn phòng, các phòng chuyên môn, các cơ quan trực thuộc); tòa án và các tỉnh ở Nam Kỳ. Tài liệu được hình thành chủ yếu trên chất liệu giấy, bao gồm các loại hình: tài liệu hành chính, bản đồ, họa đồ, bản

<sup>4</sup> Công báo Nam Kỳ thuộc Pháp năm 1887, tr.1185-1186.

vẽ kỹ thuật, ảnh,... với ngôn ngữ chính là Pháp ngữ, xen kẽ ngôn ngữ Hán - Nôm, Quốc ngữ (tiếng Việt giai đoạn đầu hình thành) và phương ngữ của các tộc người thiểu số ở Nam Bộ như Khmer, Chăm,...

Sau ngày miền Nam giải phóng, thống nhất đất nước, cũng như các tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của chính quyền Sài Gòn, tài liệu chính quyền thuộc địa Pháp ở Nam Kỳ trước năm 1945 chính thức trở thành một trong các khối tài liệu thuộc phông Lưu trữ quốc gia nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Do nhiều nguyên nhân khách quan, đến những năm cuối thập niên 90 thế kỷ XX, tài liệu chính quyền thuộc địa Pháp ở Nam Kỳ do Trung tâm Lưu trữ quốc gia II quản lý vẫn đang trong tình trạng tích đống, chưa xác định được nội dung và xử lý khoa học kỹ thuật, gây khó khăn cho công tác khai thác sử dụng và phục vụ độc giả. Giải quyết tình trạng trên, được sự quan tâm đầu tư của Đảng, Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II thực hiện xử lý khoa học kỹ thuật, giải tỏa cơ bản hơn 16.000 mét giá tài liệu tích đống, phân phông hơn 13.000 mét giá tài liệu hình thành dưới thời Pháp thuộc và thời kỳ chính quyền Sài Gòn (1954-1975), đưa đến sự hình thành cơ bản hệ thống phông tài liệu như hiện nay.

Trong đó, tài liệu chính quyền thuộc địa Pháp ở Nam Kỳ giai đoạn 1858-1945 được phân loại thành hơn 20 phông, gồm các phông:

1. Thủ Thông đốc Nam Kỳ (1859-1945).
2. Hội đồng Tư mật Nam Kỳ (1864-1932).
3. Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ (1880-1926).
4. Nha Thủy lâm Đông Dương (1921-1950).

5. Sở Thương chánh Nam Kỳ (1892-1928).
6. Sở Lúa gạo Đông Dương (1930-1952).
7. Tòa Đốc lý Sài Gòn (1880-1940).
8. Tòa Đốc lý Chợ Lớn (1908-1929).
9. Tòa Hòa giải rộng quyển Tây Ninh (1888-1914).
10. Văn phòng tỉnh Bà Rịa (1867-1929).
11. Văn phòng tỉnh Bạc Liêu (1865-1913).
12. Văn phòng tỉnh Bến Tre (1867-1930).
13. Văn phòng tỉnh Cần Thơ (1888-1915).
14. Văn phòng tỉnh Châu Đốc (1911-1930).
15. Văn phòng tỉnh Chợ Lớn (1864-1924).
16. Văn phòng tỉnh Hà Tiên (1893-1924).
17. Văn phòng tỉnh Long Xuyên (1896-1934).
18. Văn phòng tỉnh Mỹ Tho (1873-1935).
19. Văn phòng tỉnh Rạch Giá (1877-1933).
20. Văn phòng tỉnh Sa Đéc (1882-1924).
21. Văn phòng tỉnh Tân An (1862-1934).
22. Văn phòng tỉnh Trà Vinh (1910-1925).
23. Văn phòng tỉnh Vĩnh Long (1868-1923).

Ngoài ra còn có tài liệu của các công ty của tư bản Pháp hoạt động ở Nam Kỳ trong thời kỳ thuộc địa, như: Công ty Cao su Đông Dương, Công ty Cao su Đất Đỏ, Công ty Bia và Nước đá Đông Dương.

Về nội dung, khôi tài liệu thời kỳ Pháp thuộc phản ánh sự

tiếp xúc, giao thoa giữa hai nền văn hóa, văn minh Đông - Tây đưa đến quá trình tiếp biến văn hóa, biến đổi về mọi mặt đời sống chính trị - kinh tế - xã hội và văn hóa tư tưởng, biến đổi cấu trúc xã hội ở phương Đông mà cụ thể là tại 3 nước Đông Dương (Việt Nam - Lào - Campuchia); quá trình thực dân hóa và phi thực dân hóa ở Việt Nam và các quốc gia trong khu vực cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Vì vậy, đây là nguồn sử liệu quan trọng, rất có giá trị về tiến trình lịch sử Nam Kỳ và khu vực, cũng như quá trình tiếp xúc văn hóa Đông - Tây tại Việt Nam và Đông Nam Á trong nửa cuối thế kỷ XIX, nửa đầu thế kỷ XX. Cụ thể:

*1. Quá trình xâm chiếm thuộc địa của Pháp và phong trào đấu tranh phi thực dân hóa ở Việt Nam, cùng các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Gồm có:*

- Tài liệu về công cuộc xâm chiếm thuộc địa của chính quyền thực dân Pháp ở Việt Nam cũng như các nước trong khu vực giai đoạn 1858-1887, không chỉ cung cấp các dữ kiện về hoạt động quân sự của quân viễn chinh Pháp ở Việt Nam, Lào, Campuchia, Quảng Châu Loan và Thái Lan mà còn chứa đựng nhiều tài liệu quý về lịch sử và văn hóa các tộc người trên các vùng lãnh thổ này,...;

- Tài liệu phản ánh nhiều nội dung liên quan đến quá trình thực dân Pháp bình định, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Nam Kỳ và các xứ Đông Dương, cũng như việc “lôi kéo” các xứ thuộc địa vào hai cuộc chiến tranh thế giới tàn khốc. Đặc biệt, trong giai đoạn diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới (1914-1918 và 1939-1945), coi các xứ thuộc địa là “hậu phương” vô hạn, chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương áp dụng chính sách “tổng động viên”, thực hiện vơ vét tài nguyên và tuyển mộ ồ ạt binh lính bản xứ để chiến đấu thay cho binh sĩ Pháp trên các

chiến trường. Cụ thể như các tài liệu về: tổ chức “quốc gia” khi có chiến tranh; tuyển mộ quân sĩ Đông Dương biệt phái đi tiếp viện; sử dụng lực lượng cảnh sát ở các tỉnh trong thời kỳ động viên, khi có chiến tranh; động viên nhân viên hành chính tại các tỉnh Nam Kỳ; động viên kinh tế và kỹ nghệ trong thời kỳ chiến tranh; tổ chức phòng thủ Đông Dương trước sự tấn công của quân đội Nhật.

- Tài liệu liên quan đến thời kỳ phát xít Nhật và thực dân Pháp “bắt tay” cai trị thuộc địa ở Nam Kỳ và Đông Dương: tài liệu về phái bộ Nhật Bản ở Nam Kỳ và Trung Kỳ; cộng tác Pháp - Nhật khi có báo động không quân; tài liệu về chiếm đóng các công sở hành chính của quân đội Nhật;...

- Về phong trào đấu tranh yêu nước và phong trào giải phóng dân tộc của các tầng lớp nhân dân Nam Kỳ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, có các tài liệu là những bản báo cáo của Thanh tra Chính trị - Hành chánh, Sở Mật thám Đông Dương, vệ binh, văn phòng các tỉnh,... về các phong trào yêu nước, hoạt động của Đảng Cộng sản và các lãnh tụ của Đảng, các nhân sĩ, sĩ phu yêu nước ở Nam Kỳ. Song song với tài liệu về phong trào yêu nước của nhân dân Nam Kỳ, là những tài liệu liên quan đến chính sách đàn áp cách mạng, kiểm soát nhân dân và bắt bớ, xét xử, giam giữ, tù đày những người yêu nước Việt Nam của chính quyền thuộc địa Pháp.

## *2. Quá trình khai thác thuộc địa ở Nam Kỳ:*

Xâm chiếm thuộc địa nhằm vơ vét tài nguyên và thu tối đa nguồn lợi về cho chính quốc, nên ngay từ cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp đã bắt đầu triển các khai chương trình khai thác thuộc địa. Nội dung cơ bản của chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp là “du nhập” mang tính “cuồng ép” các yếu tố của kinh

tế tư bản chủ nghĩa phương Tây, kết hợp với duy trì ở một mức độ đáng kể những tàn dư của phong thức sản xuất phong kiến, đã làm biến đổi quan hệ sản xuất ở Nam Kỳ. Một số thành phần kinh tế mới xuất hiện, như Ngân hàng Đông Dương, các công ty khai thác mỏ, một số đồn điền, hàng buôn, xí nghiệp,... Việc khai thác mỏ và đầu tư vào công nghiệp nặng của Pháp đã khiến cho nền kinh tế Việt Nam có những biến chuyển, những hệ thống ngân hàng, bưu điện, điện, nước, đường sá... đã có mặt ở Việt Nam. Sự hình thành và phát triển của hệ thống giao thông đường sắt, đường bộ, đặc biệt là đường biển đã mở ra con đường giao thương, giao lưu giữa Việt Nam và các nước trên thế giới. Hình thành và phát triển mối quan hệ, liên hệ nhiều mặt giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á với Pháp cùng các nước trên thế giới.

Nhưng do sự du nhập mang tính “gượng ép” nhằm kết hợp hai phong thức bóc lột (bóc lột giá trị thặng dư kiểu tư bản chủ nghĩa và địa tô phong kiến) nhằm thu lợi nhuận siêu ngạch, nên kinh tế Việt Nam và Nam Kỳ nói riêng không thể phát triển bình thường mà bị kìm hãm, phát triển què quặt và phụ thuộc chặt chẽ vào kinh tế Pháp. Tuy nhiên, quá trình khai thác thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũng có tính hai mặt, mà ngoài việc tìim kiếm siêu lợi nhuận, nằm ngoài ý muốn của thực dân, nó còn tạo đặt cơ sở vật chất và tạo điều kiện cho xã hội Việt Nam và Nam Kỳ hội nhập vào xã hội hiện đại.

Tài liệu bao gồm các văn bản mang tính quy phạm pháp luật của chính quyền thuộc địa Pháp về các lĩnh vực nông - lâm nghiệp, công kỹ nghệ, hàng hải, thương mại và du lịch; quy chế, tổ chức và hoạt động của các tổ chức, nghiệp đoàn, các sở, ủy ban, trạm thực nghiệp, các trường, quỹ hỗ trợ,...; báo cáo khảo sát, nghiên cứu, các hội nghị về cây trồng, vật nuôi, phong thức sản

xuất, khai thác các lĩnh vực kinh tế ở Nam Kỳ và các thuộc địa của Pháp trên thế giới; tài liệu về việc xây dựng và hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ,...; tài liệu về quản lý hoạt động kinh tế, quy định về thuế, hoạt động xuất - nhập khẩu hàng hóa; luật, nghị định, sắc lệnh, báo cáo về xây dựng, quản lý, kiểm soát và hoạt động của hệ thống cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông vận tải, đường sắt, hàng hải và hàng không;...

### *3. Sự chuyển biến về văn hóa - xã hội và chính trị, tư tưởng:*

Sự ra đời của các công ty, các hội buôn, các nhà kinh doanh tại Nam Kỳ và trong cả nước phản ánh nhu cầu khách quan đòi hỏi phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa của xã hội Việt Nam. Giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản, giai cấp công nhân ra đời và phát triển.

Sự chuyển biến của đời sống kinh tế - xã hội, quá trình giao lưu tiếp xúc Đông - Tây tạo nhân tố thuận lợi cho việc truyền bá, tiếp thu trào lưu tư tưởng mới như tư tưởng dân chủ tư sản, vô sản vào xã hội phong kiến Việt Nam và Đông Nam Á nói chung. Điều đó không những làm xuất hiện các cuộc vận động chính trị, văn hóa mang tính chất dân chủ tư sản, vô sản, phong trào giải phóng dân tộc lần đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam và Đông Nam Á mà còn làm biến đổi căn bản đời sống xã hội của cộng đồng cư dân ở khu vực này. Xã hội Việt Nam và các quốc gia khu vực Đông Nam Á bị phân hóa sâu sắc với sự ra đời của các giai tầng xã hội mới, như giai cấp công nhân, giai cấp tư sản, sự phân hóa của tầng lớp sĩ phu Nho học,... kéo theo sự ra đời của nhiều tổ chức chính trị xã hội, các chính đảng mang màu sắc chính trị.

Tài liệu bao gồm các tờ trình, báo cáo mang tính tổng quát chung liên quan đến chính sách cai trị về văn hóa - xã hội ở Nam Kỳ hay liên quan đến từng lĩnh vực riêng lẻ của đời sống xã hội.

Như:

Tài liệu về dân cư, lao động: Quá trình xâm chiếm, bình định và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã tạo ra sự biến động dân cư lớn ở Nam Kỳ trong nửa cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX, theo hai chiều hướng trái ngược. Giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX, biến động dân cư ở Nam kỳ được đánh dấu bằng phong trào “ti địa” kháng Pháp được khởi xướng bởi tầng lớp sĩ phu và nhà nho yêu nước. Nhân dân yêu nước sống trong vùng do quân đội Pháp kiểm soát, đã bỏ ruộng vườn, cơ nghiệp đi đến những vùng đất còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình ở phía Bắc như Bình Thuận, hoặc về các tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Từ cuối thế kỷ XIX, chính sách khai thác thuộc địa của chính quyền thực dân Pháp tác động, làm cho dân số Nam Kỳ tăng lên nhanh chóng. Nhưng khác với giai đoạn trước, chính sách “tước đoạt” ruộng đất của nông dân và công cuộc “mộ phu” của thực dân Pháp khiến cho dân cư nông thôn Nam Kỳ và các tỉnh Trung Kỳ, Bắc Kỳ dồn về các đồn điền, thành thị ở Nam Kỳ. Chính sách khai thác thuộc địa của chính quyền thực dân cũng thu hút số lượng lớn ngoại kiều đến Nam Kỳ làm ăn, sinh sống.

Phản ánh quá trình trên có các văn bản quản lý dân cư, di cư, nhập cư; các báo cáo, bảng thống kê dân số. Ngoài ra, còn có nhiều tài liệu liên quan đến tình hình dân số ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và các nước Đông Dương, như: bảng tổng hợp tình hình dân số, diện tích ở các tỉnh Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Cao Miên; thống kê người nước ngoài ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ; tình hình Á kiều ở Đông Dương; tình hình người Hoa, người Việt, Mā-lai-xi-a ở Cao Miên; người Hoa ở Thái Lan; nhập cư người Hoa vào Nouvelle Calédonie; trực xuất người Hoa, người Âu, ngoại kiều ra khỏi Trung Kỳ, Đông Dương và Thái Lan; ngoại kiều hồi hương về nước;...

Cùng với quá trình biến động về dân cư, chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp còn tạo ra sự chuyển biến căn bản về lực lượng lao động ở Nam Kỳ và Việt Nam nói chung. Đó là quá trình nông dân bị bần cùng hóa, phân hóa đưa đến sự hình thành giai cấp mới - giai cấp công nhân Việt Nam trong nửa đầu thế XX. Liên quan đến quá trình phân hóa nông dân, hình thành và phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam, có các tài liệu: về chính sách quản lý lao động của chính quyền thuộc địa Pháp; về tuyển mộ công nhân; về lương bổng, đời sống sinh hoạt của công nhân.

Tài liệu về sự du nhập các thành tựu khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật, tư tưởng tiến bộ từ phương Tây tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về văn hóa, tư tưởng ở Nam Kỳ. Trong đó diễn ra sự giao thoa, đan xen và tồn tại đồng thời giữa những yếu tố văn hóa truyền thống và văn hóa phương Tây, văn hóa nô dịch của các nhà tư bản thực dân và cuộc đấu tranh vì văn hóa mới đang nảy sinh trong lòng xã hội thuộc địa.

Phản ánh quá trình chuyển biến về văn hóa, tư tưởng trong lòng xã hội Nam Kỳ có các tài liệu:

- Quá trình thành lập, tổ chức và hoạt động của các đảng phái, các hiệp hội, tôn giáo, tín ngưỡng; báo cáo, tờ trình, biện pháp trấn áp, kiểm soát và theo dõi các đảng phái, hiệp hội, tôn giáo của chính quyền thuộc địa Pháp;

- Về việc quản lý, thành lập và hoạt động của các cơ quan, tổ chức liên quan đến xuất bản, phát hành báo, tạp chí, án phẩm, phim ảnh;

- Về tổ chức, hoạt động của các loại hình văn hóa, nghệ thuật, thể thao giải trí: hoạt động của Nhà hát Thành phố Sài Gòn,

quy định về biểu diễn kịch, nhạc ở các tỉnh Nam Kỳ, các cuộc thi ảnh, nghệ thuật, điêu khắc, triển lãm mỹ nghệ;...

#### *4. Quá trình biến đổi giáo dục và ngôn ngữ:*

Dưới tác động của chính sách thuộc địa Pháp, nền văn hóa phong kiến Việt Nam và các quốc gia Đông Nam Á có sự hội nhập và biến đổi rõ nét, ảnh hưởng ngày càng nhiều các nét văn hóa, văn minh phương Tây.

Nền giáo dục Nho học cũng dần được thay thế bằng hệ thống giáo dục phương Tây với phương pháp dạy và học mới. Lối học khoa cử được thay bằng các môn khoa học - kỹ thuật có tính thực tiễn và ứng dụng. Hệ thống chữ Pháp, chữ Quốc ngữ được đưa vào giảng dạy dần thay thế hệ thống chữ Hán - Nôm và các thổ ngữ ở Nam Kỳ và Việt Nam.

Quá trình chuyển biến về giáo dục và ngôn ngữ được thể hiện qua các văn bản quy định về cải tổ giáo dục, hệ thống trường lớp, chương trình đào tạo; giảng dạy, sử dụng chữ Pháp, chữ Quốc ngữ trong nhà trường và các cơ sở hành chính;...

Đồng thời, sự chuyển biến về ngôn ngữ còn được thể hiện trong sự đa dạng về ngôn ngữ của tài liệu. Trong khôi tài liệu thời Pháp thuộc chưa đựng rất nhiều các văn bản viết bằng chữ Hán - Nôm, chữ Quốc ngữ (tiếng Việt), các phương ngữ, thổ ngữ của cộng đồng các cư dân ở Nam Kỳ và các nước trong khu vực Đông Nam Á. Đặc biệt phải kể đến những bản văn mà cùng một nội dung nhưng được thể hiện bằng nhiều thứ tiếng, như tiếng Pháp - chữ Quốc ngữ (tiếng Việt) - tiếng Chăm/Khmer/S'tiêng, hay tiếng Pháp - chữ Quốc ngữ - tiếng Campuchia/Thái Lan/hoặc một số thổ ngữ của các dân tộc ở Campuchia và Thái Lan. Trong đó, nhiều phương ngữ, thổ ngữ cổ của các dân tộc đến nay đã không còn hoặc mất đi chữ viết, như tiếng S'tiêng, Mạ, Châu

Ro,... Những bản văn được thể hiện bằng nhiều loại ngôn ngữ với niên đại hàng trăm năm vừa thể hiện nét độc đáo của tài liệu, vừa cho thấy giá trị rất quan trọng của tài liệu trong việc nghiên cứu, tìm hiểu, bảo tồn và làm hồi sinh các loại ngôn ngữ cổ đang dần bị mất đi ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

5. *Y tế và cứu tế xã hội*: Cũng như các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, chính quyền thuộc địa Pháp từng bước tổ chức hệ thống y tế mới ở Nam Kỳ theo mô thức của nền y học phương Tây. Quá trình chuyển biến đó được phản ánh qua các tài liệu: về việc ban hành các văn quản lý y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, công tác trợ cấp, cứu tế xã hội của chính quyền thuộc địa; về tổ chức và hoạt động của các cơ quan quản lý y tế, bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, hội - trại, cơ sở cứu trợ, cứu tế công và tư ở Nam Kỳ; tình hình vệ sinh công cộng, dịch bệnh và công tác phòng chống dịch bệnh.

#### 6. *Tài liệu về bộ máy hành chính và vấn đề quản lý xã hội*:

Quá trình thay đổi về tổ chức bộ máy và địa giới hành chính của chính quyền thuộc địa Pháp ở Nam Kỳ được phản ánh đầy đủ trong tài liệu về bộ máy cai trị trung ương và địa phương. Cụ thể là các sắc lệnh, nghị định, báo cáo về việc thành lập, tổ chức bộ máy của Liên bang Đông Dương, Thống đốc Nam Kỳ, và bộ máy chính quyền từ tỉnh - thành cho đến làng - xã; hồ sơ về vấn đề cải tổ hành chính ở Nam Kỳ và Đông Dương; sắc lệnh, nghị định bổ nhiệm, quy định chức năng, quyền hạn của các cấp hành chính; tài liệu về vấn đề quản lý nhân sự, công chức, lao động trong bộ máy hành chính thuộc địa; tài liệu về sự thay đổi địa giới hành chính Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Ngoài ra, khói tài liệu thời Pháp thuộc còn chứa đựng nhiều văn bản về biên giới lãnh thổ và lãnh hải của Việt Nam với các

nước trong khu vực, như các nghị định, quyết định thiết lập chế độ hành chính ở các địa phương biên giới và các hải đảo, như Hoàng Sa - Trường Sa, Côn Đảo, Phú Quốc; tài liệu về việc phân định ranh giới, giải quyết tranh chấp lãnh thổ và thềm lục địa với các nước trong khu vực; án định biên giới giữa Việt Nam và các nước; thỏa thuận khai thác giao thông hàng hải giữa các quốc gia trên biển Đông;...

Về quản lý xã hội: Sự ra đời của các đô thị kiểu phương Tây, chính quyền thuộc địa Pháp cũng tổ chức quản lý chặt chẽ trật tự đô thị. Hoạt động quản lý đô thị của chính quyền thuộc địa Pháp đã sản sinh ra các tài liệu thuộc các lĩnh vực quản lý giao thông, phòng cháy chữa cháy; cấp phép xây dựng, nhà ở; nhân khẩu, hộ tịch;...

Ngoài các lĩnh vực trên, tài liệu thời kỳ Pháp thuộc còn phản ánh quá trình điều hành hoạt động của bộ máy chính quyền thuộc địa, gồm:

- Các văn bản quy phạm pháp luật, công văn trao đổi giữa các cơ quan: tập nghị định, thông tư của Toàn quyền Đông Dương, của Thống đốc Nam Kỳ; tập lưu công văn của Bộ Hải quân và Thuộc địa, Bộ Thuộc địa, Bộ Thương mại, Kỹ nghệ và Thuộc địa, Toàn quyền Đông Dương; tập lưu công văn đi của Thống đốc Nam Kỳ và các phòng ban; tập lưu điện tín của Thủ Thống đốc Nam Kỳ, Thủ Toàn quyền Đông Dương, Tòa Khâm sứ Trung Kỳ, Cao Miên, Lào, Tòa Thống sứ Bắc Kỳ, các tỉnh ở Nam Kỳ; tập công văn, điện tín trao đổi giữa Thủ Thống đốc Nam Kỳ với Thủ Toàn quyền Đông Dương và các nha, sở trực thuộc, với các nha, sở ở Nam Kỳ, các tỉnh, các cơ quan ở Nam Kỳ;...

- Tài liệu liên quan đến vấn đề tài chính, ngân sách: nghị định, thông tư, chỉ thị về tài chánh, ngân sách, ngân khố; tài liệu

về dự trù, thực thi, quyết toán ngân sách Đông Dương, ngân sách Nam Kỳ và ngân sách các tỉnh, thành phố, thị xã ở Nam Kỳ; ngân sách Đông Dương, Quảng Châu Loan, Chính phủ Toàn quyền Đông Phi thuộc Pháp, Bờ biển Ngà, Madagascar, Martinique, Nouvelle Calédonie và Saint-Pierre và Miquelon....; ngân sách công trái; ngân sách các làng ở Nam Kỳ; kế toán và báo cáo quyết toán ngân sách ở các địa phương Nam Kỳ, Đông Dương, Quảng Châu Loan và các vùng thuộc địa khác;...

- Tài liệu về quan hệ thương mại, ngoại giao giữa chính quyền thuộc địa, Chính phủ Pháp và các quốc gia trên thế giới: quan hệ Pháp - Nhật; hoạt động của Lãnh sự quán Nhật, Anh, Bỉ, Đức, Thuỵ Điển, Đan Mạch, Hà Lan, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha,... ở Sài Gòn; hoạt động của các Tòa Lãnh sự Pháp ở Thượng Hải, Hồng Kông, Yokohama, Manille, Thái Lan, Ấn Độ thuộc Hà Lan, Calcutta, Bangkok, Singapore, Philippines; quan hệ thương mại với các nước trung lập; quan hệ thương mại giữa Đông Dương, Trung Hoa, Liên hiệp Nam Phi, giữa Nhật Bản và Thái Lan, giữa Nhật Bản và Đông Dương; quan hệ thương mại giữa Pháp và Hà Lan, với Algérie và Hoa Kỳ;...

Có thể thấy, tài liệu thời kỳ thuộc địa Pháp ở Nam Kỳ bao gồm các bản văn được sản sinh trong quá trình hoạt động của bộ máy chính quyền thuộc địa Pháp ở Nam Kỳ, là những văn bản bản gốc, toàn vẹn phản ánh đầy đủ, toàn diện các lĩnh vực: chính trị, quân sự, an ninh, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, tôn giáo, tín ngưỡng...; sự tiếp xúc, giao thoa giữa hai nền văn hóa, văn minh Đông - Tây đưa đến quá trình tiếp biến văn hóa, biến đổi về mọi mặt đời sống chính trị - kinh tế - xã hội và văn hóa tư tưởng, biến đổi cấu trúc xã hội ở phương Đông mà cụ thể là tại 3 nước Đông Dương (Việt Nam - Lào - Campuchia). Đồng thời,

tài liệu thời kỳ thuộc địa Pháp còn chứa đựng nhiều bản văn liên quan đến lịch sử, văn hóa - xã hội, kinh tế - chính trị của các quốc gia trong khu vực Đông Dương, các thuộc địa khác của Pháp ở Á, Phi và Mỹ La-tinh. Vì vậy, đây là nguồn sử liệu quan trọng, có giá trị về nhiều mặt đối với công tác nghiên cứu lịch sử và hoạch định chính sách phát triển văn hóa, xã hội - kinh tế - an ninh chính trị ở Nam Kỳ, Việt Nam và các quốc gia trên thế giới.

### III. TÀI LIỆU LƯU TRỮ THỜI KỲ PHÁP XÂM LƯỢC VIỆT NAM LẦN THỨ HAI (1945-1954)

Tháng 8-1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt Nam thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng lật đổ ách cai trị của thực dân - phát xít, giành độc lập về cho dân tộc. Tuy nhiên, chưa chấp nhận thất bại, ngày 23-9-1945, quân đội Pháp được sự giúp sức của quân Đồng minh Anh, nổ súng vào trụ sở Ủy ban Hành chánh lâm thời Nam Bộ, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

Cùng với tiến trình xâm lược, thực dân Pháp từng bước khôi phục lại chế độ cai trị thuộc địa ở Nam Kỳ và trên toàn cõi Việt Nam. Ở Nam Kỳ, tháng 2 năm 1946, Ủy viên Cộng hòa Pháp cho thành lập Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ, âm mưu tách Nam Kỳ thành khu vực tự trị. Sau đó, Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ tuyên bố cho ra đời cái gọi Cộng hòa tự trị Nam Kỳ do Bác sĩ Nguyễn Văn Thinh làm Thủ tướng Chính phủ. Ngày 20-5-1946, thực dân Pháp ký Thỏa ước công nhận Cộng hòa tự trị Nam Kỳ nằm trong Liên bang Đông Dương.

Đến năm 1949, liên tiếp bị thua trên chiến trường và dưới sức ép của Mỹ, thực dân Pháp buộc phải ký Hiệp ước Élysée (8-3-1949), trao quyền tự trị cho cái gọi là Quốc gia Việt Nam thuộc khôi Liên hiệp Pháp, do cựu hoàng Bảo Đại làm Quốc trưởng.

Về tổ chức bộ máy, cơ quan trung ương của chính quyền Quốc gia Việt Nam gồm Quốc trưởng, Chính phủ và Hội đồng Tư vấn Quốc gia. Trong đó, nội các chính phủ do một Thủ tướng đứng đầu, phụ tá là các tổng trưởng và bộ trưởng. Toàn bộ thành viên nội các chính phủ đều do Quốc trưởng bổ nhiệm bằng sắc lệnh và chịu trách nhiệm trước Quốc trưởng.

Về hành chính, Bảo Đại chia quốc gia Việt Nam làm ba phần: Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt, thêm một vùng gọi là Hoàng triều Cương thổ. Đại diện chính phủ ở các phần là Thủ hiến. Bên dưới có các cấp hành chính địa phương, từ tỉnh - quận - tổng - làng, xã.

Chính quyền Quốc gia Việt Nam tồn tại cho đến năm 1955, khi Ngô Đình Diệm tiến hành cuộc trưng cầu dân ý truất phế Bảo Đại để thành lập chính thể Việt Nam cộng hòa.

Quá trình hoạt động của các định chế thuộc Pháp ở Việt Nam giai đoạn 1945-1954 để lại hàng trăm mét giá tài liệu. Trong đó, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II đang quản lý hai phông: Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam (1948-1955) và Phủ Thủ hiến Nam Việt (1945-1954). Tài liệu thuộc các phông trên là những văn bản gốc của các cơ quan chính quyền Cộng hòa tự trị Nam Kỳ và chính quyền Quốc gia Việt Nam, với các ngôn ngữ thể hiện chủ yếu là tiếng Pháp, tiếng Việt và được ghi tin trên chất liệu giấy.

*Phông Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam:* Chứa đựng các tài liệu liên quan đến tổ chức, hoạt động của bộ máy chính quyền và các mặt đời sống kinh tế - xã hội Nam Kỳ và Việt Nam nói chung. Cụ thể:

- Tài liệu về tổ chức, hoạt động của bộ máy chính quyền:
  - + Kế hoạch, chương trình, báo cáo hoạt động của chính

phủ, Thủ hiến các phần;

+ ) Hồ sơ về tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự của chính phủ, các bộ, nha, sở,...

+ ) Tập lưu Dụ, Sắc lệnh, Nghị định, công văn, công điện của Quốc trưởng Bảo Đại, Thủ tướng, Thủ hiến,...

- Tài liệu về vấn đề an ninh chính trị, quốc phòng:

+ ) Các hồ sơ liên quan đến vấn đề quân sự, như đào tạo, huấn luyện, kế hoạch đồn trú và hoạt động của quân đội Quốc gia Việt Nam; biên bản họp của Ủy ban bình định Pháp - Việt;...

+ ) Báo cáo của các cơ quan tình báo, an ninh, cảnh sát về trật tự trị an, về hoạt động của Việt Minh, hoạt động của các đảng phái chính trị;...

- Tài liệu về kinh tế - xã hội:

+ ) Tài liệu về tài chính, ngân sách quốc gia, các bộ ngành và địa phương;

+ ) Hồ sơ về các hoạt động kinh tế nông - lâm nghiệp, công kỹ nghệ và thương mại;

+ ) Hồ sơ về hoạt động giáo dục, kiểm duyệt báo chí, tổ chức các ngành lễ tết, về hoạt động văn hóa - nghệ thuật;...

- Tài liệu về ngoại giao gồm hồ sơ các phái đoàn viếng thăm Việt Nam, các hội nghị quốc tế, công du của Thủ tướng, bộ trưởng, đô - tỉnh trưởng;...

### *Phóng Phủ Thủ hiến Nam Việt:*

Ngày 1-7-1949, Bảo Đại - Quốc trưởng Quốc gia Việt Nam ban hành Dụ số 1 và Dụ số 2 về quy chế các cơ quan công quyền

của Quốc gia Việt Nam, chia Việt Nam thành 3 phần (Bắc Việt, Trung Việt, Nam Việt) có tư cách pháp nhân và ngân sách địa phương. Mỗi phần đặt dưới sự cai quản của một Thủ hiến do Quốc trưởng bổ nhiệm. Thủ hiến có toàn quyền thực thi hành pháp và chuẩn chi ngân sách địa phương trong địa hạt quản lý.

Ở Nam Việt, ngày 3-7-1949, Bảo Đại ký Sắc lệnh số 4 bổ nhiệm Thủ hiến đầu tiên, cùng với bộ máy phụ tá hình thành cơ quan Thủ hiến Nam Việt. Đến năm 1954, sau khi Ngô Đình Diệm về nước làm Thủ tướng Quốc gia Việt Nam, ngày 4-8-1954, Bảo Đại ký Đạo dụ số 21 bãi bỏ chức danh Thủ hiến, chấm dứt hoạt động của Thủ hiến Nam Việt.

Quá trình hoạt động của Thủ hiến Nam Việt tạo ra hơn 170 mét giá tài liệu, bao gồm các văn bản pháp quy, tài liệu về tổ chức bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương, hồ sơ, báo cáo về các hoạt động kinh tế - văn hóa, xã hội - an ninh quốc phòng. Cụ thể gồm:

- Các nghị định, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng, Tổng trấn, Thủ hiến Nam Việt;
- Tài liệu về tổ chức và hoạt động của chính quyền ở Nam Kỳ, từ cấp phần đến địa phương, như: tổ chức bộ máy, thành lập và hoạt động của Hội đồng Nam Kỳ, Hội đồng hàng tỉnh, các nha, sở,...; báo cáo, phúc trình, biên bản họp hàng năm, hàng tháng của Hội đồng Nam Kỳ, các tỉnh, các quận ở Nam Việt;
- Tài liệu liên quan đến các vấn đề an ninh, chính trị: Báo cáo, phúc trình về an ninh, quân sự của các tỉnh Nam Việt; báo cáo của Nha Công an Nam Việt, Cảnh sát Đô thành Sài Gòn; hồ sơ thanh tra chính trị, hành chính các tỉnh; báo cáo về hoạt động của lực lượng cách mạng; các hiệp ước ký kết giữa Pháp và Quốc

gia Việt Nam;...

- Tài liệu về các vấn đề văn hóa, giáo dục, xã hội ở Nam Việt: Tài liệu liên quan đến các vấn đề giáo dục và các hoạt động văn hóa, xã hội khác; hồ sơ xây dựng, duy tu các công trình kiến trúc; đổi tên và quy hoạch giao thông;...

\*

\* \*

Nhìn chung, khối tài liệu hình thành trước năm 1954 do Trung tâm Lưu trữ quốc gia II quản lý được hình thành từ nhiều chế độ khác nhau. Khối tài liệu trên còn liên quan chặt chẽ với nhiều phông, sưu tập tài liệu lưu trữ khác, như:

- Phông Tòa Đại biểu chính phủ Nam phần (1954-1959).
- Phông Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện (1949-1975).
- Phông Tổng ủy Công vụ (1933-1975).
- Phông Bộ Công chánh và Giao thông (1948-1966).
- Phông Nha Viễn thông Việt Nam (1952-1975).
- Phông Bộ Canh nông (1952-1974).
- Phông Nha Thủy lâm (1951-1975).
- Phông Bộ Xã hội và Khai hoang lập áp (1949-1975).
- Phông Nha Ngoại thương (1949-1975).
- Phông Nha Công kỹ nghệ (1951-1975).
- Phông Bộ Tài chính (1949-1975).
- Phông Ngân hàng Quốc gia Việt Nam (1948-1975).
- Sưu tập bản đồ thời kỳ Pháp thuộc và Mỹ ngụy (1852-1975).

- Sưu tập tài liệu ảnh (1939-1975).
- Sưu tập tài liệu phim (1939-1975).
- Sưu tập tài liệu microfilm (1833-1897).
- Sưu tập Công báo.
- Sưu tập sách bô trợ.

Qua đó cho thấy, tài liệu hình thành trước năm 1954 do Trung tâm Lưu trữ quốc gia II quản lý bao gồm nhiều loại hình, như tài liệu hành chính, tài liệu khoa học kỹ thuật,... và được ghi trên nhiều chất liệu khác nhau, như giấy, giấy dó, băng từ, microfilm,... Tài liệu có thời gian từ nửa cuối thế kỷ XIX đến năm 1955, phản ánh toàn diện đời sống kinh tế, chính trị, xã hội ở nông thôn Nam Bộ; quá trình xâm chiếm thuộc địa của Pháp và công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Nam Bộ và nhân dân Việt Nam nói chung.

Trong những năm gần đây, khi nghiên cứu về lịch sử cận đại ở Việt Nam và các quốc gia trong khu vực, khôi tài liệu hình thành trước năm 1954 do Trung tâm Lưu trữ quốc gia II quản lý được coi là nguồn sử liệu có giá trị, quan trọng, chính yếu để các nhà khoa học trong và ngoài nước biên soạn các ấn phẩm, thực hiện các công trình khoa học về lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục trong tiến trình lịch sử Việt Nam và khu vực Đông Nam Á và lịch sử quá trình thực dân hóa và phi thực dân hóa trên thế giới.

## **Phần Hai**

### **TUYỂN TẬP ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỘC GIẢ**

#### **I. LỊCH SỬ QUÁ TRÌNH XÂM CHIẾM THUỘC ĐỊA VÀ CÔNG CUỘC GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở VIỆT NAM**

##### **1. Quá trình xâm lược, cai trị thuộc địa ở Việt Nam**

- *Adrien Blazy*

*Tổ chức tư pháp tại Đông Dương (1858-1945)*

Tác giả đề tài khai thác tài liệu là một số nghị định của Thống đốc Nam Kỳ về nhân sự phục vụ trong ngành tư pháp và hoạt động của ngành tư pháp.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IB.30-293, IB.35-211, IB.37-127, IIB.56-113.

- *Anderson Melisa Louise*

*Cơ quan mật thám Pháp ở Đông Dương giai đoạn 1917-1945*

Đề tài khai thác tài liệu là các báo cáo của các Sở Cảnh sát Nam Kỳ trong các cuộc thanh tra về chính sách quản lý hành chính khu Nam Kỳ; công tác tuyển chọn hạ sĩ quan bậc 2 của Sở Cảnh sát tháng 4-1931; các tài liệu liên quan đến kỳ thi tuyển thanh tra, tập sự phiên dịch của Sở Cảnh sát các năm 1928-1933.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.5-196, IA.9-212, IA.10-303.

- **Cù Thị Dung**

- Tổ chức chính quyền Pháp*

Tài liệu được khai thác là các tập lưu nghị định, quyết định, thông tư của Thống đốc Nam Kỳ, báo cáo của các Chủ tịn ở Nam Kỳ gửi Thống đốc Nam Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến tổ chức chính quyền Trung ương và địa phương của thực dân Pháp ở Nam Kỳ như: Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Liên bang Đông Dương, Hội đồng Tư mật Nam Kỳ, Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ, Hội đồng hàng tỉnh ở Nam Kỳ.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: 3507, 3510, 3514, 3523.

- **Lê Văn Cẩn**

- Chính quyền Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh 300 năm (1698-1998)*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác là các sắc lệnh của Toàn quyền Đông Dương, nghị định của Thống đốc Nam Kỳ và các bản báo cáo của Hội đồng thành phố Sài Gòn... Nội dung tài liệu liên quan đến Sài Gòn - Gia Định thời kỳ Pháp thuộc từ 1859-1945 như: thực dân Pháp xâm chiếm Sài Gòn và Nam Kỳ; địa danh, địa giới, dân số Sài Gòn, vị trí Sài Gòn trong hệ thống hành chính thuộc địa.

- Sưu tập Công báo: J.311, J.350, J.806, J.1490, J.1044, J.1102, T.1104.

- **Eckert Henrt - Michel Joseph**

- Quân lính Việt Nam trong Quân đội Thực dân Pháp (1858-1939)*

Tài liệu được khai thác tập trung chủ yếu vào các nghị định của Thống đốc Nam Kỳ có nội dung liên quan đến việc tuyển mộ

lính An Nam; các tài liệu về việc kỷ luật, khiếu trách quan chức sai phạm trong tuyển mộ lính; các chính sách đối với lính bản xứ; chương trình học, xuất ngũ của các trường học quân sự cho lính bản xứ.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.5-211, IA.5-272, IA.5-275, IA.5-285, IA.6-155, IA.8-023, IA.8-165.

- **Nguyễn Thị Lê Hà**

*Cải lương hương chính thời Pháp thuộc*

Tác giả đề tài khai thác tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn của Thông đốc Nam Kỳ về hương chính ở các tỉnh và việc tổ chức lại làng xã ở Việt Nam trong năm 1944; báo cáo của Chủ tỉnh các tỉnh Nam Kỳ về cải cách hương thôn trong những năm 1937, 1941, 1944.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: E.2-27, E.7-24, E.7-25, E.7-83, E.7-88.

- **Phan Văn Hoàng - Daun Pierre**

*Lính thợ Việt Nam tại Pháp trong chiến tranh thế giới thứ II*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Việc tuyển dụng lính thợ năm 1940; tình hình trại lính thợ ở Bạc Liêu; các hoạt động biểu tình chống mua bán lính tại Nam Kỳ.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-192(8), IIA.45-196(3), IIA.45-204(2), IIA.45-243(7), IIA.45-256(2), IIA.45-262(5), IIA.45-284(21).

- **Phạm Thị Huệ**

*Tài liệu về chính quyền Pháp*

Tài liệu được khai thác là các báo cáo chính trị, báo cáo

“mật” của Mật thám Pháp về hoạt động của lãnh đạo Việt Minh tại Nam Kỳ; báo cáo về hoạt động của Hội đồng Đông Dương và các hoạt động giám sát tại Nam Kỳ.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-196, IIA.45-232, IIA.45-273, IIA.45-325, IIA.50-516, IIA.50-521.

- ***Keith Charles***

*Mối quan hệ giữa nhà thờ Thiên Chúa giáo và chính quyền thuộc địa và ảnh hưởng của các phong trào tôn giáo ở Việt Nam trước mối quan hệ này (1870-1954)*

Tài liệu được tác giả đề tài sử dụng thuộc Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ, bao gồm các báo cáo của Hội đồng Thuộc địa, phúc trình của Hội Truyền giáo Nam Kỳ, Hội Thiên chúa Thị Nghè, Hội thánh Saint Francois d'Asie, Hội bảo trợ Nam Kỳ, Hội tôn giáo người Mọi, Viện Phật học... Nội dung tài liệu liên quan đến hoạt động của các hội tôn giáo ở Nam Kỳ và hoạt động tổ chức giáo hội tại các tỉnh...

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.7-281, IIA.45-172, IIA.45-173, IIA.45-182, IIA.45-202, IIA.45-225, IIA.45-226, IIA.45-232, IIA.45-252, IIA.45-261, IIA.45-266, IIA.45-522, IB23-096.

- ***Kyoichi Tachikawa***

*Lịch sử quân đội Nhật Bản*

Đề tài khai thác tài liệu là những công văn trao đổi giữa Nhật và Pháp tại Nam Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến sự cộng tác Pháp - Nhật tại Nam Kỳ như: thủy quân và lục quân Nhật thu dụng thợ người Việt; Nhật xin Pháp cứu trợ lúc bị oanh tạc năm 1944; Chính quyền Pháp cung cấp hơi điện cho Đài VT của quân Nhật; Nhật xin xây cấp hầm núp cho người Nhật ở lại khách sạn...

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-176(2), IIA.45-192(7), IIA.45-204/(2), IIA.45-234(4), IIA.45-252(11), IIA.45-254(4), IIA.45-255(1), IIA.45-256(8), IIA.45-264(7), IIA.45-281(10), IIA.45-282(8), IIA.45-285(7), IIA.45-311(8), IIA.45-321(9).

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: Q0-9, Q29-15, Q68-48, Q68-57, Q68-184, Q68-185, Q68-186, Q68-187, Q68-188.

• ***Kabel Alexandre***

*Các hội truyền giáo Pháp và chính trị ở Trung Kỳ (1897-1940)*

Độc giả khai thác các tài liệu liên quan đến các nội dung như: bất động sản của các tổ chức tôn giáo; chính sách thuế thu nhập đối với các tổ chức tôn giáo; hoạt động của trường nữ tu Sainte năm 1928; đạo Công giáo và các đạo khác 1871-1890; quản lý đèn Hồi giáo ở Sài Gòn năm 1933; Hội Truyền giáo nước ngoài tại Cần Thơ năm 1903-1909 và tài sản của Hội Truyền giáo nước ngoài....

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 795, 1798, 1924, 2995, 3248, 3508, IA.5-297(1), IA.6-176(4), IA.13-234(2), IIA.45-225(2), IIB.55-022(4).

• ***Melissa Anderson***

*Hệ thống bảo an thuộc địa và sự quản lí của Pháp ở Đông Dương (1885-1963)*

Tài liệu được sử dụng là các sắc lệnh, công văn của Thông đốc Nam Kỳ, Thủ hiến Nam Việt, các báo cáo của Sở Cảnh sát Nam Kỳ có đề cập đến tổ chức và hoạt động cảnh sát, công an tại Đông Dương.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IB.24-047, IB.24-221, IB.25-135(1), IB.56-222, ID.5-561.
- Phòng Thủ hiến Nam Việt: D2-44, D5-258, D5-281, D5-282, D5-283, D5-297, D9-737.

- **Namba Chizuru**

*Sự trở lại của Pháp ở Đông Dương sau thế chiến thứ II (1945-1948)*

Đề tài khai thác một số tài liệu có nội dung đề cập đến việc kiểm soát Đài Phát thanh Sài Gòn bao gồm việc kiểm soát các địa chỉ thư từ, các bản sao thư của kiểm soát viên, các buổi phát thanh của Đài Phát thanh Sài Gòn từ 1/6 -7/12/1942.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IB.57-3413(2).

- **Trần Thị Bích Ngọc**

*Sự hiện diện của người Nhật tại Nam Kỳ (1940-1975)*

Đề tài khai thác tài liệu của Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Nhật Bản gửi cho Bộ trưởng Ngoại giao như: Thư của Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Nhật Bản gửi cho Bộ trưởng Ngoại giao về Hiệp ước An ninh Nhật - Mỹ; các công văn của Đại sứ Việt Nam tại Nhật về Thỏa hiệp Bồi thường Việt - Nhật; các tài liệu về vấn đề giao dịch kinh tế và thương mại giữa Việt Nam và Nhật Bản.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-34, IIA.45-256, IIA.45-264, IIA.45-314, IIA.45-321.
- Toà Đại biểu Chính phủ Nam phần: A23-218, A23-219, A33-18, A33-22, D99-859, F1-42, F6-2, L01-22, L4-82, L4-130, L44-307, L52-112, L52-107, L55-263, L59-51, O2-25, O6-1, O6-27, O6-49, O6-50, O6-102, O7-12, O7-15, O7-18, O7-79, S04-3, T02-326, T4-822, T09-22, T12-237.

- **Bùi Văn Toản - Phạm Huy Tưởng - Phạm Văn Hựu**

### *Nhà tù Côn Đảo và các nhà tù miền Nam*

Đề tài khai thác tài liệu là các các nghị định của Thống đốc Nam Kỳ về quy chế nhà tù Côn Đảo; các báo cáo của các Chánh Tham biện Nam Kỳ gửi Thống đốc Nam Kỳ về những vấn đề như: kiến nghị của tù nhân Khám lớn; yêu sách của tù chính trị Khám lớn ngày 11-8-1936; báo cáo tử của các tù nhân bị đày ở Nhà lao Guyane từ năm 1921 đến năm 1924; số lượng tù nhân Côn Đảo gốc các tỉnh; các văn bản liên quan đến Nguyễn Hữu Cương; tổ chức lại Nhà lao Côn Đảo; chế độ tù nhân tại Côn Đảo; chuyển tù chính trị đi Côn Đảo; mưu đồ ám sát và bồ trốn của tù nhân; tù chính trị tuyệt thực...

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.1-0515, IA.2-041, IA.2-081, IA.2-101, IA.19-145, IA.45-272.

- **Nguyễn Lan Thy Kathy**

### *Chế độ thực dân ở Việt Nam thời kỳ 1900-1954*

Đề tài khai thác tài liệu là các bản đồ tin tức của quận Bình Thạnh, quận Tân Linh, quận Bình Tuy; các báo cáo của Tòa Khâm sứ Trung Kỳ về chính sách đàn áp phong trào cách mạng của chính quyền Thực dân những năm đầu thế kỷ XX.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.5-196, IA.5-243, IA.5-261, IA.5-267, IA.5-275, SL.62, SL.64, SL.65, SL.4565, SL.4698, SL.4704.

- Phòng Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-110, RSA/HC-283, RSA/HC-364, RSA/HC-486, RSA/HC-576, RSA/HC-586, RSA/HC-608, RSA/HC-652, RSA/HC-1027, RSA/HC-2520.

## **2. Lịch sử Việt Nam cận đại và công cuộc giải phóng dân tộc**

### **• Trần Thị Ánh**

*Trí thức Nam Kỳ trong cuộc vận động giải phóng dân tộc (1884-1930)*

Tài liệu được khai thác là các báo cáo thuộc Sở An ninh Nam Kỳ liên quan đến các vấn đề như: danh sách các cá nhân bị cầm tù trong các sự kiện đấu tranh vào năm 1930-1931; hoạt động của Hiệp hội Sinh viên An Nam ở Pháp năm 1927-1929; tài liệu về Nguyễn An Ninh, Phan Chu Trinh, Trần Huy Liệu; tài liệu về các cuộc biểu tình phản đối chiến tranh tại Nam Kỳ.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-173(13,17), IIA.45-204(1), IIA.45-205(7), IIA.45-211(6,8,9).

### **• Cù Thị Dung**

*Truyền đơn chống thực dân Pháp để quốc và tay sai (1930-1975)*

Tác giả đề tài khai thác tài liệu là các báo cáo chính trị của chính quyền thực dân Pháp từ năm 1930-1940; báo cáo của Cảnh sát Nam Kỳ về hoạt động tuyên truyền và rải truyền đơn của Cộng sản ở các tỉnh Nam Kỳ trong giai đoạn 1930-1940; báo cáo chính trị các địa phương Mỹ Tho, An Hoa, Bến Thành, Cai Lậy... về các cuộc biểu tình ở Chợ Lớn, Cần Giuộc; hoạt động của Đảng Dân chủ Đông Dương; hoạt động kiểm soát ở Nam Kỳ; các báo cáo về hoạt động của Hội Cựu Nhân viên trường Gò Vấp, Hội Sinh viên trường Mỹ Tho, Hội Ái hữu Giáo chức, Hội Ái hữu Cảnh sát Đô thành và Liên hiệp các Nhà Trí thức. Bên cạnh đó, tác giả đề tài còn khai thác tài liệu về nhà chính trị cách mạng Nguyễn Thị Minh Khai.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.41-095(8), IA.41-

124(3), IA.41-133(1), IA.41-167, IIA.45-192(1), IIA.45-195(3), IIA.45-196(1), IIA.45-196(2), IIA.45-204(2), IIA.45-205(1), IIA.45-211(9), IIA.45-211(10), IIA.45-211(11), IIA.45-252(11), IIA.45-253(3), IIA.45-254(4), IIA.45-256(3), IIA.45-261(1), IIA.50-522.

- **Nguyễn Khoa Điềm**

*Phong trào cách mạng chống Pháp (1919-1929)*

Độc giả khai thác một số loại tài liệu như: Tạp chí Nam Phong năm 1919, tạp chí Nam Kỳ năm 1920; các báo cáo của các Chủ tinh gửi Thống đốc Nam Kỳ về hoạt động của một số nhà chính trị trong năm 1930.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-181, IIA.45-182, IIA.45-201, IIA.45-221.

- **Fabrice Virgili**

*Các vụ xét xử tội ác chiến tranh của Nhật Bản do Tòa án Quân sự Pháp xử (1946-1951)*

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Khám lén Sài Gòn năm 1947, việc di chuyển phạm nhân năm 1950, việc ân xá tội phạm quân sự, tội nhân tử hình trong đày lao Sài Gòn năm 1947 và việc phóng thích chính trị phạm năm 1949.

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: G8-74, G9-82, G82-64, G83-63, G87-9.

- **Trần Giang**

*Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1936-1975)*

Đề tài sử dụng các tài liệu có nội dung đề cập đến các vấn đề như: hoạt động của Đông Dương Đại hội tại các địa phương Nam Kỳ; hệ thống tổ chức Xứ uỷ Nam Bộ.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-171, IIA.45-181, IIA.45-225, IIA.45-236, IIA.45-253, IIA.45-273, IIA.45-293, IIA.45-302, IIA.45-323, IIA.45-325.

- **Trần Giang**

### *Lịch sử Nam Kỳ Khởi nghĩa*

Tài liệu được độc giả khai thác là các báo cáo tổng hợp về khởi nghĩa Nam Kỳ; báo cáo về tình hình an ninh, chính trị của các tỉnh, thành phố, phủ, huyện ở Nam Kỳ trong năm 1940 như: Sài Gòn, Gia Định, Biên Hòa, Cà Mau, Mỹ Tho, Gò Vấp, Vĩnh Long, Mỹ An, Tân An, Nhơn Ninh, Cai Lậy, Thủ Thừa, Long Xuyên... Ngoài ra, độc giả còn khai thác một số tờ báo như: báo Lao động, báo Tiền lén và một số truyền đơn của thợ thuyền, truyền đơn của công - nông - binh, truyền đơn dân cày.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA45-191, IIA.45-204, IIA.45-205, IIA.45-211, IIA.45-222, IIA.45-223, IIA.45-241, IIA45-243, IIA.45-245, IIA.45-256, IIA.45-261, IIA45-274, IIA.45-275, IIA.45-283, IIA.45-303, IIA.45-306, IIA.45-313, IIA.45-326.

- **Trần Giang**

### *Phong trào cách mạng Nam Kỳ liên quan đến Ngô Gia Tự*

Đề tài khai thác tài liệu là công văn của Thống đốc Nam Kỳ, báo cáo của Hội đồng thành phố Sài Gòn, Nha Cảnh sát và một số công điện ngày 20-4-1935, ngày 21-4-1935, ngày 22-4-1935. Nội dung tài liệu bàn về biện pháp trấn áp phong trào cách mạng ở Nam Kỳ trong năm 1935.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA45-231(1).

- **Trương Võ Anh Giang**

*Sài Gòn - Nam Bộ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1945-1975)*

Các tài liệu được khai thác là các tài liệu về các tổ chức cách mạng chống Pháp, các hoạt động của các tổ chức đó, tài liệu về tình hình an ninh, chính trị, của các tỉnh Nam Bộ....

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: D5-446, D5-450, D7-123, D7-570, D8-33.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: B7-21, D5-284, D5-300, D30-616.

- Phòng Thủ tướng Quốc gia Việt Nam: 3353, 3365, 3372, 3383.

- **Mai Thị Giang**

*Hoạt động chống Pháp*

Độc giả khai thác thông tin từ một số tờ báo như: Tạp chí Cộng sản năm 1935; báo Dân chúng năm 1939; báo Lao động năm 1934, 1935; báo La Lutte. Nội dung các bài báo viết về hoạt động truyền đơn chống Pháp ở Nam Kỳ và phong trào đấu tranh của nhân dân Nam Kỳ chống Pháp.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-176(2), IIA.45-231(4), IIA.45-231(5), IIA.45-273(2), IIA.45-291(2), IIA.45-292(2), IIA.45-315(3).

- **Mai Thị Giang - Phạm Đức Thành**

*Cách mạng tháng Tám ở Nam Bộ*

Để tài khai thác tài liệu là các báo cáo của Thông đốc Nam Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương; tập thông tư mật của Thông

đốc Nam Kỳ và Toàn quyền Đông Dương 1941-1945; các báo cáo, công văn “mật” của Cảnh sát Nam Kỳ; tập lưu công văn của Thủ hiến Nam Việt và Cao ủy Pháp năm 1945... Nội dung tài liệu đề cập đến các khía cạnh như: Về việc lập Ủy ban Liên lạc tại các tỉnh và Sài Gòn năm 1946; về việc quân đội Pháp tái chiếm Nam Việt năm 1945-1946; về hoạt động của cảnh sát ở Mỹ Tho; hoạt động và âm mưu chống Pháp ở Nam Kỳ; về việc bắt giữ Hà Huy Tập năm 1938; phong trào thanh niên 1943; hoạt động rải truyền đơn năm 1935; những thiệt hại do truy quét lực lượng cách mạng ở các tỉnh (1940-1941); Dương Bách Mai tổ chức cuộc họp vào ngày 28-11-1937 ở rạp chiếu bóng Thanh Xương - Sài Gòn...

- Phòng Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-191(9), IIA.45-204(2), IIA.45-205(5), IIA.45-212(1), IIA.45-222(2a), IIA.45-222(2b), IIA.45-22(2c), IIA.45-223(7), IIA.45-231(5), IIA.45-234(4), IIA.45-241(9), IIA.45-243(1), IIA.45-243(2), IIA.45-256(1), IIA.45-263(6), IIA.45-274(11), IIA.45-275(9), IIA.45-283(6), IIA.45-303(4), IIA.45-306(4), IIA.45-326(1).

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: A7-63, B01-27, B01-28, B23-166, D01-61, D01-70, D01-166, D3-36, E01-6, Q1-24.

- Sưu tập sách bổ trợ: VN.82, VN.3569, Vv.4026.

• *Bùi Thị Thu Hà*

*Phong trào phi vô sản 1932-1945*

Đề tài sử dụng tài liệu là bản báo cáo về hoạt động của Việt Nam Phục quốc Đồng minh Hội; báo cáo hoạt động của Cao Đài giáo. Bên cạnh đó, tác giả đề tài còn sử dụng các tài liệu của chính quyền thực dân Pháp về chính sách chống phong trào Cao Đài năm 1940-1941.

- Phòng Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-196, IIA.45-231(2,4,7), IIA.45-232, IIA.45-273, II.45-304, IIA.45-315, IIA.45-325, IIA.50-521, IIA.50-516.

- **Nguyễn Thị Hạnh**

*Phong trào công khai ở Sài Gòn 1945-1954*

Đề tài khai thác tài liệu là các tập công văn, văn thư “mật” của Bộ Nội vụ, các tài liệu của các cơ quan thuộc nhà nước thuộc địa và Quốc gia Việt Nam có nội dung nói về: Hiệp ước 3-6-1946 lập Chính phủ Nam Kỳ; chiến dịch chống Hội đồng Nam Kỳ. Ngoài ra, tác giả đề tài còn tìm đọc một số tờ báo như: báo Tiếng Dội năm 1948, báo Sài Gòn mới năm 1950, báo Dân quyền năm 1949 nói về phong trào đấu tranh chống Pháp công khai của nhân dân Nam Kỳ.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: B04-15, B04-16, B04-21, B04-22, B04-27, B04-28, D635-242, D635-243, F2-16, F7-50, F7-54, F7-56, F7-58, F7-71, F7-37.

- **Trương Thị Bích Hạnh**

*Các đảng phái chính trị ở Việt Nam thời cận đại (từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945)*

Độc giả khai thác các tài liệu là các báo cáo liên quan đến chiến dịch chống Đảng Cộng sản và bắt giữ các thành viên lãnh đạo Đảng Cộng sản của chính quyền thực dân Pháp; tài liệu về hoạt động cách mạng ở Đông Dương năm 1942; tình trạng chính trị phạm trong Đệ nhất Lục cá nguyệt năm 1942 và Đệ Nhị lục cá nguyệt năm 1943; các bản báo cáo về hoạt động của Bùi Văn Thủ, Nguyễn Vàng Lư, Trần Văn Giàu và nhóm Tạ Thu Thảo.

- Phòng Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-231(1), IIA.45-231(2).

- **Lê Thị Thu Hằng**

*Hội kín (Thiên địa Hội) ở Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*

Tài liệu được tác giả đề tài sử dụng là báo cáo của các Chủ tịch về một số Hội kín ở Nam Kỳ như: Hội kín Đao Lanh, Minh Sư, Nghi - Heng, Hội kín Thanh niên Vĩnh Long và tổ chức Thiên địa Hội ở các tỉnh miền Tây.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-295(1), IIA.45-313(1,2,3,4), IA.1-0515(5), IA.1-0515(10), IA.1-0518(5).

- **Phạm Thị Huệ**

*Phong trào dân tộc dân chủ tại Nam Kỳ (1930-1945)*

Độc giả khai thác tài liệu là các nghị định, quyết định của Thống đốc Nam Kỳ; các công văn, báo cáo, của các Chánh Tham biện các tỉnh Nam Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình chuẩn bị Đông Dương Đại hội tại tỉnh Cần Thơ; truyền đơn tuyên truyền cổ động cho nhóm La Lutte và cho Đông Dương Đại hội năm 1936; các phong trào đình công của công nhân Nam Kỳ năm 1939; phong trào đình công và tranh chấp lao động năm 1939; các hoạt động lật đổ ở Nam Kỳ nhân kỷ niệm lần 9 Đảng Cộng sản Đông Dương; bản yêu sách của Trần Văn Giàu và đấu tranh tuyệt thực của tù chính trị.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-196(1), IIA.45-222(2d), IIA.45-176(2), IIA.45-325, IIA.45-273(2), IIA.45-321(8), IIA.45-263(3),(6), IIA.45-315(3), IIA.45-243 (3), IIA.45-272(10), IIA.45-265(4), IIA.45-303, IIA.45-521.

- **Phạm Thị Huệ - Nguyễn Xuân Hùng**

*Truyền đơn chống thực dân đế quốc và tay sai giai đoạn 1930-1975*

Độc giả khai thác tài liệu là các báo cáo của chính quyền thực dân Pháp về hoạt động của Cộng sản, Đông Dương Cộng sản Đảng; báo cáo chính trị hàng tháng, hàng quý của các tỉnh Nam Kỳ về hoạt động rải truyền đơn của cách mạng; về hoạt động của “Việt Nam Phục quốc Đồng minh Hội”; báo cáo của các tỉnh về hoạt động của các nhóm Cộng sản và nhóm “Dân tộc”, nhóm “Đấu tranh”; hồ sơ về các vụ rải truyền đơn ở các tỉnh; hồ sơ về việc cải tổ các trường học An Nam ở Nam Kỳ; tài liệu về Xô Viết Nghệ Tĩnh tại các tỉnh miền Trung năm 1930-1931; phong trào chống thuế của các tỉnh miền Trung: Huế, Quảng Trị; hoạt động của Việt Minh ở Nam Kỳ năm 1930 -1944.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.45-171(1), IA.45-171(3), IA.45-173(7), IA.45-173(12) IA.45-173(15), IIA.45-175, IIA.45-195, II.45-196, II.45-243, IIA.45-245, IIA.45-256, IIA.45-292, II.45-315, IIA.45-323, IIA.45-325, IIA.50-514, IIA.50-521.

- Phòng Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-4125, RSA/HC-3043, RSA/HC-3284, RSA/HC-3542.

- **Jacop R. Ramsay**

*Lịch sử Nam Kỳ (1858-1880)*

Tài liệu là các bản công văn trao đổi giữa Khâm sứ Trung Kỳ và Thủ Thông đốc Nam Kỳ, các báo cáo thanh tra của các tỉnh, báo cáo của Hội đồng Tư vấn, Hội đồng Công giáo, Chủ tịn Biên Hòa. Nội dung tài liệu bao gồm: hoạt động hành chính của các tỉnh, tổ chức của người Minh Hương, tư pháp Biên Hòa, hồ sơ cá nhân của các tù nhân chính trị, lịch sử Hội kín “Thiên địa” năm

1866, danh sách những người theo đạo Thiên Chúa giáo ở thuộc địa năm 1875, đơn kiện, tố cáo, kiện phạt... giai đoạn từ năm 1868 đến năm 1880.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: 186, 190, 191, 212, 1869, 2138, 2879, 3106, IA.2-011, IA.2-022(3), IA.2-025, IA.2-127, IA.2-264, IA.7-243(4), IA.12-264(6).

- **Trần Hữu Khoa - Đậu Sĩ Nghĩa**

*Lịch sử phát triển vùng đất Nam Bộ từ năm 1807 đến nay*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: việc xây dựng, tái thiết hệ thống kiến trúc tại Sài Gòn, xây dựng Dinh Độc Lập, Nhà hát lớn Sài Gòn, trạm ga ở Đại lộ Bonnard, nhà thờ Sài Gòn, chợ Bến Thành, Thư viện Quốc gia, nhà ga Sài Gòn, Tòa Thị chính.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.8-011, IA.8-097(15), IA.19-187, IA.19-261(1), IA.19-262, IA.19-263(1), IA.19-263(6), IA.17-083, IA.17-141(1), IB.24-0313.

- **Nguyễn Khả Lân**

*Phong trào Nam Kỳ khởi nghĩa*

Đề tài khai thác tài liệu là các báo cáo chính trị hàng tháng của Thống đốc Nam Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về cuộc khởi nghĩa của nhân dân Nam Kỳ; báo cáo về thanh tra nhà tù ở Nam Kỳ; báo cáo hàng tháng của mật thám Pháp về hoạt động của các tổ chức Cộng sản năm 1940; bản khiếu nại của nông dân bị thiệt hại ở các tỉnh sau cuộc nổi dậy năm 1941.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-243 (4), IIA.45-265(4), IIA.45-272(6), IIA.45-303, IIA.45-321(7), IIA.45-521(7).

- **Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thu Hương**

Tài liệu về Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam, Các Xứ ủy, Khu ủy miền Nam từ năm 1975 trở về trước

Tài liệu được nhóm tác giả sử dụng là bản báo cáo của mật thám Pháp về hoạt động của những nhà cách mạng Việt Nam như: Hà Huy Giáp, Nguyễn Thái, Ngô Đức Tài; các tài liệu về hoạt động của Đảng Cộng sản tại Nam Kỳ.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-231, IIA.45-232, IIA.45-243.

- **Trần Thị Bích Ngọc**

Các phong trào đấu tranh (1936-1954)

Tài liệu được khai thác chủ yếu là công văn, báo cáo của Chánh tham biện các tỉnh, Cảnh sát Nam Kỳ, Mật thám Pháp, Tòa Khâm sứ Trung Kỳ gửi Thống đốc Nam Kỳ. Nội dung tài liệu đề cập đến các vấn đề như: hoạt động của nhóm “Tranh đấu” và việc tuyệt thực của Tạ Thu Thảo, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Sâm...; hoạt động của đảng Đại Việt, đảng Cách mạng; hoạt động chống đối, bắt giữ Nguyễn An Ninh; hoạt động của hội đồng điều tra các thuộc địa, hội đồng điều tra hải ngoại; tình hình dân chúng và phản ứng của dân chúng, tình hình trật tự xã hội; về việc đàn áp các hoạt động chính trị, các phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam; tài liệu về hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng; hồ sơ theo dõi hoạt động của báo Tiền Phong, Đảng Cộng sản Đông Dương, hoạt động đình công tại xưởng đóng tàu, hoạt động của Cộng sản tại Nam Kỳ; tài liệu về các phong trào đấu tranh từ 1936-1954.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-176, IIA.45-204, IIA.45-211, IIA.45-223, IIA.45-231, IIA.45-241(2). IIA.45-243,

IIA45-252(1), IIA.45-274, IIA.45-275, IIA.45-283, IIA.45-293, IIA.45-295, IIA.45-304, IIA.45-305, IIA.45-306, IIA.45-311.

- Phòng Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-548, RSA/HC-813, RSA/HC-825, RSA/HC-832.

- ***Philiyec Peycan***

*Lịch sử Việt Nam (1920-1930)*

Tài liệu là những công văn, giấy tờ, các bản báo cáo của Hội đồng thuộc địa liên quan đến nhà hát Sài Gòn; các bài báo về Diệp Văn Cương, Diệp Văn Kỳ.

- Phòng Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-193, IA.7-111, IIA.45-201.

- ***Dinh Hồng Phúc***

*Tài liệu về Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam, Các Xứ ủy, Khu ủy miền Nam từ năm 1975 trở về trước*

Độc giả khai thác các tài liệu là các báo cáo, phúc trình thanh tra của Nha Cảnh sát, báo cáo của Giám đốc Đề lao Côn Đảo, Phú Quốc... đề cập đến những vấn đề như: tình hình can phạm, biện pháp giáo hóa chính trị phạm, hoạt động thanh tra trại giam, quản lý can phạm, các quy chế cải huấn tại các trại giam, khám phá các tổ chức cách mạng của các chiến sĩ Cộng sản...

- Phòng Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-223(1), IIA.45-223(2), IIA.45-223(3), IIA.45-263(4), IIA.45-284(18).

- ***Vũ Huy Phúc***

*Lịch sử Việt Nam (1858-1945)*

Tài liệu mà tác giả đề tài khai thác bao gồm các báo cáo của Thông đốc Nam Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương; một số bài diễn

văn của Thống đốc Nam Kỳ; các báo cáo của Chánh Tham biện các tỉnh, văn thư mật của Sở An ninh năm 1927, các tài liệu của Tòa Khâm sứ Trung Kỳ. Nội dung tài liệu bao gồm các vấn đề về: tình hình quân nhu, quân dụng, chế độ điền địa của các tỉnh, vấn đề giáo dục, hộ tịch năm 1927, phong trào khai khẩn đất đai, hồ sơ về các cuộc tập kích vào các vùng không chịu khuất phục, chế độ báo chí ở Đông Dương, chuyên chở đất qua các năm, luật bầu cử tổng 1928, thông tin về sự nhập cư của người Hoa, hồ sơ về hoạt động của Cộng sản...; Ngoài ra, tác giả đề tài còn tìm đọc nhóm tài liệu có nội dung đề cập đến Phan Bội Châu, Nguyễn An Ninh, Trần Văn Khá, Vũ Dinh Dy; Tài liệu về hoạt động của Đảng Lao động Đông Dương từ năm 1922 - 1935.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-033, IIA.45-173, IIA.45-176, IIA.45-192, IIA.45-194, IIA.45-201, IIA.45-204, IIA.45-211, IIA.45-255, IIA.45-284, IIA.45-306,
- Phòng Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-1914, RSA/HC-1947, RSA/HC-1975, RSA/HC-1976, RSA/HC-2036, RSA/HC-2041, RSA/HC-2047, RSA/HC-2048, RSA/HC-2071.

- *Nguyễn Quế*

*Trí thức Sài Gòn trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)*

Đề tài khai thác tài liệu là các báo cáo về hoạt động tuyên truyền của Việt Minh; tài liệu về lý lịch ký giả tại Sài Gòn; về phong trào bảo vệ hòa bình; tờ báo Tin điền; biện pháp nhằm đóng cửa báo Việt ngữ và toàn bộ tài liệu về trại Suối Lò Ô.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-274, IIA.45-245.
- Phòng Thủ hiến Nam Việt: F6-135, F7-133, F7-135, F9-9, G9-82, G82-6, T01-30, T4-809, T06-30, T10-361.

- **Nguyễn Quế**

*Nam Kỳ khởi nghĩa năm 1940*

Tài liệu là các bản báo cáo chính trị hàng tháng của Thống đốc Nam Kỳ gửi cho Toàn quyền Đông Dương, bao gồm báo cáo các ngày 1-2-1940, ngày 10-3-1940, ngày 6-4-1940, ngày 10-5-1940, ngày 9-6-1940, ngày 11-7-1940, ngày 21-8-1940, ngày 17-9-1940, ngày 21-11-1940.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-204(2).

- **Sud Chow Chirdsiw**

*Chính sách cai trị của thực dân Pháp tại Nam Kỳ (1930-1945)*

Đề tài nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề chính trị tại Nam Kỳ, đặc biệt là hoạt động của các tổ chức học sinh, tổ chức xã hội truyền thống ở Nam Kỳ trong giai đoạn 1930-1945.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-0317(6180), IIA.45-173(13), IIA.45-173(17), IIA.45-182(5), IIA.45-185(1), IIA.45-194(1), IIA.45-194(7), IIA.45-195(4).

- **Takeuchi Fusaji**

*Khai phá miền Nam Việt Nam và phong trào chống thực dân Pháp vào thế kỷ XIX*

Tác giả nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề tổ chức và quản lý thôn xã; các hội kín ở Nam Kỳ như Thiên địa Hội; người Minh Hương và các đảng phái; tôn giáo ở miền Tây Nam Kỳ; hoạt động sản xuất và xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kỳ.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: 3499, 3525, 3549, IA.6-201, IA.2-015, IA.2-013, IA.2-012, IA.2-025, IA.2-021, IA.2-016, IA.6-205, IA.13-263, IA.13-264, IA.13-265, IA.13-267,

IIA.45-313, IIA.45-314, IIA.45-255, IIA.45-295, IIA.45-164, SL.224, SL.376, SL.767, SL.1751, SL.2850, SL.1742, SL.1743, SL.1755, SL.1768, SL.4337, SL.5847.

- **Nguyễn Thành Tâm**

*Phong trào khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940*

Độc giả khai thác tài liệu là các báo cáo của mật thám Pháp gửi Thống đốc về hoạt động lật đổ và các phong trào đấu tranh chống chính quyền của nhân dân Nam Kỳ; tổ chức và hoạt động của Cộng sản tại Nam Kỳ; các hoạt động chính trị và cách mạng ở An Nam trong giai đoạn 1935-1940.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-231(4), IIA.45-232(3), IIA.45-293(2), IIA.45-293(3), IIA.45-326(1).

- **Nguyễn Chiến Thắng**

*Nam Kỳ khởi nghĩa (1939-1943)*

Tài liệu được khai thác là các báo cáo của cảnh sát, báo cáo của Mật thám Pháp, báo cáo của Khám lớn Sài Gòn liên quan đến các nội dung như: kết quả xử án của Tòa Tiêu hình năm 1941-1944; thiệt hại gây ra cho tư nhân các tỉnh khi có nổi dậy năm 1940-1941; đàn áp các hoạt động phá an ninh công cộng và quốc phòng năm 1940; tình hình tù nhân và các cuộc đấu tranh của tù nhân tại Khám lớn Sài Gòn.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.45-326, IIA.45-212, IIA.45-222, IIA.45-306, IIA.45-322.

### **Tạ Thị Thúy**

*Lịch sử cận đại Việt Nam (1858-1945)*

Đề tài sử dụng tài liệu là các bản thống kê, bản báo cáo của các cơ quan chính quyền Pháp ở Nam Kỳ như Hội đồng Thuộc

địa, Sở Thương chính, Sở An ninh, Sở Giao thông Công chánh. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Hoạt động của thương cảng Sài Gòn, thống kê mỏ ở An Nam, việc thành lập các xưởng sản xuất nhãn hiệu, việc nạo vét kênh, đào kênh, các quy định liên quan đến vấn đề đất đai ở Nam Kỳ, về thuế điền thổ và thuế thân, khai khẩn nông nghiệp, hoạt động trồng trọt nông, hoạt động công nghiệp ở Nam Kỳ, các đồn điền cao su, ngân sách địa phương ở Nam Kỳ, sách và bản đồ thành phố Sài Gòn, về đạo Cao Đài và một số Nha, Sở của nhà nước thuộc địa, vấn đề di trú của người Bắc tại miền Nam qua các năm; tài liệu về Trần Văn Khá, Trần Trinh Trạch, Cao Văn Ven, Đoàn Hữu Tùng, Hà Mỹ May, Trần Văn Thông, Bùi Quang Chiêu, Michel, Bùi Quang Đại và các linh mục ở các tỉnh Nam Kỳ; tài liệu về hoạt động của Đảng Cộng sản và các đảng phái, hội kín chống Pháp ở Nam Kỳ.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.14-133, IA.14-135, IA.14-136, IA.3-175, IA.3-241, IA.3-243, IA.3-244, IA.3-246, IA.3-252, IA.3-253, IA.3-2214, IA.3-2311, IIA.45-174, VIA.8-253(14), VIA.8-253(15), VIA.8-253(16), VIA.8-253(17), VIA.8-253(18), VIA.8-255 (1), VIA.8-255 (2), VIA.8-255 (3), VIA.8-255 (4), VIA.8-255 (5), VIA.8-255 (6), VI.A8-255 (7), VI.A8-255 (13), VIA.8-255 (15), VI.A8-255 (16), VIA.8-255 (17), VIA.8-255 (18), VIA.8-255 (19), VIA.8-286, VIA.8-293, VIA.8-296, IB.24-276, IB.24-2917, IB.25-064, IB.25-065, IB.25-067, IB.25-068, IB.25-071, IB.25-082, M76-99, M76-100, M76-101, M76-102, M76-105, M76-111, M76-114, M76-115.

- *Nguyễn Thành Tiến*

*Phong trào kháng Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*

Đề tài khai thác tài liệu là các báo cáo của Nha Cảnh sát, công văn trao đổi của Giám đốc Đề lao Côn Đảo với Thống đốc

Nam Kỳ liên quan đến những vấn đề như: Hoạt động của hội kín “Thiên địa Hội”; báo cáo về hoạt động chống chính quyền của nhân dân Nam Kỳ; các báo cáo tháng của nhà tù Côn Đảo và Khám lớn Sài Gòn về việc vượt ngục của tù nhân.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.1-022, IA.1-035, IA.1-084, IA.1-0211, IA.1-0514, IA.1-0515, IA.1-0517, IA.1-0518, SL.224, SL.767, SL.1766, SL.4522.

- **Nguyễn Viết Toàn**

### *Đấu tranh bắt bạo động chống Pháp (1919-1930)*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến một số nhà hoạt động cách mạng như: Phan Bội Châu, Tạ Thu Thâu, Vũ Đình Dy - Trưởng biên tập báo “Thanh niên Đông Dương”. Ngoài ra, tác giả đề tài còn khai thác một số quyết định bổ nhiệm công chức và hoạt động của Hội Tương trợ Nhà báo tại Nam Kỳ.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.19-102, IIA.45-194, IIA.45-201, IIA.45-202, IIA.45-211, IIA.45-241, IIA.45-256, IIA.45-273, IIA.45-305.

### **3. Địa phương chí và các di tích lịch sử**

- **Đỗ Văn Anh**

#### *Lịch sử Sài Gòn và Chợ Lớn*

Đề tài sử dụng tài liệu là các báo cáo thanh tra hành chánh tỉnh Biên Hoà những năm 1944, 1950, 1951, 1953; báo cáo thanh tra các làng Bình Trước, Phước Lộc, Tâm Ba và Thiên Tân - tỉnh Biên Hoà năm 1943; phúc trình về thanh tra chánh trị và hành chánh Biên Hoà các năm 1943, 1944, 1950, 1951, 1953. Nội dung tài liệu bao gồm các vấn đề liên quan đến tổ chức hành chính Sài Gòn, Chợ Lớn và các vùng lân cận, các chương trình công tác trên đất làng Tân Hoà vừa mới sáp nhập vào thành phố Chợ Lớn.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.16-152, IA.16-203, 1A.16-214, IA.18-125.

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: D1-71, D1-72, D1-333, D1-365, D1-407.

- **Phạm Hồng Ân - Cao Hồng Phong - Lưu Ngọc Diệp**

*Tài liệu về Rạch Giá, Kiên Giang (1930-1975)*

Tài liệu được khai thác bao gồm: Địa phương chí Hà Tiên, Rạch Giá, bản đồ Rạch Giá, Kiên Giang thời Pháp thuộc; các bản báo cáo của Chủ tịn Rạch Giá, Hà Tiên, Kiên Giang về tình hình các mặt của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội: nông, lâm, ngư, tiểu thủ công nghiệp, giao thông, giáo dục, y tế...; tài liệu về nhà tù Phú Quốc và phạm nhân.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: D.0-4, D.0-133, E.01-71, E.02-61, E.02-74, E.02-126, E.02-134, G.82-21, G.82-33.

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: E02-110, E02-113.

- Sưu tập tài liệu bản đồ thời Pháp thuộc và Mỹ - Ngụy: 3766, 3813, 3817, 4740, 4165.

- **Định Hữu Chí**

*Tài liệu về Bà Rịa*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác là các bản báo cáo của Tỉnh trưởng tỉnh Bà Rịa, Giám đốc các nhà tù Côn Đảo. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thống kê danh sách tù nhân, hồ sơ chính trị của tù nhân, phán quyết của tòa án đối với tù nhân; việc bổ sung giờ đi lại trên sông giữa Sài Gòn - Bà Rịa; nhà thanh niên ở Bà Rịa... và một số hồ sơ cá nhân của ông Doan Van Phung - Trưởng khu bậc 3 ở Bà Rịa, hồ sơ cá nhân của ông Duong Lac - Trưởng khu ở Bà Rịa.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.1-0213(1,2,3,4,5,6,7), IA.1-0515(10), IA.5-096(3), G.82-71.

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: D30-279.

• ***Diệp Hoàng Du***

*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Kiên Giang (1930-1975)*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác là các công văn của Thống đốc Nam Kỳ, báo cáo của Sở Thương chính, Chủ tỉnh Kiên Giang, Rạch Giá... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của tàu bè và hoạt động thương mại ở Nam Kỳ các năm 1915 - 1917; thành lập các làng mới Long Bình, Phú Long, Mỹ Quới tại tỉnh Rạch Giá; xây dựng đường nối giữa Đông Dương và Cây Dừa năm 1911; cuộc nổi loạn của người Campuchia ở Ninh Thanh Lợi - tỉnh Rạch Giá năm 1927; di chuyển tù khổ sai từ Côn Đảo đến Phú Quốc năm 1923 - 1928; quy hoạch đảo Phú Quốc năm 1941 - 1942; di tản dân Châu Âu ở đảo Phú Quốc năm 1940.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 2929, 3082, 1660, 669, 3474, 3503, III.59/N18(36), III.59/N52(1), III.59/N125(7), III.59/N129(10), IB.23-193(4), IB.24-2119, IB.29-161(13), V.10-13(1).

• ***Cù Thị Dung***

*Tài liệu về Côn Đảo*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác là các quyết định, công văn, báo cáo, phúc trình của Thống đốc Nam Kỳ, Bộ Tư pháp, Nha Cảnh sát Sài Gòn, Cảnh sát Đông Dương, Giám đốc Nhà tù Côn Đảo. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thống kê danh sách tù nhân tại nhà tù Côn Đảo năm 1937, danh sách tù nhân vượt ngục, tù nhân chết; các vấn đề xung quanh việc chuyển tù nhân ra Côn Đảo; tình hình an ninh, chính trị tại nhà tù Côn Đảo năm 1937-1938 và các biện pháp nhằm đảm bảo trật tự, an

ninh trong các trại giam.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.1-025, IA.1-026, IA.1-027, IA.1-028, IA.1-029, IA.1-0210, IA.1-0211, IA.1-0215, IA.1-0241, IIA.45-153, IIA.45-223, IIA.45-263, IIA.45-272, IIA.45-281, IIA.45-283, IIA.45-292, IIA.45-304, IIA.45-314.

• **Nguyễn Bá Đại - Thiều Thị Tân - Võ Hoàng Thanh Tú**

*Lịch sử nhà tù Côn Đảo*

Tài liệu được khai thác là các nghị định, quyết định, công văn của Thống đốc Nam Kỳ, báo cáo của Giám đốc Đề lao Côn Đảo. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: các nguyên tắc điều hành nhà tù, danh sách tội nhân mới chuyển đến, tội nhân chết, tội nhân trốn trại, tội nhân được phỏng thích, trả tự do, quy định về khẩu phần ăn của tội nhân, giấy báo tử của các đương sự, hồ sơ về việc câu lưu cán bộ Cộng sản, chế độ đối với tù nhân chính trị, các đoàn đến thăm Côn Sơn, việc đưa vật liệu ra Côn Đảo; Công ty Vận tải khai thác tuyến đường Sài Gòn - Côn Đảo.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.2-041(3), IA.2-031(1,5), IA.4-271(7), IA.5-032(40), IA.5-131(8), IA.5-144(12), IA.9-241(1), G.9-62, G.80-45, G.82-48, G.84-52, G.84-59, G.84-68, G.84-99, G.84-118, G.87-1, G.87-4, G.87-8.

• **Phạm Thị Anh Đào**

*Tài liệu liên quan đến tỉnh Bạc Liêu*

Nội dung tài liệu được khai thác liên quan đến các vấn đề như: thân thế, sự nghiệp của cụ Cao Triều Phát, công tử Bạc Liêu - Trần Trinh Trạch, tháp cổ Trà Long; ranh giới lãnh thổ, dân cư, cải cách đất đai tại tỉnh Bạc Liêu.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 508, 2313, 4601, 10220, IA.17-175, IA.17-195, IA.17-216, IIA.45-175(9).

- **Lý Ngọc Định**

*Lịch sử tỉnh Kiên Giang qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: địa giới hành chính của tỉnh Kiên Giang; việc thành lập và hoạt động của Nhà tù Phú Quốc; hồ sơ về lập sân bay ở Phú Quốc; cải tạo đảo Phú Quốc thành tỉnh Phú Quốc; tổ chức và hoạt động của Việt Cộng tại Kiên Giang các năm 1945-1954.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: D.0-133, D.01-392, D.01-41, E.02-71, E.02-74, E.02-140, H.37-43, H.37-76, H.37-90.

- Sưu tập sách bồi trợ: VN.965, Vv.2434.

- **Nguyễn Anh Đức - Phan Duy Khiêm - Đỗ Thị Minh An**
  - Nguyễn Thành Danh - Trần Văn Quân

*Địa chí tỉnh Bình Phước*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Quá trình hình thành tỉnh Bình Phước, những lần chia tách, sát nhập các địa phương trong tỉnh; tổ chức hành chính của tỉnh Bình Phước; thống kê dân số và tình hình phân bố dân cư; tình hình an ninh, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, kinh tế của tỉnh Bình Phước.

- Phòng Thủ tướng Quốc gia Việt Nam: 332, 770, 821, 887, 929, 6421, 6776, 8783.

- **Đặng Ngọc Hà**

*Không gian văn hóa xứ Mô Xoài (Bà Rịa - Vũng Tàu): Diễn trình lịch sử, đời sống xã hội, văn hóa từ thời nhà Nguyễn đến Việt Nam Cộng hòa*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác là các nghị định, công

văn của Thống đốc Nam Kỳ, Hội đồng Tư mật Nam Kỳ, báo cáo của Chủ tỉnh Bà Rịa. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Việc đấu thầu cung cấp gỗ xây dựng ở Núi Dinh (tỉnh Bà Rịa) năm 1868-1870; đấu thầu xây dựng nhà bệnh xá quân y, bưu điện Núi Dinh; tình hình vận chuyển nguyên liệu từ Bà Rịa đến Núi Dinh năm 1870; việc quyên tiền ở chùa làng Phước Lễ - Bà Rịa; quy định về việc cho thuê tàu ghe vận chuyển thực phẩm, nguyên liệu. Ngoài ra tác giả đã còn sử dụng tài liệu là các bản đồ, cụ thể như: bản đồ Bà Rịa, bản đồ Đông Dương, bản đồ Nam Kỳ.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-12, IIA.45-13, IIA.45-261(4), IIA.45-281(9), IIA.45-314(10).

- Phòng Hội đồng Tư mật Nam Kỳ: 7046, 7075, 7080, 7365, 8396, 8817, 8924.

- Sưu tập tài liệu bản đồ thời Pháp thuộc và Mỹ-Ngụy: 293, 1846, 1850, 1885, 1986, 1991, 2014.

- ***Bùi Thượng Hải***

*Trại giam Phú Quốc*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Chuyển tội phạm Nguyễn Văn To từ trại giam Phú Quốc về Đè lao Trung ương Sài Gòn năm 1944; tội nhân của Trại Huấn chính Cây Dừa bỏ trốn năm 1956; danh sách tội phạm trốn thoát trại ngày 3-9-1956.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: G.82-33.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: G83-79.

- ***Lê Thị Hằng***

*Nhà tù Côn Đảo*

Tài liệu được khai thác là các báo cáo của Tỉnh trưởng tỉnh

Côn Sơn, Giám đốc Trung tâm Cải huấn Côn Sơn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổng kết số sanh trong dân chúng ở Nam Kỳ, cải biến và tổ chức hành chánh tỉnh Côn Sơn năm 1956-1959, bổ nhiệm nhân viên thuộc tỉnh Côn Sơn; danh sách tội nhân chết, tù nhân được phóng thích, trốn trại tại Côn Đảo năm 1936-1944.

- Phông Phủ Thủ Thông đốc Nam Kỳ: G.80-136, G.82-9, G.82-10, G.82-70, G.83-70, D.88-5.
- Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa: 3715, 6517, 7975, 15788.

- **Lê Thị Hằng - Nguyễn Bá Đại - Đồng Thị Hồng - Nguyễn Thị Thu Yến**

#### *Tài liệu nhà tù Côn Đảo*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác là các công văn, báo cáo, phiếu trình của Chủ tịn Côn Sơn, Giám đốc Đề lao Côn Đảo, Giám đốc Khám lớn Sài Gòn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thành lập Nhà tù Côn Đảo; tổ chức hành chánh tại Côn Đảo; tổ chức và sinh hoạt chính trị Đảng phái trong hàng ngũ công chức; sổ lưu nhận các hằng tàu vận tải cho Côn Đảo; di chuyển can phạm ở nội địa ra Côn Sơn, danh sách tù nhân, tù nhân chết, tù nhân trốn trại, tù nhân được phóng thích, trả tự do tại Nhà tù Côn Đảo; hồ sơ cá nhân của các tử tù đã chết như Nguyễn Văn Quảng, Nguyễn Văn Phô, Nguyễn Văn Hữu, Trần Văn Hai; hỗ trợ phụ cấp cho tù nhân ở Côn Đảo năm 1895-1896, nổi loạn ở Bãi Cảnh ngày 17-8-1883; nguyên nhân khan hiếm thực phẩm tại tỉnh Côn Sơn.

- Phông Phủ Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.1-034, IA.1-073(3), IA.1-0215(1), IA.1-0515(7), IA.2-04(3), IA.2-041(3,5), IA.2-

045(6,10,11), IA.4-271(7), IA.5-032(40), D.1-367, D.88-5, G.80-82, G.80-86, G.82-12, G.82-70.

- **Đỗ Văn Học**

*Tài liệu về Nhà tù Côn Đảo thời Pháp thuộc*

Đề tài khai thác các tài liệu có nội dung liên quan đến các vấn đề như: quá trình thành lập Nhà tù Côn Đảo năm 1861; quyết định thành lập các nhà tù của Pháp; thành lập nhà tù An Nam năm 1912; tình hình an ninh, quân sự tại nhà tù Côn Đảo.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.2-024, IA.2-042, IA.2-1611.

- **Nguyễn Việt Hùng**

*Lịch sử Sóc Trăng giai đoạn 1930-1945*

Tài liệu được khai thác là các công văn, báo cáo của Thông đốc Nam Kỳ, Sở Cảnh sát, Chủ tịn Sóc Trăng. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình an ninh, chính trị của Sóc Trăng các năm 1930-1945, trích tin tức của một số báo như: Công luận, Tin tức, Sự thật...; danh sách ủy ban hành chính năm 1943 tỉnh Sóc Trăng; các văn bản thành lập Hội Ái hữu.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-161, IIA.45-191, IIA.45-203, IIA.45-205, IIA.45-222, IIA.45-223, IIA.45-254, IIA.45-263, IIA.45-275, IIA.45-283, IIA.45-285, IIA.45-326.

- **Lê Công Hưng**

*Lịch sử tỉnh Thái Bình (1927-1954)*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: nhận định âm mưu và thủ đoạn của thực dân Pháp trước khi Pháp đánh Thái Bình, sau khi Pháp đánh Thái Bình, khi quân Pháp sập rút khỏi Thái Bình; các văn bản của Trung ương và Khu

Tả Ngạn về việc khen ngợi hoặc chấn chỉnh, phê bình cấp uỷ, chính quyền Thái Bình trong quá trình chuẩn bị kháng chiến và kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: G82-9, G82-10, G82-11, G82-12, G82-27, G82-31, G82-61, G82-62, G82-69, G82-71.

- ***Phan Thị Thu Hương***

*Thành lập thành phố Hải Phòng*

Tài liệu tác giả đề tài khai thác bao gồm: Các tập san Nam Kỳ năm 1888, Công báo Đông Dương năm 1888, bản đồ Kiên An - Hải Phòng năm 1899, 1935. Nội dung tài liệu liên quan đến vấn đề cải tổ thành phố Hải Phòng và Lãnh sự quán Pháp ở Hải Phòng năm 1875-1880.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.18-125(6).
- Sưu tập Công báo: J.1125, J.47.
- Sưu tập tài liệu bản đồ thời Pháp thuộc và Mỹ-Ngụy: 1541, 2358, 5539, 3534.

- ***Nguyễn Phong Lan***

*Tỉnh Bến Tre trước 1975*

Đề tài tài liệu là các bản đồ Bến Tre từ năm 1930 trở về trước.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.13-182 (1,2,3,4,5,6,7,8).

- ***Trần Thị Phương Lan - Chu Thị Ngọc Lan***

*Bến Nhà Rồng và con tàu Amiral Latouche Tréville*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Thống kê tàu ra vào Cảng Sài Gòn năm 1906-1912; giấy phép lưu thông của Hàng Vận tải Đường sông; các quy định về việc lưu thông trên kênh rạch và việc neo đậu tại Cảng Sài Gòn

năm 1911; hoạt động của các tàu thương mại ở Đông Dương năm 1916; hồ sơ vận chuyển hàng hóa của Công ty Vận tải Đường thủy năm 1911-1912; việc thay đổi bến và xếp đặt bến đậu tại Bến Sài Gòn của Hàng Vận tải Đường sông, các khiếu nại liên quan đến Hàng Thủy vận Tự trị của Thương cảng Sài Gòn.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.5-017(7), IA.5-024(2,3), IA.5032(29,30,31,32,33,34), IA.5-034(1), IA.5-037, IA.5-063(2). IA.5181(47,48,49,50), IA.5-165(5), IA.5-131(11), IA.5-096(15), IA.5-106, IA.5-145(19), IA.5-158, IA.5-161, IA.5-164(2), IA.4-287.

- ***Phan Thị Minh Lễ***

*Phong trào kháng Pháp tại Nam Kỳ lục tỉnh và lịch sử Côn Đảo (1862-1945)*

Tài liệu được khai thác có nội dung nói về phong trào kháng Pháp tại Nam Kỳ lục tỉnh của nhân dân Nam Kỳ và lịch sử Côn Đảo.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.19-104, IIA.45-39, IIA.45-64, IIA.45-75, IIA.45-123, IIA.45-135, IIA.45-148, IIA.45-153, IIA.45-167, IIA.45-223, IIA.45-234, IIA.45-245, IIA.45-263, IIA.45-295, IIA.45-318.

- Sưu tập Công báo: J.1019, J.1020, J.1021.

- ***Nguyễn Linh***

*Thành phố Vũng Tàu từ khởi thủy đến 1975*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: xây dựng cầu Cỏ May trên đường Vũng Tàu, xây dựng Thánh đường Sài Gòn, xây dựng cột tín hiệu giàn hải đăng, xây dựng nhà cho Toàn quyền ở Vũng Tàu...

- Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.10-1281, IA.19-147, IA.19-205, IA.19-247.

- Sưu tập Công báo: J.1060, J.1084.

- **Trịnh Công Lý**

*Lịch sử Sóc Trăng (1930-1945)*

Tác giả đề tài khai thác các tài liệu có nội dung nói về lịch sử tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 1930-1945, cụ thể như: Vấn đề ruộng đất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam; thực trạng của nông dân Việt Nam thời Pháp thuộc; tình hình thu thuế tại Sóc Trăng năm 193-1933; báo cáo hoạt động của tỉnh Sóc Trăng năm 1932-1933.

- Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.1-0213, IA.18-194, IIA.45-171, IIA.45-181, IIA.45-191, IIA.45-194, IIA.45-211, IIA.45-212, IIA.45-223, IIA.45-241, IIA.45-244, IIA.45-261, IIA.45-263, IIA.45-284, IIA.45-294, IIA.45-296, IIA.45-302, IIA.45-303, IIA.45-304, IIA.45-308, IIA.45-313, IIA.45-321, IIA.45-326, IIA.45-322.

- **Trịnh Công Lý**

*Phong trào đấu tranh trong Nhà tù Côn Đảo (1930-1945)*

Tài liệu được khai thác là các thông tư của Thống đốc Nam Kỳ, các bản báo cáo của Giám đốc Đề lao Côn Đảo. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: doanh trại lính ở Côn Đảo, hoạt động quân sự ở Côn Đảo, việc chuyển tù nhân đến Côn Đảo, đấu thầu cung cấp thức ăn cho tù nhân, các đề nghị ân xá trả tự do cho tù chính trị, danh sách tù nhân người Trung bị giam cầm ở Côn Đảo, kế hoạch nổi dậy của các tù nhân chính trị ở Côn Đảo, hoạt động của Ủy ban Điều tra của Đảng Dân chủ Đông Dương năm 1930.

- Phòng Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-192, IIA.45-195(5), IIA.45-203(14), IIA.45-216(4), IIA.45-235(10), IIA.45-242, IIA.45-263, IIA.45-272, IIA.45-284, IIA.45-293(4), (6), IIA.45-304(3), IIA.45-315(3), G.8-3051.

- ***Nguyễn Hùng Minh***

- Trại lao động Bà Rá*

Độc giả khai thác tài liệu là các sắc lệnh của Toàn quyền Đông Dương, nghị định của Thống đốc Nam Kỳ, các bản báo cáo Giám đốc Trại Lao động Đặc biệt núi Bà Rá. Nội dung tài liệu đề cập đến các vấn đề như: trại huấn luyện đặc biệt tại núi Bà Rá và Tà Lài năm 1941; tiền công căn bản của lao động tại Bà Rá; trại giam Bà Rá tố cáo nhân viên Pháp năm 1943; tiền thưởng những người đã bắt được phạm nhân vượt ngục núi Bà Rá; chi phí dời tội phạm đến núi Bà Rá năm 1944.

- Phòng Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-195(1), IIA.45-216(7), IIA.45-243(7,8), IIA.45-321(7), G.80-41, G.80-88, G.83-38, G.83-39, J.5-184, J.53-263, J.53-558.

- Công báo: J.149-150, J.180.

- ***Nguyễn Thị Nga***

- Lịch sử tỉnh An Giang*

Tài liệu là các công văn, báo cáo của Chủ tỉnh Long Xuyên

- Châu Đốc gửi Thống đốc Nam Kỳ về tình hình an ninh, kinh tế, xã hội của tỉnh trong những năm 1940-1945.

- Phòng Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.7-186, IIA.45-221, IIA.45-223, IIA.45-234, IIA.45-274, IIA.45-323.

- ***Trần Viết Ngạc***

- Côn Đảo thời Pháp thuộc*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác là biên bản về việc chiếm giữ Côn Đảo của quân đội Pháp.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: 3494.

• ***Phan Đình Nham***

*Lịch sử nhà tù Phú Quốc*

Tác giả đề tài sử dụng tài liệu là những sắc lệnh, nghị định, báo cáo có nội dung liên quan đến Nhà tù Phú Quốc, cụ thể như: việc cất trại tội nhân ở Phú Quốc năm 1941; chế độ tù chính trị; cải thiện trại tù nhân Phú Quốc năm 1943-1944; tội nhân trốn trại năm 1941-1945, tiền công của tội nhân ở Phú Quốc 1944-1945; thiết lập tại Phú Quốc một trại giam người Hoa và sử dụng họ trong các đòn điền hoặc hầm mỏ năm 1950; cơ sở Việt Minh tại Phú Quốc năm 1953; chuyển giao nhà tù Phú Quốc cho quân đội Việt Nam năm 1953, trả tự do cho 41 tù binh năm 1954.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: G.9-3, G.80-112, G.82-33, G.82-54, G.83-8, G.83-27, G.83-31, G.83-46, G.84-109.

- Phông Phủ Thủ hiến Nam Việt: D01-300, Q0-78, T43-496.

- Phông Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: D1-337, D5-351, D71-28, D71-43, G83-79, T69-590.

- Phông Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam: 1320, 1340.

• ***Nguyễn Văn Niêm***

*Lịch sử Côn Đảo*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: việc chuyển tù nhân ra Côn Đảo năm 1927-1929, báo cáo thanh tra Nhà tù Côn Đảo của Thanh tra Bourgeois Garardin năm 1939, quy định về mệnh lệnh báo động tại Côn Đảo, khẩu phần ăn và số lượng tù nhân tại Côn Đảo năm 1940,

cuộc kinh lý Côn Đảo năm 1942, biện pháp tăng cường canh giữ Côn Đảo năm 1942-1943, công tác chính đón Nhà lao Côn Đảo năm 1943-1944, tổ chức hành chính tại Nhà lao Côn Đảo năm 1943-1944.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 4757, 4769, 4777, 4778, 4781, IIA.45-236, IIA.45-272, IIA.45-273, IIB.53-2111, IB.56-111, G.80-34, G.80-46, G80.-82, G.80-96, G.80-142, G.80-143, G.82-61.

- **Trần Hạnh Minh Phương**

#### *Hầm bí mật dưới Dinh Gia Long*

Tài liệu được khai thác là các công văn, báo cáo, tờ trình của Thông đốc Nam Kỳ có nội dung đề cập đến các vấn đề như: công tác sửa chữa lại Dinh Thông đốc năm 1943, việc trang hoàng Dinh Thông đốc Nam Kỳ năm 1943, cung cấp 93 cây vải màu cho Dinh Thông đốc Nam Kỳ năm 1944, xây dựng hầm núp ở Dinh Thông đốc năm 1945, xây một lối xuống có lợp mái cho Dinh Thông đốc Nam Kỳ năm 1945, nội dịch tại Dinh Thông đốc Nam Kỳ năm 1945.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IB.6-46, H.5-4, Q.68-59, T.7-14, T.41-605, T.41-778, T.41-1055.

- **Phan Xuân Quang**

#### *Lịch sử tỉnh Quảng Nam từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1975*

Tài liệu được khai có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Nhà tù Đà Nẵng, Nhà tù Công lý Pháp, số lượng tù nhân và thông tin về tù nhân, danh sách tử tù, danh sách tù nhân được phỏng thích hàng năm tại các nhà tù của tỉnh Quảng Nam; các hoạt động của Việt Cộng tại Quảng Nam.

- Phòng Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-607, RSA/HC-864, RSA/HC-903, RSA/HC-1040, RSA/HC-1229, RSA/HC-1342, RSA/HC-1394, RSA/HC-2206, RSA/HC-2708, RSA/HC-2756, RSA/HC-2782, RSA/HC-3095, RSA/HC-3221, RSA/HC-3460, RSA/HC-3461, RSA/HC-3594.

- **Đặng Kim Quy**

### *Tài liệu về Khám đường Cần Thơ (1900-1975)*

Tài liệu được khai thác là các công văn, báo cáo, phúc trình của Chủ tỉnh Cần Thơ, cai tổng Định Chí, Sóc Trăng. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình nộp thuế thân ở Cần Thơ; vấn đề tù nhân và nhà tù sau khởi nghĩa Nam Kỳ, danh sách tù nhân nan y tàn phế thuộc Trại giam Cần Thơ đã được Ủy ban Trung ương cứu xét thỉnh nguyện.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.9-203, IA.10-152, IA.18-225, IA.19-116, IIA.45-326, IB.23-202, IB.30-026.

- **Lưu Anh Rô**

### *Tư liệu liên quan đến Thành phố Đà Nẵng qua các thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ*

Tác giả đề tài sử dụng tài liệu liên quan đến thành phố Đà Nẵng qua các tập lưu công văn, báo cáo của Tòa Khâm sứ Trung Kỳ. Nội dung tài liệu đề cập đến các vấn đề như: hoạt động của Việt Cộng tại Quảng Nam, Đà Nẵng; việc tổ chức gác cửa biển của cảnh sát; địa giới hành chính, ngân sách thành phố, thống kê dân số và người thiểu số; khai thác hầm đá, xây dựng các nhà máy gạo, hoạt động của Hội người Hoa, các thương thuyền neo cảng, việc sử dụng và khai thác dầu của Công ty Dầu hỏa Châu Á, vấn đề chuyển nhượng đất đai.

- Phòng Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-87, RSA/HC-91,

RSA/HC-109, RSA/HC-113, RSA/HC-203, RSA/HC-235, RSA/HC-595, RSA/HC-614, RSA/HC-627, RSA/HC-638, RSA/HC-660.

- ***Shibuya Yuki***

*Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh thời Pháp thuộc từ 1900 - 1945*

Tác giả đề tài khai thác tài liệu là các công văn của Thông đốc Nam Kỳ và các báo cáo của Hội đồng thành phố Sài Gòn. Nội dung tài liệu đề cập đến các vấn đề như: Bầu cử Hội đồng thành phố Sài Gòn, các cuộc họp của Hội đồng thành phố Sài Gòn về vấn đề đô thị hóa, tổ chức hành chính, thống kê dân số, phân chia khu vực tại thành phố Sài Gòn; về tổ chức cảnh sát tại Sài Gòn.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 6859, 10579, 8131, 6795, IA.1-039, IA.13-295, IA.16-196, IA.17-021, IA.17-084, IA.17-085, IA.17-103, IA.17-104, IA.17-135, IA.17-146, IA.17-161, IA.17-164, IA.17-165, IA.17-171, IA.17-186, IA.17-232, IA.23-111.

- ***Kiều Lê Công Sơn***

*Học Môn trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc (1884-1945)*

Tài liệu được khai thác là các báo cáo về đường sắt và đường bộ ở Hóc Môn, cụ thể như: Thẩm tra đơn xin khai thác tuyến đường sắt Chợ Lớn - Hóc Môn, tu chỉnh 4 đoạn bị cong của tuyến Chợ Lớn - Hóc Môn.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.8-245.

- ***Nguyễn Thành Tâm***

*Nhà tù Côn Đảo giai đoạn 1938-1945*

Tài liệu là các bản thống kê, danh sách tù nhân Côn Đảo những năm 1940 như: Danh sách tù nhân mới ở Côn Đảo, danh

sách tù nhân ở Côn Đảo đã chuyển đi nơi khác, danh sách tù nhân chết ở Côn Đảo, danh sách tù nhân được trả tự do, danh sách tội phạm được tráng án, trốn tù.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: G80-62, G80-144, G82-1, G82-12, G82-11, G82-30, G82-70, G82-71, G87-1, G87-2, G87-6.

- **Nguyễn Thành Tâm**

*Nhà tù Côn Đảo (1940-1944)*

Độc giả khai thác một số tài liệu là báo cáo của các Giám đốc đồn lao về chính đồn nhà lao tại Côn Đảo năm 1943, 1944, hoạt động đấu tranh tại các nhà tù, chế độ tù chính trị, bản truy tầm tội nhân vượt ngục ở Côn Đảo năm 1944, danh sách tù nhân Côn Đảo qua các năm, chi phí hàng năm của nhà tù Côn Đảo, việc chuyên chở tù nhân ra Côn Đảo và ngược lại, kỷ luật và các hình phạt ở nhà tù Côn Đảo, vấn đề y tế, chết chóc, bệnh tật ở nhà tù.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: B.7-701, D.1-367, D.5-391.

- **Nguyễn Thành Tâm**

*Phong trào công nhân ở Ninh Thuận và nhà tù Côn Đảo (1938-1942)*

Các tài liệu được khai thác là những thông kê về tù nhân đang bị giam giữ, tù nhân mới chuyển tới, tù nhân chết, và tù nhân được trả tự do ở Côn Đảo 1938-1942; các báo cáo về khẩu phần ăn, chế độ làm việc của tù nhân, quần áo của phạm nhân, tiền công của phạm nhân, thu tiền phạt, chuyên chở vật liệu và phạm nhân; tài liệu về luật lệ và quy chế nước Pháp lúc chiến tranh và việc bổ nhiệm hiến binh Le Berre.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: G.82-10, G.82-11, G.80-20, G.8-29, G.8-33, G.80-62, G.82-70, G.82-71, G.83-7, G.84-100, G.84-54, T.4-267.

- Công báo Nam Kỳ: J.1526, J.1527, J.1528, J.1529, J.1530, J.1531.

- ***Phạm Đức Thành***

- Tài liệu về tù Phú Quốc***

Đề tài khai thác khối tài liệu lớn với nhiều loại hình khác nhau như sắc lệnh, nghị định, phúc trình, tờ trình, công văn của các cơ quan thuộc chính quyền Pháp. Những vấn đề được khai thác như: tù nhân bị giam giữ ở Nam phần, cơ sở Việt Minh tại Phú Quốc, hội ái hữu của các cựu tù nhân theo phe De Gaulle tại Đông Dương năm 1941. Đối với tù nhân tại Phú Quốc gồm các vấn đề như: Danh sách tù binh, tù nhân được trả tự do, tù nhân chính trị, việc chuyển tội nhân ở trại giam Phú Quốc về khám lớn Sài Gòn năm 1943. Đối với việc xây dựng và quản lý trại giam Phú Quốc gồm những vấn đề: Việc xây dựng trại tội nhân ở Phú Quốc năm 1941, chi phí tu bổ đảo Phú Quốc để lập trại; khai hóa đảo Phú Quốc năm 1942, việc cung cấp lương thực, thực phẩm, vải vóc, dụng cụ, máy móc... cho trại giam Phú Quốc.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.5-16(8), IA.5-106, IA.5-165(5), C.2-3, D.0-133, D.55-3, D.75-7, G.8-21, G.80-112, G.81-9.

- Phông Phủ Thủ hiến Nam Việt: D01-66, D01-126, D01-300, D7-108, D62-41, D80-74.

- Phông Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: D01-74, D5-345, D7-36, D71-27.

- Phông Phủ Thủ tướng quốc gia Việt Nam: 158, 1324, 1340, 1516.

- ***Phan Hà Thành - Nguyễn Quốc Hùng - Trần Anh Tuấn***

- Tài liệu Côn Đảo***

Nhóm độc giả khai thác các hồ sơ về các tài liệu liên quan đến nhà tù Côn Đảo như: chỉ định thầy giảng đạo Thiên chúa tại Côn Đảo, việc bàn giao của các Giám đốc lao Côn Đảo, việc tù nhân vượt ngục, tù được thả, tù chết, di dời tù nhân ra Côn Đảo, các tài liệu cai trị; một số nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam bị giam giữ tại Côn Đảo như Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập...

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: A.45-035, A.45-039, A.45-0318, A.45-6168, A.45-6172, A.45-6613.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: D07-250, D07-361-368, E03-272, G80-18, G80-33, G80-66.

- **Phạm Thị Ngọc Thảo - Trần Thị Thúy Phượng - Trần Quang Diệu - Tô Thế Truyền - Lê Thị Phương Thảo**

#### *Lịch sử văn hóa tỉnh Tiền Giang*

Đề tài khai thác tài liệu là các nghị định, phúc trình, báo cáo của Chánh Tham biện - Chủ tỉnh Mỹ Tho, Bạc Liêu, Gò Công, Biên Hòa về hội ái hữu nhân công và thợ thuyền Mỹ Tho năm 1940, tình hình chính trị của Bạc Liêu, Gò Công, Biên Hòa, tình hình ở trại giam Mỹ Tho, Quỹ mua đất tỉnh Mỹ Tho, việc thanh tra tỉnh Mỹ Tho, đàn áp cộng sản vùng Đồng Tháp Mười. Ngoài ra, nhóm tác giả còn khai thác sử dụng các tập địa phương chí tỉnh Mỹ Tho và tài liệu về Câu lạc bộ Việt Nam ở Mỹ Tho năm 1939.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIB.55-124(1), IIB.58.-073(5), III.59/N08(8), III.60/N21, III.59/N08(8), M.71-2171, M.71-2323.

- Công báo Đông Dương: J.1042, J.1043.

- **Nguyễn Đình Thông**

#### *Lịch sử Đảng bộ Bà Rịa - Vũng Tàu*

Tài liệu về bộ máy hành chính, quân sự, chế độ cai trị của thực dân Pháp; các báo cáo tổng hợp hàng năm về tổ chức, phong trào cách mạng cũng như về hoạt động của các nhân vật lịch sử trên địa bàn Bà Rịa, Vũng Tàu và Côn Đảo trước năm 1975.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-146, IA.6-216, IA.6-234, IA.6-247, IA.6-276, IA.6-285, IA.12-161, IA.12-184, IA.12-251, IA.12-252, IA.12-253, IA.12-262, IIA.45-172, IIA.45-181, IIA.45-212, IIA.45-221, IIA.45-256, IIA.45-261, IIA.45-281, IIA.45-284, IIA.45-314, IIA.45-242, IIA.45-244, IIA.45-251, IIB.55-252, IIB.55-253, IIB.55-254, IIB.55-255, IIB.55-256, IIB.55-257, IIB.55-258, IIB.55-261, IIB.55-262, IIB.55-263, IIB.55-264, IIB.55-265, IIB.55-266, IIB.55-291, IIB.55-293, IIB.55-294, IIB.55-295, IIB.55-296, IIB.55-301, IIB.55-302, IIB.55-303, IIB.55-304, IIB.55-305, IIB.55-306, IIB.55-313.

- *Nguyễn Đình Thông*

*Tài liệu về Vũng Tàu - Côn Đảo*

Các tài liệu là các quyết định, báo cáo về thay đổi địa giới hành chính của Chánh tham biện - Chủ tỉnh Bà Rịa. Nội dung tài liệu bao gồm các vấn đề như: Hồ sơ về việc sửa đổi ranh giới các tỉnh, thành lập một số tỉnh mới; khẩn hoang lập ấp; các hoạt động liên quan đến tù nhân Côn Đảo như: đoàn tù nhân gửi đi Côn Đảo, chế độ tù chính trị, phúc trình hàng tháng về Côn Đảo, thanh tra Côn Đảo; lập ty công an Vũng Tàu, thành lập quân đội Bà Rịa năm 1947.

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: D0-97, E02-17, E02-42, E02-57, E02-64, E02-98, E02-122.

- *Trần Văn Thúc*

*Quá trình vận động cách mạng giải phóng dân tộc ở Nghệ An (1939-1945)*

Tài liệu là các báo cáo về phong trào Xô Việt Nghệ Tĩnh và ở các tỉnh miền Trung và tờ rơi “Nghệ An lao động” năm 1935.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-231(5).

- **Đỗ Thuyên - Nguyễn Thành Tâm - Nguyễn Thị Tâm  
Trình**

### *Thông kê tội phạm Côn Đảo năm 1940*

Tài liệu được khai thác là các báo cáo và danh sách, thống kê đính kèm báo cáo của các Giám đốc trại giam Côn Đảo về các vấn đề như: Thông kê tội phạm năm 1940, trích lục bản án các phạm nhân và chết ở Côn Đảo năm 1945, danh sách các phạm nhân chết 1940 - 1945, di chuyển tội phạm năm 1940 - 1943.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-223, IIA.45-263, IIA.45-306, G.8-29, G.80-16, G.82-10, G.82-11, G.82-30, G.82-48, G.82-70, G.82-71.

- **Trần Quốc Thương**

### *Tìm tài liệu về huyện Con Cuông thuộc tỉnh Nghệ An thời Pháp thuộc*

Tài liệu được độc giả khai thác là các nghị định, quyết định, công văn của Chủ tỉnh Hà Tĩnh về các vấn đề như địa lý, kinh tế, chính trị, lịch sử và việc sát nhập phường Thổ Châu của tỉnh Hà Tĩnh vào Nghệ An.

- Phòng Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-1613, RSA/HC-2042.

- **Đinh Thị Thành Thủy - Trần Hạnh Minh Phương -  
Trần Thị Hạnh**

### *Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh*

Nhóm tác giả khai thác trọng tâm các báo cáo về hành chính và hoạt động của Dinh Gia Long, Bảo tàng Cách mạng thành phố Hồ Chí Minh, như: những sự kiện lớn xảy ra tại Bảo tàng Cách mạng thành phố Hồ Chí Minh, hướng dẫn quan khách vào Dinh Gia Long, an ninh, chào cờ, sửa chữa Dinh Gia Long. Ngoài ra, đề tài còn khai thác các tài liệu về tổ chức và hoạt động của chính quyền Việt Nam Cộng hoà, Văn phòng Tổng thống và các cơ quan trực thuộc từ 1956 đến 1963.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: D04-41, D04-28, D1-16, D1-292, D3-9, D3-11.

- Phòng Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa: 110, 471, 488, 1075, 1426, 1753, 2218, 2217, 2222, 4719, 7902, 8945, 9021, 9228, 9307, 9498.

- **Nguyễn Lệ Thủy**

#### *Chi bộ Đảng trong nhà tù Côn Đảo (1930-1945)*

Tài liệu được khai thác là các báo cáo định kỳ tại Côn Đảo năm 1944, báo cáo hoạt động hàng tháng của nhà tù Côn Đảo năm 1936, báo cáo của Ban truy tìm tội nhân vượt ngục ở Côn Đảo năm 1944, bảng kê sức khỏe của tội nhân ở Côn Đảo đệ nhị tam, bồi hoàn lại chi phí nuôi tội nhân tại Côn Đảo năm 1933, chuyển tội nhân từ Sài Gòn ra Côn Đảo, dời chính trị phạm ở Bắc Kỳ ra Côn Đảo năm 1943.

- Phòng Tòa Đại biểu chính phủ Nam phần: G80-61, G82-31, G82-69, G82-72, G84-108.

- **Bùi Văn Toản**

#### *Nhà tù Côn Đảo và vấn đề liên quan*

Tài liệu là các báo cáo, công điện của Giám đốc các nhà tù

gửi Thông đốc Nam Kỳ về đoàn hộ tống trong một số ngày của năm 1941, 1942, 1943 và 1944, tình trạng tổng quát của tội nhân tháng 2, 3-1944, các chuyến lưu đày, tù chính trị các tỉnh. Ngoài ra, còn có các tài liệu là những thống kê như thống kê tội nhân ở Bà Rá và Tà Lài, thống kê quý 1 và 2-1941, thống kê lao động trại A, B, C nhà tù Bà Rá; danh sách các tù nhân, tù nhân được trả tự do, trích lục lệnh câu lưu các tội phạm, chuyển tội nhân từ Bắc Kỳ, Phnom Penh, Sài Gòn ra Côn Đảo vào các năm 1943-1944, danh sách tù nhân bị đày đi Tunisia và Guyane năm 1936. Đồng thời, tác giả cũng khai thác các Phúc trình của các tỉnh Nam Việt, Nha Công an năm 1955.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.2-035(2), IA.2-036(11), IA.2-037(1), IA.2-041(5), IA.2-045(1-2), IA.2-045(3-4), IA.2-045(5-9), IA.2-046(13), IA.2-052(1), IA.2-054(8), IA.2-057(9), IA.2-061(1), IA.2-062(1-3), IA.2-063(1), IA.2-072(1), IA.2-073(1), IA.2-0711(2), IIA.45-223(4), G.80-29, G.80-39, G.80-45, G.80-88, G.82-9, G.82-10, G.82-28, G.82-31, G.82-35, G.82-38, G.82-48, G.82-69, G.82-71, G.83-39, G.83-70, G.83-80.,

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: D01-60, D5-316, D06-55, D32-59.

- **Phạm Hồng Toàn**

#### *Tài liệu về Tây Ninh*

Độc giả tìm kiếm, thu thập tài liệu về Tây Ninh, bao gồm: Địa phương chí Tây Ninh, các nghị định, phúc trình, báo cáo, công văn của Chánh Tham biện tỉnh Tây Ninh, hoạt động của các hội đoàn. Các tài liệu được khai thác cụ thể như: hồ sơ về tình hình an ninh chính trị tại Tây Ninh, tập phúc trình nguyệt đế tỉnh Tây Ninh, hồ sơ về hoạt động khuếch trương, sửa chữa đường tại

Tây Ninh, hồ sơ về các hoạt động của đối phuơng tại Tây Ninh, hồ sơ về vấn đề địa giới hành chính tỉnh Tây Ninh qua các năm, tập báo cáo hoạt động hàng tháng của tỉnh Tây Ninh, hồ sơ về việc thanh tra tại các địa phuơng của Tây Ninh, tài liệu về việc xây dựng câu lạc bộ Pháp - Việt năm 1943, quỹ mât tinh Tây Ninh, việc lục quyên để xây dựng đình Phước Thạnh, Hội cứu trợ tương tế Tây Ninh, về các trường tư thục, trường trung học, tập tài liệu về tình hình an ninh, chính trị, quân sự Tây Ninh, Vệ binh Tây Ninh, về việc sửa chữa đường toàn tỉnh, trại giam ngoại kiều, hồ sơ về các cuộc hành quân trên tỉnh Tây Ninh, hồ sơ về việc tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên tinh Tây Ninh giai đoạn 1956-1963, tài liệu về khẩn hoang đất đai, hồ sơ liên quan đến các hoạt động của Cao Đài.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: B.02-11, D.1-297, D62-86, D.623-1, D.635-216, III.59/N51(1), III59/N51(2) III59/N51(24), III59/N52(4), III59/N50,

- Phòng Thủ Tống thống Đệ nhất Cộng hòa: 79, 134, 203, 204, 208, 842, 1886, 1887, 2208, 9891, 10018, 10035, 10046, 10084, 10093, 10862, 10991.

- Phòng Thủ Tống thống Đệ nhị Cộng hòa: 117, 3748, 5858, 6207.

- **Nguyễn Đình Tư**

#### *Địa chí tinh Bạc Liêu*

Tác giả khai thác các tài liệu là những quyết định, công văn, báo cáo của Thông đốc Nam Kỳ, Chánh tham biện tinh Bạc Liêu về việc thành lập, thay đổi ranh giới, địa giới tinh, sự thay đổi đất đai ở các làng Vĩnh Lợi, Hưng Hội, toàn tinh Bạc Liêu, thuế điền thổ, tổ chức lại các xã, cơ cấu tổ chúc hành chính của các xã.

- Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.16-167, IA.17-194, IA.17-196, IA.17-295.

- Phòng Hội đồng Tư mật Nam Kỳ: 6362, 6448, 6456, 6457, 8902, 8904, 8910, 8913.

- Sưu tập công báo: J.28, J.1329, J.1334, J.1335, J.1336, J.1339, J.1341, J.1342, J.1345, J.1346, J.1348, J.1349, J.1096, J.1097, J.1101.

- *Trần Văn*

*Tìm nơi chôn liệt sĩ bị tù ở Hoá Lò, Côn Đảo, Khám lớn Sài Gòn*

Các tài liệu được khai thác là các sắc lệnh, nghị định, công văn, báo cáo của Toàn quyền Đông Dương, Thống đốc Nam Kỳ, Giám đốc nhà tù Côn Đảo, khám lớn Sài Gòn về các vấn đề liên quan đến tù nhân như: quy định các loại tội, phân loại tù nhân và tình hình chính trị phạm, bắt giam các phần tử chống chính phủ, việc chuyển tù nhân, tù nhân chết, bệnh, đày đi nơi khác, thanh tra nhà lao; các vấn đề liên quan đến hoạt động của lực lượng cách mạng: Hoạt động của các nhà yêu nước, việc trấn áp các cuộc nổi loạn của lực lượng cách mạng, bắt giam Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai; các vấn đề chính trị như Tòa đại hình đặc biệt năm 1941, tình hình chính trị ở các tỉnh năm 1939, hoạt động của Sở An ninh năm 1929, các Hội kín, thư của Trần Ba Coi - Tổng đốc Cái Bè gửi Chánh Tham biện Mỹ Tho, Tòa lãnh sự Trung Quốc ở Sài Gòn và Hà Nội.

- Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.2-111(2), IIA.45-275(7), IIA.45-325(2), IIA.50-526(17), III.53/N107(4), III.53/N107(6), III.59/N107(3), F.91-3.

#### **4. Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các nhân vật lịch sử**

- Đỗ Thị Mỹ An - Trần Thị Phương Lan - Chu Thị Ngọc Lan**

*Nguyễn Ái Quốc và người thân*

Tài liệu là các công văn, báo cáo về hoạt động của các thương cảng ở Sài Gòn năm 1908 và năm 1911, bảng thống kê tàu Pháp năm 1911.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.5-024(1,2), IA.5-106, IIA.45-225(1), IIA.45-306(6).

- Nguyễn Thành Bền**

*Tìm hiểu về Phan Văn Hùm*

Tài liệu được khai thác là các báo cáo của Sở Mật thám Pháp, Giám đốc bệnh viện Chợ Quán về hoạt động cách mạng của Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thảo, Nguyễn An Ninh, thư của Nguyễn An Ninh gửi tỉnh trưởng Trà Vinh năm 1937, thư của Phạm Văn Hùm gửi Toàn quyền Pháp.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-233, IIA.45-306.

- Nguyễn Thành Bền**

*Tài liệu về Trần Văn Giàu*

Độc giả khai thác một số tài liệu là các báo cáo của Mật thám Pháp và Sở Cảnh sát về Trần Văn Giàu.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-236, IIA.45-292(2), IIA.45-311(8).

- Bảo tàng Tôn Đức Thắng**

*Tài liệu liên quan đến Tôn Đức Thắng*

Các tài liệu được khai thác là các nghị định, công văn, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Đốc lý Sài Gòn về hoạt động, mối quan hệ của Tôn Đức Thắng từ thời niên thiếu đến khi đi hoạt động cách mạng, những địa danh, địa điểm mà Tôn Đức Thắng đã đến, sinh sống, học tập làm việc như trường Thực hành Thợ máy Châu Á, việc cải tổ Thương cảng Sài Gòn năm 1921-1922, danh sách tù nhân tại nhà lao Côn Đảo.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 5597, 6780, 6781, IA.5-022(1), IA.5-024(1), IA.7-294, G.80-46, G.80-94, G.82-12, G.82-69.

- **Trần Minh Chưởng**

*Tiểu sử các lãnh tụ của Đảng và Nhà nước*

Tài liệu được khai thác là các báo cáo, công văn về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, Hà Huy Tập, Đông Dương Cộng sản Đảng.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-192, IIA.45-204, IIA.45-216, IIA.45-222, IIA.45-223, IIA.45-231.

- **Đào Xuân Cương**

*Bí thư Nguyễn Thị Minh Khai và các anh hùng liệt sĩ Nam Kỳ khởi nghĩa*

Các tài liệu được khai thác là các nghị định, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Chánh Tham biện các tỉnh, Giám đốc các đồn lao về tình hình chính trị năm 1940, việc bắt giữ Nguyễn Thị Minh Khai, thỉnh nguyện của các tù nhân, việc giải tán Đảng Cộng sản các năm 1939-1940 (tiêu đề trong một báo cáo của Chính quyền thực dân Pháp), vượt ngục của tù nhân các năm 1941-1944.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-204(2), IIA.45-306(4), IIA.45-322(1), IIA.45-323(1), IIA.45-326(5).

- **Cù Thị Dung**

*Tài liệu về Hà Huy Giáp*

Tài liệu là báo cáo của binh lính Long Xuyên về Hà Huy Giáp tự Bùi Văn Té.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-232(1), IIA.45-232(2).

- **Cù Thị Dung**

*Tài liệu về Tôn Đức Thắng*

Tài liệu được khai thác là các sắc lệnh, nghị định, công văn, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Giám đốc trường Thực hành Thợ máy Sài Gòn về việc thành lập, hoạt động, cải tạo trường thực hành thợ máy Sài Gòn các năm 1906, 1911, 1915.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.7-287(2), IA.7-285(6), IA.7-285(9).

- **Cù Thị Dung - Mai Thị Giang**

*Tài liệu về Hồ Chí Minh*

Nhóm tác giả khai thác báo cáo chính trị về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, hoạt động của Thương cảng Sài Gòn năm 1908, 1911, thống kê tàu Pháp ra vào Thương cảng Sài Gòn năm 1911.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.5-016(8), IIA.45-225(1), IA.5-024(1,2), IA.5-106, IIA.45-306(6).

- **Phan Kim Dung**

*Tài liệu về Bùi Văn Thủ và Bùi Văn Ngữ - Xứ ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ từ năm 1936-1940*

Tài liệu được khai thác là các báo cáo của Sở Mật thám Pháp,

Đốc lý Sài Gòn về lời khai của Bùi Văn Thủ tự Jack, Nguyen Nang Lu tự Bay Den, lời khai chống lại Trưởng đồn Bà Điểm - ông Bestaille, vụ việc của báo Tranh Đấu và Tiền Phong.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-182(6), IIA.45-205(7), IIA.45-231(1), IIA.45-235(7), IIA.45-241(9).

- **Lê Minh Đô**

*Tài liệu về đồng chí Nguyễn Văn Cừ*

Độc giả khai thác tài liệu là các báo cáo chính trị của các Chủ tinh trong những năm 1932-1940, các cuộc biểu tình của nông dân Nam Kỳ, hoạt động của lực lượng cách mạng và Đảng Cộng sản năm 1936-1937, các hoạt động chính trị và lật đổ năm 1937-1940.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-176(2), IIA.45-196(2), IIA.45-196(4), IIA.45-203(6), IIA.45-205(1), IIA.45-225(1), IIA.45-285(2), IIA.45-306(3), IIA.45-323(2).

- **Dennis Kux**

*Tìm thông tin về ông Nguyễn Văn Bảo (1880-1965) - Đốc phủ sứ tỉnh Vĩnh Long*

Đề tài khai thác chủ yếu là các quyết định, báo cáo của Chủ tinh Vĩnh Long về thăng thưởng, bổ nhiệm trong tỉnh, các hoạt động về hành chính, tư pháp, danh sách quan địa phương phân bổ, huân chương Đốc phủ sự hàng năm.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 1077, 1342, 1420, 1423, 1555, 3499, 3511, 3535, 3727.

- **Fer Jean**

*Tài liệu về ông Marty làm việc tại Ty Đường sắt Đông Dương (1931-1936)*

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, phúc trình, công văn, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Ty Đường sắt Liên bang về thành lập, mở mới, tu bổ, sửa chữa, nâng cấp hệ thống đường sắt Đông Dương; về nhân sự như liên đoàn công chức người Âu, sĩ quan thuế, Hiệp hội nhân viên Sở Công chánh ở Đông Dương, Hiệp hội Kỹ sư Đông Dương.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.7-111, IA.6-192, IIA.24-256, IIA.45-256.

- Sưu tập công báo: J.211, J.212, J.213, J.1455, J.1496.

- Sưu tập sách bô trợ: NV.58, NV.676.

- **Phạm Quốc Khánh**

*Tư liệu về ông Phan Bôi*

Tài liệu là các bản báo cáo hoạt động hàng tháng của đè lao Côn Đảo năm 1936, các bản thống kê số tội nhân ở đè lao Côn Đảo năm 1940, 1944, 1943; danh sách tù chính trị được thả tự do năm 1936, các bản phúc trình hàng tháng về hoạt động của đè lao Côn Đảo năm 1937, 1940, bảng kê khai tử tội ở Côn Đảo năm 1940 - 1944, thư của ông Phan Bôi gửi cho các tù nhân chính trị ở Côn Đảo, lời khai của Nguyễn Thái tự Năm, lời khai của Hà Huy Giáp, liệt kê tên trong bản kê khai của Nguyễn Thái.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA115-232(1), IIA115-232(6), IIA45-223(4), G.80-15, G.80-61, G.82-11, G.82-61, G.82-71, G.87-10, G.92-9.,

- **Nguyễn Thị Hạnh**

*Đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng*

Độc giả khai thác các báo cáo, công văn của các giám đốc đè lao, Nha Cảnh sát Nam Kỳ, chủ tỉnh các tỉnh. Các tài liệu được

khai thác bao gồm: Báo cáo của các tỉnh năm 1930-1931, âm mưu của lực lượng cách mạng trong các xưởng, rải truyền đơn, Trần Văn Khá và mối quan hệ với Nguyễn Ái Quốc, sự kiện chính trị năm 1930, tù chính trị được đưa tới Chợ Quán, các vụ việc của lực lượng cách mạng; nhận dạng lai lịch 18 sinh viên nội trú, sinh viên bị đuổi khỏi Pháp và nhân viên.,

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-215, IIA.45-223(4), IIA.45-223(4bis), IB.23-071, IB.23-0623.

- **Nguyễn Thị Như Hoa - Trần Thị Huyền**

*Tìm tài liệu về Tôn Đức Thắng và gia đình*

Nhóm tác giả khai thác các sắc lệnh và nghị định của Toàn quyền Đông Dương và Thông đốc Nam Kỳ về các vấn đề chính trị tại Trung Kỳ và Bắc Kỳ, mối quan hệ giữa Nam Kỳ và Campodge; giáo dục công, việc thành lập, xây dựng các trường nghề, trường thực hành, quá trình hình thành trường học ở Long Xuyên.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-234.

- Công báo Đông Dương: J.14, J.15, J.16, J.17, J.18.

- **Thái Nhân Hòa**

*Phan Thanh - nhà trí thức cách mạng*

Hai tài liệu liên quan đến thân thế của nhà trí thức cách mạng Phan Thanh.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 1776, IIA.45-204.

- **Phan Văn Hoàng**

*Nhà yêu nước Cao Triều Phát*

Độc giả khai thác tài liệu là các báo cáo của Sở Cảnh sát Nam Kỳ, Mật thám Pháp về người sáng lập Đông Dương Lao

động Đảng và Nhựt Tân báo Cao Hai De, Cao Triều Phát giai đoạn 1922-1935, hoạt động của Cao Hai De năm 1935-1938, hoạt động của Cao Triều Phát tại Bạc Liêu năm 1940.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-175, IIA.45-191, IIA.45-261, IIA.45-263, IIA.45-322.

- **Trương Đình Bạch Hồng**

*Tìm hiểu về Nguyễn An Ninh*

Tài liệu được khai thác là các báo cáo của Sở Mật thám Pháp, Cảnh sát Đông Dương, Ty Cảnh sát Nam Kỳ, Trưởng trại giam liên quan đến hoạt động cách mạng của Nguyễn An Ninh, hoạt động của Đảng Thanh niên cao vọng, hoạt động của Võ Thành Cứ và mối quan hệ của Võ Thành Cứ với Nguyễn An Ninh trong việc ra báo, bản án của Nguyễn An Ninh, việc Nguyễn An Ninh bị bắt, thư viết tay của Nguyễn An Ninh gửi cho Tỉnh trưởng Trà Vinh, việc xuất hiện quyển sách “Chính trị Nguyễn An Ninh”.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-173, IIA.45-245, IIA.45-306.

- Công báo Nam Kỳ: J.1013-J.1026, J.1268, J.1269. J.1270-J.1275.

- **Phạm Thị Huệ**

*Tài liệu về hoạt động của đồng chí Hà Huy Tập*

Đề tài khai thác tài liệu là các công văn, báo cáo của Cảnh sát Đông Dương, Mật thám Pháp về các hoạt động của các nhà yêu nước và sự kiện chính trị năm 1930.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-192, IIA.45-204, IIA.45-216, IIA.45-231, IIA.45-222.

- **Bùi Việt Hùng**

### *Tìm tài liệu về ông Hồ Da Văn*

Tài liệu được khai thác là các công văn, báo cáo của Khâm sứ Trung Kỳ, Giám đốc các nhà lao về các vấn đề như: Cái chết của tù nhân Lê Nho, người Nghệ An ngày 26-12-1934 tại bệnh viện Cayenne, tình trạng tù nhân người Trung ở Cayenne năm 1934, tình trạng nhà tù ở Trung Kỳ năm 1933, 1936, trả tù nhân người Trung về lại khám lớn ở Hà Nội năm 1935-1936, danh sách các tù nhân người Trung ở Côn Đảo năm 1936, thông tin về tù nhân chính trị ở Trung Kỳ cung cấp cho Phủ Khâm sứ năm 1935-1937, ý kiến của các Khâm sứ về việc chọn nơi đày người Đông Dương phạm tội ở Trung Kỳ năm 1938; báo cáo hàng tháng về các nhà tù tư pháp ở Trung Kỳ năm 1933, giải pháp nhân đạo cho các tù nhân chính trị 1930-1931, việc chuyển tù nhân Nguyễn Giang và Trần Ngon ở Laokay đến nhà tù Fajoo.

- Phòng Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-3041, RSA/HC-3051, RSA/HC-3200, RSA/HC-3221, RSA/HC-3399, RSA/HC-3619, RSA/HC-3622, RSA/HC-3454, RSA/HC-3460, RSA/HC-3942, 3 RSA/HC-3967, RSA/HC-3984, RSA/HC-3972.

- **Nguyễn Xuân Hùng**

### *Tài liệu về các nhà hoạt động cách mạng*

Tài liệu là các công văn, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Mật thám Pháp, Cảnh sát Đông Dương, các chủ tinh ở Nam Kỳ về các tài liệu tịch thu được của Việt Minh để cập đến hoạt động của Việt Minh như: Dự án xâm nhập Châu Thành, tổ chức và hoạt động của Việt Minh, lý lịch các nhà lãnh đạo Bắc Việt, các bản án của Tòa đại hình đặc biệt liên quan đến các vấn đề như: Hà Huy Tập bị kết án biệt xứ năm 1939, hồ sơ các án biệt xứ 1930-1940,

xem xét đơn xin ân xá, lưu đày, phỏng thích tù nhân năm 1945.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-205, IIA.45-211, D.5-1756, D.5-459, D.5-519, D.5-523, D.5-524, D.5-542.

- Phông Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: G2-21, G9-65, G9-89.

- Phông Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-3039.

- ***Nguyễn Xuân Hùng***

#### *Tài liệu về Lý Tự Trọng*

Tài liệu là các bản báo cáo của các chủ tinh ở Nam Kỳ về hoạt động biểu tình của lực lượng cách mạng vào ngày 1-5-1930, ngày 1, 2 tháng 8-1931, biểu tình của lực lượng cách mạng tại Sài Gòn vào ngày 26-10-1930, tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930-1931.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-192(7), IIA.45-211(2), IIA.45-211(6), II.A45-211(8), II.A.45-234(4).

- ***Nguyễn Xuân Hùng***

#### *Tài liệu về đồng chí Nguyễn Văn Cừ*

Độc giả khai thác tài liệu trong giai đoạn 1936-1940 bao gồm các báo cáo chính trị của chính quyền thực dân Pháp tại các tỉnh, báo cáo về hoạt động chính trị và hoạt động của Đông Dương Cộng sản Đảng.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-176(2), IIA.45-196(2), IIA.45-196(4), IIA.45-203(6), IIA.45-205(1), IIA.45-306(3), IIA.45-225(1), IIA.45-234(4), IIA.45-245(2), IIA.45-285(2), IIA.45-323(2).

### **• Trần Quang Hữu**

*Tù tù Côn Đảo Lê Văn Thuận (Kim Sơn, Mỹ Tho)*

Độc giả khai thác các tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, báo cáo của Toàn quyền Đông Dương, Thống đốc Nam Kỳ, cảnh sát Đông Dương và giám đốc các nhà lao về vấn đề phạm pháp, truy cứu, tình hình tội phạm, tù nhân Côn Đảo năm 1941-1943, danh sách tù nhân, danh sách tù nhân chết, danh sách tù nhân được trả án, dời nơi khác, trốn thoát, phong thích, tình hình sức khỏe tội nhân; về quản lý nhà tù và tù nhân như tăng cường canh giữ tội nhân, tổ chức hành chánh tại đè lao Côn Đảo, trại giam Bà Rá, nguyên tắc về cơ cấu nhà giam tội nhân tại Nam Kỳ năm 1943.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: G.82-38, G.82-48, G.82-60, G.82-88, G.87-4, G.87-8, G.87-10.

- Công báo Nam Kỳ: J.518, J.520.

### **• Juli Phạm Hoài Nguyễn**

*Hoạt động của các nhà cách mạng và trí thức ở Miền Nam (1930-1975)*

Độc giả khai thác các tài liệu về các vấn đề như: Các hoạt động của sinh viên, hoạt động rải truyền đơn của lực lượng cách mạng, về Tạ Thu Thảo, Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai, các hoạt động của sinh viên ở Pháp và các nước hải ngoại, hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương ở các tỉnh, hoạt động của các đoàn hội do sinh viên tổ chức.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-291, IIA.45-292, IIA.45-293, IIA.45-295, IIA.45-306(3), IIA.45-306(9), IIA.45-306(10), IIA.45-306(11), IIA.45-306(12), IIA.45-313(5), IIA.45-315, IIA.45-324.

- **Ngô Văn Lâm**

*Tìm tài liệu về đồng chí Phạm Hùng*

Tài liệu là các công văn, báo cáo của chính quyền thực dân Pháp về phiên toà của thực dân Pháp xử án Phạm Hùng, hoạt động của Phạm Hùng và việc bị giam giữ ở các nhà tù của thực dân.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-211, IIA.45-223, IIA.45-232, IIA.45-256.,

- **Trần Thị Thùy Linh**

*Tài liệu về Tôn Đức Thắng*

Tài liệu là các báo cáo chính trị của chính quyền thực dân Pháp về hoạt động của các nhà lãnh đạo cách mạng, các nhà yêu nước, các tổ chức đảng và các phong trào chống Pháp.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: II.45-293(1).

- **Trần Thị Thùy Linh - Mai Thị Giang**

*Tài liệu về Trần Văn Giàu*

Tài liệu là các báo cáo của Mật thám Pháp, Chủ tinh các tỉnh Nam Kỳ về hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Trần Văn Giàu, việc trấn áp hoạt động cách mạng của Trần Văn Giàu, hoạt động cách mạng của Trần Văn Giàu và việc ân xá Trần Văn Giàu.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-195(2), IIA.45-195(3), IIA.45-214(2), IIA.45-216(9), IIA.45-231(1), IIA.45-292(3), IIS.45-294(2), IIA.45-303(3) IIA.45-306(7), IIA.45-311(9) IIA.45-312(1).

- **Dương Thành Mẫn**

*Tài liệu về Võ Văn Tân, Nguyễn Thị Minh Khai, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Văn Cừ*

Tài liệu được khai thác là các quyết định, bản cung, bản án của Thống đốc Nam Kỳ, Tòa án về các nhà yêu nước, chống Pháp như: Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Văn Cừ.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-204, IIA.45-205, IIA.45-223, IIA.45-231, IIA.45-234, IIA.45-243, IIA.45-272, IIA.45-321.

- ***Huỳnh Công Minh***

*Tài liệu về liệt sĩ Huỳnh Bá Nhã*

Tài liệu được khai thác chủ yếu là các phúc trình, báo cáo của cảnh sát, của giám đốc khám lớn, đề lao về tù nhân mới, tù nhân được phóng thích, vượt ngục, tù nhân chết tại Côn Đảo và khám lớn Sài Gòn năm 1940-1944, trích lục bản án của các phạm nhân đã chết ở Côn Đảo năm 1945, chuyển tội nhân ra Côn Đảo năm 1943-1944, giấy báo tử của ông Huỳnh Bá Nhã.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: G.80-16, G.80-45, G.82-10, G.82-48, G.82-69, G.82-71, G.87-1, G.87-4, G.87-8, G.87-10.

- ***Lê Nguyễn Hồng Minh***

*Tài liệu về Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai*

Tài liệu được khai thác là các báo cáo của Cảnh sát Nam Kỳ, Tòa án về kết án Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, hoạt động chính trị của Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai, việc bắt giữ Nguyễn Thị Minh Khai.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-204, IIA.45-223, IIA.45-293, IIA.45-306, IIA.45-312.

- **Trần Thị Nhung**

- Trần Văn Giàu ở Tà Lài*

Tài liệu được khai thác là các sắc lệnh, nghị định, công văn, báo cáo của Toàn quyền Đông Dương, Thống đốc Nam Kỳ, giám đốc các đè lao, chủ tịn các tỉnh Nam Kỳ về thành lập, mở mới, cơi nới các nhà tù ở Nam Kỳ; về tài chính ở trại giam như Quỹ ngân sách Sài Gòn và các tỉnh phụ giúp hoạt động của trại giam Tà Lài và Bà Rá năm 1941, việc vận chuyển nhu yếu phẩm tiếp tế cho nhà tù Tà Lài và Bá Rá, giá tiền mỗi tù nhân ở Tà Lài và Bà Rá; về việc áp giải phạm nhân lên nhà tù Tà Lài và Bà Rá, bảng kê số tù nhân và số ngày ở trại lao động đặc biệt Bà Rá và Tà Lài cho đến ngày 31-12-1940, danh sách tù chết, phỏng thích, trốn trại.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: G8-41, G83-39.
- Công báo Đông Dương: J.224, J.225, J.503, J.505.

- **Nguyễn Quế**

- Ông Nguyễn Văn Tạo (1930-1940)*

Tài liệu là các công văn, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Cảnh sát Đông Dương, giám đốc đè lao về hoạt động của Nguyễn Văn Tạo, trả tự do cho tù Côn Đảo năm 1936, sinh viên Việt Nam tại Pháp 1926-1930, những đảng viên cộng sản hàng đầu, đại hội Đảng ở Hongkong, Trần Văn Khá liên hệ với Nguyễn Ái Quốc.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-192, IIA.45-224, IIA.45-231, IIA.45-263, IIA.45-273.

- **Bùi Việt Sơn**

- Cuộc đời hoạt động cách mạng của ông Bùi Lâm*

Tài liệu là các báo cáo, bản án của Mật thám Pháp, Tòa Đại hình về sự can thiệp của Hội nhân quyền trong vấn đề tù nhân,

định công chόng lại việc bỏ đói của các tù nhân chính trị bị Tòa Đại hình xử ngày 26-11-1935 và bị đưa đến Côn Đảo, sơ đồ tổ chức Cộng sản ở Nam Kỳ được hình thành theo những dữ liệu do ông Ung Văn Khiêm tự là Huân cung cấp.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-232(1), IIA.45-263(6), IIA.45-272(10), IIA.45-281(18).

- ***Nguyễn Sơn***

*Hoạt động yêu nước của cụ Nguyễn An Ninh và thân sinh Nguyễn An Khương*

Độc giả khai thác chủ yếu các tài liệu là những công văn của Thông đốc Nam Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương, báo cáo của giám đốc đè lao và những bài báo của một số tờ báo vô sản lúc bấy giờ. Các tài liệu bao gồm những vấn đề như: Truyền đơn về Đông Dương Đại hội của nhóm “La Lutte”, phiên tòa xử Nguyễn An Ninh ngày 30-9-1937, phiên tòa ngày 9-7-1937 kết án vắng mặt Nguyễn An Ninh, đơn xin ân xá của Nguyễn An Ninh tháng 9-1938 và ý kiến của Thông Đốc Nam Kỳ về đơn xin ân xá của Nguyễn An Ninh, Nguyễn An Ninh và phong trào Đông Dương Đại hội (công tác tuyên truyền), Nguyễn An Ninh và báo L’Avantgarde; sơ yếu lý lịch của Dejean de la Batie (người quản lý báo La Clodre Félée của Nguyễn An Ninh).

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-181(7), IIA.45-241(1), IIA.45-192(11), IIA.45-241(8), IIA.45-171(1).

- ***Nguyễn Minh Tài***

*Tìm tài liệu về ông Nguyễn Văn Hội, cựu tù Côn Đảo*

Tài liệu là các công văn, báo cáo của Thông đốc Nam Kỳ, giám đốc đè lao về danh sách tội nhân được trả án, dời nơi khác, trốn thoát, phỏng thích trước ngày mãn hạn tù, trực xuất hay chết

ở Côn Đảo, bảng danh sách tội phạm mới trong năm 1940-1943; chuyên chở các phạm nhân và vật liệu từ đất liền ra Côn Đảo, tình trạng chính trị phạm trong đợt nhất lục cá nguyệt năm 1942-1943.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: G.8-29, G.80-16, G.80-62, G.82-1, G.82-2, G.82-10, G.82-12, G.82-70, G.82-71.

- **Bùi Ngọc Tâm**

*Tiểu sử Nguyễn Thị Minh Khai*

Tài liệu về cuộc đời và hoạt động của Nguyễn Thị Minh Khai, phán quyết của Tòa án Đại hình đối với Nguyễn Thị Minh Khai.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-306.

- **Nguyễn Tường Tâm**

*Tìm tài liệu về ông Nguyễn Tường Văn*

Tài liệu là những sắc lệnh, nghị định, công văn, báo cáo của Chánh tham biện - Chủ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 1888-1897 về tuyển dụng, nâng ngạch, lương bổng, chỗ ở cho viên chức; về cấp bậc, chức danh, tiến cử của các nha phủ cho cấp Đốc phủ sứ, để xuất tặng huân chương cho Tổng đốc, Đốc phủ sứ.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.11-261(2) IA.11-276, IA.15-175, IA.15-174(1).

- **Phạm Thị Thái**

*Quá trình hoạt động cách mạng của Ngô Đức Tài*

Tài liệu là các báo cáo của các Chủ tỉnh Nam Kỳ về hoạt động của Nguyễn Văn Khiêm tự Huân, Nguyễn Thái tự Năm và Hà Huy Giáp tự Bùi Văn Té.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-232(1), IIA.45-232(1-2), IIA.45-232(2-2), IIA.45-233.

- **Phạm Đức Thành**

### *Các đồng chí lão thành cách mạng*

Các tài liệu được khai thác là báo cáo chính trị năm 1935, hoạt động của các nhà lãnh đạo báo Tiền Phong và khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-204(2), IIA.45-204(8), IIA.45-326(1).

- **Đàm Văn Thọ**

### *Lê Hồng Phong*

Nhóm độc giả khai thác các tài liệu là những báo cáo, thông điệp của Nha Cảnh sát đặc biệt về việc tống khứ Lê Hồng Phong (Lê Huy Đoàn) về nguyên quán, thông điệp 10823 (23-12-1939) của phòng nhất, Nha Cảnh sát đặc biệt. Ngoài ra, độc giả còn khai thác tờ “Tiến liên”.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-223(7), IIA.45-306(4).

- **Đàm Văn Thọ**

### *Tổng Bí thư Hà Huy Tập*

Tài liệu được khai thác là các thông tư của Thông đốc Nam Kỳ, báo cáo chính trị của Mật thám Pháp về hoạt động chính trị của lực lượng cách mạng năm 1938-1940; về ông Hà Huy Tập bị kết án biệt xứ, tài liệu về việc bắt ông Hà Huy Tập năm 1938, kết án ông Hà Huy Tập năm 1939.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-204, IIA.45-205, IIA.45-211, IIA.45-212, IIA.45-223, IIA.45-231, IIA.45-234, , IIA.45-245.

- **Lê Thị Thu**

*Tìm tù nhân Côn Đảo Lê Tân Thông*

Độc giả khảo sát danh sách tù Côn Đảo 1940-1945, thông tin về ông Lê Tân Thông sinh năm 1913, bị bắt 10-12-1940, thả 23-7-1945.

- Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: G.82-71.

- **Huỳnh Quan Thư**

*Nghiên cứu hồ sơ lịch sử Châu Văn Sanh, hi sinh 24-7-1944 tại Côn Đảo*

Đề tài khai thác các tài liệu là những nghị định, quyết định, phúc trình, công văn, báo cáo của Toàn quyền Đông Dương, Thống đốc Nam Kỳ, giám đốc các đề lao về các vấn đề như: Chế độ tù chính trị năm 1930, bản truy tầm tội nhân vượt ngục ở Côn Đảo năm 1944, danh sách tù nhân Côn Đảo qua các năm, chi phí hàng năm của nhà tù Côn Đảo, hồ sơ về nhân viên quản lý ở nhà tù Côn Đảo, vấn đề chuyên chở tù nhân ra Côn Đảo và ngược lại, vấn đề kỷ luật và các hình phạt ở nhà tù Côn Đảo, vấn đề y tế, chết chóc, bệnh tật ở nhà tù.

- Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.1-0515, IA.2-041, IA.2-081, IA.2-101, IA.19-145, IA.45-272.

- **Nguyễn Thu Thủy**

*Cuộc đời hoạt động của ông Nguyễn Văn Tạo (1931-1946)*

Các tài liệu được khai thác là những nghị quyết của Hội đồng Tư mật Nam Kỳ, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương, báo cáo của cảnh sát, báo cáo của các tỉnh. Các tài liệu này gồm những vấn đề: Bầu cử Hội đồng thuộc địa ngày 3-3-1935, bầu cử Hội đồng thành thị ngày 18 đến 25-4-1937, Cảnh sát

hình sự ở Nam Kỳ; về hoạt động của nhóm tranh đấu 1936, chuẩn bị hội nghị Đông Dương, và hoạt động của lực lượng cách mạng, nhóm “Dân Tộc”, nhóm “Đấu tranh”, truyền đơn 1938, các hoạt động chính trị của người bản xứ, biểu tình bắt lính khổ xanh; các hoạt động liên quan đến Nguyễn Văn Tạo - ứng viên Hội đồng thành thị, việc buộc tội, thả tự do, đấu tranh của Tạ Thu Thâu và Nguyễn Văn Tạo, về việc thả tự do cho các tù nhân, vấn đề liên quan đến tù nhân tại các nhà tù như Côn Đảo, Khám Lớn; các hoạt động của sinh viên.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-173(13), IIA.45-175(5), IIA.45-IIA.45-241(1), IIA.45-241(2), IIA.45-241(7), IIA.45-241(8), IIA.45-241(9), IIA.45-243(3), VIA.8-033(10), VIA.4-311(1).

- **Lê Đức Tính**

- Đồng chí Nguyễn Văn Cừ*

Độc giả khai thác một số báo cáo của Mật thám Pháp về Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Huy Tập.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-223, IIA.45-243, IIA.45-242, IIA.45-306, IIA.45-326.

- **Văn phòng Trung ương Đảng ở Hà Nội**

- Liên quan đến lịch sử Đảng và các đồng chí lão thành cách mạng*

Tài liệu được khai thác là các báo cáo của chính quyền thuộc địa Pháp về các hoạt động của các nhà cách mạng, của Đảng Cộng sản như: Hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930, Hội nghị tại Hồng Kông năm 1934-1935, tài liệu về hoạt động của Việt Minh, các tổ chức cộng sản; về hoạt động của Phạm Văn Đồng năm 1938, Hà Huy Tập, Trần Văn Giàu tự là Hồ Nam, Tạ

Thu Thâu, Nguyễn An Ninh 1935-1939, Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai. Bên cạnh đó, độc giả còn khai thác tư liệu là các bài báo của các tờ báo cộng sản như Cờ vô sản, Dân nghèo.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-192, IIA.45-216, IIA.45-223, IIA.45-231, IIA.45-231bis, IIA.45-241, IIA.45-243, IIA.45-274; IIA.50-512, IIA.50-514, IIA.50-515, IIA.50-522, IIA.50-523, II59/N107.

- **Nguyễn Thu Vân**

*Nguyễn Hữu Huân - nhà yêu nước kiên cường, nhà thơ bất khuất*

Tài liệu được khai thác là các quyết định, nghị định, quy định, báo cáo của chính quyền thực dân Pháp như quyết định số 168 cho phép Mỹ Tho nộp vào kho bạc số tiền 1515fr15 đã bị tịch thu ở tại nhà của các trưởng nhóm nổi loạn, bắt phạt 2 người trưởng nhóm nổi loạn vì đã không chịu đầu hàng đúng lúc (5-7-1875), bắt phạt 47 làng ở Mỹ Tho vì đã tham gia vào phong trào khởi nghĩa (5-7-1875), thư của Đốc phủ sứ Trần Tử Ca ngày 5-5-1875 gửi Giám đốc Nha Nội chính Pháp về việc bắt những người yêu nước theo Thủ Khoa Huân, thư của Đỗ Hữu Phương gửi Quan lớn ngày 24-5-1875 về việc bắt Thủ Khoa Huân.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 4504, 6357, 6358, 6364.

- **Nguyễn Đình Việt**

*Tìm tài liệu ông Nguyễn Văn Nông, tù nhân Côn Đảo trong danh sách 531 tù nhân Côn Đảo*

Các tài liệu được khai thác là danh sách tù nhân mới, tù nhân được trả án, được phóng thích, tù nhân chết tại Côn Đảo 1940-1944, tình trạng chính trị phạm trong đệ nhất lục cá nguyệt năm 1942 và đệ nhát lục cá nguyệt năm 1943.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: G.80-16, G.82-10, G.82-11, G.82-70, G.82-71.

- **Lê Quang Xuân**

*Tìm hiểu thông tin cụ Trần Văn Phuớc - tử tù Côn Đảo (1930-1945)*

Độc giả khai thác các danh sách tội nhân mới và tội nhân chết năm 1940-1944.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: G.82-10, G.82-70, G.82-71, G.87-10.

## II. KINH TẾ

### 1. Nghiên cứu chung về kinh tế - xã hội

- **Quách Thị Thu Cúc**

*Đầu tư của tư bản tư nhân Pháp tại Nam Kỳ (1896-1940)*

Đề tài khai thác tài liệu là các Nghị định của Thống đốc Nam Kỳ, báo cáo của các Chánh tham biện năm 1870 - 1878, phúc trình thanh tra của ông Rheinart, ông Philastre về cuộc kinh lý tại các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Bà Rịa, Tây Ninh, Thủ Dầu Một 1877-1879, tập san của Hiệp hội các chủ đồn điền cao su, thư từ trao đổi giữa Thống đốc Nam Kỳ và các Tham biện tỉnh... Nội dung tài liệu liên quan đến vấn đề chế độ thuế điền thô ở Nam Kỳ, đăng ký địa bộ đối với đất công sản không có bằng khoán, phân loại, cho thuê, trao đổi, mua bán, sang nhượng ruộng đất, vấn đề sang nhượng đất của người Hoa; về đồn điền Michelin Dầu Tiếng, cơ cấu tổ chức công việc và điều kiện sống của nhân công, những quy định của các công đoàn ở các xí nghiệp in.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: 2052, 2061, 2280, 2282, IA.1-039(2), IA.2-015(5), IA.2-015(6), IA.2-036(13), IA.2-

051(11), IA.3-111(4), IA3-232, IA14-017, IA14-021, IA14-085, IA14-097, IA14-163, IIA.45-224(1), IIA45-234, IIA.45-306(16), VIA8-253.

- Sưu tập công báo: J.738, J.1024, J.1387.

- ***Chieu Ngu Vu***

*Những biến đổi văn hóa và xã hội tại Việt Nam (1925-1975)*

Tài liệu là các quyết định, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Sở Mật thám Pháp, Đốc lý Sài Gòn, chủ tinh các tỉnh Nam Kỳ, các giám đốc trường học về Trương Vĩnh Ký; về tổ chức giáo dục công lập; về hoạt động của các lãnh tụ, chí sĩ yêu nước như: Phan Bội Châu, Trần Văn Kha, Nguyễn Ái Quốc, Nguyen Van Tao, Tran Van Thanh, Ha Huy Tap, Khanh Ky, Ngo Van Khich, Nguyen Thi Minh Khai, Nguyen Van S, Ta Thu Thau, Tran Van Giau; về hoạt động Việt Nam Quốc dân đảng năm 1925, tỉnh Bà Rịa, hoạt động của khôi công giáo, khôi công dân công giáo, Phật giáo, các tôn giáo, nhóm trí thức, một số tu sĩ.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.6-213, IA.6-217, IA.6-223, IA.6-225, IA.6-227, IA.6-234, IA.6-235, IA.6-252, IIA.45-192, IIA.45-205, IIA.45-223, IIA.45-231, IIA.45-243, IIA.45-295, IIA.45-274, IIA.45-314.

- ***Jörg Thomas Engelbert***

*Sự phát triển kinh tế và xã hội miền Nam Việt Nam (1858-1920)*

Tài liệu là các công văn trao đổi của Thống đốc Nam Kỳ với các chủ tinh liên quan đến vấn đề miễn thuế đối với cây hạt tiêu năm 1920, bản thống kê của Đốc lý Sài Gòn về việc tàu ra vào thương cảng Sài Gòn những năm 1898-1911, báo cáo về cây công nghiệp của Công ty Cao su Đông Dương, Công ty Cao su

Đát Đỏ về xây dựng đồn điền cao su tại Nam Kỳ, các báo cáo của Chủ tỉnh Vĩnh Long, Sa Đéc liên quan đến các vấn đề như lịch sử, nông nghiệp, công nghiệp.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.1-011(3), IA.1-039(1), IA.1-058(4-5), IA.1-0514(10-11), IA.4-296, IA.4-215(1), IA.4-217(1).

- **Nguyễn Văn Hiệp**

*Những chuyển biến kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương (1945-2005)*

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, phúc trình, báo cáo của Thông đốc Nam Kỳ, Chánh tham biện - Chủ tỉnh Thủ Dầu Một về kinh tế, các cuộc kinh lý tỉnh Thủ Dầu Một qua các năm, chương trình kiến thiết đô thị Thủ Dầu Một, vấn đề kế toán, hành chính, ngân sách địa hạt Thủ Dầu Một, về quỹ tiết kiệm, quỹ mậu, quỹ ứng trước Thủ Dầu Một; về công tác quân sự, phòng thủ, an ninh chính trị, thanh tra, giáo dục, thủy lợi Thủ Dầu Một.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 5353, L.4-111, L.4-58, L.9-89, L.9-90, L.24-8, L.42-42, M.7-42, M.71-84.

- **Nguyễn Thị Hò**

*Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Long An từ thời Pháp thuộc đến nay*

Tài liệu là các báo cáo của chủ tỉnh Tân An về các vấn đề liên quan đến làng Hưng Điền giáp biên giới Campuchia năm 1891.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.12-148 (9), IA.12-148 (20).

- **Bùi Thị Huệ**

*Những biến đổi kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Phước thời Pháp thuộc (1862-1945)*

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Chủ tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một về sửa đổi ranh giới, tách, sáp nhập, lập các quận mới; về các hoạt động giao thông vận tải, thủy lợi, đồn điền như thủy lợi Thủ Dầu Một, giá chuyên chở hàng hóa, ván đè lưu thông bằng xe hàng và xe bò, sơ đồ đồn điền; về tình hình kinh tế như vấn đề xây dựng đường sá, tình hình canh nông ở Nam Kỳ năm 1941, đồn điền cao su tại Cao Miên và Nam Kỳ, sản xuất, chăn nuôi và diện tích trồng cây năm 1942, tổng kết sự khai thác trồng trọt của người Âu tại Nam Kỳ, việc trồng trọt và khai khẩn của người Âu và người Đông Dương tại Nam Kỳ, về khai thác rừng cầm số 1 và 170 ở Thủ Dầu Một năm 1944, lập 2 khu rừng cầm trong tỉnh Biên Hòa năm 1924, hiệp hội những nhà trồng cao su năm 1940-1942, danh sách những rừng cầm tại Đông Dương năm 1928, quy chế săn bắn năm 1925-1929.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: III.60/N11, N.0-36, N.0-38, N.0-49, N.0-51, N.5-55, N.93-13, N.93-111.

- Phông Phủ Thủ hiến Nam Việt: H37-51, N9-82, N93-83.

- Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: E02-42, E02-68, H2-86, H02-92, H02-153, H7-17, M3-73, M31-11, N9-99.

- **Phạm Thị Huệ**

*Chính sách kinh tế chỉ huy ở Nam Kỳ thời Pháp - Nhật (1939-1945)*

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Nha kinh tế Đông Dương, Sở Mậu dịch, Chủ tỉnh Cần Thơ, Cái Bè, Tiền Giang, Biên Hòa, Vĩnh Long, An Giang, Liên hiệp hội ái hữu Nam Kỳ về kiểm soát hàng hóa, trưng dụng hàng hóa, lệnh sung công, trưng dụng đất đai, trưng

dụng gỗ cho quân Nhật từ năm 1939-1944; về tình hình kinh tế các tỉnh Cần Thơ, Cái Bè, Tiền Giang, Biên Hòa, Vĩnh Long, An Giang.

- Phòng Phủ Thông đốc Nam Kỳ: B.23-101, B.25-4, D.01-110, D.01-392, D.3-25, D.3-26, D.04-107, D.23-400, D.62-105, D.99-556, D.99-558, D.99-589, D.99-590, D.99-628, D.99-633, D.99-634, D.99-672, L.46-55, L.47-86.

- **Bùi Thị Huệ - Đỗ Văn Anh**

*Kinh tế - Xã hội tỉnh Bình Phước thời Pháp thuộc*

Độc giả khai thác tài liệu là các bản phúc trình của Thanh tra thuộc địa, các bản báo cáo kinh tế của Chủ tỉnh Thủ Dầu Một, địa phương chí, bản đồ Thủ Dầu Một. Nội dung tài liệu liên quan đến chế độ, quy chế làm việc và các hoạt động của các đồn điền cao su tại Thủ Dầu Một như: Tuyển mộ nhân công, lương bổng, tiền công, phụ cấp cho người lao động, các hoạt động khẩn hoang tại các đồn điền, việc bán đồn điền cao su cho ngoại quốc.

- Phòng Phủ Thông đốc Nam Kỳ: D.0-73, D.01-104, D.1-121, D.7-359, D.30-563, E.02-15, E.02-19, E.02-30, E.02-73, E.02-129, G.83-38, L.0-10, L.4-42, L.4-88, L.4-131, L.45-702, L.45-1131, L.45-1138, L.47-54, J.1-60.

- **Judits Henchy**

*Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam (1920-1930)*

Tài liệu là các bản báo cáo hàng tháng của Sở An ninh đề cập đến các nội dung như: Truyền đơn của các tổ chức cộng sản, tổ chức Cộng sản, hoạt động của tờ báo “Tranh đấu”, tù nhân chính trị, Hội nghị Đông Dương - Ủy ban hành động của các tỉnh; về hoạt động và việc bắt giữ ông Phạm Văn Chương, Khánh Ký, Nguyễn

An Ninh, Phan Văn Hùm, Nguyễn Văn Tạo, Tạ Thu Thâu; hoạt động của Hội nghị sinh viên Đông Dương lần một, các hoạt động tôn giáo của Nguyễn Kim Miêu, hội nghị về đạo Phật.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.43-241, IIA.43-263, IIA.43-306, IIA.45-171, IIA.45-175, IIA.45-201, IIA.45-204, IIA.45-211, IIA.45-216, IIA.45-273, IIA.45-274, IIA.45-284.

- ***Kevin Li***

*Lịch sử văn hóa - xã hội Nam Bộ (1900-1975)*

Tài liệu là các phúc trình, báo cáo của các tỉnh Nam Kỳ về việc tịch thu tài sản của các cá nhân, nạn cướp biển, tai nạn, trộm cắp tại các tỉnh; về việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho quân đội, hoạt động của cảnh sát.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IB.35/N29(16), IIB.57-185, IIB.57-216, IIB.57-366, IIB.57-2124, IIB.57-2318.,

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: D5-102, D6-9, E02-107, T43-294.

- ***Masahiro Ikeda***

*Lịch sử kinh tế Nam Kỳ trong thời kỳ Pháp thuộc*

Tài liệu là các báo cáo của Phòng Thương mại, Ty Hoá xa về việc cho phép mở một hội người Hoa ở Chợ Lớn, thông tin kinh tế về lúa gạo 1910-1912, về trồng cây lương thực.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.3-135(5), IA.3-137(7), IA.3-184(1), IA.3-776(2), IA.4-041, IA.4-042(1-12), IA.4-044(1), IA.4-045(2), IA.9-012(3).

- ***Namba Chizuru***

*Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc (1858-1945)*

Tài liệu về đời sống và phong trào công nhân Nam Kỳ, chính sách của chính quyền đối với người nhập cư năm 1940-1943, đời sống văn hóa của dân cư năm 1931-1942.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-183, IIA.45-204, IIA.45-205, IIA.45-212, IIA.45-223, IIA.45-243, IIA.45-245, IIA.45-261, IIA.45-264, IIA.45-272, IIA.45-303.

- Phòng Toà Đại biểu Chính phủ Nam phần: C2-22, C2-23, D72-16, Q0-9, Q2-4, Q2-13, Q2-15, Q2-17, Q2-21, Q4-23, Q54-3, Q54-6, Q54-11, Q54-12, Q54-16.

- ***Ono Mikiko***

### *Lịch sử kinh tế - xã hội ở Nam Bộ Việt Nam*

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, báo cáo của Toàn quyền Đông Dương, Thông đốc Nam Kỳ, Chánh tham biện các tỉnh Nam Kỳ được đăng trong Công báo Nam Kỳ, các tài liệu trong bộ thuế thân năm 1897, 1905, bộ điền thổ làng Khánh Hậu; tài liệu về vấn đề cải cách điền địa và nền hành chính ở Nam Kỳ.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.12-017, IA.12-082, IA.12-111, IA.12-117.

- ***Pascal Bourdeaux***

### *Nguồn gốc và sự phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng Phật giáo Hòa Hảo (1930-1954)*

Tài liệu là các báo cáo tổng hợp, báo cáo chính trị, phúc trình thanh tra, phúc trình kinh tế các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá về các vấn đề như tịch thu phố xá và nhà máy của vợ chồng Trần Văn Soái, phương tiện vận chuyển đường sông ở Nam Kỳ 1916 - 1924, hội tương trợ Phật giáo ở Long Xuyên, tình hình kinh tế, điều tra dân số, tình hình

nông nghiệp, diện tích đất đai; về hoạt động của các hợp tác xã như hợp tác xã tiêu thụ, hợp tác xã thợ mộc, thợ dệt.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: 102, 105, 287, 695, 3247, 3270, 3271, 3275, 3176, 3455, 4023, 4127, IA.7-283, IA.13-263 (19-34), IIA.45-24, IIA45-94, IIA.45-182(7), IIA.45-202, IIA.45-203, IIA.45-206, IIA.45-226, IIA.45-232, IIA.45-342, IIA.45-246.

- Phòng Tòa đại biểu Chính phủ Nam phần: D1-364, D1-368, D1-399, D1-410, T99-51.

- ***Sasges Gerard Henry***

*Lịch sử kinh tế, xã hội, chính trị của Sài Gòn - Chợ Lớn (1858-1975)*

Tài liệu là các báo cáo của Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ, Đốc lý Sài Gòn, Phòng Thương mại về thuế quan, quy định về buôn bán 1896-1906, Hiệp hội Pháp-Hoa ở Chợ Lớn; về nạn mại dâm và các khu ổ mại dâm, thiết lập quy định thuốc phiện trong các quận năm 1882; về thành lập Phòng Thương mại Sài Gòn năm 1868, nhân sự thuộc Sở Hải quan; về tranh chấp bất động sản ở Sài Gòn và các tỉnh Nam Kỳ qua các năm.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: 1972, 3152, 3220, 3491, 3505, 3853, 3882, IA.6-311(2), IIB.54-22.

## **2. Các lĩnh vực kinh tế**

### ***a. Nông - lâm nghiệp***

- ***Frederie Thomas***

*Lâm nghiệp ở Đông Dương từ 1886-1944*

Độc giả khai thác các tài liệu về việc thiết lập chế độ quyền khai thác ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ năm 1914 và Nam Kỳ năm 1886; về hoạt động của các làng nghề mộc truyền thống ở Nam Kỳ, hoạt

động của Công ty cưa máy Đông Dương, Công ty BIF ở Biên Hoà, Nhà máy giấy Việt Trì.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 1144, 1250, 2459, 2642, 2460, 2461, 2692, 3476, 3563, 3564, 3664, IA.6-295, IA.6-296, IA.7-221, IA.12-254, IA.12-262, IA.12-267, IA.13-16, IA.13-17, IA.13-164, IA.13-167, IA.13-308, IIA.45-211, SL.6087, SL.484.

- **Trần Thị Mỹ Hạnh**

*Nông thôn Vĩnh Long*

Tác giả khai thác tài liệu là án phẩm Đại Nam nhất thống chí: Lục tỉnh Nam Việt; Niên giám thống kê nông nghiệp năm 1961, 1965, 1970, 1972, địa phương chí tỉnh Vĩnh Long các năm; bên cạnh đó, tác giả cũng khai thác tài liệu là các báo cáo của Chủ tịch Vĩnh Long về thực trạng của giới nông dân Nam Kỳ.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-222, IIA.45-243, IIA.45-249, IIA.45-256, IIA.45-274, IIA.45-275, IIA.45-303.

- Sưu tập sách bổ trợ: NV.5264, NV.2032, NV.350, VV.314, VV.334, VV.353, VV.364, VV.367, VV.375, VV.431, VV.606, VV.3393, VV.3809.

- **Huỳnh Hữu Hận**

*Nông dân tỉnh Bến Tre (1930-1945)*

Tài liệu bao gồm các báo cáo hàng tháng của Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ, Sở Thương chính, Chánh tham biện tỉnh Bến Tre, Tây Ninh về kế hoạch cộng đồng an ninh và cộng đồng phát triển địa phương các tỉnh, tình hình kinh tế của các tỉnh và thống kê thương mại 1903-1904, 1911.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.2-025(2), IA.4-112(1), IA.4-116(1), IA.7-207(9), IA.8-044(7), IB.23-201, IB.23-204, IB.24-191.

- **Nguyễn Hữu Hậu**

### *Tìm bằng khoán điền thổ của ông Nguyễn Lương Quang*

Tác giả tìm lại bằng khoán điền thổ của ông Nguyễn Lương Quang qua các tài liệu như: Bản thỏa thuận sang nhượng cho bà Nguyễn Thị Bảy lô đất số 319, ở Thới Bình năm 1938, đơn xin sang nhượng đất giữa Boinen và Nguyễn Văn Liêng năm 1937, nguyện vọng của Hội đồng tỉnh liên quan đến tình hình của những người chiếm dưới 10ha đất, hợp thức hóa đất ở Bạc Liêu, tập hồ sơ về việc sang nhượng cho các cá nhân ở Bạc Liêu.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 142, 158, 208, 215, 251, 426, 464, 473, 476, 426, 527, 546, 567, 664, 674, 728, 8088, 8089, 8956.

- **Joffre Olivier**

### *Nghiên cứu rừng Đước tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu (1859-1965)*

Tài liệu là các bản đồ tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu và các huyện trực thuộc hai tỉnh này, bản đồ rừng, biển Nam Kỳ, bản đồ hạ lưu Nam Kỳ và Campuchia. Các báo cáo của Chủ tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu từ 1926-1928 về khai thác và bảo vệ rừng, hoạt động của Nha Lâm nghiệp Bạc Liêu năm 1937, dự án khai thác đồng bằng ở Nam Kỳ của Pierre năm 1873, thuế lâm nghiệp, tình hình địa chất và khả năng phục hồi rừng.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 1198, 3134, 3231, 3246, IA.4-194(5), IA.4-195(1), IA.4-196(1), IA.4-206(2), IB.25-05 (II bis).

- Sưu tập tài liệu bản đồ thời Pháp thuộc và Mỹ ngụy: 2540, 2549, 2558, 4746, 5746, 5926.

- **Nguyễn Hồng Lan**

### *Tài liệu về đất đai ở Bà Rịa - Vũng Tàu (1920-1954)*

Tài liệu là công văn, báo cáo của chủ tỉnh Bà Rịa từ năm 1930-1936 về cấm ranh đất đai Bà Rịa năm 1929, tiền thiệt hại về sửa chữa căn nhà số 64-66 đường Aloace-Conaine, sự điều chỉnh đất đai năm 1938, trung thu dầu lửa của ông Hồng Minh Dậu năm 1943, trung thu biệt thự của ông Nguyễn Văn Xuân năm 1943.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.20-094, IA.20-107(1), IA.20-176(1), D.9.8-66, D.98-81, D.99-46, D.99-580, E.02-78, E.02-84,.

- **Nguyễn Hồng Lan**

### *Đất đai Tây và Đông Nam Bộ Thành phố Hồ Chí Minh*

Tài liệu là các quyết định của Chủ tỉnh Vĩnh Long về xác định ranh giới đất tại Vĩnh Long, văn thư điền thổ của tỉnh Bà Rịa, Vĩnh Long, Sài Gòn qua các năm, bản đồ thành phố Sài Gòn, địa bộ các tỉnh Nam Kỳ năm 1937, giấy đăng bộ đất đai tại Vĩnh Long.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.1-038, IA.15-2312, IA.15-2314, IA.16-167(2), IA.16-223(2), IB.35/N28, IIB.53-173(2), IIB.53-326, IIB.54-072, IB.54-081, IB.54-092, IIB.54-254.

- **Khuất Văn Lộc**

### *Các đồn điền cao su thời Pháp thuộc*

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định của Toàn quyền Đông Dương, Thống đốc Nam Kỳ về thanh lập, mở rộng, khai thác cấp phép cho các công ty cao su; về lập bản đồ tỉnh Thủ Dầu Một, tỉnh Biên Hoà, bản đồ đồn điền Dầu Tiếng; các báo cáo của Công ty Cao su Đông Dương, Công ty Cao su Thuận Lợi.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IB.33-233, IB.33-284, IB.33-305, IB.33-2423.
- Công báo Nam Kỳ: J.1304-J.1317, J.1473-J.1485, J.1486-J.1499, J.1500-J.1542.

- ***Malte Stokhoh***

*Đòn điền Đông Dương thời Pháp thuộc (1900-1939)*

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, phúc trình công văn, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Nha Cảnh sát, các công ty cao su Nam Kỳ về kiểm soát lưu thông năm 1940, nhập cư của người gốc Á năm 1943-1944, kiểm soát người Hà Lan; về sơ đồ thành phố Chợ Lớn năm 1908, thống kê dân số thành phố, việc xây dựng bê tông; thành lập Nha Cảnh sát 1940; về đòn điền cao su ở Nam Kỳ gồm: đòn điền Michlin Dầu Tiếng, các báo cáo về lợi ích của các đòn điền.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-032, IIA.45-272, IIA.45-276, IIA.45-304, IIA.45-313, IB.32-271, IB.33-136, IB.33-154, IB.33-233, IB.33-284, IB.33-305, IB.33-1019, IB.33-2423.

- ***Nguyễn Phúc Nghịệp***

*Kinh tế nông nghiệp Tiền Giang thế kỷ XIX*

Tài liệu là các bản báo cáo hành chính địa phương, báo cáo hàng tháng, báo cáo địa hạt của tỉnh Gò Công, Mỹ Tho về vấn đề cải cách đất đai của tỉnh Mỹ Tho, Gò Công.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.14-012, IA.14-013 (3-6), IA.17-202, IA.17-215, SL.1680, SL.1717, SL.2821, SL.2850, SL.3878.

- ***Shuko Hagihara***

- Nông thôn Việt Nam thế kỷ XIX-XX*

Tài liệu là các báo cáo của Chủ tỉnh Biên Hoà - Thủ Dầu Một từ năm 1928-1945, các báo cáo Thanh tra của tỉnh Biên Hoà năm 1922, 1923, 1925, 1943, 1950, 1947 liên quan đến vấn đề sinh hoạt kinh tế, văn hoá của nông dân tại Biên Hoà - Thủ Dầu Một; về cải cách đất đai ở Biên Hoà, bản đồ Biên Hoà - Thủ Dầu Một.

- Phòng Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.7-243, IA.12-264, IA.13-164, IA.13-162, IA.13-165, IA.13-167, IA.13-171, IA.13-172, IA.13-174, IIA.45-182, IIA.45-212, IIA.45-214, IIA.45-225, IIA.45-225, IIA.45-306, SL.1702, SL.1782, SL.1783.

- ***Trần Thị Hiếu Thảo***

- Vấn đề quản lý và khai thác rừng ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc*

Tài liệu là các báo cáo của các chủ tỉnh Nam Kỳ về các hoạt động quản lý, trồng và khai thác rừng ở Nam Kỳ như: hoạt động trồng rừng, khai thác và buôn bán các sản phẩm lâm sản, phòng chống cháy rừng, thành lập các khu rừng cấm, thuế kiểm lâm, các số liệu về diện tích rừng ở các tỉnh, danh sách các rừng cấm ở Nam Kỳ.

- Phòng Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.4-192, IA.4-193, IA.4-194, IA.4-195, IA.4-196, IA.4-197, IA.12-163, IA.12-164, VIA.8-296(13), N.9-71, N.93-76, N.93-81, N.93-86, N.93-99, N.93-117.

- ***Đặng Văn Vinh***

- Các vấn đề về cây cao su, các đồn điền cao su, phong trào đấu tranh của công nhân*

Tài liệu là các bản phúc trình, các báo cáo của các công ty

cao về vấn đề trồng cao su ở Thảo cầm viên năm 1899, việc thành lập một trạm cảnh sát để duy trì trật tự trên các đồn điền cao su lớn, tình hình các đồn điền cao su tại Nam Kỳ năm 1936.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.12-254, IIA.45-172, IIA.45-224, N.5-47, N.5-56, N.5-60,
- Sưu tập sách bổ trợ: NV.1651.
- *Webby Silupya*

#### *Hệ thống đồn điền cao su thời Pháp thuộc ở Đông Dương 1896-1942*

Đề tài sử dụng tài liệu là các bản báo cáo của Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ, Chủ tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Phước Long, Tây Ninh, các bản phúc trình, báo cáo của Công ty Cao su Đông Dương, Đất Đỏ, Thuận Lợi về Hiệp hội những nhà trồng cao su 1940-1942, đồn điền cao su đất đỏ năm 1942, trồng cây cao su ở các sở cao su tại Nam Kỳ, khiếu nại về tàn phá cao su ở tỉnh Tây Ninh năm 1949.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-194, IIA.45-221.
- *Yoko Takada*

#### *Lịch sử khẩn hoang và nông nghiệp đồng bằng Sông Cửu Long thời kỳ Pháp thuộc*

Tài liệu là các báo cáo của các tỉnh Cần Thơ, Trà Vinh về tình trạng ruộng đất, khai khẩn, giao trồng, tình trạng các nông dân ở các tỉnh Cần Thơ, Trà Vinh; về các bản đồ Cần Thơ, Trà Vinh năm 1891.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.17-195, IA.17-213, IA.17-244, IA.17-265, IA.18-71, IA.18-72, IA.18-77, IA.18-84, SL.2229, S.L2228, SL.2250.

## **b. Công kỹ nghệ**

### **• Nguyễn Văn Dụ**

#### *Lịch sử nhà máy Ba Son*

Tài liệu là các nghị định, thông tư của Thống đốc Nam Kỳ, các bản báo cáo của Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ, Hội đồng Tư mật Nam Kỳ, Sở Thương chánh Nam Kỳ về việc thiết lập xưởng đóng tàu, quy chế tạm thời của xưởng đóng tàu Sài Gòn ban hành ngày 10-7-1874, và tổ chức lại xưởng đóng tàu Sài Gòn.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.5-175, IA.5-176, IA.5-177, IA.5-181, IA.5-196, IA.5-293.

### **• Phạm Thị Thu Hà**

#### *Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển ngành điện Việt Nam cuối thế kỷ 19 đến năm 1976*

Tài liệu là các bản báo cáo của Hội đồng thuộc địa, Ủy ban khai thác thuộc địa Nam Kỳ, Nha Điện nước, Sở Thương mại Sài Gòn liên quan đến các vấn đề như: Hoạt động của Công ty CEE, quá trình xây dựng và hoạt động của đập thủy điện Đa Nhim, xây dựng các trạm điện ở các tỉnh, xây dựng sở điện lực, hồ sơ đấu thầu và hợp đồng liên quan đến điện lực tại Sài Gòn, Chợ Lớn, giá bán điện, việc phân phối điện.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.20-113, IB.35/N21(7), IB.35/N21(12), IB.35/N21(13), IB.35/N21(19).

### **• Phạm Thị Huệ**

#### *Hoạt động xay xát lúa gạo Nam Kỳ thời Pháp thuộc*

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Đốc lý Sài Gòn, chủ tỉnh các tỉnh Nam Kỳ, các công ty sản xuất lúa gạo về giá trị trường lúa gạo năm 1943,

kho trữ lúa ở Châu Đốc, Mỹ Tho, Cần Thơ, Gò Công (1943-1944), luật lệ buôn bán lúa gạo năm 1941, kiểm kê lúa gạo dự trữ tại các tỉnh, tài liệu về các nhà máy xay lúa của các hộ dân ở các tỉnh Nam Kỳ, bảng giá xay lúa, chuyên chở lúa, hợp tác xã lúa gạo tại các tỉnh, xuất cảng gạo ở Nam Kỳ 1919-1926.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: L.47-70, L.47-192, L.47-193, L.47-196, L.56-5, L.56-22, L.56-27, L.56-30, L.56-43, L.56-64, M.0-1, M.37-6.

- **Bùi Hữu Lân**

*Nhà máy nước Hué thời Pháp thuộc*

Tài liệu là các bản báo cáo của các kỹ sư xây dựng gửi Khâm sứ Trung Kỳ về việc cung cấp nước tại trung tâm đô thị An Nam, các công việc, các công trình xin được thực hiện tại nhà máy nước Hué.

- Phông Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-527, RSA/HC-781, RSA/HC-2783.

- **Roy Alexandre Charles**

*Công nghệ thông tin của phuong Đông vào Lào Cai và mục tiêu kinh tế của Đông Dương thời Pháp thuộc*

Độc giả khai thác các tài liệu về tổ chức bưu điện các tỉnh, thống kê thư gửi bưu điện, trao đổi bưu phẩm giữa Đông Dương, Thái Lan và Nhật Bản; về quy định của Hội Thương mại Châu Á, Hội chợ triển lãm Bordeaux.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.1-0214(2), IA.1-0215(10), IA.1-0518(45), IA.3-025(1), IA.3-027(15), IA.3-034(5), IA.3-037(1), IA.3-053(3).

- **Đặng Trần Thúc**

*Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển ngành điện Việt Nam cuối thế kỷ XIX đến năm 1975*

Tài liệu là các dự án, biên bản họp, các bản báo cáo của Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ, Sở Thương chánh Nam Kỳ, Hội đồng Tư mật Nam Kỳ về đấu thầu xây dựng ngành điện, các dự án phân phối và cung cấp điện, các hợp đồng cung cấp điện tại các tỉnh, Sài Gòn, Chợ Lớn, các quy định của ngành điện, quy định về giá bán điện, các chính sách về điện; về hoạt động của Công ty Thủy điện CEE, xây dựng và các hoạt động của đập thủy điện Đa Nhim.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.9-292(15), IA.16-151, IA.16-231, IA.18-151.

- c. **Tài chính - thương mại, du lịch và hàng hải**

- **Aline Demay**

*Lịch sử du lịch Đông Dương thời thuộc địa*

Tài liệu là các báo cáo của Đốc lý Sài Gòn, chủ tỉnh các tỉnh Nam Kỳ về việc cung ứng ngân sách cho các nhà nghỉ tại các tỉnh ở Nam Kỳ, vấn đề thuế phòng khách sạn tại các khu du lịch, trong đó có du lịch biển, giá cả thị trường khai thác nhà nghỉ ở Vĩnh Long, việc xây dựng biệt thự ở Đà Lạt, Vũng Tàu, các hợp đồng khai thác khách sạn ở Vũng Tàu, Đà Lạt, Cần Thơ; về cải thiện nhà nghỉ viên chức ở các tỉnh, thành phố Nam Kỳ; về các vấn đề của Nhà điều dưỡng ở Sài Gòn, Vũng Tàu, Yokohama qua các năm.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.7-381, IA.8-082, IA.8-105, IA.8-111, IA.8-137, IA.8-188, IA.8-321.

- *Choi Byung Wookpho*

*Hoạt động thương mại của người Nam Bộ trong thế kỷ XIX*

Tài liệu là các công văn trao đổi giữa Thống đốc Nam Kỳ với các chủ tịnh Nam Kỳ, các bản báo cáo của Sở Giao thông Công chánh, Sở Công thương, báo cáo của Chủ tịnh Bà Rịa, Mỹ Tho, Vĩnh Long về việc đưa ra giải pháp cho cảnh sát đường sông để đảm bảo sự ổn định trên kênh Chợ Gạo (Mỹ Tho), kiểm tra các thợ máy của tàu thương mại ở Nam Kỳ năm 1898, xây dựng cầu tàu trên sông Sài Gòn, trên kênh rạch, vấn đề đường biển từ Sài Gòn đến Manille.

- Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.2-253, IA.5-053(32-33), IA.5-093(16), IA.5-145(13), IA.5-168(2).

- *Delphine Boissarie*

*Lịch sử hiệu buôn Denis Frères từ Sài Gòn đến Madagascar (1862-1975)*

Tài liệu là các nghị định và thông tư của Toàn quyền Đông Dương, Thống đốc Nam Kỳ, báo cáo của Phòng Thương mại Sài Gòn về các hiệu buôn nước ngoài tại Sài Gòn như: hiệu buôn Denis Frères, hiệu buôn Henry Rousseau 1893, hiệu buôn Denyssiana Sports năm 1927; danh sách nhà buôn 1895-1903.

- Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.3-193, IA.8-207(2), IA.10-272(4), VIA.8-275(12), VIA.8-4347, VIA.8-4349, VIA.8-4354, VIA.8-4355, IB.24-212bis, IB.30-34(7).

- *Nguyễn Thị Dương*

*Hoạt động kinh tế của người Hoa thời Pháp thuộc*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác là các công văn, báo

báo của Sở Thương chánh, các chủ tinh ở Nam Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Nguyên tắc kiểm soát và thu thuế Hoa kiều năm 1944, thuế thân đối với Hoa kiều và biện pháp để thu thuế thân người Hoa kiều có hiệu quả năm 1874-1942, truy tìm, trừng phạt các Hoa kiều thiếu thuế, trốn thuế; Hiệp hội những người Trung Hoa buôn lúa ở Nam Kỳ năm 1943; Điều lệ Hiệp hội người Quảng Đông nhập cảng thực phẩm ở Chợ Lớn năm 1936, Hội các nhà xuất cảng Trung Hoa tại Nam Kỳ, Hiệp hội Tương tế các Hoa kiều Quảng Đông tại Nam Kỳ năm 1942...

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: D.55-8, D.55-26, D.55-39, D.55-42, D.55-46, D.55-47, D.62-9, D.62-55, D.62-86, D.62-157, D.62-175, D.62-248, D.62-250, D.62-252, D.62-254, D.62-316, D.62-368, D.62-455, D.62-458, T.4-102, T.13-2, T.13-4, T.13-6, T.13-10, T.13-11, T.13-58.

- ***Haefeong Hazel Hahn***

*Phát triển du lịch ở Đông Nam Á (1880-1950)*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác là các công văn, báo cáo của Sở Du lịch, Hội đồng Nghiên cứu Cảnh quan Đô thị - Nông thôn, nhân viên Công ty Đường biển. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Vai trò của cảnh quan đô thị và nông thôn trong phát triển du lịch tại Đông Dương, cuộc thâu về du lịch tại Việt Nam năm 1953; tình hình xây dựng và kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ tại các tỉnh Vũng Tàu, Đà Lạt; các hoạt động quảng bá du lịch như: Triển lãm nghệ thuật và hàng thủ công, Triển lãm Phú Quốc, Hội chợ Sài Gòn.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.18-164, IB.29-1819, IB.30-034, E.90-9, H.37-89.

- *Nguyễn Thị Kim Hoa*

- Lịch sử du lịch Khánh Hòa*

Tác giả đề tài khai thác các tài liệu của Nha Quốc gia Du lịch, Văn phòng Khâm sứ Trung Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: ngân sách của Nha Quốc gia Du lịch, Nha Quốc gia Du lịch xin vay tiền của Kiến óc Cục để sửa chữa và trang bị các khách sạn tại Vũng Tàu và Nha Trang năm 1958-1959.

- Phòng Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-3229

- *Natasha Lise Paireaudieu*

- Hoạt động kinh tế của thương nhân và những người cho vay nặng lãi ở Việt Nam dưới thời Pháp thuộc*

Tác giả đề tài khai thác tài liệu là các bản báo cáo của Phòng Thương mại Nam Kỳ, Thị trưởng thành phố Sài Gòn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Tình hình kinh tế Sài Gòn năm 1901-1902, tình hình cho vay nặng lãi ở các tỉnh miền Nam Việt Nam năm 1876-1914, hoạt động của các thương nhân tại Việt Nam trong các năm 1889-1990.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.12-154, IA.12-167, IA.12-213, IA.12-2035, IA.13-234, IA.14-012, IA.14-022, IA.16-166, IA.16-215, IA.19-102, IA.19-162, IIA.45-173, IIA.45-292, IIA.45-295, SL.13, SL.30, SL.204, SL.349, SL.371, SL.376, SL.463, SL.533, SL.563, SL.595, SL.746, SL.2429, SL.2553, SL.2582, SL.4582, SL.4583, SL.4585, SL.4586, SL.4601, SL.4602, SL.5281.

- *Nguyễn Thị Thúy Ngân*

- Ngân hàng Đông Dương - sự hiện diện của giới tư bản tài chính Pháp ở Đông Dương (1945-1975)*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác là các báo cáo, thư tín của Ngân hàng Đông Dương. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Kế hoạch của các ngân hàng thuộc địa giai đoạn 1894-1897, việc phát hành giấy bạc, đổi giấy bạc Đông Dương cũ năm 1951, sự hình thành chi nhánh địa phương của Ngân hàng Nam Kỳ, thành lập Cơ sở Đại diện của Cục Chiết khấu, việc kinh doanh lỗ của các tiệm cầm đồ ở Việt Nam, Ngân hàng Đông Dương bán bất động sản cho Chính phủ Việt Nam năm 1950-1951, các phiên họp của Hội đồng Quản trị Viện phát hành tiền tệ của các quốc gia liên kết Việt Nam-Lào-Campuchia năm 1951-1952.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.3-164(8), IA.3-165(1), IA.3-238(1), IA.3-238(5), IA.3-238(16).

- *Nguyễn Văn Nghị*

*Việc buôn bán tại Sài Gòn - Chợ Lớn thời thuộc Pháp*

Tài liệu được khai thác là các bản báo cáo của Tổng đốc Phương đê cập đến tình hình trộm cắp trong xã hội, những cản trở đối với việc buôn bán.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: SL.4432, SL.4433.

- *Sébastien Verney*

*Sự quản lý hành chánh và thương mại của Đông Dương (1920-1950)*

Tài liệu được khai thác là các nghị định, báo cáo của Toàn quyền Đông Dương, Thống đốc Nam Kỳ, tỉnh Tây Ninh. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Biện pháp kiểm soát Đông Dương và các tỉnh Nam Kỳ; các tôn giáo ở Nam Kỳ, hoạt động của Đạo Cao Đài và những thay đổi của tôn giáo này trong năm 1936; hoạt động của Thương cảng Sài Gòn.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.664, IIA.45-232, IIA.55-122, IIA.50-516, VIA.8-053, IB.23-082.

- Phông Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-396, RSA/HC-446, RSA/HC-2402, RSA/HC-2839, RSA/HC-3069, RSA/HC-4057.

- **Dương Tô Quốc Thái**

*Hệ thống ngân hàng thời Pháp thuộc (1875-1945)*

Nội dung tài liệu mà tác giả đề tài khai thác liên quan đến các vấn đề như: Sự thành lập và phát triển của hệ thống ngân hàng tại Nam Kỳ giai đoạn 1875-1945, trong đó chủ chốt là Ngân hàng Đông Dương, các nghiệp vụ ngân hàng như phát hành tiền, cho vay, kinh doanh thương mại và đầu tư.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.4-93(1,2,3,4,5), IA.4-94(2,3,4,6,7), IA.4-095(2), IA.4-096(1,3,5), IA.4-101(2), IA.4-102(2,6), IA.4-105(2), IA.4-111(1), IA.4-114(1), IA.4-117(2), IA.4-121(7), IA.4-122(9), IA.4-127, IA.4-128.

- **Lê Thụy Hồng Yến - Nguyễn Thị Nga**

*Hội quán của người Hoa ở Sài Gòn - Gia Định (1829-1945)*

Nội dung tài liệu mà tác giả đề tài khai thác liên quan đến các vấn đề như: Hội Tương tế Hoa kiều Nam Hải tự là Nam Hải Lạc Thiên ở Chợ Lớn năm 1943, Hội các Hoa kiều tại Nam Kỳ để nâng đỡ Chánh phủ Quốc gia chống Nhật năm 1944, Hội Văn hóa của ngoại kiều Trung Hoa tại Đông Dương lấy tên là Kyoa-trai; các thương gia Hoa kiều nhập cảng hàng hóa ngoại lệ năm 1948, thuê các bang Hoa kiều được phép thâu để trang trải cho các tổng phí năm 1942.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.3-1012

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: B6-31, D55-8, D55-24, D55-27, D55-37, D55-39, D55-64, D55-71, D62-270, D62-316, L45-1124, T13-7.

### III. VĂN HÓA - XÃ HỘI

#### 1. Giáo dục và sự phát triển của chữ Quốc ngữ

##### • *Võ Thị Hoàng Ái*

*Lịch sử hình thành và phát triển nền Giáo dục Việt Nam (1885-1945)*

Tài liệu được khai thác là các sắc lệnh, nghị định, báo cáo, bản thống kê của Thống đốc Nam Kỳ, Tòa Khâm sứ Trung Kỳ, Hội đồng Học chánh Nam Kỳ, các chủ tịnh ở Nam Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức nền giáo dục Việt Nam, cải tổ nền giáo dục Trung học Đông Dương, hồ sơ giáo viên, giảng tập viên, danh sách đăng ký, thuyền chuyên nhân sự, vấn đề mua sách, xây trường.

- Phòng Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-747, RSA/HC-815, RSA/HC-903, RSA/HC-1256, RSA/HC-1706, RSA/HC-2571, RSA/HC-2730, RSA/HC-2856.

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: R0-2, R0-7, R0-12.

##### • *Hồ Sĩ Anh*

*Nghiên cứu giáo dục phổ thông miền Nam Việt Nam (1945-1975)*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác là các sắc lệnh, nghị định của Thống đốc Nam Kỳ, Thủ tướng Quốc gia Việt Nam, Hội đồng Học chánh Nam Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức bộ máy, kế hoạch hoạt động của Bộ Quốc gia Giáo dục và các cơ quan trực thuộc, công tác tổ chức các kỳ

thi, các thông kê về số học sinh, số trường, lớp, việc tuyển dụng, thuyên chuyển và giao hoàn nhân viên giáo dục.

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: A3-78, R0-7.
- Phòng Thủ tướng Quốc gia Việt Nam: 828, 2964.

- ***Phan Phương Anh***

### *Bước chuyển từ Hán Nôm sang chữ Quốc ngữ ở Việt Nam*

Tài liệu được khai thác là các sắc lệnh, nghị định, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, các chủ tịnh và các trường học tại Nam Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Dự thảo Sắc lệnh về Tổ chức Giáo dục Cộng đồng ở Nam Kỳ; chương trình giảng dạy của các trường học, thống kê học sinh ở Nam Kỳ; về việc xuất bản các ấn phẩm, sách, tác phẩm viết bằng tiếng quốc ngữ dùng để giảng dạy, danh sách những tác phẩm bằng tiếng quốc ngữ được sử dụng ở các trường An Nam, hoạt động giảng dạy tiếng An Nam, tiếng Hoa ở các trường; hồ sơ cá nhân của các giáo viên ở các tỉnh.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-171, IA.6-186, IA.6-212, IA.6-213, IA.6-216(2), IA.6-217(1,2), IA.6-217(3), IA.6-223, IA.6-225, IA.6-226, IA.6-227, IA.6-231, IA.6-235, IA.6-241, IA.6-243, IA.6-244.

- ***Cù Thị Dung***

### *Hoạt động giáo dục ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc*

Tài liệu được khai thác là các thông tư, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Hội đồng Giáo dục Đông Dương. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Báo cáo thanh tra các trường ở Nam Kỳ của Hội đồng Giáo dục Đông Dương, hoạt động hàng tháng của các trường ở các tiêu khu, thông nhất ngày nghỉ hè trên

toàn cõi Đông Dương và chế độ nghỉ hè của các trường công ở Nam Kỳ, các quy định về nhân công bản xứ, giấy chứng nhận tốt nghiệp, kỳ thi tuyển giáo viên; các cuộc cải tổ nền giáo dục trung học Đông Dương, hoạt động chống mù chữ tại Nam Kỳ; dự thảo xây dựng trại mồ côi mới; danh sách người bản xứ được tuyển chọn đến lao động tại Pháp.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-022, IA.6-125, IA.6-237(1,8), IA.6-254(2), IA.6-294, IA.7-176(2), IA.7-187(2), IA.7-231(3), IA.7-284, IA.8-02, IA.8-03, IA.8-035, IA.20-082, IA.10-052.

- Sưu tập Công báo: J.62, J.74, J.81, J.82, J.117, J.121, J.145, J.146, J.148, J.149, J.189, J.190, J.256, J.257, J.260, J.261, J.294, J.295, J.1032, J.1033, J.1036.

- Sưu tập sách bộ trợ: NV.688, VH.2007, VV.3010.

- **Cù Thị Dung**

*Nền giáo dục Việt Nam trước 1975*

Tài liệu được khai thác liên quan đến các vấn đề như: việc mở trường lớp, tuyển dụng học sinh, hoạt động đào tạo, học phí, tình trạng bình dân giáo dục...

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: D1-183, E03-31, E03-307, Q99-48, Q99-49, Q99-51, R02-66.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: Q99-40, R2-94, R23-27.

- **Eileen Nho Vo**

*Trường thông ngôn và các thông ngôn viên phục vụ ở Việt Nam và bị tù ở các trại giam thời Pháp thuộc (1850-1954)*

Nội dung tài liệu được tác giả đề tài khai thác liên quan đến

các vấn đề như: Việc mở trường, lớp, chương trình đào tạo, thi cử của các trường Thông ngôn tại Nam Kỳ thời Pháp thuộc; quy định về tuyển dụng thông ngôn viên, trách nhiệm của thông ngôn viên, các chế độ về tiền lương, trợ cấp của thông ngôn viên, hồ sơ cá nhân của một số thông ngôn viên tại Nam Kỳ, danh sách các tù nhân chuyển từ Nam Kỳ đến Guyane.

- Phòng Phủ Thông đốc Nam Kỳ: 172, 650, 709, 711, 778, 1542, 1871, IA.1-84(1,2,3), IA.1-85(1,2,3,4,5,6,7,8), IA.2-73(1), IA.2-97(2,3), IB.38-102.

- **Nguyễn Việt Khoa**

*Giáo dục nữ sinh và sự hình thành đội ngũ trí thức sử dụng tiếng Pháp tại Việt Nam (1920-1945)*

Tài liệu được khai thác là các sắc lệnh, nghị định, báo cáo của Thông đốc Nam Kỳ, các trường nữ sinh ở Sài Gòn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Việc thành lập các trường nữ sinh ở Sài Gòn, chương trình và hoạt động đào tạo tại các trường nữ sinh, quy định về việc quản lý học sinh tại các trường nữ sinh, tổ chức tuyển dụng giáo viên cho các trường nữ sinh.

- Phòng Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-234, IA.8-032(4), IA.8-032(7), IA.8-055(3).

- **Nguyễn Gia Kiệm**

*Các cuộc cải cách giáo dục ở Việt Nam (từ năm 1900 đến nay)*

Tài liệu được khai thác là các sắc lệnh, nghị định, báo cáo của Thông đốc Nam Kỳ, Hội đồng Học chánh Nam Kỳ, Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ, các Sở Giáo dục. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Cải tổ nền giáo dục Trung học Đông Dương,

hoạt động chống mù chữ tại Nam Kỳ, thiết lập một trường sư phạm tại Nam Kỳ, giáo dục cộng đồng về khoa học - nghệ thuật, xây dựng trại mồ côi mới, thanh tra các trường tiểu học, trường công chánh, quy định về giấy chứng nhận tốt nghiệp, các kỳ thi tuyển giáo viên; các cuộc cải cách giáo dục ở Việt Nam.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-022, IA.6-294, IA.7-284, IA.8-02, IA.8-03, IA.8-035, IA.20-082.

- **Kondo Mika**

### *Âm Hán - Việt vào cuối thế kỷ XIX ở miền Nam Việt Nam*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác là các nghị định, quy định của Toàn quyền Đông Dương. Nội dung tài liệu liên quan đến việc thành lập Ủy ban Chuyên trách Kỳ thi Kiểm tra Ngôn ngữ phương Đông ở Sài Gòn năm 1914, quy định về thông lệ hỏi ngã trong chữ quốc ngữ.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: 5067(1).

- Sưu tập sách bở trợ: VN.2305, VN.2333.

- **Vũ Thị Miền**

### *Hệ thống trường nghề ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1861-1945)*

Nội dung tài liệu được khai thác liên quan đến sự hình thành và phát triển của các trường nghề ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc, giai đoạn 1861-1945, cụ thể như: Trường Bá Đa Lộc (1861), Trường Sư phạm Thuộc địa Nam Kỳ (1871), Trường Hậu bờ Sài Gòn (1873), Trường Mĩ thuật Thủ Dầu Một (1901), Trường Mỹ nghệ Bản xứ Biên Hòa (1903).

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-247(8), IA.7-231 (12), IA.7-176(2).

- **Phạm Thị Quyên**

### *Tiến trình phát triển ngành sư phạm ở Việt Nam giai đoạn 1860-2000*

Tài liệu được khai thác là các sắc lệnh, nghị định, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Hội đồng Học chánh Nam Kỳ, các tỉnh Nam Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Chương trình giáo dục tiểu học, trung học và cao đẳng ở Đông Dương, thiết lập trường sư phạm ở Nam Kỳ, kỳ thi tiểu học và trung học năm 1908, thi cao đẳng năm 1909, quy định về việc cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp, tổ chức các kỳ thi tuyển giáo viên.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-022, IA.6-294, IA.7-284, IA.8-02, IA.8-03, IA.8-035, IA.20-082.

- **Trần Thị Thành Thành - Trần Thị Thùy Dung**

### *Giáo dục Biên Hòa thời Pháp thuộc*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác là các công văn, báo cáo của Chánh tham biện Biên Hòa, Hiệu trưởng các trường ở Biên Hòa. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Thành lập trường Mỹ thuật Biên Hòa, trường nghề Nam Kỳ, trường nghề Biên Hòa, công tác cải tổ trường Mỹ nghệ Gia Định, Thủ Dầu Một và Biên Hòa năm 1943-1944, tổ chức và hoạt động của các trường dạy nghề chuyên nghiệp tại Nam Việt năm 1941.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: III.59-351, III.59-352, II.59-353, III.59-354, III.59-355, III.59-356, III.59-357, III.59-358, III.59-360, III.59-361, III.59-362, III.59-3510, III.59-3511, III.59-3512, III.59-3514, III.59-3519, IA.4-122(7), IA.7-175(3), IA.8-056(4,6).

- **Phạm Như Thom**

### *Hội Truyền bá Quốc ngữ (1938-1945)*

Nội dung tài liệu được tác giả đề tài khai thác liên quan đến các vấn đề như: Sự ra đời và hoạt động của Hội Truyền bá Quốc ngữ Nam Kỳ, các phong trào truyền bá quốc ngữ trước năm 1938, các bài viết của các nhà nghiên cứu về chữ quốc ngữ trước năm 1975; thái độ của Nhật, Pháp đối với Hội Truyền bá chữ Quốc ngữ; sự đóng góp của Hội Truyền bá Quốc ngữ đối với Cách mạng tháng Tám; báo chí quốc ngữ Nam Kỳ.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-225, IA.6-249, IA.6-261, IIA.45-264, IIA.45-324.

- Sưu tập Công báo: J.1236, J.1237, J.1241, J.1333, J.1334, J.1552.

- **Nguyễn Văn Thông**

### *Lịch sử hình thành và phát triển của trường Mỹ nghệ Biên Hòa (từ năm 1900 đến nay)*

Nội dung tài liệu được tác giả đề tài khai thác liên quan đến các vấn đề như: các cuộc hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế từ năm 1917-1940 như hội chợ Marseille năm 1937, triển lãm quốc tế ở Nagoya (Nhật) năm 1937, lịch hội chợ, triển lãm, chi phí liên quan, danh mục trưng bày, hiện vật tham gia triển lãm, điều lệ triển lãm thuộc địa; tài liệu về trường Mỹ thuật Biên Hòa: chi phí sửa chữa, chương trình công tác, hoạt động, việc đổi tên, quá trình cải tổ; tài liệu về Hợp tác xã Lò Gốm Biên Hòa, mở trường vẽ Gia Định.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-291, IA.7-244, VIA.6-231(8), VIA.6-239(9), VIA.6-319(6), VIA.7-064 (8,10), VIA.7-184 (15,2), IB.24-144(2), IB.24-147(1).

- **Nguyễn Văn Tú - Nguyễn Thị Bình - Đỗ Thị Tám**

*Giáo dục Việt Nam thời Pháp thuộc*

Đề tài khai thác tài liệu liên quan đến các di tích lịch sử tại Nam Kỳ năm 1943 và các sưu tập sách, tạp chí bồi trợ như: Minh Mệnh chính yếu tập 1, Ngự chế Việt sử tổng vịnh, Đại Nam Điện lê.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: R.65-1, R.66-18, R.66-40.
- Sưu tập sách bồi trợ: VV.3968, VV.3990, VV.3995.

## **2. Y tế, cứu tế xã hội**

- **Ann Marie Leshkowich**

*Lịch sử của nghề nghiệp công tác xã hội ở miền Nam từ thời Pháp đến 1975*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Việc thành lập Ủy ban Hỗ trợ Xã hội, các trường hỗ trợ trẻ em nghèo, Ủy ban Chuyên trách Nghiên cứu Xã hội ở Sài Gòn, các trường dạy nghề khuyết tật; nghiên cứu thành lập trại trẻ mồ côi ở Sài Gòn, danh sách những cô nhi viện Nam Việt năm 1954, việc lãnh nuôi con côi ở Nam phần năm 1949-1953, các khóa huấn luyện nữ cán sự xã hội năm 1952.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: III.59/N16(33), IA.7-243(3), IA.8-155(8,10,15), IB.23-212(2), IB.24-0313.

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: S6-133, S6-137, S6-146, S6-154, S6-155, S6-156, S6-160, S6-161, S6-162, S6-163, S6-164, S6-169, S6-174, S6-180, S6-181, S6-183; S62-4, S62-6, S62-8.

- *Aso Michitake*

*Lịch sử môi trường, sức khỏe và phát triển tại Việt Nam (1858-1975)*

Tác giả đề tài khai thác các tài liệu của các Bộ, Ngành của Quốc gia Việt Nam và Việt Nam Cộng hòa, Nha Thanh tra Lao động và các Nghịệp đoàn thời Pháp thuộc. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình an ninh, trật tự tại các tỉnh Nam Kỳ; tổ chức của Nha Thanh tra Lao động năm 1937, chuyến đi tham quan của Lãnh sự Thuộc địa tại Bà Rịa, Biên Hòa, Tây Ninh và vùng cao su năm 1927-1939, đồn điền cao su ở Nam Kỳ và Hội Ái hữu của các điền chủ Nam Kỳ; quy định về nhân công ở Đông Dương, nhân công người Bắc Kỳ khai khẩn đất đai tại Nam Kỳ, kết quả thanh tra ở các đồn điền, các cuộc đình công ở các tỉnh Nam Kỳ.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 1187, 1254, 2227, IIA.45-192, IIA.45-293, VIA.5-1210, IB.24-266, IB.29-224, IB.35/N29, IIB.56-029, IIB.58-103.

- *Christine Schweidler*

*Lịch sử y tế công thời kỳ thuộc địa Pháp (1858-1945)*

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định của Thông đốc Nam Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Kết quả thanh tra y tế ở các làng thuộc các tỉnh Nam Kỳ như Bà Rịa, Tây Ninh, thực trạng y tế tại làng An Phước tỉnh Châu Đốc, y tế công ở Long Xuyên, y tế tại nhà tù Bến Tre, nhà tù Vĩnh Long, nhà tù Châu Đốc.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.7-273, IA.8-077, IA.8-082.

- *Claire Edington*

*Lịch sử y tế cộng đồng thời kỳ Pháp thuộc (1890-1945)*

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Sở Y tế Nam Kỳ, Tỉnh trưởng tỉnh Biên Hòa. Nội dung tài liệu đề cập đến các vấn đề như: Khu ty nạn tâm thần Biên Hòa; thành lập nhà cải huấn, khu nông nghiệp thuộc địa cho thanh niên phạm tội năm 1904; Bệnh viện Chợ Quán; phí bệnh viện cho những bệnh nhân đang sinh sống ở thuộc địa.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.2-085(2), IA.8-274(1,2), IA.8-276(2), IA.8-281(1), IA.8-103(3bis), IA.8-104(1,3).

- *Nguyễn Thị Dương*

*Đông y Việt Nam thời Pháp thuộc*

Tài liệu được khai thác là các công văn, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, các chủ tinh ở Nam Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Quy định đối với người châu Á bán thuốc Tây, quy định về việc hành nghề bán thuốc; báo cáo của Viện Pasteur về tiêm chủng chống đậu mùa, tiêu chảy trong các tỉnh Nam Kỳ, dịch bệnh tiêu chảy và cách thức xử lý; nhân sự sở y tế.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.8-051, IA.8-056, IA.8-072, IA.8-122, IA.8-136, IA.8-232, IA.8-237, IA.8-241, IA.8-243, IA.8-256, IA.8-284, IA.8-285, IA.15-1920, IA.15-173, IA.40-011, IA.40-112, IB.23-093, IB.24-174, IB.25-084.

- Sưu tập Công báo: J.498.

- *La Thị Ngọc Loan - Từ Thị Phi Điệp*

*Lịch sử Bệnh viện Chợ Rẫy - 105 năm xây dựng và phát triển*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến việc xây cất Bệnh viện Chợ Rẫy như: Lễ đặt viên đá đầu tiên xây cất tái

thiết Trung tâm Y tế Hàm Việt (Bệnh viện Chợ Rẫy), các giấy tờ liên quan đến việc nói rộng Bệnh viện Chợ Rẫy năm 1969.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.16-154, IA.16-166, IA.20-096.

• ***Guénel Annick***

*Lịch sử ngành thú y - thực phẩm thế kỷ XX*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Dự án ngân sách cho Viện Pasteur và những vấn đề thuộc Viện này, các báo cáo thường niên về việc chăn nuôi gia súc, tình trạng dịch bệnh, kiểm soát và xuất khẩu gia súc, gia cầm, các quy định về việc hoạt động đối với các lò mổ ở Nam Kỳ, đấu thầu kinh doanh lò mổ làng Phước Hải ở Bà Rịa; hội chợ, triển lãm về gia súc ở Nam Kỳ, Trung Kỳ và Campuchia; hoạt động của các trường thú y ở Nam Kỳ; các vấn đề của cảnh sát thú y ở Nam Kỳ; thiết lập vườn thú, thiết lập trạm thú y ở các tỉnh Nam Kỳ.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 145, 157, 520, 870, 973, 1114, 1153, 3552, 3763, 4215, IA.2-111, IA.6-257, IA.7-236, IA.7-273, IA.13-156, IA.17-137, IA.45-212, IA.45-222.

- Phòng Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-387, RSA/HC-2319, RSA/HC-3373, RSA/HC-3374, RSA/HC-3702, RSA/HC-3718, RSA/HC-3729, RSA/HC-3772, RSA/HC-3776, RSA/HC-3783, RRSA/HC-3784, RSA/HC-3841, RSA/HC-3842, RSA/HC-3883, RSA/HC-3905.

- Phòng Toà Đại biểu Chính phủ Nam phần: S01-21, S02-9, S04-66, S09-2, S09-17, S17-26, S57-59.

• ***Guénel Annick***

*Lịch sử y tế ở Việt Nam vào thế kỷ XX*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Lập một viện bài trừ sốt rét năm 1944, ứng phó của Viện Pasteur với bệnh sốt rét tại Đông Dương năm 1930, công tác diệt trừ sốt rét, phân phát thuốc cho dân ở các tỉnh, tăng tiền trợ cấp cho Viện Pasteur, quy ước bán penicilline năm 1948, bệnh dịch năm 1943-1944, bệnh truyền nhiễm năm 1946-1947, quy định về việc mở nhà thuốc, tổ chức và hoạt động của Hội Nha sĩ Việt Nam, Hội Đông y sĩ, mẫu đơn xin mở phòng khám tư, quy định về việc buôn bán dược phẩm Hoa - Việt.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.8-224, IA.8-237, IA.8-243, IA.8-284(4), IA.8-284(5).

- Phông Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: S02-4, S02-12, S04-17, S04-39, S04-85.

• **Katie Dyt**

*Thiên tai, thảm họa ở Việt Nam dưới thời nhà Nguyễn (1804-1945)*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến tình hình thiên tai, dịch bệnh ở Việt Nam giai đoạn 1804-1945, như: Diễn biến dịch tả năm 1882, 1884, 1888 tại các tỉnh Nam Kỳ; chương trình cứu tế nạn đói năm 1942-1943; cứu trợ đồng bào bị thiệt hại do lũ lụt năm 1923-1924 ở các tỉnh Nam Kỳ; tổ chức và hoạt động của Ủy ban Đông Dương về cứu tế người Việt Nam ở các đồn điền năm 1935-1939; tình hình dịch tả và bệnh truyền nhiễm năm 1912; hậu quả do bão gây ra ở Bạc Liêu, Rạch Giá, Hà Tiên, Bà Rịa năm 1919.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.4-013(4), IA.4-035(15), IA.6-217(3), IA.6-302(1), IA.6-3067(7), IA.7-186(6), IA.7-273(1), IA.7-291(9), IA.8-091(9), IA.8-114(8), IA.8-122(2b), IA.8-122(4), VA.2-031(18), IB.33-087(2), IB.55-

- **Lai Chiên Chen (Lại Kiến Trinh)**

*Nữ hộ sinh Việt Nam thời Pháp thuộc (1858-1954)*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Dự án tái cơ cấu và cải thiện trường hộ sinh về cơ sở vật chất, thiết bị, con người, vốn, chương trình giáo dục, việc quản lý và bố trí cơ sở cho bệnh viện hộ sản, tái tổ chức Nha Y tế Đông Dương năm 1909, quy định về việc thành lập và phương thức hoạt động của các cơ sở hộ sản, danh sách các bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ, nữ hộ sinh (bà mụ) đang hành nghề tại các tỉnh, các hội từ thiện và các tổ chức cứu tế ở Sa Đéc, Châu Đốc, Bến Tre.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.8-131, IA.8-143(1), IA.8-191(2,5), IA.8-271(2,8).

### **3. Dân cư, lao động**

- **Quản Trọng Công**

*Việc quản lý hộ tịch và quản lý đất đai của tỉnh Bến Tre từ năm 1900 trở về trước*

Tài liệu được khai thác là các bản báo cáo của Chủ tỉnh Bến Tre. Nội dung tài liệu nói về vấn đề dân số, hộ tịch, đất đai của tỉnh Bến Tre từ năm 1900 trở về trước.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.2-025, IA.2-127, IA.3-182, IA.8-044, IA.13-184, IA.13-185, IA.15-2342, IA.17-214, IA.17-225, IA.17-244, IA.17-275, IA.18-042, IA.18-087, IIA.45-244, D.343-8732, D.343-8936, D.343-8944.

- **Truong Huyễn Chi**

*Lịch sử di dân từ miền Bắc vào miền Nam từ đầu thế kỷ cho đến nay*

Tài liệu được khai thác là các công văn, báo cáo của Tỉnh trưởng các tỉnh Phước Long, Sông Bé, Tây Ninh, Phước Thành, Sài Gòn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Tình hình di dân từ Bắc vào Nam; sự phát triển của ngành cao su và các cây công nghiệp khác tại khu vực tỉnh Sông Bé cũ trước năm 1975, cấp đất để trồng cây cao su tại Phước Long năm 1960, điều hành các địa điểm dinh điền tại Phước Long năm 1958, hoạt động của Uỷ ban Tư vấn Cao su năm 1960, chương trình khẩn hoang lập ấp tại các tỉnh nói trên.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.13-164, IIA.45-172, IIA.45-174, IIA.45-212.

- Sưu tập sách bổ trợ: NV.4991, VV.700, VV.710, VV.3488.

- ***Christina Firpo***

*Phụ nữ, trẻ con Việt Nam và con lai Việt - Pháp (1870-1956)*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Danh sách các cơ sở y khoa - phụ sản, danh sách các Trung tâm mồ côi, các bài viết trên báo và tạp chí viết về phụ nữ và trẻ em tại Nam Kỳ, gốc tích của trẻ em lai Việt-Pháp.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.7-243(3), IA.14-093 (3,5), IB.23-014, IB.24-718, IB.35-32(3), IB.37-257(3), IB.38-171, IB.58-077(2).

- ***Christina Firpo***

*Phụ nữ và trẻ con nghèo (1870-1975)*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Các quy định về việc bảo vệ phụ nữ và trẻ em; quy định về mại dâm và các vấn đề liên quan đến mại dâm, tình trạng phụ nữ nghèo phải hành nghề mại dâm, trong đó có phụ nữ Pháp, thực

trạng các nhà chúa, dịch hoa liễu do mại dâm; giáo dục cho con lai Âu - Á; trẻ em mồ côi ở Việt Nam năm 1870-1975; các chương trình, quỹ hỗ trợ, chăm sóc, bảo vệ cho phụ nữ, trẻ em nghèo, trẻ em mồ côi và những phụ nữ do hoàn cảnh mà bắt buộc phải hành nghề mại dâm; vấn đề kết hôn của người Âu ở Sài Gòn-Chợ Lớn.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.3-72, IA.3-74, IA.3-75, IA.3-176, IA.3-177, IA.3-178, IA.3-181, IB.25-44, IB.25-107, IB.25-108, IB.25-109, IB.25-116, IB.25-1419.

- **David Martin Pomfret**

*Lịch sử thanh thiếu niên thời thuộc địa (1880-1965)*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Luật giám hộ trẻ em ngày 27-7-1917, thành lập viện nuôi dạy trẻ ở Nam Kỳ năm 1926-1927, thống kê các trẻ em bản xứ được nuôi ở nhà trẻ năm 1922, các nhà trẻ khu vực thành phố lớn (Sài Gòn - Chợ Lớn) năm 1920; thanh niên châu Âu giai đoạn 1907-1924; thống kê trình độ học vấn thanh thiếu niên năm 1907; tình hình giáo dục ở Nam Kỳ năm 1922-1924; giám sát các thanh thiếu niên đang cư ngụ tạm thời ở các vùng thuộc địa năm 1925.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-161, IA.6-284(8), VIA.5-04(5), VIA.5-88(5), VIA.5-102(7), VIA.6-181(6), VIA.8-242(8,9,10,11,13,17).

- **Phạm Thanh Duy**

*Tái cấu trúc không gian đô thị: sự hội nhập và phân hóa của các nhóm dân cư*

Tài liệu được khai thác là những bản báo cáo của Hội đồng Thuộc địa, Ủy ban Khai thác Thuộc địa, Sở Thương mại Nam Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến vấn đề tái cấu trúc bán đảo Thủ Thiêm - Sài Gòn, cụ thể như: Hợp đồng phát triển bán đảo Thủ

Thiêm, dự án phát triển nhà ở Thủ Thiêm, mở đường giữa những đô thị chính tại Sài Gòn năm 1943, phá vỡ nhà lá trên sông trái Sài Gòn (Thủ Thiêm) năm 1948-1949.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: D.9-161, H.2-35, H.2-63.
- Phòng Thủ hiến Nam Việt: D98-159.

- ***Erin Collins***

*Sự di cư tình nguyện và không tình nguyện (1860-1975)*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Thỏa hiệp về việc cứu tế cho những người cư ngụ ở Ấn Độ, thỏa hiệp cứu tế cho những người ở thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn (1923-1926), chương trình hiện đại hóa thuế năm 1930, danh mục biểu thuế chiến tranh, việc xây dựng khu ở cho dân nhập cư Xóm Chiếu năm 1940, bảo hộ dân tộc thiểu số Campuchia.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.17-194, IIB.53-884, IIB.53-173.

- ***Fossard Brice***

*Thể thao và phong trào thanh niên Đông Dương (1858-1954)*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan tới phong trào thể thao tại Nam Kỳ giai đoạn 1858-1954, cụ thể như: Danh sách các hiệp hội, câu lạc bộ thể thao tại Nam Kỳ, quá trình thành lập các Hội, điều lệ hội viên, chế độ rèn luyện để tham gia các cuộc thi đấu, tham gia các thể vận hội.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-214(5), IB.24-076(1), IB.24-079, IB.24-213, IB.24-215.

- **Haydon Leslie Cherry**

*Những người đói nghèo ở Sài Gòn trong thời kỳ Pháp đô hộ (1858-1945)*

Tài liệu được khai thác bao gồm các công văn, các bản báo cáo hàng năm của Nha Thanh tra Lao động, Sở Kinh tế, Sở Y tế, Thị trưởng thành phố Sài Gòn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Cuộc khủng hoảng thương mại ở Sài Gòn; vấn đề viện phí ở các bệnh viện Sài Gòn; hoạt động của các trại dưỡng lão, trại mồ côi; hoạt động của các hiệu cầm đồ tại Nam Kỳ, hồ sơ đấu thầu các hiệu cầm đồ ở Sài Gòn; việc thành lập Văn phòng Cứu tế ở Nam Kỳ; vấn đề bảo vệ sức khỏe cộng đồng; quỹ hành chánh của Tổ chức Từ thiện Sài Gòn; vấn đề vệ sinh ở Sài Gòn - Chợ Lớn; vấn đề nhận nuôi trẻ mồ côi của các tổ chức và cá nhân.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 3230, 1354, III.59/N94, IA.8-207, IA.8-1814, IA.20-277, IIA.50-513, VA.8-017, VIA.8-201, VIA.8-282, VIA.8-293.

- **Phạm Thu Hà**

*Vấn đề giải phóng phụ nữ trong xã hội Việt Nam (1900-1945)*

Tài liệu được khai thác là các nghị định, thông tư, báo cáo, điện tín của Thông đốc Nam Kỳ, Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ, Sở An ninh, Khám lớn Sài Gòn, nhà tù Côn Đảo. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề về nhà tù và tù nhân chính trị dưới thời Pháp thuộc, cụ thể như: Tình hình tù nhân tại các nhà tù, chuyển tù nhân từ nhà tù Côn Đảo đến Guyan, hồ sơ về một số tù nhân như Phan Văn Hùm, Nguyễn An Ninh..., cuộc nổi loạn ở Nhà Bè năm 1937; phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh và tình hình chính trị, an ninh tại các tỉnh miền Trung.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.2-056(20), IA.2-101(3), IA.6-284(8), IA.7-134(5), IA.45-245(2), IA.45-306(1,4), IIA.45-306(8).

- ***Đinh Thúy Hàng***

*Lao động trong các đồn điền ở Việt Nam giai đoạn 1890-1940*

Tài liệu được khai thác là các báo cáo của Công ty Cao su Đông Dương, Công ty Cao su Đất Đỏ. Ngoài ra tác giả đề tài còn khai thác khối Công báo Nam Kỳ từ năm 1890-1940. Nội dung tài liệu đề cập đến các vấn đề như: Thông kê công nhân tại các đồn điền cao su, công tác quản lý lao động, đời sống của công nhân tại các đồn điền, các chính sách về giáo dục, y tế đối với các lao động và con em họ, các cuộc đình công của công nhân đồn điền cao su ở Việt Nam giai đoạn từ 1890-1940.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 732, 1160, 1163, 1164, 1182, 1184, 1211, 1254, 1344, 2996, 3730, 3731, 4202, 1234, IIA.45-172, IIA.45-194, IIA.45-212, IIA.45-224, IB.23-091, IB.24-201, IB.31-011, IB.31-014, IB.31-015, IB.31-027, IB.31-028, IB.31-187, IB.31-191, IB.31-194, IB.31-195, IB.31-222, IB.31-298, IB.31-2911.

- Sưu tập Công báo: J.62, J.70, J.71, J.72, J.73, J.89, J.90, J.93, J.95, J.114, J.123, J.154, J.158, J.159, J.160, J.161, J.173, J.182, J.193, J.194, J.215, J.229, J.243, J.251, J.258, J.267, J.276, J.1067, J.1068, J.1125, J.1320.

- ***Jorg Thomas Angelbert***

*Người Hoa ở Đồng bằng sông Cửu Long (1859-1975)*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Chính sách đối với đồng bào Hoa kiều, các hoạt động

của người Hoa, các tổ chức hội đoàn của đồng bào Hoa kiều, quy định về việc nhập tịch, trực xuất đối với ngoại kiều Trung Hoa, quy định về việc buôn bán của Hoa kiều, giáo dục cho con em Hoa kiều.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.3-193, IA.8-082, IA.8-094, IA.8-1814, IA.8-2911.

- **Kanda Makiko**

*Công chức người Việt trong chính quyền thực dân Pháp và sự thuyên chuyển của những công chức đó từ năm 1904 đến năm 1945*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: Hoạt động tài chính của Sở Điện tín, các thông tin về máy móc tự động, điện thoại tự động; công tác lắp đặt các trạm điện tín, trạm phát thanh radio; tổ chức và hoạt động của bưu điện nông thôn tại các tỉnh; các cuộc thi tuyển nhân viên ngành bưu điện, điện tín.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.7-193, IA.7-232, IA.7-285, IIA.45-324.

- Phòng Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-33b, RSA/HC-2878, RSA/HC-3280, RSA/HC-3546, RSA/HC-3864.

- **Magali Barbieri**

*Tiến trình phát triển dân số ở Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc (1884-1954)*

Tài liệu được khai thác là các bản kê về dân số của các tỉnh Nam Kỳ, cụ thể như: Bản kê số dân cư trong các làng thuộc các tỉnh Nam Kỳ năm 1945, bản kê dân số người Âu và Á ở Nam Kỳ 1939, bản kê dân số người Âu và Á ở các tỉnh Chợ Lớn, Bà Rịa,

Mỹ Tho năm 1942-1944, bản kê dân số Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1951; Bản kê tổng số dân chúng sanh và tử trong năm 1943-1944.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.14-012, IA.17-104, IA.12-154, IA.17-172.

- Phòng Toà Đại biểu Chính phủ Nam phần: D31-12, D31-13, D31-31, D31-33, D31-39, D88-2, D88-12, D88-13, D88-15, D88-21, D88-26.

• ***Malte Stokhoh***

*Lịch sử về người Java (Indonesia) sinh sống tại Nam Kỳ (1900-1940)*

Đề tài khai thác các công văn, báo cáo, thống kê của Thủ Thông đốc Nam Kỳ, Chánh tham biện các tỉnh Nam Kỳ, Nha Cảnh sát. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Thông kê người ngoại quốc trên lãnh thổ Nam Kỳ, hoạt động của người gốc Á tại các tỉnh Nam Kỳ, các vấn đề liên quan đến nhân công người nước ngoài tại Nam Kỳ; thông kê về người nhập cư, di cư tại Nam Kỳ; tình hình các đồn điền cao su ở Đông Dương, vấn đề khai khẩn thuộc địa và nhân công ở Đông Dương; việc quản lý đền thờ Hồi giáo của người Án Đạo Hồi.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.2-078(2), IA.2-115(12), IA.3-126(4), IA.4-012(2), IA.8-216, IA.11-011(3), IA.13-263, IA.16-232, IA.17-104, IA.17-171, IIA.45-178, IIA.45-271, IB.33-136, IB.33-154, IIA.45-261(1).

***Marie Paule***

*Lịch sử phụ nữ Trung Quốc ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đến 1950*

Tài liệu được khai thác có nội dung nói về người Hoa ở Việt

Nam, cụ thể như: Các hội quán của người Hoa, thống kê Hoa kiều tại các tỉnh Nam Kỳ, trường học cho con em người Hoa, việc buôn bán của người Hoa ở Nam Kỳ, vấn đề nhập tịch cho Hoa kiều, công tác quản lý Hoa kiều, việc buôn bán và bất động sản của họ.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-205(2,3,6,7), IA.6-244(2), IA.22-073, IA.22-514(1), IB.24-0128.

- ***Marie-Corine Rodriguez***

*Thân phận người phụ nữ thế kỷ XIX-XX*

Đề tài khai thác các tài liệu có nội dung liên quan đến vấn đề gái mại dâm ở Nam Kỳ, cụ thể như: Thực trạng hoạt động mại dâm tại các tỉnh Nam Kỳ, tình hình hoạt động của các nhà thổ, ấn định giá thuê đối với các nhà thổ, các hoạt động bảo vệ, hỗ trợ gái mại dâm chuyển đổi nghề.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.8-162, IA.16-165, IIA.45-181, IIA.45-194, VIA.7-194, VIA.8-286(11,12,13,15).

- ***Natasha Lise Pairaudeau***

*Các mối quan hệ gia tộc ở Châu Á và cuộc sống gia đình của những người di cư đã từng ở thuộc địa Đông Dương (1858-1954)*

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: các Hội của người nước ngoài tại Nam Kỳ: Hội đồng Hỗn hợp Thiện chí Việt Mỹ, Hội đồng Thân hữu Việt Mỹ năm 1971-1973; bảng thống kê binh lính Sài Gòn - Chợ Lớn và con lai ở Đông Dương; trực xuất người nước ngoài gốc Á khỏi Nam Kỳ năm 1916-1917; công tác quản lý việc hành nghề luật sư ở Đông Dương năm 1907-1918, hồ sơ các phiên xử của Tòa Đại hình Sài Gòn năm 1885, những thay đổi về án phí qua các năm 1910-1913, danh sách người nhập Việt tịch các năm 1939-1942.

- Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.1-024(4), IA.2-078(2), IA.2-103(1), IA.2-711(3), IA.18-2514, IA.19-055, IA.19-059.

• ***Paul Michael Sager***

*Ché độ công chức viên chức nhà nước thời kỳ thuộc địa và thời kỳ chống Pháp (1859-1954)*

Tài liệu được khai thác là các công văn, báo cáo của Hội đồng Tư mật, Sở Địa chính Nam Kỳ, thanh tra tỉnh Mỹ Tho. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Quy chế tuyển dụng các nhân viên bản địa trong các cơ quan hành chính; chuyến tham quan của ông Godar tại Mỹ Tho - Vĩnh Long - Bến Tre - Trà Vinh; hoạt động đấu tranh, khiếu nại tố cáo của các viên chức; các hiệp hội, nghiệp đoàn của công chức và nhân viên địa phương như: Hiệp hội Ái hữu Giáo sinh tỉnh Bạc Liêu, Hội Viên chức và Nhân viên Đông Dương.

- Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: 2847, 2911, 2934, 3529, 3766, 4625(1), 4625(2), IA.7-147(1), IIA.45-306(17), IIA.45-312(3).

• ***Peter Gaida - Gazel Marie Ange***

*Lao động bắt buộc ở thuộc địa (1900-1946)*

Tài liệu được khai thác là các nghị định của Toàn quyền Đông Dương liên quan đến việc thành lập các Trại lao động đặc biệt tại Nam Kỳ như Bà Rá, Tà Lài...; các báo cáo thanh tra của Thanh tra Vụ Chính trị liên quan đến các lao động bắt buộc trong các nhà tù ở Nam Kỳ.

- Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIA.45-321(7), IIA.45-326(5), IB.23-091, IB.29-204, IB.29-216, IB.29-217, IB.53-182(2).

- **Sandrine Bezard**

### *Nhân viên tòa án ở các nước thuộc địa của Pháp*

Tài liệu được khai thác là các công văn, báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ, Tòa Đốc lý Sài Gòn, Tòa Đốc lý Chợ Lớn, Tòa Hòa giải rộng quyền Tây Ninh. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: quy định về nhiệm vụ của Trưởng tòa, bổ nhiệm Trưởng tòa tại các tỉnh Chợ Lớn, Gia Định, Vũng Tàu, Cần Thơ, Hà Tiên, Gò Công, Long Xuyên, Thủ Dầu Một, Vĩnh Long những năm 1875-1907, bổ nhiệm người định giá, công chứng viên, luật sư.

- Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.1-059(2,3), IA.1-0510(2,3,6,7,8), IA.1-0511(1,2,3,4,5,6,7), IA.1-0512(1,3,4,5), IA.2-091(4).

- **Tracol Isabelle**

### *Các điều kiện của phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ thuộc Pháp*

Độc giả khai thác tài liệu là các văn kiện, báo cáo của Toàn quyền Đông Dương, Thị trưởng thành phố Sài Gòn, các Chánh tham biện các tỉnh Nam Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Hiệp định về phụ nữ và trẻ em ở Nam Kỳ, tình hình hoạt động mại dâm ở Sài Gòn, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, vấn đề gái mại dâm và bệnh hoa liễu, giang mai, vấn đề kiểm soát mại dâm ở các thành phố Sài Gòn-Chợ Lớn và các tỉnh ở Nam Kỳ, quy định về việc hạn chế cấp phép nhà thổ; tổ chức các khóa học về y tế xã hội và vệ sinh.

- Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: VIA.8-286(19), VIA.8-292, IB.30-293, IB.35-211, IB.37-127, IB.38-172, IIB.56-113.

#### **4. Hệ thống đê điều, giao thông công chánh và công trình kiến trúc**

- Annelies Katrien de Nijs**

*Ảnh hưởng của việc đô thị hóa nguồn nước đến vấn đề biến đổi khí hậu - nghiên cứu điển hình tại Hà Nội và Cần Thơ*

Tài liệu được tác giả đề tài khai thác bao gồm: Các bản đồ sông ngòi, kênh rạch, bờ biển ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ, bản đồ các quận thuộc tỉnh Cần Thơ; các bản báo cáo của các chủ tinh ở Nam Kỳ về vấn đề khí hậu, dân số; quy định về việc qua lại của tàu ghe bằng gỗ.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.4-207(1,5,8,9), IA.5-023(5).

- Sưu tập tài liệu bản đồ thời kỳ Pháp thuộc và Mỹ-Ngụy: 957, 1674, 1982, 2043, 2261, 3338.

- Nguyễn Văn Chất**

*Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản - trường hợp các kiến trúc thời Pháp ở Thành phố Hồ Chí Minh*

Tài liệu được khai thác là các nghị định, chỉ thị, báo cáo của Thông đốc Nam Kỳ, Thị trưởng thành phố Sài Gòn, Ủy ban Công chánh Sài Gòn - Chợ Lớn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Chương trình kiến thiết Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1946, công tác xây cất nhà cửa, dinh thự hành chánh, công thự, nhà ở cho công chức các năm 1946-1952, cải tạo Quảng trường Đại lộ Bonnard; đấu thầu xây dựng các loại.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.19-187, IA.19-196, IA.19-223(4), IIA.18-153.

- Phông Phủ Thủ hiến Nam Việt: H5-104, H5-133, H5-139, H5-178, H37-38, H37-39.

- **Trần Thị Kim Chi**

### *Đô thị Sài Gòn - kiến trúc thời Pháp thuộc (1898-1954)*

Tài liệu được khai thác là các nghị định, chỉ thị của Thống đốc Nam Kỳ, các bản báo cáo của Sở Giao thông Công chánh, Ủy ban Công chánh Sài Gòn - Chợ Lớn, Thị trưởng thành phố Sài Gòn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Kế hoạch kiến thiết, mở rộng thành phố Sài Gòn, công tác nạo vét và mở rộng kênh đào Charner, dự án về An Lợi Xã, cải tạo bến xe ở đại lộ Bonard và xây vỉa hè ven đại lộ, xây dựng Nhà hát Sài Gòn.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.7-111, IA.17-102, IA.18-153, IA.18-166.

- **Võ Thái Công**

### *Bưu điện Bạc Liêu (1882-1945)*

Tài liệu được khai thác có nội dung đề cập đến lịch sử ngành Bưu điện tỉnh Bạc Liêu (1882-1945), cụ thể như: Việc thành lập Bưu điện tỉnh Bạc Liêu, tổ chức tuyển dụng nhân sự cho Bưu điện tỉnh Bạc Liêu, quy định về trách nhiệm của một số vị trí nhân sự, thống kê số nhân viên của Bưu điện tỉnh Bạc Liêu.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 44, 3519, 3990, 9301, IA.12-62, IA.12-208, IA.12-162.

- **Nguyễn Chương**

### *Hệ thống cấp nước Sài Gòn thời Pháp*

Để tài sử dụng tài liệu là các bản báo cáo của Ủy ban nghiên cứu xử lý nước sạch Sài Gòn - Chợ Lớn, Nha Cấp điện, cấp nước. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề về phân tích vi sinh nước, nghiên cứu và cải thiện nguồn nước uống ở Sài Gòn; các hợp đồng liên quan đến Nha Cấp nước Chợ Lớn như hợp đồng

xây dựng nhà máy nước, bể chứa, hợp đồng cung cấp máy móc và thiết lập các ống dẫn nước trong thành phố Sài Gòn.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.17-095, IA.17-185(1), IA.17-204(1), IA.17-204(6), IA.17-204(11), IA.18-154(1), IA.18-154(2), IA.18-154(3), IA.18-166(4), IA.19-246(1).

- ***David Biggs***

*Hệ thống kênh rạch ở Đồng bằng sông Cửu Long và sự thúc trực việc đào kênh từ thời Nguyễn đến nay*

Đề tài sử dụng tài liệu là các bản báo cáo hàng năm của Nha Công chánh Nam Kỳ, Hội đồng tỉnh Cần Thơ, Sở Lâm nghiệp Cần Thơ từ năm 1904 đến năm 1910, gồm những thư từ trao đổi giữa các cá nhân với tỉnh trưởng, giữa tỉnh trưởng với Thống đốc Nam Kỳ; các sơ đồ kênh Nước Mạng, Ông Đèo, Trà Ban, Can Dương tại Vĩnh Long và bản đồ các đường sông lớn ở Nam Kỳ. Các hoạt động nông nghiệp, giao thông đường sông tại đồng bằng sông Cửu Long như: các loại lúa trồng ở Gò Công, hiệp hội lúa giống ở Vĩnh Long; đào vét kinh Phú Hữu, Bãi Xan, Phụng Hiệp, Cái Sơn, năm 1962, kinh U Minh năm 1957-1960.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.2-111, IA.4-022(4), IA.5-043(31), IA.5-065, IA.5-143(31), IA.9-227, IA.13-236(3).

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: H6-2129, H42-1960, H61-45.

- ***Đỗ Thị Thúy Diễm***

*Đặc tính văn hóa dân gian trong kiến trúc nhà ở tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1698 đến nay*

Tài liệu là các bản báo cáo của Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ, Nha Kinh tế Sài Gòn năm 1943. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề về kiến trúc nhà ở như: Kiến trúc nhà ở của ông Brecq

ở Sài Gòn năm 1943, nhà ở của bà góa phụ Poirion tại Sài Gòn năm 1943, nhà ở của ông Thẩm phán Sài Gòn năm 1943 và về việc tiến hành xây cất những ngôi nhà ở Sài Gòn theo báo cáo của kỹ sư năm 1945.

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: D98-10, D98-13, D98-23, D98-41, H37-49.

- **Doling Timothy James**

*Đường sắt Việt Nam (1881-2011)*

Đề tài sử dụng tài liệu là các bản báo cáo của Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ, bao gồm những báo cáo về tình hình kinh tế, chính trị của các tỉnh trưởng, Nha, Sở tại Nam Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến việc xây dựng và quản lý các tuyến đường sắt ở Nam Kỳ như: Tuyến Sài Gòn - Chợ Lớn, Sài Gòn - Mỹ Tho, Phủ Lạng Thương - Lạng Sơn, Hà Nội - Đồng Đăng, Hải Phòng - Kimming, Hà Nội - Vinh, Đà Nẵng - Đông Hà (1898), Đồng Đăng - Na Cham, Vinh - Đông Hà, Tháp Chàm - Đà Lạt (1921), Tân Ấp - Ban Na Phao, Phnompenh - Battambang, Bến Đồng Sỹ - Lộc Ninh, Đà Nẵng - Nha Trang (1924). Những tài liệu này được khai thác trong các phông tài liệu như: Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ, Phòng Thủ hiến Nam Việt, Phòng Bộ Công chánh và Giao thông, Phòng Bộ Giao thông và Bưu điện...

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.3-27(25), IA.8-245(6), IA.20-193(1), IA.20-193(3), IA.20-207(3), IA.20-217(1), IA.20-217(2), IA.20-217(3), IA.20-217(4), IA.20-217(5), IA.20-217(6), IA.20-217(7), IA.20-223(12), IA.20-223(18), IA.20-223(22), IA.20-223(24), IA.20-223(32), IA.20-225(1), M71-2303.

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: J7-19, J7-22, J7-29, J7-30, J7-52, J7-63.

- Phòng Bộ Công chánh và Giao thông: 2706, 4509, 5631, 5673, 5674, 9360, 9397, 9540, 9646, 9713, 9774.
- Phòng Bộ Giao thông và Bưu điện: 1830, 1837, 1839, 1897, 1912, 1914.
- Mục lục Bản đồ thời Pháp thuộc: 1798, 1799, 1810, 1825, 1865, 1873, 2197.
- Sưu tập tài liệu ảnh: 0793, 2470.

- ***Fanny Vielle Blanchard***

*Không gian kiến trúc của các thành phố thuộc cộng đồng người Hoa sinh sống tại miền Nam Việt Nam đầu thế kỷ XIX đến thế kỷ XX*

Nội dung tài liệu mà tác giả đề tài sử dụng bao gồm các vấn đề như: Bản đồ Sài Gòn, Chợ Lớn, Bạc Liêu, Sa Đéc, Châu Đốc..., việc duy trì chức trưởng Hội kiến trúc ở Chợ Lớn cho Trịnh Hơen năm 1916; việc sáp nhập một phần làng Điều Hòa vào thành phố Mỹ Tho; cơ cấu tổ chức, hành chính và hoạt động của các Hội người Hoa (Minh Hương, Hội Triều Châu); việc phân bổ cộng đồng người Hoa ở Chợ Lớn theo hành chính, việc điều tra về phong tục của người Hoa ở Hội Hải Nam, người Minh Hương ở Nam Kỳ năm 1869-1899.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-135, IA.6-157, IA.6-204(5), IA.6-205(3), IA.6-224, IA.14-022(2), IA.19-223, IA.17-113(1), IA.17-171(8), IA.17-191(2), IA.17-215(1).

- ***Haefeong Hazel Hahn***

*Kế hoạch đô thị hóa và hệ thống chính trị ở Hà Nội, Sài Gòn và Phnom Pênh (1910-1943)*

Tài liệu là các nghị định, công văn trao đổi, các bản báo cáo của Thông đốc Nam Kỳ, Phó Thủ hiến Nam Việt. Nội dung tài

liệu đề cập đến các vấn đề như: Giao thông và công chánh ở Sài Gòn; cuộc tổng tuyển cử Hội đồng thành phố Sài Gòn 1935, chế độ bầu cử tại thành phố Sài Gòn năm 1935, truyền đơn của các ứng viên; chương trình kiến thiết đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn qua các năm; kế hoạch tân hóa Đông Dương, chương trình mở mang, nâng cấp, sửa chữa và kiến thiết các thành phố ở Đông Dương và các tỉnh thuộc Đông Dương

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA18-181(3), M7-80, M7-2283, M71-2128.

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: H37-40, H37-53, H37-82, H37-322, E92-4.

- Sưu tập tài liệu bản đồ: 1830, 1863, 2197, 2504-1-4.

• ***Halgand Marie Paule***

*Kiến trúc công cộng thời kỳ thuộc địa (1858-1954)*

Tài liệu được sử dụng là các nghị định quy định về hoạt động của Nha Giáo dục ở Nam Kỳ bao gồm các vấn đề về kiến trúc Bệnh viện Chợ Quán, các cuộc trưng bày triển lãm thuộc địa Pháp; các cửa hàng người Hoa ở Chợ Lớn; sơ đồ nhà tranh của người An Nam, người Campuchia, người Nam Kỳ và người Bắc Kỳ tại Marseille; báo cáo của Bộ Giao thông Công chánh về tình hình nhân sự, nhà dân sự; việc bổ nhiệm nhân viên, nhân sự người Âu trong Bộ Giao thông Công chánh ở Nam Kỳ và những hoạt động liên quan đến việc đấu thầu, xây dựng các công trình kiến trúc của thành phố Sài Gòn.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.4-136(12), IA6-193, IA.7-111, IA.7-183(2), IA.7-203(3), IA.7-203(4), IA.7-231(3), IA.8-1724, IA.8-1813, IA.17-097, IA.19-223(4), IA.19-261(1), IA.19-261(4).

- **Herbelin Caroline**

### *Kiến trúc ở Đông Dương từ năm 1880 đến nay*

Tài liệu bao gồm các bản kê hoạch mở rộng thành phố Biên Hòa, Sài Gòn, Chợ Lớn; về cải thiện thành phố Sài Gòn của các kỹ sư trưởng; việc cấp phép xây dựng nhà ở, nhà dân và các công trình kiến trúc khác tại các thành phố, tỉnh ở Nam Kỳ; việc cải thiện nơi ở doanh trại lính Châu Âu, việc xây dựng nhà ở cho bác sĩ bản xứ, xây dựng nhà ở cho nhân viên hành chính ở Cần Thơ và bản đồ các tòa nhà An Nam, Campuchia, Nam Kỳ.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.14-011(9), IA.15-153, IA.16-0716, IA.19-163, IA.59/N18, H37-13, H37-15, H37-24, H37-25.

- **Hoàng Thị Thu Hiền - Đặng Thị Hường**

### *Lịch sử hệ thống cầu đường ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc*

Luận văn chủ yếu đi sâu tìm hiểu những yếu tố mới về hạ tầng kinh tế - kỹ thuật tại Nam Kỳ dưới tác động của chính sách khai thác của thực dân Pháp và sự hình thành cùng với những tác động của nó đối với tình hình kinh tế xã hội tại Nam Kỳ giai đoạn 1967-1945 (tức là từ khi thực dân Pháp hoàn thành việc xâm chiếm 3 tỉnh miền Tây và biến Nam Kỳ thành thuộc địa cho đến Cách mạng Tháng 8 năm 1945). Tuy nhiên, để làm rõ hơn về yếu tố mới của hạ tầng kinh tế - kỹ thuật Nam Kỳ dưới tác động của chính sách khai thác của thực dân Pháp, luận văn cũng đi sâu tìm hiểu về hạ tầng kinh tế - kỹ thuật tại Nam Kỳ trước khi người Pháp đến, tức là dưới thời nhà Nguyễn từ nửa đầu thế kỷ XIX. Qua đó, tìm hiểu về hệ quả của yếu tố mới về hạ tầng kinh tế - kỹ thuật đối với lịch sử phát triển của vùng đất Nam Kỳ và rút ra

những bài học bổ sung những nhận thức cần thiết căn cứ trên hiện trạng phát triển của cấu trúc hạ tầng của Nam Kỳ nói riêng và cả nước nói chung, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế hiện tại và trong tương lai.

Tài liệu mà tác giả luận văn sử dụng bao gồm các vấn đề sau: Việc trao đổi các công văn liên quan lưu vực sông Thượng Mekong của Tổng trưởng Thống đốc Nam Kỳ qua Hợp đồng 25-9-1894; việc cấp tiền cho những làng nghèo nhất để xây dựng đường sá, trường học, nhà chung, cải thiện môi trường làm việc của Thống đốc Nam Kỳ; việc xây dựng một cây cầu bê tông hướng về Bassac trong tỉnh Sóc Trăng năm 1919; việc thu thuế khi đi qua phà thuộc đường lục địa số 16 từ Sài Gòn đến Cà Mau đi qua Tân An - Mỹ Tho - Vĩnh Long; ngân sách hỗ trợ cho việc xây dựng và sửa chữa cầu đường ở Chợ Lớn và phân định ranh giới cũng như các hoạt động và chi tiêu trong vận tải đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển của Hội đồng Tư mật Nam Kỳ.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.2-115(20), IA.5-014(1), IA.5-047, IA.5-125, IA.5-137, IA.5-147(3), IA.5-147(6), IA.5-303(9), IA.9-014(4), IA.9-014(5), IA.9-047, IA.9-077(3), IA.9-074(5), IA.9-074(6), IA.9-074(11), IB.30-022, IB.30-033.

- **Lê Huỳnh Hoa**

### *Cảng Sài Gòn thời thuộc Pháp (1860-1945)*

Tài liệu là công văn, báo cáo của Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ, Phòng Thương mại Nam Kỳ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Kinh phí để mở mang xứ Nam Kỳ, kinh tế thuộc địa năm 1942, việc nghiên cứu thương cảng Sài Gòn, họa đồ kiến thiết đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1942 và việc thu xuất cảng của Phòng Thương mại năm 1943-1944.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.5-016(1), IA.5-016(2), IA.5-016(3), IA.5-016(4), IA.5-016(5), IA.5-016(6), IA.5-016(7), IA.5-016(8), IA.5-017, IA.5-091, IA.5-106, IA.5-165, IA.3-175, IA.3-183, IA.3-184, IA.3-194, IA.3-228, IA.3-232, IA.3-252, IA.4-045.

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: L0-3, L01-20, L01-21, L01-24, L01-41, L01-52, L01-95, L02-69, L04-39, L04-124.

- **Matsuzaki Satoshi**

#### *Lịch sử đô thị Sài Gòn thời Pháp thuộc*

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Đặt tên đường phố tưởng nhớ những người kháng chiến chống Đức 1914, việc sửa đổi bản đồ địa bộ Chợ Lớn, cấp đất xây dựng chùa, thuế môn bài; các hoạt động của Hội đồng thành phố, các phiên họp, tổ chức và hoạt động của thành phố Sài Gòn, thành phố Chợ Lớn về việc miễn nhiệm các quận trưởng, xây dựng bờ kè, lắp đặt điện chiếu sáng, xây dựng trường xá, lập chợ...

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.16-182, IA.16-193, IA.16-212, IA.17-135, IA.17-191, IA.18-156(2), IA.18-242.

- **Nguyễn Thị Huệ**

#### *Các nhà ga tại thành phố Hồ Chí Minh từ khi thành lập đến nay (từ thời Pháp thuộc đến nay)*

Tác giả luận văn sử dụng để tài là các bản báo cáo của Phòng Thương mại Nam Kỳ có nội dung liên quan đến nhân sự của các tàu chạy trên sông Sài Gòn.

- Phòng Thủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.5-177(38), IA.5-177(39), IA.5-177(40), IA.5-177(41), IA.5-177(42), IA.5-177(43).

- **Nguyễn Cẩm Dương Ly**

*Sự biến đổi hình thái học đô thị khu vực trung tâm Sài Gòn - Tp. HCM từ thời Pháp thuộc đến nay*

Tài liệu được khai thác là các nghị định, công văn trao đổi, các báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ, Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ, Thủ phủ hiến Nam Việt. Nội dung tài liệu gồm các vấn đề như: nguyên tắc xây dựng nội đô của ty sở, kiến trúc thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, việc tu sửa, chỉnh trang thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn các năm 1923-1924, 1931-1932; dự án phát triển, mở rộng và xây dựng đường ray nội đô và những vấn đề về luật lệ và giá cả trong xây dựng thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1929.

- Phông Thủ phủ Thống đốc Nam Kỳ: IIB.53-184, IIB.54-021, IIB.54-086, IIB.54-132, IIB.54-223, IIB.531-184, IA.20-067, IA.20-123, IA.20-126, IA.20-128, IIA.46-313, IIB.54-132.

- Sưu tập công báo: J.373.

- **Lê Quốc Hùng**

*Nhà ở người Hoa - vai trò và sự chuyển đổi qua các thời kỳ đô thị từ thời Pháp thuộc đến nay*

Tài liệu là các bản báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ về kế hoạch thực hiện các công tác tại các tỉnh từ năm 1909 đến năm 1911, bao gồm những vấn đề như: Bản thiết kế xây dựng bờ kè ven kênh của người Hoa tại Chợ Lớn; việc sáp nhập một số cơ quan vào sở công chánh của Thống đốc Nam Kỳ; việc tái thiết cầu bê tông tại Chợ Lớn nằm trên kênh Sài Gòn, xây cầu tại rạch Lò Gốm, xây chợ tại Chợ Lớn.

- Phông Thủ phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.2-054, IA.6-232, IA.16-144, IA.17-141, IA.17-171, IA.19-167.

- **Phan Thành Nam**

*Tài liệu, hình ảnh liên quan đến lịch sử hình thành công trình 164 Đồng Khởi (1945-1975)*

Tài liệu là các bản báo cáo của Sở Công an Sài Gòn năm 1943-1945. Nội dung đề cập đến việc nới rộng những gian nhà của Sở Công an năm 1944-1945.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: T96-76, H5-52.

- **Sekimoto Noriko**

*Phát triển giao thông vận tải và sự thay đổi kinh tế - xã hội thời Pháp thuộc*

Tài liệu là các bản báo cáo, bản tin báo chí phân tích về tình hình thương mại, thông số giá cả qua các năm tại các tỉnh của Nha Thương mại Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Nội dung liên quan đến những hoạt động kinh tế ở Nam Kỳ như: chính sách, kế hoạch, hoạt động nâng cấp, mở rộng, xây mới các tuyến đường sắt, đường bộ, đường thủy; vấn đề về nhân sự, nhân viên...

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.5-023, IA.5-046, IA.5-65, IA.6-192, IA.7-111, IIA.45-256-9, IB.23-13.

- Sưu tập công báo: J.211, J.212, J.213, J.1455, J.1496,

- Sưu tập sách bồi trợ: NV.58, NV.676.

- **Võ Quang Sơn**

*Đường phố Sài Gòn qua các thời kỳ*

Đề tài sử dụng tài liệu là các công văn trao đổi, quyết định, báo cáo của Thủ Thông đốc Nam Kỳ, Sở Thương chính Nam Kỳ, Tòa đốc lý Sài Gòn,... Nội dung tài liệu liên quan đến việc đặt tên, đổi tên đường, tên địa danh ở Sài Gòn - Chợ Lớn qua các thời kỳ lịch sử.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 172, 1110, 1112, IB.29-234.

- **Huỳnh Văn Phương**

### *Kiến trúc nhà ở tại miền Nam Việt Nam đầu thế kỷ XX*

Tài liệu được sử dụng thuộc Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ với nội dung liên quan đến kiến trúc nhà ở tại Nam Kỳ những năm đầu thế kỷ XX. Cụ thể: Nhà ở của nhà nông ở Nam Kỳ năm 1886; việc xây cất nhà cửa, dinh thự hành chánh, công thự, nhà ở cho công chức Nam Kỳ; việc phân định ranh giới giữa Nam Kỳ và Campuchia.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.3-144, IA.6-122, IA.6-124, IA.8-073, IA.8-232.

- **Nguyễn Thị Thanh Tâm**

### *Ga Sài Gòn (1886-2010)*

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, báo cáo của Thủ Thông đốc Nam Kỳ, Hiệp hội nhân viên Sở Công chánh ở Đông Dương, Hiệp hội Kỹ sư Đông Dương về việc lập, tu bổ, sửa chữa các tuyến đường sắt: Việc tái lập giao thông đường sắt Sài Gòn - Mỹ Tho năm 1951, lập thêm một số đường nội bộ nối liền đường sắt Nam Vang - Sài Gòn - Huế năm 1944; kế hoạch tăng cường an ninh cho đường sắt năm 1930.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: H02-96, IS-3, L45-923.

- **Nguyễn Văn Tâm**

### *Dự án đê biển Gò Công - Vũng Tàu từ khi bắt đầu đến nay*

Tài liệu là các bản báo cáo của Bộ Công chánh và Giao thông, Nha Giám đốc Khí tượng... Nội dung tài liệu bao gồm những vấn đề như: lưu thông và nạo vét trên sông Sài Gòn năm 1955, việc nghiên cứu và lập một cảng mới tại Vũng Tàu năm

1955-1956, nghiên cứu phát triển cảng Vũng Tàu năm 1973 của hãng Lyon Associates.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: H62-7.

- Phòng Bộ Công chánh và Giao thông: 11034, 11041, 11081, 11574, 12325, 12350, 12416.

- Phòng Cơ quan phát triển Quốc tế Hoa Kỳ: 3650.

- **Lê Thành Thạo**

*Thủ pháp chiếu sáng trong các công trình kiến trúc Pháp tại Thành phố Hồ Chí Minh*

Độc giả Lê Thành Thạo đã khai thác tài liệu là các báo cáo, đồ án thiết kế về các vấn đề như: Công trình kiến trúc cầu bến trên sông Sài Gòn, công trình kiến trúc bến tu sửa tàu ở Sài Gòn. Ngoài ra, độc giả còn khai thác những vấn đề liên quan như: Trường trung cấp bản xứ ở Sài Gòn, việc hình thành, ủy ban quản lý, hiệp hội nghị sĩ ở nhà hát Sài Gòn.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.5-165, IA.5-176, IA.6-177, IA.6-187.

- **Đỗ Thiện**

*Lịch sử xây dựng đình đền chùa miền Nam (1900-1950)*

Tài liệu khai thác là những bản báo cáo của Chánh tham biện các tỉnh Nam Kỳ (Gò Công, Châu Đốc, Mỹ Tho, Rạch Giá, Sóc Trăng, Tây Ninh) từ năm 1884 đến năm 1902 về việc xây dựng đền chùa ở các tỉnh Nam Kỳ (đền Phan Thanh Giản, đền Châu Văn Tiệp...).

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.7-281(2), IA.7-281(4), IA.7-281(5), IA.7-281(6), IA.8-032, IA.8-097(11), IA.11-011, IA.11-012, IA.11-013.

- **Timothy James Doling**

*Mạng lưới đường sắt Việt Nam trong chiến tranh và hòa bình (từ năm 1881 đến nay)*

Tài liệu là các bản báo cáo của Bộ Công chánh và Giao thông, Sở Giao thông Công chánh... Nội dung tài liệu đề cập đến hệ thống giao thông và chuyên chở hàng hóa ở Nam Kỳ từ năm 1881 đến nay như: xe điện công cộng, tàu điện hơi nước; cầu đường, đường sắt, nạo vét sông. Ngoài ra, trong quá trình làm đề tài, tác giả còn tham khảo thêm tài liệu bản đồ như: bản đồ Đông Dương, bản đồ Sài Gòn - Chợ Lớn, bản đồ tàu điện Sài Gòn năm 1914 và bản đồ tuyến đường sắt Sài Gòn - Chợ Lớn.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.19-146, IA.19-151(2), IA.19-164(6), IA.19-264(2), IA.20-234(8).

- Sưu tập tài liệu bản đồ: 1324, 1396, 1397, 1656.

- Sưu tập tài liệu ảnh: 4908-003, 4908-004.

- **Phan Thị Hoài Trang**

*Sự hình thành và phát triển đường sắt Việt Nam thời Pháp thuộc*

Đề tài sử dụng tài liệu là các văn bản như: Luật, nghị định của Toàn quyền Đông Dương, Thống đốc Nam Kỳ về việc thành lập ngân sách chung của Đông Dương ngày 31-07-1898. Tiếp đó là báo cáo của Sở Giao thông Công chánh và của các chuyên gia về các vấn đề như: Xây dựng tuyến đường sắt Sài Gòn - Mỹ Tho năm 1887, báo cáo kết quả khai thác sử dụng đường sắt quý I năm 1907, việc sử dụng ngân sách của ngân quỹ trung tâm khai thác sử dụng đường sắt và vay thêm 90 triệu USD để xây dựng tuyến đường sắt Sài Gòn - Khánh Hòa, việc hoàn thành tuyến đường sắt Đông Dương năm 1916.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.19-082, IA.19-161(2), IA.19-173(2), IA.19-174, IA.19-177, IA.19-177(2), IA.19-181, IA.19-197, IA.19-202, IA.19-217, IA.19-263(5).

- Sưu tập Công báo: J.17, J.18, J.19, J.43, J.45, J.46, J.49.

- ***Bạch Anh Tuân***

*Mối quan hệ giữa đô thị Việt Nam với yếu tố sông nước*

Đề tài khai thác tài liệu là các công văn, báo cáo, dự án, đề án của Thống đốc Nam Kỳ, Bộ Công chánh, Nha Điện nước, bao gồm những vấn đề như: Những quy định về việc phân phối điện và các giải pháp đặc biệt về đường sông, cụ thể là kênh Chợ Gạo và sông Sài Gòn; xây dựng dự án đào kênh giữa sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông; dự án thiết lập con đường giữa Bangkok - Sài Gòn - Hải Nam. Ngoài ra, còn có các triển lãm quốc tế về thành phố Lyon và triển lãm toàn quốc về sơ đồ kiến tạo thành phố Marseille.

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: 1144, 1146, 1367, 1423, 2367, 2329, 2369, 5737, IA.3-108, IA.3-186, IA.3-2011, IA.4-207, IA.4-207(2), IA.4-207(42), IA.8-225.

## **5. Tư tưởng, tôn giáo và văn hóa, nghệ thuật**

- ***Anazawa Aya***

*Đua ngựa tại Sài Gòn đầu thế kỷ XX*

Tài liệu được khai thác sử dụng có nội dung liên quan đến các hoạt động đua ngựa như: việc chăn nuôi ngựa; mua, bán ngựa giống và cho tặng ngựa; trợ cấp cho hội đua ngựa tại các trường luyện ngựa; thành viên hội đua ngựa,....

- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.4-135(1), IA.4-135(2), IA.4-135(3), IA.4-135(4), IA.4-135(5), IA.4-135(6), IA.4-136, IA.4-141.

- **Phạm Phương Chi**

*Nhà văn R. Tagore ở Việt Nam trước 1945 và văn hóa Ấn Độ  
ở Việt Nam*

Các tài liệu được khai thác sử dụng trong đề tài bao gồm những vấn đề sau: Tình hình di cư của người nước ngoài gốc Á; những quy định về người Châu Á làm việc cho người Âu, việc thống kê những người hầu nước ngoài làm việc ở Đông Dương và việc cung cấp lương thực cho quân đội Ấn Độ,...

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.1-011, IA.2-078, IA.2-115, IA.3-016, IA.3-155, IA.4-013, IA.4-015, IA.4-022, IA.4-055, IA.4-091.

- **Hà Thực Chi**

*Lịch sử xuất bản báo chí và phương tiện truyền thông mới  
trong thế kỷ XX ở Việt Nam*

Tài liệu là những ấn phẩm báo chí, sách, nguyệt san, tạp chí, điện ảnh,... phản ánh về chiến tranh ở Việt Nam và các chế độ kiểm soát, kiểm duyệt báo chí, thi hành án đối với báo chí vi phạm luật...

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: F05-001, F05-004, F05-008, F05-009, F05-14, F05-16, F05-21, F05-22, F06-006, F06-007, F06-008, F06-009, F06-010, F06-014, F07-169.

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: D30-127, D30-128, D30-324, D365-158, T42-287.

- Phòng Thủ tướng Quốc gia Việt Nam: 006, 077, 1785, 2444, 2920, 3049, 3382.

- **Kitazawa Naohiro**

*Hoạt động của đạo Cao Đài năm 1975 trở về trước*

Đề tài khai thác sử dụng tài liệu của Ủy ban Tình báo Quốc gia, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Bộ trưởng Thủ tướng. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: lực lượng chính trị và quân đội Cao Đài, hoạt động của Hòa Hảo Ba Cụt năm 1957.

- Phông Thủ tướng Quốc gia Việt Nam: 1693, 1725, 3270.

- Phông Thủ Tống thống Đệ nhất Cộng hòa: 909, 3746, 3981, 3987, 4905, 7185, 8542, 9879, 14407, 14676, 14679.

- Phông Thủ Tống thống Đệ nhị Cộng hòa: 4242, 4401, 4402, 4403, 4404, 4461, 4462, 4565, 4566.

- **Nguyễn Thị Hồng Cúc**

*Lịch sử báo chí Sài Gòn (1865-1975)*

Tài liệu sử dụng trong đề tài có nội dung liên quan đến sự ra đời của các tờ báo ở Sài Gòn từ năm 1865 đến năm 1975. Trong đó, bao gồm những hoạt động của các tờ báo lớn ở Sài Gòn như: Liên hiệp Hội báo chí Bắc Việt, báo Tiếng Dội, Nhật Báo thần chung, Việt Nam thông tấn xã, báo Cứu Dân, báo Chuông Rè, báo Tiên của hội Cao Đài, Bông lúa và Thời luận và các chính sách của chính quyền miền Nam đối với hoạt động báo chí ở Sài Gòn, cùng với các phong trào đấu tranh đòi tự do báo chí, tự do ngôn luận.

- Phông Thủ hiến Nam Việt: D01-59, D01-75, D01-104, D01-129, D01-176, D01-260, D01-320, F7-18, F7-20, F7-23, F7-26, F7-27, F7-35, F7-38, F7-40, F7-43, F7-45, F7-48.

- *Lê Anh Dũng*

- Lịch sử đạo Cao Đài*

Tài liệu có nội dung liên quan đến sự hình thành và phát triển của đạo Cao Đài thời kỳ Pháp thuộc từ năm 1920 đến năm 1926, bao gồm các vấn đề như: Chính sách của chính quyền miền Nam đối với đạo Cao Đài, sự phát triển mạnh mẽ của đạo Cao Đài và việc xin cất cơ sở Cao Đài ở hai tỉnh Hà Tiên, Tây Ninh; tình hình hoạt động của Toà thánh Tây Ninh và Tân Hương và việc đề nghị mở lại các cơ quan phước thiện đã đóng cửa.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-171, IIA.45-172, IIA.45-173, IIA.45-183, IIA.45-222, IIA.45-261, IIA.45-263, IIA.45-284, IIA.45-296, IIA.45-322.

- *Nguyễn Thị Điểu*

- Nghiên cứu thần thoại, lễ hội Hùng Vương trong giai đoạn Pháp thuộc*

Tài liệu là các báo cáo của Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ về việc tổ chức ngày lễ kỷ niệm Quốc khánh Pháp, cùng với những văn bản liên quan đến luật lệ quốc khánh Pháp năm 1880 và bản dịch tấm bia Thoại Sơn, Vĩnh Tế.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.6-296(4), IA.6-195, IA.7-197(8), IA.7-197(9).

- *Nguyễn Thị Điểu*

- Sự hình thành thần thoại từ thời phong kiến đến cận đại*

Tài liệu là các bản báo cáo của Sở An Ninh Sài Gòn - Chợ Lớn về các cuộc biểu tình của người dân phản đối việc dẹp bàn thờ Quốc tổ Hùng Vương, việc công chúa hát quốc ca “Thanh niên hành khúc” và việc tổ chức lễ “Hưng Quốc Khánh Niệm”

năm 1949-1952. Ngoài ra, còn có các tài liệu về lễ Quốc khánh Pháp tại các tỉnh Nam Kỳ và Hội Folklore Đông Dương.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: D9-19, D9-47, D9-51, D62-357, D62-363, F7-10, F7-14, IA.7-197(10), IB.30-011(1), IB.30-012, IB.30-013, IB.37-116(2), IB.55-234(1).

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: B6-157, B6-210, B6-251, B6-281, B6-282.

- **Ngô Đức Hoàng**

### *Lịch sử văn hóa Phật giáo từ đầu thế kỷ đến năm 1975*

Tác giả đề tài sử dụng các tài liệu nằm trong Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ có nội dung đề cập đến các vấn đề như: Việc thành lập và hoạt động của các Hiệp hội Phật giáo tại Việt Nam, việc kiểm duyệt, kiểm soát sách truyền bá về tôn giáo; việc ông An Ngọc Phùng và Đỗ Trọng Dực xin diễn thuyết về Phật giáo năm 1933 và việc miễn thuế thân cho các tu sĩ Thiên chúa giáo, Miền giáo và Phật giáo năm 1937.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: F6-19, T14-97.

- **Đỗ Quang Hùng**

### *Tôn giáo miền Nam*

Đề tài sử dụng tài liệu liên quan đến hoạt động tôn giáo ở miền Nam Việt Nam bao gồm những vấn đề như: Các tôn giáo bản địa sơ khai ở Nam Kỳ; phong trào tôn giáo chống thực dân Pháp xâm lược; sự hình thành và phát triển Đạo Hoà Hảo từ năm 1939 đến năm 1953,...

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: SL.1700, SL.1702, SL.1766, SL.1767, SL.1768.

- **Trần Thị Liên**

*Lịch sử Giáo hội Công giáo trong thời kỳ thuộc địa*

Tác giả đề tài sử dụng các tài liệu nằm trong Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ có nội dung liên quan đến Giáo hội Công giáo Nam Kỳ và tình hình giáo dục Nam Kỳ thời Pháp thuộc như: Niên giám An Nam năm 1912-1916, hội tôn giáo, những tài liệu về mộ của Adren; tình hình các sơ dòng Poul Chestres; trường Y Henri năm 1908-1919, trường Cao đẳng Chasseloup Laubat năm 1918-1921, các trường Chrétiennes - Marseille và trường Tiểu học Teberd.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.2-121(7), IA.2-134(3), IA.4-1139(1), IA.8-71(4), IA.8-73(1), IA.7-276, IA.7-281(3), IA.8-54(3-4), IA.8-55(11), IA.8-56(9), IA.8-61(3-4).

- **Nhi Nguyễn - Martina Thuc**

*Lịch sử báo chí Việt Nam (1858-1963)*

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, thông tư của các cơ quan chính quyền Pháp về báo chí và tự do báo chí; về hội nghị đàm phán Pháp Việt tại Paris năm 1953-1954.

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.10-216, IIB.56-063, IIB.53-2352.

- **Pasler Jann Corinn**

*Âm nhạc và đời sống âm nhạc ở Việt Nam (1860-1920)*

Tài liệu là bản báo cáo của Thông đốc Nam Kỳ về việc thành lập Hội Nhạc, điều lệ của Hội Nhạc, hoạt động của các nhà hát lớn, các phiên họp của Hội Sân khấu và các chương trình biểu diễn tại Nhà hát Sài Gòn,...

- Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.22-0513, IB.29-175, IB.30-011, IB.30-026.

- *Serene Tan Keng Ling*

*Bản sắc Trung Hoa ở Đông Nam Á từ thời kỳ thuộc địa đến hậu thuộc địa*

Tài liệu là các quyết định, công văn, báo cáo về những vấn đề kinh tế - xã hội của người Hoa, hội quán người Hoa ở vùng Sài Gòn - Chợ Lớn. Các loại tài liệu này được sản sinh từ Phủ Thống đốc Nam Kỳ, Nha sở chuyên trách về công chánh, giao thông, y tế, kinh tế... Nội dung của tài liệu bao gồm một số vấn đề như: kế hoạch công tác đô thị hóa, bản đồ Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh ở Nam Kỳ, chương trình hoạt động của Hội đồng hành chính vùng Sài Gòn - Chợ Lớn; việc cho phép mở trường học bán trú tự do, trường dạy tiếng Hoa tại Chợ Lớn, trường cho cán bộ, y tế ở các bệnh viện lớn; việc sát nhập thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn cùng những tài liệu về giao thông công chánh; y tế và các hoạt động kiểm tra của sở y tế tại các bệnh viện, vấn đề thuế và các hoạt động cứu tế xã hội.

- Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: IA.6-20, IA.6-205, IA.8-225, IA.8-234, IA.9-284, IA.10-117, IA.20-012, IA.20-013, IB.25-107.

- *Shimojo Hisashi*

*Tìm hiểu về sự hình thành phong tục tập quán ở nông thôn của người Khmer Nam Bộ trước năm 1975*

Đây là một đề tài nghiên cứu về văn hóa, tộc người, vì vậy, trong đề tài, tác giả sử dụng rất nhiều tài liệu lưu trữ dưới dạng các công văn, báo cáo thống kê về dân số và tộc người thiểu số,... Nội dung của tài liệu bao gồm các vấn đề như: Các biện pháp bảo vệ dân tộc thiểu số Cao Miên và dân số người Khmer sinh sống ở miền Nam Việt Nam. Hiệp hội hỗ trợ cứu tế cho người

Cao Miên, chương trình giáo dục dành cho người Khmer, biên giới Việt - Miên, và những vấn đề ruộng đất của người Khmer tại Nam Kỳ, việc Việt hóa tên địa danh hành chánh tiếng Miên, huấn luyện căn bản nông nghiệp và thú y chăn nuôi gia súc dành cho đồng bào Việt gốc Miên 1973-1974. Việc cho phép đồng bào Việt gốc Miên có quyền cử đại diện vào thành phần Hội đồng các sắc tộc năm 1967-1971 và việc thành lập Liên hiệp hợp tác xã Nông nghiệp Việt gốc Miên năm 1972. Các hoạt động của Phật giáo Theravada (nam Tông - Giáo hội phật giáo nguyên thủy người Việt gốc Miên), tổ chức các lễ hội của người Việt gốc Miên (lễ chịu tuổi, lễ Sedonta),... và các vấn đề về an ninh trật tự liên quan đến người Miên tại Nam Bộ từ năm 1975 trở về trước.

- Phòng Thủ hiến Nam Việt: D5-107, D5-566, D9-31.
- Phòng Thủ Thủ tướng: 7932, 7012, 31477.
- Phòng Thủ Tống thống Đệ nhất Cộng hòa: 4931, 5458, 5499, 7194, 13596, 17108.
- Phòng Thủ Tống thống Đệ nhị Cộng hòa: 3509, 3594, 3819, 3933, 3944, 4064.
- Phòng Tống nha Đặc trách phát triển người Việt gốc Miên: 59, 75, 97, 110, 258.

- ***Huỳnh Bội Trân***

### *Mỹ thuật và văn hóa Việt Nam (1884-1975)*

Đề tài sử dụng tài liệu là các báo cáo của Hiệu trưởng các trường nghề và trường dạy học, công văn trao đổi giữa các trường với Thống đốc Nam Kỳ, các nghị định và quyết định của Thống đốc Nam Kỳ và Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập trường, xóa bỏ trường học,... Nội dung các tài liệu được đọc giả khai thác bao gồm các vấn đề cụ thể như sau: Thông tin về việc

xuất bản lịch An Nam - bản in thứ lịch năm 1919 của Achert từ năm 1912 đến năm 1919; trường dạy nghề Biên Hòa, khóa học vẽ 1908 - 1909; việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng giám khảo cho kỳ thi cuối khóa học 1919 của trường Kỹ nghệ Gia Định; bài khóa ở trường Mỹ thuật Gia Định năm 1936 và các vấn đề về giáo dục cộng đồng, khoa học và nghệ thuật ấn phẩm như: thông tin về việc sản xuất lịch năm 1897, tình hình khoa học và nghệ thuật ấn phẩm ở Nam Kỳ; việc báo “Người Sài Gòn nhỏ”; quyên góp xây dựng đài tưởng niệm Mục sư Digneau de Behaine ở Sài Gòn, quyên góp để xây dựng chùa - trang trí dinh Chính phủ, nghệ thuật điêu khắc, vấn đề trưng bày toàn cầu năm 1889, trưng bày ở Hà Nội, trường Mỹ thuật Nam Kỳ và trường dạy nghề ở Nam Kỳ.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.3-44, IA.6-216, IA.6-225, IA.8-028, IA.8-056, IA.8-056(5), IA.8-056(6), IA.8-061, IA.8-082, IA.8-097, IIA.45-192.

- *Nguyễn Tùng*

*Đời sống văn hóa - xã hội ở Quảng Nam thời Pháp thuộc*

Đề tài sử dụng tài liệu là các văn bản báo cáo, địa phương chí của Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần. Nội dung tài liệu liên quan đến việc cải cách hương thôn, quy điều về chức việc trong tổng, làng, quận; tổ chức lại làng xã Việt Nam, tổ chức hành chính tinh và xã; địa phương chí các làng, xã, tỉnh, thành phố từ năm 1943 đến năm 1954.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: E01-25, E01-26, E02-19, E02-46, E02-136, E07-27, E07-80.

- *Jennings Eric*

*Lịch sử Đà Lạt 1895-1954: nguồn gốc, kiến trúc, đời sống hàng ngày*

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Sơ đồ đất tại Đà Lạt, việc sáp nhập Đà Lạt vào Nam Kỳ; giao thông công chánh tại Đà Lạt, môi trường và dân cư tại Đà Lạt; dự án thành lập một trạm ở Langbian, việc đưa một công ty Nam Kỳ đến Đà Lạt; chiến dịch báo chí để ủng hộ cho sự phát triển của Đường đường ở Langbian và việc xây dựng một bệnh viện quân y tại Đà Lạt.

- Phòng Tòa Khâm sứ Trung Kỳ: RSA/HC-1881, RSA/HC-2751, RSA/HC-2948, RSA/HC-3037, RSA/HC-3078, RSA/HC-4068, RSA/HC-4069, RSA/HC-4073, RSA/HC-4074, RSA/HC-4077, RSA/HC-4079, RSA/HC-4080, RSA/HC-4081, RSA/HC-4090, RSA/HC-4101.

#### IV. NGOẠI GIAO

- *Ando Masahito - Hashimoto Yo - Tanaka Hironori - Takeuchi Fusaji*

*Lịch sử Việt Nam và Nhật Bản trước khi kết thúc thế chiến thứ II*

Tài liệu được sử dụng trong đề tài liên quan đến vấn đề về người Nhật tại Nam Kỳ trước 1945, gồm những nội dung cụ thể sau: Tình hình hoạt động của Nhật Bản ở Việt Nam và hoạt động người Việt, M.Vial Mazel - quan niệm về công tác Pháp và Nhật; hội người Nhật tại Nam Kỳ, thành lập Hội Phật giáo Thiên Long Tú 1936, các thương nhân người Nhật buôn bán tại Nam Kỳ, các nhà báo Nhật tại Sài Gòn; việc định giá bất động sản cho thuê đối với người Nhật và cho phép người Nhật khai thác rừng.

- Phòng Phủ Thủ đô Nam Kỳ: IIA.45-264(7bis), IIA.45-311(8), IIA.45-314(11), IIA.45-321(9), D98-28, D98-31, D99-138, D962-66, D962-92, D962-102, D962-156, D962-269, D962-274.

- **Đặng Văn Chương**

*Quan hệ Việt Nam - Thái Lan từ năm 1782 đến giữa thế kỷ XX*

Tài liệu được tác giả khai thác rất phong phú và đa dạng, bao gồm nhiều lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... liên quan đến quan hệ giữa hai nước Việt Nam và Thái Lan. Nội dung của tài liệu cụ thể như sau: Sự kiện con tàu mang thư của Khâm sai nước Pháp đến Bangkok, việc buôn bán ở Vịnh Thái Lan, các mặt hàng ngoại nhập được bán ở Sài Gòn năm 1886. Việc lắp đặt đường dây quốc tế trực tiếp giữa Phnompenh và Bangkok và vấn đề trao đổi bưu phẩm giữa Đông Dương, Thái Lan và Nhật Bản; tình hình y tế ở Bangkok, hoạt động của Bệnh viện Quân y Sài Gòn và việc trợ cấp nghỉ phép, chi phí cho việc đi lại của các bác sĩ quân y đang ở Đông Dương. Các hoạt động đấu thầu, hợp đồng và thuế đối với việc khai thác các dịch vụ bưu điện, thư tín đường sông tại Nam Kỳ, Campuchia và Thái Lan từ năm 1880 đến năm 1915.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.3-026(6), IA.3-027(1), IA.7-175(9), IA.7-197(5), IA.8-012(36), IA.8-038(9), IA.8-085, IA.9-091(7), IA.9-091(8), IA.9-144(8), IA.9-229(2), IA.9-243(18), IA.12-204(3), IA.12-254(3), IA.14-021(3), IA.14-117(3).

- **Lý Lâm Ngọc Diệp**

*Quan hệ Việt - Nhật giai đoạn từ thế kỷ X đến trước năm 1945*

Tài liệu được sử dụng để cập đến mối quan hệ thương mại giữa hai nước Việt - Nhật từ thế kỷ X đến trước năm 1945. Nội dung tài liệu bao gồm những vấn đề sau: Những chỉ dẫn về kinh tế

cho chính quyền Nhật và các hoạt động kinh tế của Nhật Bản tại Nam Kỳ. Nhật Bản xin vào nền kinh tế năm 1945; các hiệp hội có tính chất thương mại, kỹ nghệ, canh nông năm 1941.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.5-065(12), IA.5-065(13), IA.5-192, IIA.45-235, IIA.45-264, D627-15, D627-24, L4-I5, L4-82.

- ***Delaye Karine***

*Mối quan hệ giữa các nước thuộc địa của Pháp và các nước thuộc địa của Anh (Miền Điện, Malaysia) 1860-1920*

Đề tài nghiên cứu về quan hệ ngoại giao giữa Thủ Thông đốc Nam Kỳ và các cơ quan đại diện ở nước ngoài, các vấn đề về hải quan, điện báo và hệ thống thông tin liên lạc ở thuộc địa trong thế chiến thứ nhất.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIB.55-021, IIB.55-022, IIB.55-023, IIB.55-024, IIB.55-025, IIB.55-027, IIB.55-028, IIB.55-055, IIB.55-057.

- ***Pairaudeau Natasha Lise***

*Quan hệ kinh tế - xã hội giữa Ấn Độ và Nam Bộ Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc*

Hồ sơ liên quan đến cộng đồng người Tamil tại Đông Dương, đặc biệt là tại Nam Kỳ, với những vấn đề cụ thể như: Tình hình, hoạt động của người di cư Tamil tại Nam Kỳ (Đô thành Sài Gòn, Bắc Kỳ và Trung Kỳ). Mối liên hệ giữa những nhóm người nhập cư từ khu vực Tamil Nadu và những vùng thuộc địa Pháp tại vùng Nam Á.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IA.12-1410, IA.13-271, IA.14-013, IA.16-143, IA.16-167, IA.17-092, IIA.45-261...

- **Đỗ Hữu Nghiêm**

*Quan hệ Việt - Nhật (1940-1975)*

Đề tài sử dụng tài liệu liên quan đến các hoạt động kinh tế của người Nhật ở Nam Kỳ từ năm 1940 đến năm 1975, chính sách của Pháp đối với người Nhật và mối quan hệ bang giao giữa người Việt và người Nhật ở Nam Kỳ.

- Phòng Toà Đại biểu Chính phủ Nam phần: A23-218, A23-219, A33-18, A33-22; L60-1, L60-6, L60-7, L60-30, L60-87, L60-97, L60-99, L60-109, L60-111, L60-112, L60-116, L60-118, L60-121, L60-122, L60-124, L60-125, L61-1, L61-2, L61-3, L61-4, L61-5, L61-6, L61-20, L61-32, L61-33; F1-5, F1-6, F1-27.

- **Young Soon Nho**

*Quan hệ Việt - Pháp, Việt - Nhật giai đoạn 1940-1945*

Độc giả khai thác tài liệu về những vấn đề liên quan đến tiền nhà, tiền thuê nhà, tiền ở của quân đội Nhật trong giai đoạn phát xít Nhật xâm lược và cai trị Việt Nam.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: 99, 673, 674, 675, 676, 677, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 684, 685, 686, 687, 688, 689.

- **Perapol Songnuy**

*Quan hệ giữa Pháp với Xiêm (1863-1953)*

Các tài liệu liên quan đến quan hệ giữa Pháp và Xiêm từ năm 1863 đến năm 1953, với nội dung cụ thể như: Bản đồ về Đông Dương, hoạt động của Hội đồng Tư vấn trong hai năm 1868-1869 và phong trào đấu tranh chống thực dân của người Campuchia tại Vĩnh Long;...

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-204(20), IIA.45-284(25), IIA.45-286(1), IIA.45-321(13), IIA.45-321(14), IIA.45-326(2).

- *Masaya Shiraishi*

*Quan hệ Việt - Nhật thời kỳ chiến tranh thế giới thứ II*

Độc giả nghiên cứu các tài liệu liên quan đến hoạt động của người Hoa đối với Nhật ở Đông Dương và các báo cáo chính trị từ năm 1840 đến năm 1885.

- Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ: IIA.45-234, IIA.45-256, IIA.45-275, IIA.45-306, IIA.45-316, IIA.45-326.

## Phần Ba

### TUYỂN TẬP CÁC ĐỀ TÀI, XUẤT BẢN PHẨM VÀ BÀI VIẾT CỦA ĐỘC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ, XUẤT BẢN

#### I. ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ LUẬN VĂN, LUẬN ÁN

- *Nguyễn Duy Bình*

HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI HOA Ở NAM BỘ

*Luận án Tiến sĩ*

Chương 1: Giới thiệu một cách khái quát về người Hoa ở Nam Bộ với các nội dung: Vài nét về quá trình hình thành cộng đồng người Hoa ở Nam Bộ; dân số và sự phân bố dân cư của cộng đồng người Hoa; các hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội, những hoạt động văn hóa khác của người Hoa,... Chương này cung cấp cho người đọc những thông tin khái quát và cơ bản nhất về cộng đồng người Hoa.

Chương 2: Hôn nhân. Tác giả trình bày những quan niệm về hôn nhân của người Hoa: Những quan niệm truyền thống trong hôn nhân; những biến đổi trong các quan niệm hôn nhân của người Hoa; các quy tắc hôn nhân bao gồm: các quy tắc hôn nhân truyền thống; những biến đổi trong các quy tắc hôn nhân của người Hoa ở Nam Bộ; các nghi lễ trong hôn nhân.

Chương 3: Gia đình. Nội dung chính: Những tiêu chí để phân loại gia đình; các hình thức và cấu trúc của gia đình người

Hoa ở Nam Bộ. Đó là, gia đình nhỏ và gia đình lớn; các mối quan hệ gia đình; các mối quan hệ gia đình với dòng họ; một số chức năng của gia đình; những nghi lễ gia đình.

Qua việc nghiên cứu một cách tương đối đầy đủ, có hệ thống về hôn nhân và gia đình của người Hoa ở Nam Bộ, kết quả nghiên cứu của công trình này giúp làm rõ những cấu trúc, loại hình gia đình, các thiết chế và nghi lễ trong hôn nhân của người Hoa ở Nam Bộ có so sánh với các dân tộc khác của Việt Nam. Từ đó rút ra những đặc điểm và khuynh hướng phát triển của hôn nhân và gia đình người Hoa ở Nam Bộ, làm phong phú những vấn đề lý luận và thực tiễn về văn hóa và thiết chế xã hội tộc người ở Việt Nam.

- *Lê Quang Cần*

CHỢ Ở BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI TỪ NĂM 1698 ĐẾN NĂM 1945

*Luận văn Thạc sĩ Lịch sử*

Chương 1: Chợ ở Biên Hòa - Đồng Nai từ năm 1698 đến năm 1861.

Chương 2: Chợ ở Biên Hòa - Đồng Nai thời thuộc Pháp (1861-1945).

Chương 3: Ảnh hưởng của chợ đối với kinh tế, văn hóa - xã hội ở Biên Hòa - Đồng Nai.

Đề tài tập trung nghiên cứu về các chợ hình thành, tồn tại và phát triển ở địa bàn Biên Hòa - Đồng Nai giai đoạn 1698-1945 (gồm chợ làng xã, chợ huyện, chợ trấn, chợ tỉnh). Tái hiện một cách khá toàn diện về diện mạo hoạt động của “Chợ ở Biên Hòa - Đồng Nai từ 1698 đến 1945”. Từ đó, chúng tôi cố gắng làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chợ, mạng lưới chợ ở Biên Hòa -

Đồng Nai từ 1698 đến 1945. Trên cơ sở đó, rút ra một số đặc điểm về sự hình thành chợ qua các hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp,... phát triển cùng với sự tập trung đồng đào dân cư.

Luận văn làm sáng tỏ hơn nữa vị trí, vai trò của chợ đối với đời sống vật chất, tinh thần của cư dân vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Đồng thời, dưới tác động của chợ đã kích thích, thúc đẩy sản xuất kinh tế trên nhiều mặt dần thay đổi theo hướng tích cực.

- **Trần Tùng Chinh**

### BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU TRUYỆN KẺ DÂN GIAN VỀ CÁC ĐỊA DANH Ở NAM BỘ

*Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn*

Đối tượng nghiên cứu trong luận văn này là những truyện kể dân gian về các địa danh Nam Bộ. Nói một cách đầy đủ hơn, đó là những truyện kể dân gian giải thích về nguồn gốc các địa danh Nam Bộ. Chúng ra đời, lưu truyền và tồn tại như một chỉnh thể nghệ thuật, có cốt truyện, có không gian và thời gian nghệ thuật và có nhân vật, sự kiện.

Luận văn lý giải tên gọi của vùng đất (gắn với địa hình của: núi, non, hòn, gò, vồ, cù lao, sông, rạch, kinh, mương, ao hồ, vũng, bàu, đìa, đồng, bưng, bãi...), là tên gọi của một đơn vị hành chính (tỉnh, huyện, vùng, làng, xã, ấp, chợ...) và kể cả các công trình phúc lợi (cầu, cổng, đập...) và những di tích văn hóa tín ngưỡng trong nhân dân (đình, chùa, miếu, mạo...) mà tên gọi của công trình, di tích ấy đã trở thành tên gọi chung được xác định, khoanh vùng, hay nói cách khác là trở thành một địa điểm đánh dấu địa danh.

Nội dung chính của luận văn gồm:

Chương 1: Tìm hiểu vùng đất - nơi hình thành, lưu truyền

những truyện kể dân gian về các địa danh ở Nam Bộ.

Chương 2: Nhận xét tài liệu.

Chương 3: Bước đầu tìm hiểu những đặc điểm thi pháp của truyện kể địa danh Nam Bộ.

Đặc biệt, trong phần phụ lục, tác giả đã tuyển chọn từ những tài liệu sưu tầm, biên khảo gần 100 truyện kể dân gian về các địa danh ở Nam Bộ.

- **PGS. TS. Trịnh Doãn Chính (chủ nhiệm)**

CÁC KHUYNH HƯỚNG TƯ TƯỞNG VIỆT NAM NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX - ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX, ĐẶC ĐIỂM VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA NÓ

*Đề tài cấp Đại học Quốc gia loại C*

Nội dung của đề tài là nhằm làm rõ các khuynh hướng tư tưởng Việt Nam, và từ đó rõ xu hướng vận động tất yếu của tư tưởng Việt Nam lên tư tưởng triết học Hồ Chí Minh theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lê nin. Từ những nội dung đó, đề tài rút ra một số đặc điểm và ý nghĩa lịch sử cơ bản của các khuynh hướng tư tưởng giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX - nửa đầu thế kỷ XX.

- **PGS. TS. Võ Văn Nhơn**

SƯU TẦM, KHẢO SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ VĂN HỌC NAM BỘ 1945-1954

*Đề tài cấp Đại học Quốc gia trọng điểm*

Đề tài được triển khai với các hoạt động chính:

- Sưu tầm và khảo sát tư liệu văn học Nam Bộ 1945-1954;
- Đánh giá văn học Nam Bộ 1945-1954;

### - Bảo tồn văn học Nam Bộ 1945-1954:

Qua các thực hiện các nội dung trên, đề tài khẳng định giá trị của văn học Nam Bộ giai đoạn 1945-1954 với vị thế xứng đáng trong lịch sử văn học Việt Nam trong giai đoạn này, đặc biệt là trong văn học kháng chiến. Với giá trị đó, văn học Nam Bộ giai đoạn 1945-1954 cần được giới thiệu rộng rãi hơn ra ngoài xã hội, có mặt nhiều hơn trong Tổng tập văn học Việt Nam, trong các giáo trình lịch sử văn học được giảng dạy ở đại học.

Công trình cũng đã sưu tầm được nhiều tác phẩm hiện còn thất lạc hoặc chưa được nói đến, để từ đó có thể dựng lại đầy đủ diện mạo của văn học Nam Bộ và chân dung của các nhà văn trong giai đoạn này, từ đó xác định những đóng góp của văn học Nam Bộ trong quá trình phát triển của một giai đoạn văn học đầy biến động của lịch sử và cũng là một giai đoạn mở đầu của nền văn học mới.

### • *Cù Thị Dung*

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC Ở NAM KỲ THỜI PHÁP THUỘC  
1982-1945

*Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, 2011*

Đề tài chủ yếu tập trung vào khoảng thời gian thực dân Pháp bắt đầu xâm lược Việt Nam. Ngay sau khi lấy được Chí Hòa ngày 25-02-1861, ngày 21-9-1861 Đô đốc Charner đã ký Nghị định thành lập trường d'Aran (Bá Đa Lộc) để dạy tiếng Pháp cho người Việt và dạy tiếng Việt cho người Pháp. Từ năm 1868 đến 1885 là thời kỳ thực dân Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược ra toàn lãnh thổ Việt Nam. Trong giai đoạn này, giáo dục cũng chỉ mới mở rộng ở Nam Kỳ, còn ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ tổ chức giáo giục vẫn được giữ nguyên. Đến cuối thập niên 1920, Pháp đã lập được 6

trường trung học, hàng nghìn trường tiểu học và cao đẳng tiểu học với hơn 400.000 học sinh theo học. Tiếp đó, hệ thống các trường chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học đã hình thành và được mở rộng thêm về quy mô vào thập niên 30. Cùng với việc mở rộng giáo dục trên toàn lãnh thổ Việt Nam, Pháp đã tiến hành 2 cuộc cải cách giáo dục vào năm 1906 và 1917, nhằm xóa bỏ từng bước nền giáo dục Nho giáo, đi đến việc xây dựng nền giáo dục duy nhất trên toàn quốc dạy toàn bằng tiếng Pháp.

- **Nguyễn Thùy Dương**

KINH TẾ HÀ TIỀN - RẠCH GIÁ THỜI PHÁP THUỘC  
(1867-1939)

*Luận án Phó Tiến sĩ Lịch sử*

Nghiên cứu kinh tế Hà Tiên - Rạch Giá trong thời kỳ 1867-1939. Tìm hiểu những di sản trên các mặt, đặc biệt là những di sản kinh tế - xã hội ở Hà Tiên - Rạch Giá thời Pháp thuộc, qua đó hiểu rõ điểm xuất phát của địa phương khi bước vào thực hiện công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

- **PGS. TS. Đoàn Lê Giang (chủ nhiệm)**

KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ, BẢO TỒN DI SẢN VĂN HỌC NAM BỘ  
1930-1945

*Đề tài cấp Đại học Quốc gia trọng điểm*

Văn học Nam Bộ 1930-1945 là một bộ phận máu thịt của văn học Việt Nam, là một phần của đời sống tinh thần, tâm hồn của người Việt ở Nam Bộ. Từ trước đến nay, việc nghiên cứu về mảng văn học này chưa được chú ý vì nhiều lý do, trước hết là do khó khăn về tư liệu, sau nữa là vì thói quen thường thức và nhất là chưa được nghiên cứu một cách thấu đáo, hệ thống. Văn học quốc ngữ Nam Bộ là những tư liệu vô giá lưu giữ cho chúng ta

ngôn ngữ của người Việt ở Nam Bộ cách đây hàng trăm năm, đó là cứ liệu tốt để nghiên cứu về tiếng Việt Nam Bộ. Nhà văn Nam Bộ viết văn làm thơ, ngoài những lý do về cảm xúc còn có ý muốn lưu giữ cho cháu con, cho dân tộc một thứ tiếng Việt khỏe khoắn, bộc trực của những người đàn ông Nam Bộ, một thứ tiếng Việt ngọt ngào, đằm thắm của những người phụ nữ Nam Bộ. Văn học quốc ngữ Nam Bộ cũng là tư liệu quý báu để tìm hiểu đời sống, xã hội, phong tục tập quán, tính cách của người Nam Bộ.

Mục đích của đề án:

1. Khảo sát di sản văn học Nam Bộ 1930-1945: có những gì, còn những tác phẩm nào, hiện đang lưu trữ ở đâu...
2. Đánh giá giá trị của từng tác phẩm, tác giả, và đề xuất cách khai thác phát huy.
3. Bảo tồn.

- **PGS. TS. Vũ Văn Gầu (chủ nhiệm)**

TƯ TUỞNG VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX - ĐẦU THẾ KỶ XX  
QUA MỘT SỐ CHÂN DUNG TIÊU BIỂU

*Đề tài cấp Đại học Quốc gia*

Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là một giai đoạn lịch sử có nhiều biến đổi nhất, chuyển từ xã hội phong kiến lên xã hội phong kiến nửa thuộc địa. Đây là bước chuyển ghi đậm dấu ấn trong ý thức tư tưởng của dân tộc ta và tạo nên một quá trình chuyển biến của tư tưởng, đặc biệt là tư tưởng chính trị.

Quá trình chuyển biến tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX xuất phát từ các tiền đề đó là: Hoàn cảnh lịch sử thế giới tác động đến Việt Nam, những điều kiện kinh tế - xã hội và những tiền đề lý luận, trong đó điều kiện kinh tế - xã hội giữ vị

trí quan trọng nhất. Trong các nhà tư tưởng giai đoạn này, nổi bật nhất là 3 nhà tư tưởng chính trị tiêu biểu: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn An Ninh. Mỗi nhà tư tư tưởng có những nội dung và đặc điểm riêng và còn một số hạn chế nhất định. Tuy nhiên, quá trình tìm kiếm, khảo nghiệm con đường cứu nước của các ông đã tạo nên quá trình chuyển biến cho dân tộc Việt Nam, chuyển từ tư duy chính trị truyền thống sang tư duy chính trị hiện đại, chuyển từ quân chủ sang dân chủ. Các ông đã có công rất lớn là tạo nên một khâu trung gian trong quá trình phát triển tư tưởng ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn An Ninh mặc dù gặp phải những thất bại nhất định nhưng cuộc đời của các ông là tấm gương sáng về tinh thần cách mạng, vì dân, vì nước, sẵn sàng hi sinh cuộc đời của mình cho dân tộc. Tư tưởng của các ông đã trở thành tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam, việc nghiên cứu tư tưởng của các ông là một quá trình lâu dài thì mới có thể tìm thấy được hết giá trị của nó. Những bài học trong lịch sử rất cần thiết cho vận dụng vào cuộc sống hiện nay. Tư tưởng chính trị của các ông có thể là những bài học kinh nghiệm quý báu cho chúng ta trên con đường đổi mới đất nước.

- *Lê Thị Diệu Hà*

## TRUYỀN THUYẾT VÀ GIAI THOẠI VỀ CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ NAM BỘ TỪ CUỐI THẾ KỶ XIX TRỞ VỀ TRƯỚC

*Luận án Tiến sĩ Văn học*

Luận án tập hợp, suru tầm, hệ thống hóa các truyền thuyết và giai thoại về các nhân vật lịch sử Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX trở về trước, theo hướng tiếp cận thể loại, chỉ ra những đặc trưng nghệ thuật, giá trị của hệ thống truyện và sự đóng góp của hệ

thông truyện này đối với tiến trình vận động của truyện dân gian, tiến trình phát triển của truyền thuyết, giai thoại trong thời kỳ cận đại. Trên cơ sở thực tế tư liệu và tiếp cận lý thuyết thể loại, luận án đề xuất làm rõ thêm mối tương quan, ranh giới, sự tương tác giữa truyền thuyết và giai thoại dân gian.

1. Qua tiếp cận cơ sở lý thuyết về thể loại, luận án đã khái quát lại những đặc điểm của truyền thuyết và giai thoại, tiếp tục so sánh truyền thuyết và giai thoại folklore, đồng thời chỉ ra sự gần gũi, thâm nhập, chuyển hóa lẫn nhau của các thể loại này.

2. Luận án đã tổng quan được tình hình sưu tầm, biên soạn, nghiên cứu truyền thuyết và giai thoại về các nhân vật lịch sử Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX trở về trước, tiếp cận những khía cạnh cụ thể của vấn đề văn bản hóa truyện dân gian, bổ sung một số tư liệu sưu tầm mới về văn bản và mối quan hệ của văn bản với các chứng tích văn hóa có liên quan.

3. Luận án đã tập hợp, sưu tầm, thống kê, phân loại, hệ thống hóa 220 truyền thuyết và giai thoại về các nhân vật lịch sử Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX trở về trước, thời kỳ mà tại Nam Bộ diễn ra rất nhiều sự kiện lịch sử nổi bật, trọng yếu của đất nước, dân tộc.

4. Theo hướng tiếp cận thể loại, luận án đã khảo sát, miêu tả và xác định những đặc trưng nghệ thuật và giá trị của hệ thống truyền thuyết và giai thoại về các nhân vật lịch sử Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX trở về trước, chỉ ra đặc trưng mối quan hệ của các yếu tố điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội và sự hình thành, phát triển của hệ thống truyện dân gian Nam Bộ.

5. Kết quả nghiên cứu và nguồn truyện sưu tầm của luận án góp phần vào việc nghiên cứu văn hóa, lịch sử địa phương, đồng thời, góp phần lưu giữ, bảo tồn những giá trị văn hóa phi vật thể của Nam Bộ.

## • Nguyễn Thị Hà

### PHONG TRÀO DUY TÂN Ở NAM KỲ NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX (1905-1930)

*Luận văn Thạc sĩ Lịch sử*

Cuối thế kỉ XIX, các nước tư bản đế quốc phương Tây tiến hành xâm lược các nước khác trên thế giới, đặc biệt là các nước lạc hậu ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh. Trong hoàn cảnh đó, Việt Nam cũng phải đương đầu với sự xâm lược, với sức mạnh thực dân và trong cuộc chiến không cân sức này với sự bạc nhược của triều đình phong kiến, Việt Nam đã trở thành xứ thuộc địa Pháp. Sự thất bại này không chỉ là thất bại về kinh tế, quân sự mà còn đánh dấu sự thất bại của ý thức hệ của người Việt Nam trong điều kiện lịch sử mới. Ý thức hệ phong kiến đã hoàn toàn bất lực trong việc giải quyết những nhiệm vụ của lịch sử dân tộc. Ý thức hệ dân chủ tư sản phương Tây bắt đầu du nhập vào Việt Nam nhưng chưa hội đủ lượng và chất để có thể giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn của tình hình Việt Nam lúc đó. Nhưng với truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất, người Việt Nam đã không ngừng tìm cơ hội để chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược, giành lại độc lập, chấn hưng đất nước. Những nho sĩ tiến bộ của Việt Nam đã tiếp thu, đổi mới tư tưởng và xã hội. Họ đã đứng lên phát động, lãnh đạo một phong trào yêu nước theo khuynh hướng mới được gọi là phong trào Duy Tân, mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta.

Nghiên cứu, tìm hiểu để biết rõ hoạt động, đặc điểm, tác động của phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - giáo dục, chính trị không những giúp người đọc hiểu sâu sắc, toàn diện hơn về phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ mà còn góp

phần bổ sung vào sự hiểu biết toàn diện lịch sử dân tộc, lịch sử vùng đất Nam Kỳ thời kỳ này. Làm rõ điều kiện tác động đến sự ra đời của phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ và hoạt động của phong trào này; tác động của phong trào Duy Tân đối với Nam Kỳ, với phong trào Duy Tân cả nước.

Luận văn gồm các nội dung chính:

Chương 1: Bối cảnh lịch sử và sự ra đời của phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ những năm đầu thế kỷ XX (1905-1930).

Chương 2: Phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ những năm đầu thế kỷ XX (1905-1930).

Chương 3: Đặc điểm, tác động và bài học của phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ những năm đầu thế kỷ XX (1905-1930).

- **TS. Nguyễn Chí Hải (chủ nhiệm)**

TƯ TƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM THỜI KỲ CẬN VÀ HIỆN ĐẠI (1858 ĐẾN NAY)

*Đề tài cấp Đại học Quốc gia*

Nghiên cứu có hệ thống những nội dung cơ bản về tư tưởng kinh tế Việt Nam thời kỳ cận và hiện đại (từ năm 1858 đến nay). Góp phần làm sáng tỏ những vấn đề về lịch sử kinh tế và tư tưởng kinh tế dân tộc, qua đó tìm những ảnh hưởng của nó đối với quá trình phát triển kinh tế dân tộc, cung cấp những luận cứ cho việc hoạch định chiến lược, chính sách kinh tế.

- **Hoàng Thị Thu Hiền**

SỰ BIẾN ĐỔI TRONG HẠ TẦNG KINH TẾ - KỸ THUẬT Ở NAM KỲ THỜI PHÁP THUỘC

*Luận văn Thạc sĩ Lịch sử*

Chương 1: Cơ sở hạ tầng ở Nam Kỳ trước khi thực dân Pháp đến, trình bày một số khái niệm liên quan đến đề tài; và hệ thống hạ tầng kinh tế ở Việt Nam nói chung và Nam Kỳ nói riêng trước thời Pháp thuộc chủ yếu là phục vụ cho hoạt động kinh tế chính thời bấy giờ là sản xuất nông nghiệp. Hệ thống hạ tầng cơ sở này bao gồm: thủy lợi và giao thông thủy, bộ. Trong đó, giao thông đường bộ còn nhiều hạn chế.

Chương 2: Biến đổi hạ tầng kinh tế - kỹ thuật ở Nam Kỳ dưới tác động của công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Nam Kỳ thời Pháp thuộc đã có nhiều thay đổi trong trang bị cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật. Thay đổi trước hết chính là sự có mặt của một hệ thống giao thông hiện đại và phân bố rộng khắp Nam Kỳ, nối các tỉnh Nam Kỳ với các vùng lân cận. Sự xuất hiện của hệ thống đường bộ khang trang với những cây cầu hiện đại; hệ thống đường sắt, nhà ga, cảng biển, đường hàng không... và theo đó là những phương tiện, dịch vụ hiện đại là một điều mới mẻ mà trước đó chưa từng xuất hiện ở vùng đất này. Nó đánh dấu một bước ngoặt quan trọng đưa Nam Kỳ hòa nhập vào thị trường thế giới, đồng thời chứng nhận sự lớn mạnh của thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn với tư cách là một trung tâm kinh tế, tài chính, văn hóa, khoa học kỹ thuật có sự giao lưu, liên kết với các địa phương khác trong cũng như ngoài nước. Đúng như mục đích thiết lập, hệ thống hạ tầng kinh tế - kỹ thuật đã đóng vai trò tích cực phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Đây cũng chính là nhân tố quan trọng tác động mạnh mẽ đến tình hình kinh tế và xã hội Nam Kỳ thời Pháp thuộc.

Chương 3: Ảnh hưởng của sự biến đổi hạ tầng kinh tế - kỹ thuật đối với vùng đất Nam Kỳ thời Pháp thuộc. Sự hình thành một hạ tầng kinh tế kỹ thuật tại Nam Kỳ đã tác động một cách

mạnh mẽ đến tình hình kinh tế và xã hội Nam Kỳ nói riêng và Việt Nam nói chung. Đây chính là cơ sở, tiền đề, điều kiện cần để dẫn đến những thay đổi tại vùng đất Nam Kỳ. Đầu tiên là tạo ra một cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật khá đồng bộ, hoàn chỉnh và hiện đại phân bố rộng khắp Nam Kỳ, và sau đó là những thay đổi rõ nét trong nền kinh tế mà vốn dĩ trước đó chỉ là nền kinh tế phong kiến, tiêu nông lạc hậu. Với sự có mặt của những yếu tố hạ tầng hiện đại, nhân tố tư bản chủ nghĩa đã bước đầu du nhập vào các lĩnh vực kinh tế ở Nam Kỳ.

- ***Nguyễn Văn Hiệp***

NHỮNG CHUYỂN BIẾN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BÌNH DƯƠNG (1945-2005)

*Luận án Tiến sĩ Lịch sử, 2007*

Luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Một số đặc điểm về tự nhiên, kinh tế - xã hội và địa lý hành chính của tỉnh Bình Dương. Ở chương này, tác giả đã trình bày các điều kiện về tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của tỉnh Bình Dương.

Chương 2: Những chuyển biến kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương từ 1945 đến 1975. Chương này, tác giả trình bày những chuyển biến về kinh tế - xã hội tỉnh Thủ Dầu Một thời kỳ thuộc địa Pháp và thời kỳ Pháp xâm lược Việt Nam lần thứ 2. Trong đó, giới thiệu cụ thể về chuyển biến kinh tế - xã hội trong vùng địch tạm chiếm và trong vùng kháng chiến. Trong giai đoạn 1954-1975, tác giả giới thiệu những chính sách của chính quyền Việt Nam Cộng hòa và chính quyền cách mạng, đây là yếu tố đưa đến sự chuyển biến kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Chương 3: Những chuyển biến kinh tế - xã hội của tỉnh Bình

Dương giai đoạn 1975-2005. Ở chương này, tác giả trình bày sự chuyển biến kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền Bình Dương từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975) đến năm 2005.

- **Lê Huỳnh Hoa**

### CẢNG SÀI GÒN VÀ BIỂN ĐỔI KINH TẾ NAM KỲ THỜI PHÁP THUỘC (1860-1939)

#### *Luận án Tiến sĩ Lịch sử*

Chương 1: Cảng Sài Gòn trong bối cảnh hình thành nền kinh tế thuộc địa ở Nam Kỳ. Chương này đề cập đến: Những điều kiện tự nhiên và lịch sử của Nam Kỳ; hoàn cảnh lịch sử thành lập cảng Sài Gòn và hoạt động của cảng thời kỳ 1860 - 1896, trước khi diễn ra chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Nam Kỳ.

Luận án đi sâu phân tích chủ trương của thực dân Pháp trong việc thiết lập cảng ở Sài Gòn, đồng thời tìm hiểu rõ về cơ sở vật chất, quy mô phát triển và quy chế hoạt động của cảng Sài Gòn từ 1860 - 1939. Thông qua đó xác định cảng Sài Gòn là một đầu mối giao thương, một phương tiện thực thi hữu hiệu chính sách khai thác và bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp ở Nam Kỳ.

Chương 2: Cảng Sài Gòn và biến đổi kinh tế Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1860-1939). Ở chương này, tác giả thực hiện cùng lúc việc dựng lại: hoạt động của cảng Sài Gòn trong hai thời kỳ khai thác thuộc địa (1897-1918 và 1919-1939); biến đổi kinh tế Nam Kỳ thời Pháp thuộc. Thể hiện cụ thể từng thời kỳ của quá trình khai thác thuộc địa.

Ở mỗi thời kỳ, luận văn chú ý:

1. Phân tích bối cảnh lịch sử, trên cơ sở đó rút ra mối liên hệ

giữa chủ trương, biện pháp, hoạt động đầu tư của tư bản thực dân Pháp, hoạt động của cảng Sài Gòn với những biến đổi của kinh tế Nam Kỳ.

2. Thông qua danh mục, số lượng hàng hóa xuất nhập, những nét chung và riêng của từng thời kỳ được phân tích, lý giải tạo cơ sở để xác định quy mô, tính chất của từng đợt khai thác góp phần xác định mô hình kinh tế thuộc địa ở Nam Kỳ về cơ cấu tổ chức và guồng máy điều hành.

3. Khắc họa sự biến đổi của kinh tế Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1860-1939) về cả hai mặt lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trên cơ sở phân tích sự xuất hiện những nhân tố mới tư bản chủ nghĩa (như hạ tầng kinh tế, tài chính ngân hàng và các ngành kỹ nghệ hiện đại) vào hoạt động kinh tế truyền thống của Nam Kỳ.

4. Làm rõ sự phát triển của hoạt động ngoại thương dưới thời Pháp thuộc là nét nổi bật trong sự biến đổi kinh tế ở Nam Kỳ. Hoạt động này không những đã kéo theo sự phát triển của các thành phố lớn mà cùng với cảng Sài Gòn, các vùng sản xuất nguyên liệu xuất khẩu chính của Nam Kỳ như miền Đông và miền Tây Nam Kỳ cũng đã ngày càng phát triển gắn bó, tạo nên một tổng thể kinh tế vùng vừa là đầu mối giao thương với thị trường khu vực và thế giới, vừa có tác dụng thúc đẩy kinh tế Nam Kỳ phát triển.

Cuối cùng, để kết luận, luận án một lần nữa nhấn mạnh vị trí của cảng Sài Gòn đối với kinh tế Nam Kỳ trong quá khứ, cụ thể là trong thời Pháp thuộc, từ đó nhận định về những hạn chế, tiềm năng và triển vọng của cảng Sài Gòn đối với vùng kinh tế Nam Bộ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện tại và tương lai.

- **Bùi Thị Huệ**

NHỮNG BIẾN ĐỔI KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH  
BÌNH PHƯỚC THỜI PHÁP THUỘC (1862-1945)

*Luận án Tiến sĩ Lịch sử, 2009*

Luận án góp phần phục dựng lại những biến đổi kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Phước thời Pháp thuộc (1862-1945) ở các phạm vi biến đổi về cơ sở hạ tầng kinh tế, cơ cấu kinh tế, biến đổi trong cơ cấu xã hội - tộc người, sự phân hóa xã hội và đấu tranh xã hội, làm nổi bật những đặc điểm của sự biến đổi về kinh tế - xã hội tại Bình Phước, đồng thời bước đầu rút ra một số nhận xét về vai trò của kinh tế tư bản chủ nghĩa đối với kinh tế tỉnh Bình Phước đương thời.

- **Phạm Thị Huệ**

CHÍNH SÁCH “KINH TẾ CHỈ HUY” Ở NAM KỲ THỜI PHÁP -  
NHẬT (1939-1945)

*Luận văn Thạc sĩ Lịch sử*

Năm 1858, thực dân Pháp nô súng xâm lược Việt Nam. Sau thời gian xâm chiếm và bình định, thực dân Pháp tiến hành những biện pháp khai thác thuộc địa. Công cuộc đô hộ của Pháp ở Việt Nam không chỉ ảnh hưởng đến tình hình chính trị, văn hóa, xã hội mà còn về kinh tế. Đặc biệt là khi phát xít Nhật cộng trị với Pháp. Từ đó, những chính sách về kinh tế của Pháp - Nhật áp dụng trên đất nước ta càng trở nên phức tạp và ảnh hưởng lớn đến xã hội Việt Nam.

Nam Kỳ là vùng đất có tầm quan trọng đặc biệt trong việc phát triển kinh tế xã hội. Bởi lẽ, đây là vùng lương thực - thực phẩm lớn nhất cả nước. Vùng đất này là nơi mà từ rất sớm nền

kinh tế hàng hóa đã khẳng định được vị trí của mình và cùng với nông nghiệp tạo nên một cấu trúc kinh tế nông - công - thương khá hoàn chỉnh. Nhờ những ưu thế trên, nghiên cứu Nam Kỳ đã trở thành đối tượng của nhiều ngành khoa học, kể cả tự nhiên lẫn xã hội.

Để hiểu được vùng đất này một cách sâu sắc, cần phải dựng lại bộ mặt chân thực của nó qua từng thời kỳ. Trong đó có thời kỳ bị Pháp - Nhật cộng trị. Chính sách thống trị của kẻ thù đã có những ảnh hưởng nhất định đến vùng đất Nam Kỳ. Tuy nhiên, trên thực tế chưa có nhiều công trình quan tâm nghiên cứu đến từng giai đoạn nhỏ trong suốt thời kỳ thống trị Pháp - Nhật.

Trong giai đoạn 1939-1945, cả nhân loại đang phải đối đầu với cuộc chiến tranh chống phát xít, bảo vệ hòa bình thế giới. Nhưng ở Việt Nam, thực dân Pháp ở Đông Dương đã câu kết với phát xít Nhật để bóc lột nhân dân ta. Thông qua các hiệp định về kinh tế, thực dân Pháp, trên thực tế đã tìm mọi cách đáp ứng những đòi hỏi về kinh tế cho phát xít Nhật. Đây là lý do chính quyền Pháp ở Đông Dương áp dụng chính sách “kinh tế chỉ huy”.

Dưới ảnh hưởng của chính sách này, trong các năm từ 1939 đến 1945, Nam Kỳ đã có nhiều thay đổi. Vì vậy, tìm hiểu chính sách “kinh tế chỉ huy” và những ảnh hưởng của nó ở Nam Kỳ giai đoạn 1939-1945 còn giúp nhận thức rõ về hơn bản chất thực dân của Pháp và tính chất phát xít của Nhật.

Thông qua nghiên cứu chính sách “kinh tế chỉ huy” ở Nam Kỳ thời Pháp-Nhật, góp phần phục dựng lại một cách chân xác tình hình kinh tế, xã hội của Nam Kỳ trong thời gian này.

Chương 1: Chính sách “kinh tế chỉ huy” và hoàn cảnh ra

đời của chính sách “kinh tế chỉ huy” ở Việt Nam thời Pháp - Nhật (1939-1945).

Chương 2: Tình hình thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” ở Nam Kỳ thời Pháp - Nhật (1939-1945).

Chương 3: Ảnh hưởng của chính sách “kinh tế chỉ huy” đối với Nam Kỳ thời Pháp - Nhật (1939-1945).

- **Phạm Thị Huệ**

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở NAM KỲ TỪ 1930-1945

*Luận án Tiến sĩ Lịch sử, 2011*

Giai đoạn cách mạng 1930-1945 là giai đoạn đầu tiên cách mạng Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ Hội nghị lần thứ nhất tại Hồng Kông (ngày 14 đến 31-10-1930) Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên là Đảng Cộng sản Đông Dương) sau khi trải qua một thời gian dài bế tắc và khủng hoảng về đường lối cứu nước. Đây cũng chính là giai đoạn mà phong trào dân tộc dân chủ Việt Nam phát triển mạnh mẽ trên cả nước, đặc biệt là ở Nam Kỳ, nơi phong trào diễn ra rất sôi động, độc đáo dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương mà cụ thể là Xứ ủy Nam Kỳ. Từ trước đến nay, có nhiều công trình nghiên cứu về giai đoạn cách mạng này, nhưng chưa có công trình nghiên cứu nào sử dụng nguồn tài liệu gốc, chủ yếu là khói sưu tập sách và tạp chí hỗ trợ của chính quyền thực dân Pháp ban hành trong những năm 1930-1945 hiện đang bảo quản tại các kho lưu trữ của các Trung tâm Lưu trữ quốc gia để nghiên cứu chuyên sâu về phong trào dân tộc dân chủ ở Nam Kỳ giai đoạn 1930-1945. Phần lớn những tài liệu đưa vào luận án này là tài liệu lần đầu tiên được công bố. Đây chính là hướng nghiên cứu mới của luận án.

- **Phan Mạnh Hùng**

NGHỆ THUẬT TỰ SỰ TRONG TIỂU THUYẾT NAM BỘ TỪ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẾN 1932

*Luận án Tiến sĩ Văn học Việt Nam*

Luận án tập trung nghiên cứu cách kể - nghệ thuật tự sự, vốn là phương diện bản chất của tiểu thuyết và tiểu thuyết Nam Bộ nhằm gộp phần nhận chân được con đường hình thành, vận động (trong kế thừa, ảnh hưởng Đông Tây) của tiểu thuyết Việt Nam. Để triển khai công trình nghiên cứu, luận án chúng tôi tập trung vào các đối tượng sau: (1) Giới thiệu căn cứ lý thuyết (tiểu thuyết, tự sự học) và căn cứ lịch sử (tiểu thuyết Nam Bộ). (2) Nghệ thuật tự sự của tiểu thuyết Nam Bộ, nhìn trên bình diện kết cấu tràn thuật, nhân vật và kiến tạo diễn ngôn.

Luận án đã giải quyết những vấn đề khoa học về nghệ thuật tự sự trong tiểu thuyết Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX đến 1932 với những kết luận:

Tiểu thuyết Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX đến 1932 đã vận động theo hướng hiện đại hóa, trong đó, phương tiện công bố quan trọng là báo chí và chủ thể tiếp nhận chính là người đọc bình dân. Bên cạnh đó, chủ thể sáng tạo phần lớn là các nhà văn chịu ảnh hưởng vừa Nho học/ tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc vừa Tây học/ tiểu thuyết thế kỷ XVIII - XIX của Pháp.

- **Phạm Dương Mỹ Thu Huyền**

TÔN ĐỨC THẮNG VỚI PHONG TRÀO CÔNG NHÂN TẠI SÀI GÒN TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN NĂM 1930

*Luận văn Thạc sĩ Lịch sử*

Trong điều kiện đã có nhiều công trình, tác phẩm trong và

ngoài nước nghiên cứu về Tôn Đức Thắng, nhưng những công trình nghiên cứu về những sự kiện, từng giai đoạn quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Tôn Đức Thắng, đặc biệt là mối quan hệ giữa Tôn Đức Thắng với phong trào công nhân Sài Gòn còn chưa nhiều và chưa sâu, tác giả Phạm Dương Mỹ Thu Huyền đi sâu vào tìm hiểu, nghiên cứu tầm vóc, vai trò và đóng góp của Tôn Đức Thắng đối với phong trào công nhân Sài Gòn trong 30 năm đầu thế kỷ XX là một công việc hết sức có ý nghĩa, cả về phương diện khoa học và thực tiễn. Cuốn sách cung cấp, tập hợp, bổ sung nhiều tài liệu quý liên quan đến Chủ tịch Tôn Đức Thắng, phục dựng một cách khái quát tiến trình và đặc điểm của phong trào công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn trong những năm đầu thế kỷ XX, đồng thời góp phần vào công tác giáo dục truyền thống cho giai cấp công nhân và thế hệ trẻ Việt Nam, thể hiện lòng kính trọng, sự cảm phục đối với những đóng góp to lớn của nhà cách mạng lối lạc, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Nhà nước, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam và biểu tượng của đại đoàn kết toàn dân tộc.

- ***Trần Thị Thu Hường***

QUÁ TRÌNH PHÂN ĐỊNH BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA TRONG THỜI KỲ PHÁP THUỘC (1870-1945)

*Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, 2010*

Luận văn là công trình nghiên cứu đã làm rõ quá trình phân định biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia trong thời kỳ Pháp thuộc. Năm 1863, Pháp đặt chế độ bảo hộ ở Campuchia và đến năm 1868 xâm chiếm toàn bộ lãnh thổ quốc gia này. Năm 1867, Pháp chiếm xong “Lục tỉnh Nam Kỳ”. Năm 1874, Nam Kỳ chính thức trở thành thuộc địa của Pháp. Năm 1884, triều đình

Huế ký hiệp ước đầu hàng Pháp, thừa nhận chế độ thuộc địa ở Nam Kỳ, chế độ bảo hộ ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Ngay trong thời gian tiến hành xâm chiếm Đông Dương, để phục vụ mục đích cai trị lâu dài của mình, ở Nam Kỳ chính quyền thực dân Pháp đã tiến hành hoạch định biên giới giữa Nam Kỳ và Cao-miên. Đến năm 1887, khi tiến trình xâm chiếm thuộc địa hoàn tất, chính quyền Pháp đã tuyên bố thành lập “Liên bang Đông Dương” gồm thuộc địa Nam Kỳ và bốn xứ bảo hộ là Cao-miên, Ai-lao, Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Các đường ranh giới giữa các xứ được coi là “ranh giới hành chính” và được xác định theo trình tự, thủ tục do pháp luật của Cộng hoà Pháp quy định. Riêng với Campuchia, căn cứ theo Thoả ước Pháp - Cao-miên ký ngày 09-7-1870 và tiếp đó là Công ước Pháp - Cao-miên ký ngày 15-7-1873 giữa Pháp và triều đình Campuchia, các chuyên gia Pháp và Campuchia đã tiến hành công việc khảo sát song phương trên thực địa để xác định đường biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia. Trong các năm từ năm 1876 đến năm 1896, Pháp và Campuchia đã ký một loạt văn bản pháp lý về hoạch định và phân giới cắm mốc. Sau này Toàn quyền Đông Dương chỉ ban hành một số nghị định để điều chỉnh chi tiết những đoạn biên giới nhỏ. Cùng với việc hoạch định biên giới và phân giới cắm mốc trên thực địa, Sở Địa dư Đông Dương đã in ấn bản đồ thể hiện khá rõ ràng đường biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia. Phần biên giới giữa Trung Kỳ và Campuchia được xác định trong các nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 6-12-1904 và ngày 4-7-1905 (khi ấn định ranh giới các tỉnh Trung Kỳ). Campuchia do thực dân Pháp để lại theo tài liệu và bản đồ cũ dài khoảng 1.137 km. Gồm hai đoạn chính: Đoạn biên giới giữa Nam Kỳ với Campuchia như nêu ở trên đã được Pháp và Campuchia tiến hành hoạch định và phân giới cắm mốc; đoạn biên

giới giữa Trung Kỳ và Campuchia chưa được phân giới cắm mốc. Tính đến thời điểm năm 1954 khi Hiệp định Gio-ne-vơ về Đông Dương được ký kết, toàn bộ đường biên giới giữa Việt Nam và Campuchia đã được thể hiện trên 26 mảnh bản đồ tỷ lệ 1-100.000 của Sở Địa dư Đông Dương xuất bản. Về cơ bản, đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia thể hiện trên các bản đồ này không khác biệt gì lầm so với đường biên giới đã được hoạch định và phân giới cắm mốc trong giai đoạn lịch sử trước đây giữa chính quyền thực dân Pháp và triều đình Campuchia cũng như so với đường biên giới hiện tại giữa hai nước Việt Nam và Campuchia.

- *Kalikiti Webby Silupya*

PLANTATION LABOUR: RUBBER PLANTERS AND THE COLONIAL STATE IN FRENCH INDOCHINA, 1890-1939

*School of Oriental and African Studies (University of London)*

Luận án cung cấp một quan điểm khác và những hiểu biết mới về lịch sử xã hội và kinh tế của Việt Nam thông qua nghiên cứu về người trồng cao su và phu cao su ở Đông Dương (1890-1939). Nghiên cứu cho thấy vai trò của nhà nước thuộc địa không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ trồng cây cao su mà còn ở vấn đề mộ phu. Trên cơ sở tài liệu, cho phép đưa ra một số giả thuyết về những người trồng cao su và phu cao su, như: Bản chất của những người trồng cao su Đông Dương, vai trò của chính quyền trong việc tuyển mộ phu cao su, tuổi đời và quê quán của phu cao su, tỷ lệ nữ phu cao su, các hình thức mua phu... là những vấn đề còn ít được quan tâm nghiên cứu.

- TS. Đỗ Thị Bích Lài (chủ nhiệm)

## TIẾNG VIỆT NAM BỘ TỪ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẾN 1945: NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ TỪ VỰNG

### *Đề tài cấp Đại học Quốc gia trọng điểm*

Cuối thế kỷ XIX đến năm 1945, Nam Bộ với thủ phủ là Sài Gòn đã trở thành một trong những trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục... của Việt Nam. Và như chúng ta đều biết, phương tiện giao tiếp chính thức trong xã hội, trên các phương tiện thông tin đại chúng lúc bấy giờ ở Nam Bộ là tiếng Việt, do đó, chúng ta có tiếng Việt Nam Bộ.

Đề tài hướng tới mục tiêu:

1. Khảo cứu, phân tích, nhìn nhận, đánh giá một cách toàn diện vai trò vị trí, đặc điểm của từ tiếng Việt Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX - 1945 từ các góc độ sau: nguồn gốc, ngữ nghĩa, cấu tạo, phương ngữ - phong cách, văn hoá - xã hội, qua đó nhận biết về vai trò của nó đối với lịch sử tiếng Việt nói chung. Cũng qua đó, người ta sẽ nhận thấy vai trò của tiếng Việt Nam Bộ với tư cách là công cụ giao tiếp chính thức trong xã hội ở địa bàn này. Trên những nội dung đó, người ta sẽ có cơ sở để đi đến khẳng định tiếng Việt Nam Bộ không chỉ dừng lại với vai trò, vị trí của một phương ngữ mà là một hiện thực của tiếng Việt trong giai đoạn phát triển lịch sử cuối thế kỷ XIX - 1945.

2. Xây dựng (ở mức độ tinh giản) một cuốn Từ điển tiếng Việt Nam Bộ cuối thế kỷ XIX - 1945 dựa trên các bộ từ điển chủ yếu được xuất bản trong giai đoạn này và các văn bản văn học nghệ thuật, báo chí, hành chính - công vụ... xuất bản ở Nam Bộ.

• **GS. TS. Ngô Văn Lệ** (chủ nhiệm)

ĐẶC TRƯNG TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO VÀ SINH HOẠT VĂN HÓA CỦA CÁC CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ NAM BỘ

*Đề tài cấp Đại học Quốc gia trọng điểm*

Đồng bằng sông Cửu Long là một đồng bằng lớn ở nước ta với diện tích 39 ngàn cây số vuông, chiếm 12% diện tích cả nước. Xét về nhiều phương diện, hiện nay và cả trong tương lai lâu dài đồng bằng sông Cửu Long cùng với TP. Hồ Chí Minh sẽ đóng vai trò hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - văn hóa ở nước ta. Khi nghiên cứu về đồng bằng sông Cửu Long với tư cách là một vùng văn hóa - lịch sử (zone historico-Ethnographique), ngoài những nội dung liên quan đến một vùng cụ thể - tức khu vực học - có một số vấn đề cần được quan tâm đúng mức. Những vấn đề đó thường có tính đặc thù của một vùng địa lý sinh thái tạo nên sắc thái riêng, chỉ phôi sâu sắc đến các yếu tố văn hóa, đến sự phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội của cả vùng, cũng như đối với từng cộng đồng dân cư sinh sống tại đây. Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sinh thái đa dạng, nơi có nhiều tộc người sinh sống, mà quá trình hình thành và phát triển của từng tộc người có những nét tương đồng và khác biệt. Đồng bằng sông Cửu Long cũng là nơi duy nhất ở Việt Nam, nơi có nhiều tôn giáo có ảnh hưởng rất lớn đến các khía cạnh văn hóa, xã hội của mỗi tộc người. Những yếu tố tự nhiên, những quá trình lịch sử tộc người, những tôn giáo có ảnh hưởng như thế nào đến quá trình hình thành, phát triển cũng như những đặc trưng văn hóa của từng tộc người trong không gian văn hóa Nam Bộ. Vấn đề đề tài đặt ra được kiến giải trong các nội dung chính sau:

1. Nghiên cứu đặc trưng tín ngưỡng, tôn giáo Nam Bộ: Phật giáo Nam tông, Cao Đài, Hòa Hảo, Hồi giáo, Công giáo, Tin lành,

Bửu Sơn Kỳ Hương, các tín ngưỡng bản địa.

2. Định dạng những đặc trưng văn hóa sinh hoạt của cư dân Nam Bộ (lễ hội, phong tục tập quán, thiết chế văn hóa cơ sở...).

3. Tìm hiểu các mối quan hệ giao thoa văn hóa giữa các vùng và những tác động của nó đối với sự hình thành đặc trưng sinh hoạt văn hóa Nam Bộ.

4. Phân tích những tác động của tín ngưỡng, tôn giáo và đặc trưng sinh hoạt văn hóa Nam Bộ với sự ổn định và phát triển.

- **Bùi Thị Hồng Loan**

### HỆ THỐNG XÃ HỘI TỘC NGƯỜI CỦA NGƯỜI KHMER Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

*Luận án Tiến sĩ Dân tộc học*

Ngoài phần dẫn luận, luận án được trình bày gồm ba chương:

Chương 1: Những tiền đề lý thuyết và tổng quan về người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long. Nội dung chương này trình bày hai vấn đề: Thứ nhất là những tiền đề lý luận cho việc nghiên cứu. Trong đó, luận án làm rõ các khái niệm liên quan như hệ thống, hệ thống xã hội, tộc người, hệ thống xã hội tộc người, hôn nhân gia đình, thân tộc, công xã; và đưa ra các hướng nghiên cứu, các lý thuyết để áp dụng cho việc phân tích, giải quyết vấn đề. Thứ hai là một số vấn đề chung về người Khmer đồng bằng sông Cửu Long như: đặc điểm cư trú, dân số, kinh tế... đóng vai trò là cơ sở thực tiễn cho việc nghiên cứu về cơ cấu tổ chức xã hội của người Khmer ở các chương sau.

Chương 2: Các tổ chức xã hội phi quan phương của người Khmer. Hệ thống hóa và phân tích các yếu tố phi quan phương của cơ cấu xã hội người Khmer đồng bằng sông Cửu Long. Các nội dung được trình bày về các tổ chức xã hội tự quản theo cư trú,

theo huyết thống, các yếu tố liên quan đến tôn giáo; chức năng và vai trò của cơ cấu tổ chức xã hội.

Chương 3: Đặc tính của hệ thống xã hội tộc người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long. Nội dung trình bày về chế độ sở hữu và sử dụng đất đai, các tầng lớp xã hội và sự phân hóa xã hội, cơ sở vận hành và cơ chế quản lý, mối quan hệ giữa tổ chức xã hội quan phương và phi quan phương cũng như những biến động lịch sử của người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- **PGS. TS. Nguyễn Tiến Lực** (chủ nhiệm)

QUAN HỆ VIỆT NAM - NHẬT BẢN THỜI CẬN ĐẠI (GIỮA THẾ KỶ XIX - NĂM 1945)

*Đề tài cấp Đại học Quốc gia*

Qua nghiên cứu về quan hệ Việt - Nhật thời cận đại, những vấn đề sau đây đã được làm sáng tỏ:

Trong lịch sử quan hệ lâu dài, có nhiều bước thăng trầm của hai nước, thời kỳ cận đại mỗi quan hệ đa dạng và phức tạp nhất. Từ giữa thế kỷ XIX, tức là từ thời Meiji trở đi, Việt Nam và Nhật Bản đã tiến bước theo những con đường khác nhau.

Mỗi quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản diễn ra ở nhiều cấp độ khác nhau. Trước hết xét về cấp độ nhà nước thì thời kỳ này, mỗi quan hệ cấp nhà nước ở đây là quan hệ giữa Phủ Toàn quyền Đông Dương (trong công trình này nhiều khi gọi là Nhà đương cục Đông Dương) và Chính phủ Nhật Bản. Xét từ góc độ Việt Nam, mỗi quan hệ giữa chính phủ Pháp hay Phủ Toàn quyền Đông Dương với Nhật Bản không phải là quan hệ Việt - Nhật nhưng có ảnh hưởng rất lớn đến quan hệ Việt - Nhật, nhất là lĩnh vực kinh tế - thương mại.

Mặt khác, có một mối quan hệ khác đó là quan hệ giữa dòng

chủ lưu của lịch sử Việt Nam tức là các phong trào cải cách, cách mạng với Nhật Bản. Ở đây mối quan hệ này cũng phức tạp và có nhiều giai đoạn. Nếu như ở cuối thế kỷ XIX thì đó là quan hệ giữa những nhà tư tưởng cải cách, duy tân của Việt Nam với Nhật Bản duy tân. Mặc dầu lúc này còn tồn tại triều đình phong kiến nhà Nguyễn của Việt Nam nhưng giữa Triều đình Việt Nam và chính phủ Minh Trị Nhật Bản hầu như không có quan hệ gì.

Đầu thế kỷ XX, quan hệ giữa hai nước được biểu hiện chủ yếu qua một quan hệ khác, đó là quan hệ giữa phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam và Nhật Bản. Lúc đầu, do tính hấp dẫn của việc thành công sự nghiệp cận đại hóa của Nhật, các nhà hoạt động phong trào dân tộc Việt Nam đã đến Nhật, tiến hành hoạt động cách mạng nhằm khôi phục độc lập cho đất nước. Nhưng sau đó, do Nhật Bản theo đuổi quốc sách “thoát Á” đã buộc các nhà hoạt động Việt Nam phải rời Nhật, ra nước ngoài làm mất khả năng hoạt động của phong trào dân tộc Việt Nam ở Nhật.

Vấn đề quan hệ kinh tế - thương mại Việt - Nhật từ năm 1919 đến năm 1945. Trong quan hệ Việt - Nhật thời cận đại thì giai đoạn 1919 đến 1945 là giai đoạn quan trọng nhất. Bởi vì ở đây, quan hệ giữa hai nước diễn ra trên nhiều lĩnh vực khác nhau và bộc lộ hết tính phức tạp và đa dạng của nó.

Nhìn chung, quan hệ Việt - Nhật trong thời cận đại có những mảng tối sáng khác nhau. Sự thực của những mối quan hệ đó có ảnh hưởng đến quan hệ giữa hai nước trong những giai đoạn tiếp theo. Quan hệ Việt - Nhật hiện nay đóng vai trò quan trọng trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam lẫn Nhật Bản. Mặt khác trong các mối quan hệ giữa hai nước, lâu nay Nhật Bản chỉ chú trọng vào quan hệ kinh tế mà thôi thì giờ đây đòi hỏi phải đẩy mạnh quan hệ trên những lĩnh vực khác, chẳng hạn như việc giao lưu chính trị,

đào tạo nhân tài, giao lưu văn hóa, bảo vệ môi trường, tài nguyên.

- **Trịnh Công Lý**

ĐẤU TRANH CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO 1930-1945

*Luận án Tiến sĩ Lịch sử*

Luận án tập trung nghiên cứu về lịch sử Nhà tù Côn Đảo giai đoạn 1930-1945 và toàn bộ các hoạt động đấu tranh của các chính trị phạm để khẳng định vị trí, vai trò tiên phong của những người tù chính trị cộng sản Côn Đảo giai đoạn 1930-1945.

1. Nhà tù Côn Đảo và những cuộc đấu tranh đầu tiên của tù chính trị cộng sản từ 1930-1936.
2. Tiếp tục củng cố đội ngũ, giữ vững phong trào đấu tranh trong nhà tù Côn Đảo (1937-1940).
3. Vượt qua đòn áp, khủng bố, từng bước tiến công, tiến tới giải phóng nhà tù Côn Đảo lần thứ nhất (1941-1945).

- **Trần Thị Mai**

KINH TẾ SÓC TRĂNG THỜI PHÁP THUỘC (1867-1945)

*Luận án Tiến sĩ Lịch sử*

Luận án dựng lại bộ mặt chân thực về kinh tế - xã hội để thấy rõ được tính chất đặc thù của một vùng đất rất đa dạng và luôn “mở” cả về tự nhiên, kinh tế và xã hội; đồng thời, làm sáng tỏ thực tế: trong quá khứ Sóc Trăng là một vùng đất được sử sách ghi chép là rất năng động với hoạt động sản xuất nông nghiệp và hoạt động buôn bán lúa gạo qua thương cảng Bãi Xàu. Hiện tại, Sóc Trăng cũng đang đóng vai trò là một vùng sản xuất lương thực trọng điểm, là một trong những tỉnh dẫn đầu về xuất khẩu lúa gạo ở Đồng bằng sông Cửu Long. Nơi đây, trong hơn ba thế kỷ qua

cũng đã diễn ra quá trình hội nhập thuận hòa của các thành phần cư dân Việt - Hoa - Khmer,... tạo nên một bản sắc văn hóa độc đáo và một nền kinh tế đa dạng phong phú. Thế nhưng, cho đến nay Sóc Trăng vẫn được đánh giá là tỉnh có điểm xuất phát thấp, là tỉnh nghèo và khó khăn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long. Vậy nghịch lý của sự phát triển ở đâu? Phải chăng nó có nguồn gốc lịch sử từ chính sách khai thác bất hợp lý từ thời kỳ phong kiến, thực dân?

Luận án đi sâu tìm hiểu công cuộc đầu tư và khai thác đồng bằng Sóc Trăng của thực dân Pháp cùng với những hậu quả của công cuộc đó. Khảo sát toàn diện nền kinh tế của tỉnh Sóc Trăng thời Pháp thuộc, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp và kinh tế thương mại (chủ yếu là hoạt động buôn bán lúa gạo), nhằm làm nổi bật vai trò và vị trí của một trung tâm sản xuất và xuất khẩu lúa gạo nổi tiếng ở khu vực Tây Nam Bộ.

Các vấn đề đặt ra của đề tài được giải quyết trong 3 chương chính:

Chương 1: Điều kiện tự nhiên, quá trình khai thác và đặc điểm kinh tế Sóc Trăng trước năm 1867.

Chương 2: Chính sách khai thác thuộc địa (1867-1945).

Chương 3: Những biến đổi và đặc điểm.

- *Vũ Thị Miền*

HỆ THỐNG TRƯỞNG NGHỀ Ở NAM KỲ THỜI PHÁP THUỘC  
(1861-1945)

*Luận văn Thạc sĩ Lịch sử*

Luận văn phục vụ mục mạo tổng thể của giáo dục chuyên nghiệp ở Nam Kỳ thời thuộc Pháp thông qua việc mô tả cụ thể sự hình thành và hoạt động của các trường nghề ở Nam Kỳ thời kỳ

này một cách hệ thống. Bước đầu nêu những tác động của giáo dục chuyên nghiệp đối với sự phát triển của kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng Nam Kỳ thời kỳ này. Nhận xét, đánh giá khách quan về quá trình hình thành và phát triển của hệ thống trường nghè Nam Kỳ, về công cuộc tẩy bản hoá của người Pháp trên mảnh đất Nam Kỳ. Thể hiện qua các chương:

Chương 1: Những điều kiện cho sự hình thành và phát triển hệ thống trường nghè ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1861-1945).

Chương 2: Hệ thống trường nghè ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1861-1945).

Chương 3: Đặc điểm và tác động của hệ thống trường nghè đến kinh tế - xã hội Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1861-1945).

- **Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**

VAI TRÒ CỦA TẦNG LỚP ĐỊA CHỦ TRONG CÔNG CUỘC KHAI PHÁ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX

### *Luận án Tiến sĩ Lịch sử*

Luận án làm sáng tỏ các chính sách của các chúa Nguyễn và triều Nguyễn (từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX) đối với các thành phần dân cư trong quá trình khẩn hoang. Những điều kiện tự nhiên, lịch sử, xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã đưa tới sự hình thành tầng lớp địa chủ ở đây từ nhiều bộ phận và gồm nhiều bộ phận. Vai trò và vị trí của tầng lớp này trong tương quan với các thành phần dân cư khác trong quá trình khẩn hoang, phát triển kinh tế cũng như quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Cụ thể là:

- Quá trình hình thành các bộ phận địa chủ qua các thời kỳ.

- Vai trò tổ chức lao động khẩn hoang qua các thời kỳ.
- Vai trò tổ chức lao động sản xuất nông nghiệp và kinh doanh thương nghiệp, thủ công nghiệp dưới các tác động của những nhân tố và điều kiện mới.
- Vai trò trong xây dựng, phát triển đồi sông kinh tế - xã hội - văn hóa và hình thành thiết chế xã hội, góp phần xác lập chủ quyền và bảo vệ an ninh quốc phòng.

Góp phần nhận định, lý giải sát thực tế hơn, nhất là làm sáng tỏ vai trò của tầng lớp địa chủ đối với công cuộc khai phá và phát triển vùng đất Đồng bằng sông Cửu Long dưới thời các chúa Nguyễn và các vị vua đầu triều Nguyễn. Từ đó, có thể đưa ra cái nhìn khách quan và toàn diện hơn về công cuộc khẩn hoang vùng đất Đồng bằng sông Cửu Long trong lịch sử cũng như về vai trò của các giai tầng mới trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội thời cận - hiện đại.

- **Trần Thanh Nhàn**

### QUAN HỆ GIỮA CÁC TỔ CHỨC YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM VỚI NƯỚC NGOÀI ĐẦU THẾ KỶ XX (1904-1929)

*Luận án Tiến sĩ*

Việc tìm hiểu về mối quan hệ giữa các tổ chức yêu nước Việt Nam với nước ngoài những năm đầu thế kỷ XX cho đến khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ lịch sử cận đại Việt Nam là một việc làm cần thiết trên cả hai phương diện: khoa học và thực tiễn. Với nội dung được xác định như vậy, có ba vấn đề chủ yếu (ứng với 3 chương) tác giả muốn làm rõ:

Một là, quan hệ giữa các tổ chức yêu nước Việt Nam với Nhật Bản và Trung Quốc từ đầu thế kỷ XX đến trước Chiến tranh

thế giới lần thứ nhất.

Hai là, quan hệ giữa các tổ chức yêu nước Việt Nam với Pháp và Liên Xô giai đoạn 1912-1924.

Ba là, quan hệ giữa Hội Việt Nam các mạng thanh niên với Trung Quốc và Xiêm giai đoạn 1924-1929.

- **Trần Việt Nhân**

### LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA THƯƠNG CẢNG HÀ TIÊN (THẾ KỶ XVII-XIX)

*Luận văn Thạc sĩ Lịch sử*

Tìm hiểu một cách rõ nét và có hệ thống về quá trình hình thành và phát triển của thương cảng Hà Tiên trong lịch sử; hiểu rõ về vai trò của họ Mạc đối với sự phát triển của thương cảng Hà Tiên và vùng đất Hà Tiên, cũng như vai trò của chúa Nguyễn và triều Nguyễn trong công cuộc mở cõi về phương Nam của dân tộc Việt Nam. Với những phác họa rõ nét qua từng thời kỳ lịch sử, luận văn giúp cho người đọc nắm một cách tương đối hoàn chỉnh lịch sử phát triển của thương cảng Hà Tiên từ thuở sơ khai đến thời kỳ phát triển đỉnh cao thời họ Mạc và lui tàn vào đầu triều Nguyễn.

Bằng những cứ liệu lịch sử cụ thể và dẫn chứng sinh động, luận văn phác họa bức tranh Hà Tiên không chỉ nổi tiếng với cảnh đẹp của non nước, sự trù phú của thiên nhiên và sự hào phóng của dân cư mà Hà Tiên còn nổi tiếng với một thương cảng trù phú bậc nhất khu vực Đông Nam Á vào thế kỷ XVIII. Trong suốt một thế kỷ, cảng Hà Tiên là một quyền lực thương mại của con đường buôn bán Đông - Tây trên biển qua vịnh Thái Lan, giữ vai trò quan trọng trong nền thương mại Việt Nam và thế giới ở thế kỷ XVIII, trước khi vai trò này được chuyển giao cho thương cảng

Sài Gòn vào giữa thế kỷ XIX.

Chương 1: Khái quát đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội của vùng đất Hà Tiên, trình bày những nét cơ bản đặc điểm về vị trí địa lí và đặc điểm kinh tế - xã hội và quá trình khai phá vùng đất Hà Tiên thời các chúa Nguyễn và họ Mạc.

Chương 2: Sự ra đời và phát triển của thương cảng Hà Tiên (thế kỷ XVII-XVIII), trình bày những điều kiện dẫn đến sự ra đời của thương cảng Hà Tiên; quá trình quát triển của thương cảng Hà Tiên, các hoạt động kinh tế trong nước và ngoài nước; sự phát triển về văn hóa - xã hội; vai trò của họ Mạc đối với vùng đất Hà Tiên.

Chương 3: Thương cảng Hà Tiên thời kỳ suy tàn (đầu thế kỷ XIX), trình bày những nguyên nhân làm cho thương cảng Hà Tiên suy tàn; chính sách của nhà Nguyễn đối với Hà Tiên (đầu thế kỷ XIX) và những phác họa về triển vọng phát triển của Hà Tiên ngày nay.

- **Nguyễn Thị Như**

TRÍ THỨC VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN  
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)

*Luận văn Thạc sĩ Lịch sử*

Lần giở lại những trang lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta, nhất là trong giai đoạn lịch sử hơn 80 năm chống Pháp (1858-1945), có một điểm nổi lên rất rõ nét là trong công cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của toàn dân, luôn luôn có mặt tầng lớp trí thức. Trí thức yêu nước đã đứng lên giành lấy ngọn cờ dân tộc từ tay bọn đế quốc thực dân, trở thành người tổ chức và lãnh đạo phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược. Họ trở thành lực lượng xung kích đi đầu trong việc đi tìm một đường

lối cứu nước mới lúc bấy giờ. Sự tham gia tích cực của tầng lớp trí thức qua các cao trào cách mạng đi đến tiến hành tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công và đặc biệt là 9 năm kháng chiến gian lao, anh dũng cùng quần chúng nhân dân đánh bại thực dân Pháp đã được lịch sử ghi nhận.

Đề tài nghiên cứu có hệ thống những hoạt động của trí thức trong thời kỳ 1945-1954. Phân tích làm sáng tỏ những đóng góp và vai trò của tri thức nước ta trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, văn hóa, giáo dục, kinh tế và y tế. Thể hiện qua các nội dung chính:

Chương 1: Trí thức Việt Nam trước yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến, giới thiệu khái quát về hoạt động của trí thức trong phong trào giải phóng dân tộc (trước khi có Đảng), những đóng góp to lớn của trí thức trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Nguồn gốc, cơ cấu, thái độ chính trị của đội ngũ trí thức nước ta trong kháng chiến.

Chương 2: Trí thức tham gia kháng chiến, trình bày những hoạt động của trí thức trong lĩnh vực chính trị - quân sự, sự tham gia trước và sau ngày toàn quốc kháng chiến. Những hoạt động của trí thức cho ngành thông tin liên lạc. Một số hoạt động của sinh viên, trí thức.

Chương 3: Trí thức trên mặt trận kinh tế kháng chiến, một số chính sách của Đảng và Chính phủ đối với ngành kinh tế. Đề cung cấp được đầy đủ lương thực, thuốc men cho cuộc kháng chiến, trí thức Việt Nam đã không quản hy sinh, dũng cảm quên mình, tất cả cho tiền tuyến, cho kháng chiến. Trí thức chính là những người đi đầu trong ngành sản xuất vũ khí.

Chương 4: Trí thức trong các lĩnh vực văn hóa - giáo dục, y tế, với nội dung là những hoạt động của trí thức trên lĩnh vực

báo chí, văn học, nhạc, họa, kịch, làm giàu thêm cho văn hóa dân tộc và những đóng góp của tri thức trong ngành giáo dục, y tế nước nhà.

- **Lê Hữu Phước**

LỊCH SỬ NHÀ TÙ CÔN ĐẢO (1862-1930)

*Luận án Phó Tiến sĩ Lịch sử, 1992*

Luận án đi sâu tìm hiểu lịch sử nhà tù Côn Đảo để làm rõ chính sách và thiết chế cai trị của Thực dân Pháp ở Việt Nam, đồng thời phản ánh hoạt động đấu tranh chính trị đầy gian khổ, hào hùng của những chiến sĩ cách mạng và quần chúng nhân dân yêu nước bị tù đày tại Côn Đảo. Nguồn tài liệu được luận án khai thác và sử dụng chủ yếu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, bao gồm 25 hồ sơ và 56 mục tài liệu về các quy chế, nghị định, công văn, báo cáo, tường trình, thư từ trao đổi giữa bộ máy cai quản nhà tù với chính quyền thuộc địa Nam Kỳ, Đông Dương và các hồ sơ hành chính, tư pháp khác.

- **TS. Phạm Văn Quang (chủ nhiệm)**

TÌM HIỂU VĂN HỌC VIỆT NAM BẰNG TIẾNG PHÁP CỦA  
CÁC TÁC GIẢ VIỆT NAM TỪ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẾN NAY

*Đề tài cấp Đại học Quốc gia*

Văn học Việt Nam viết bằng tiếng nước ngoài đã trở thành đề tài mang tính thời sự, trong đó có bộ phận văn học viết bằng tiếng Pháp. Chúng ta đã thừa nhận và đánh giá rất cao những đóng góp của những sáng tác của Nguyễn Ái Quốc đối với văn học Việt Nam hiện đại, thì không có lý do gì không thừa nhận rất nhiều tác phẩm viết bằng tiếng Pháp của nhiều tác giả là người Việt Nam xuất bản ở trong nước và nước ngoài, chủ yếu là ở Pháp. Công trình sẽ tìm hiểu bộ phận văn học Việt Nam viết bằng tiếng Pháp

của các tác giả Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến nay, mà cụ thể là tập trung đi sâu nghiên cứu bộ phận văn học này từ đầu thế kỷ XX đến 1975.

Trọng tâm đề tài được triển khai thành năm chương:

Chương 1 trình bày cơ sở xã hội và nguyên nhân hình thành bộ phận văn học Pháp ngữ ở Việt Nam, cụ thể là nêu lại quá trình thực dân Pháp xâm lược nước ta và lịch sử hình thành một ngôn ngữ văn học mới, cũng như hệ thống trường học Pháp - Việt và tác động của nó đến sự ra đời của bộ phận văn học Pháp ngữ.

Chương 2 trình bày lực lượng tác giả, mà mở đầu là tác giả Nguyễn Ái Quốc; đến những chính khách và luật sư như Ngô Văn, Phan Văn Trường, Nguyễn Mạnh Tường; cho đến các nhà báo và nhà giáo như Nguyễn Phan Long, Pierre Đỗ Đinh, Hoàng Xuân Nhị, Phạm Duy Khiêm, Nguyễn Tiến Lãng, Trần Văn Tùng; đặc biệt là hai tác giả: Cung Giũ Nguyễn và Phạm Văn Ký; cuối cùng là một số nữ tác giả như Trịnh Thực Oanh, Lý Thu Hò.

Chương 3 tìm hiểu hệ thống xuất bản, lưu hành và thừa nhận tác phẩm.

Chương 4 đi sâu khảo sát thể loại các tác phẩm: tiểu thuyết; truyện ngắn; các thể ký; truyền thuyết, truyện cổ tích viết lại và truyện kể; thơ; kịch bản văn học.

Chương 5 phân tích một số chủ đề nổi bật trong các tác phẩm thuộc các thể loại trên, mà cụ thể là 4 chủ đề: lên án chủ nghĩa thực dân và phong kiến bù nhìn; khám phá những miền đất lạ; dấn thân với xã hội; văn học chứng từ.

Cuối cùng là Tổng kết và Danh mục tài liệu tham khảo với 59 tài liệu chính, cùng một danh mục tác giả - tác phẩm văn học Việt Nam viết bằng Pháp ngữ với 27 tập thơ, 29 cuốn tiểu thuyết, 89 truyện ký và tiểu luận, 07 kịch bản văn học.

- **PGS. TS. Võ Văn Sen (chủ nhiệm)**

## NAM BỘ TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

### *Chương trình khoa học công nghệ trọng điểm KC, KX*

Nam Bộ nằm trong tiểu vùng sông Mekong, 3 mặt tiếp giáp biển, ở vào vị trí trung tâm của khu vực Đông Nam Á, thuận lợi cho giao thương quốc tế, nhất là các nước ASEAN cả trên đất liền lẫn đường biển. Không gian khu vực Nam Bộ được chia thành 2 tiểu vùng Đông Nam Bộ (TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu) và Tây Nam Bộ (Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, thành phố Cần Thơ, Sóc Trăng, Bến Tre, Bạc Liêu, Cà Mau, An Giang, và Kiên Giang). Trong đó, vùng Đông Nam Bộ là địa bàn của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phát triển mạnh với hạt nhân là tam giác “TP. Hồ Chí Minh - Biên Hoà - Bà Rịa - Vũng Tàu” đã đưa khu vực Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về kinh tế (xét theo GDP bình quân đầu người), bỏ xa vùng đứng thứ hai là đồng bằng sông Hồng. Vùng Tây Nam Bộ được xem là vựa lúa lớn nhất cả nước chiếm hơn 50% diện tích và sản lượng, đóng góp đến 90% sản lượng gạo xuất khẩu. Hệ thống kênh rạch dày đặc của vùng Tây Nam Bộ rất thuận tiện cho giao thông đường thuỷ và cho nuôi trồng thuỷ sản. Tây Nam Bộ còn là khu vực tiếp giáp với biển của các nước Đông Nam Á (Singapore, Thái Lan, Malaysia, Philippines, Indonesia), nằm trong khu vực có nhiều đường giao thông hàng hải quốc tế quan trọng, nối Nam Á với Đông Á, Châu Úc và các quần đảo trong Thái Bình Dương.

Những tiềm năng nói trên cho thấy, Nam Bộ là một vùng đất có điều kiện to lớn để phát triển kinh tế, nguồn lực mạnh mẽ về địa dư, sinh thái và nhân văn không chỉ của cả nước mà còn

cả khu vực. Từ vị trí địa lý thuận lợi cộng với sự ưu đãi của thiên nhiên, nên từ rất lâu Nam Bộ đã trở thành vùng kinh tế hàng hóa lớn của cả nước, hướng mạnh vào xuất khẩu và tiếp cận tham gia hội nhập khu vực và quốc tế từ rất sớm trong lịch sử. Trên cơ sở đó, việc nghiên cứu vị thế và vai trò của vùng đất Nam Bộ trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử là điều cần thiết, mang ý nghĩa khoa học và thực tiễn hết sức to lớn.

Đề tài Nam Bộ trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới của Việt Nam sẽ khôi phục bức tranh toàn cảnh về quá trình giao thoa, tiếp biến văn hóa và hội nhập khu vực và thế giới của vùng đất Nam Bộ qua các thời kỳ lịch sử một cách khách quan, hệ thống và toàn diện. Bên cạnh đó, bằng cách phân tích các tư liệu, sự kiện cụ thể, đề tài góp phần làm rõ vị thế và vai trò của vùng đất Nam Bộ trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới của Việt Nam. Đặc biệt, đề tài sẽ nghiên cứu quá trình hội nhập với khu vực và thế giới của Nam Bộ - một khu vực cụ thể ở Việt Nam, sẽ góp phần rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết cho Việt Nam trong tiến trình hội nhập với khu vực và thế giới thời gian tới.

- **PGS. TS. Võ Văn Sen (chủ nhiệm)**

NGHIÊN CỨU TỔNG HỢP ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, XÃ HỘI VÀ  
GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG  
KHU VỰC THOẠI SƠN TỈNH AN GIANG

*Đề tài cấp Đại học Quốc gia trọng điểm*

Đề tài nghiên cứu tổng hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và giá trị lịch sử - văn hóa phục vụ phát triển bền vững huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang thuộc đề tài nghiên cứu trọng điểm hợp

tác hai Đại học Quốc gia Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Sau hai năm triển khai, nhóm nghiên cứu đã đạt được một số kết quả cụ thể sau:

Thứ nhất, nhóm nghiên cứu đã xây dựng được Tổng quan các vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến nội dung nghiên cứu, cụ thể về lý thuyết về phát triển bền vững, về phát triển vùng cũng như những mô hình cụ thể tham khảo từ các nước phát triển trên thế giới.

Thứ hai, đề tài phục dựng được toàn bộ quá trình hình thành và phát triển vùng đất Thoại Sơn từ thời kỳ Vương quốc Phù Nam trên nền tảng của văn hóa Óc Eo cho đến thời kỳ các chúa Nguyễn, vua Nguyễn cho đến ngày nay. Qua đó, có thể thấy trong suốt chiều dài lịch sử, vùng đất này luôn có sự khai phá, mở mang và đóng góp của các cộng đồng dân cư người Việt, người Hoa, người Khmer... Chính sự tụ cư này đã để lại nhiều giá trị lịch sử - văn hóa và xã hội quan trọng, có thể phát huy để phục vụ cho quá trình phát triển của huyện Thoại Sơn hiện nay.

Thứ ba, đề tài cũng tập trung đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường; dân cư và kinh tế; các giá trị về văn hóa - xã hội phục vụ phát triển bền vững huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Từ đó, đề tài cũng đi sâu phân tích đánh giá điều kiện dân cư và kinh tế phục vụ phát triển bền vững huyện Thoại Sơn.

Thứ tư, trên cơ sở nghiên cứu đặc điểm phân bố lãnh thổ các hợp phần tự nhiên, phân kiểu sử dụng đất, phân tích quy hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện Thoại Sơn, đã đề xuất định hướng không gian phát triển kinh tế xã hội gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu gồm: (I) Không gian ưu tiên phát triển dịch vụ và công nghiệp; (II) Không gian ưu tiên phát triển công nghiệp và nông nghiệp; (III) Không gian ưu tiên

phát triển nông nghiệp theo hướng trồng trọt và chăn nuôi; (IV) Không gian ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng trồng trọt; (V) Không gian ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng chuyên canh cây lúa.

Thứ năm, để phát huy lợi thế và cơ hội, đồng thời khắc phục hạn chế và thách thức đối với phát triển kinh tế xã hội bền vững ở Thoại Sơn, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp: (I) Tổ chức sản xuất quy mô lớn; (II) Gắn sản xuất với bảo quản và chế biến nông sản; (III) Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; (IV) Gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ; (V) Giải quyết việc làm cho người lao động; (VI) Đẩy mạnh liên kết 4 nhà (nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và nông dân) theo hướng hình thành chuỗi sản xuất, tiêu thụ; (VII) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Thứ sáu, đề tài khuyến nghị tập trung đầu tư phát triển thị trấn Óc Eo trở thành đô thị loại III (thị xã), cực phát triển phía Tây Nam của tỉnh An Giang, tương xứng với vị thế quan trọng của Óc Eo trong lịch sử và hiện nay. Nâng cấp cơ sở hạ tầng và đầu tư mở tuyến du lịch hành trình “Khám phá văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam” kết nối Óc Eo (Thoại Sơn) với Angkor Borei (Campuchia), Gò Tháp (Đồng Tháp), Bình Tả (Long An) và Gò Thành (Tiền Giang).

- ***Trần Thị Thanh Thanh***

### **ĐỊNH CHẾ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THỜI NGUYỄN**

*Luận án Tiến sĩ Sử học*

Chương 1: Cơ sở lịch sử - chính trị của định chế, đề cập 3 điều kiện được coi là những cơ sở chủ yếu, đó là: yêu cầu “nhất thống” về quyền lực của triều Nguyễn; quan niệm của triều Nguyễn về

vai trò của pháp luật và quan lại trong việc trị nước; những giá trị của di sản định chế quan chức trong lịch sử dân tộc đối với triều Nguyễn. Định chế quan chức được thể hiện bằng các văn bản (bộ luật, điển lệ...) phản ánh trình độ nhận thức và làm luật của vua quan triều Nguyễn. Nghiên cứu vấn đề này như một đối tượng của sử học, tác giả khảo sát mức độ tham khảo của luật nhà Nguyễn đối với luật nhà Lê và luật nhà Thanh về các quy định cho quan chức trong hoạt động quản lý nhà nước. Quá trình hình thành và cách thức tạo lập định chế của triều Nguyễn (1802-1883).

Chương 2: Quá trình hình thành định chế - việc làm luật của triều Nguyễn, kết quả đổi chiêu và phân tích cụ thể để nhận định về trình độ nhận thức và làm luật của triều Nguyễn trong vai trò chủ thể quản lý nhà nước. Theo đó, định chế quan chức, chế độ pháp luật dành cho quan chức trong quản lý nhà nước là một cách thức thiết lập và duy trì quyền lực của nhà cầm quyền triều Nguyễn.

Chương 3: Quá trình thực hiện định chế - việc dùng luật của triều Nguyễn. Quá trình thực hiện định chế phản ánh hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước như thế nào, phản ánh phuong thức và phuong hướng hoạt động điều hành nhà nước đáp ứng yêu cầu cai trị ra sao, tác dụng thực tế của định chế đối với vương quyền nhà Nguyễn và đối với xã hội bấy giờ (1802-1883) ở mức độ nào.

- **TS. Nguyễn Đình Thông** (chủ nhiệm)

## TRÍ THỨC VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX (1900-1945)

*Đề tài cấp Đại học Quốc gia*

“Trí thức là một phạm trù lịch sử. Trong các nước khác nhau, khái niệm trí thức có khác nhau. Trong các thời đại khác nhau,

chức năng của trí thức cũng khác nhau... Người ta có thể chia trí thức thành kỹ sư và quan chức, thành nhà phản biện xã hội, nhà luân lý học, nhà hoạt động chính trị, nhà cách mạng”.

Trong mọi thời đại, trí thức luôn là nền tảng tiền bối xã hội, là lực lượng sáng tạo và truyền bá trí thức. Vai trò của trí thức trong lịch sử đã được nhiều người quan tâm nghiên cứu. Đã có nhiều công trình nghiên cứu dưới dạng sách, bài viết. Riêng về Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu đã có nhiều công trình đồ sộ về thân thế, sự nghiệp, tư tưởng, tác phẩm và những đóng góp trong lịch sử. Nhiều trí thức có tên tuổi cũng được nhiều công trình quan tâm nghiên cứu như Trần Huy Liệu, Nguyễn Khánh Toàn, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo,...

Các phong trào Duy Tân, Đông Du, Đông Kinh nghĩa thực, chống thuế Trung kỳ, phong trào Thanh niên Tiền Phong, các tổ chức tập hợp đông đảo trí thức như Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Tân Việt cách mạng Đảng,... cũng đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam với việc tập hợp và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong lịch sử, nhất là giai đoạn hiện nay cũng được đề cập đến trong nhiều đề tài nghiên cứu.

Tuy nhiên, nghiên cứu trí thức với tư cách là một tầng lớp xã hội, là một bộ phận ưu tú của dân tộc, với sự đa dạng về nguồn gốc xuất thân, về quan điểm lập trường, về môi trường hoạt động, về sự lựa chọn cá nhân nhưng thống nhất về vai trò của người trí thức trước vận mệnh của dân tộc thì chưa có đề tài nào quan tâm nghiên cứu. Xuất phát từ thực tế trên, đề tài đã làm nổi bật vai trò của trí thức Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX với những trăn trở trước vận mệnh dân tộc và những đóng góp tích cực, năng động, sáng tạo vào tiến trình giải phóng dân tộc.

Nội dung chính của đề tài gồm:

1. Trí thức Việt Nam trong 20 năm đầu thế kỷ (1900-1920).
2. Trí thức Việt Nam trong những năm 1920-1930.
3. Trí thức Việt Nam trong những năm 1930-1945.

• **PGS. TS. Trần Thuận (chủ nhiệm)**

SĨ PHU VIỆT NAM THỜI TIẾP XÚC ĐÔNG - TÂY (TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XX)

*Đề tài cấp Đại học Quốc gia*

Từ thế kỷ XVII, chủ nghĩa tư bản thế giới từng bước hình thành và phát triển. Tiếp sau những cuộc cách mạng tư sản là cuộc cách mạng công nghiệp đã đưa nền kinh tế các nước Âu Mỹ phát triển nhanh chóng, đòi hỏi phải mở rộng việc tìm kiếm nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa. Một cuộc tiếp xúc Đông - Tây diễn ra.

Phương Đông trong đó có Việt Nam ở trong tình trạng lạc hậu, là thị trường béo bở của chủ nghĩa tư bản phương Tây. Do có điều kiện địa lý thuận lợi, Việt Nam trở thành điểm đến của luồng thương mại quốc tế, thậm chí trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa của các nước trên Á - Âu. Thương cuộc Đông - Tây ít nhiều có tác động đến nhận thức của triều đình phong kiến nước ta, đặc biệt là giới sĩ phu. Nhưng do tinh thần bảo thủ và tính chất khép kín của Nho giáo, khiến các sĩ phu bấy giờ chưa thể mở tầm mắt để nhìn nhận thế giới phương Tây một cách đúng đắn.

Chính sách “bế quan tỏa cảng” và chính sách cấm đạo, sát đạo của các vua Nguyễn tạo nên duyên cớ cho thực dân Pháp xâm lược nước ta. Trước thực tế đó, sĩ phu Việt Nam đã nhìn nhận vấn đề khác nhau, tạo ra sự phân hóa sâu sắc. Có người ủng hộ sách

lược “công thủ” của nhà vua, có người chủ trương hòa với Pháp. Nhiều người kiên quyết chống Pháp bằng nhiều cách thức khác nhau. Một số người đã tiếp cận được với văn minh phương Tây chủ trương cải cách. Nhưng cũng không ít người nhanh chóng hợp tác với Pháp để “vinh thân phì gia”.

Hiệp ước Patenôtre (1884) đánh dấu việc Pháp bình định hoàn toàn đất nước ta. Sau cuộc phản công kinh thành Huế (1885), một phong trào Càn vương rầm rộ kéo dài, nhưng rồi thất bại, đánh dấu sự kết thúc ngọn cờ quân chủ trong phong trào giải phóng dân tộc.

Đầu thế kỷ XX, do chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản từ bên ngoài dội vào qua Tân thư, Tân văn và hấp lực từ sự thành công của Nhật Bản trên con đường duy tân và trở thành cường quốc, các sĩ phu nước nhà đã có sự chuyển biến căn bản từ ý thức hệ quân chủ sang ý thức hệ tư sản. Các phong trào cứu nước mới mà tiêu biểu là Đông du, Duy tân đã tập hợp đông đảo sĩ phu nước nhà tạo nên sự chuyển biến toàn xã hội. Sự phân hóa và gắn kết diễn ra giữa các xu hướng đấu tranh, sự gặp gỡ giữa các sĩ phu Nho học cấp tiến với giới sĩ phu Tây học tạo nên sắc thái mới trong công cuộc “hóa dân cường quốc” tiến tới giải phóng nước nhà. Một sự chuyển giao thế hệ đã thực sự diễn ra đầu thế kỷ XX.

Các vấn đề trên được các tác giả đề tài trình bày trong các nội dung:

1. Bối cảnh lịch sử trước thời tiếp xúc Đông - Tây.
2. Sĩ phu Việt Nam thời tiếp xúc Đông - Tây trước 1858.
3. Sĩ phu Việt Nam từ 1858 đến trước chiến tranh thế giới thứ nhất.

• *Nguyễn Văn Thường*

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở PHÚ YÊN TỪ  
CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

*Luận án Tiến sĩ Lịch sử, 2007*

Luận án đã góp phần làm nổi bật phong trào yêu nước và cách mạng ở Phú Yên từ cuối thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Qua đó nêu lên được tinh thần anh dũng bất khuất và sự hi sinh cao cả của nhân dân Phú Yên.

• *Nguyễn Thành Tiên*

HỘI KÍN Ở NAM KỲ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

*Luận văn Thạc sĩ Lịch sử*

Vào những thập niên cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, một phong trào yêu nước dưới hình thức hội kín đã hình thành và phát triển ở nhiều tỉnh Nam Kỳ. Quá trình ấy gắn liền với hoàn cảnh chính trị - xã hội, gắn liền với những bước thăng trầm của phong trào dân tộc trên vùng đất này. Các hội kín của người dân Nam Kỳ có nguồn gốc từ các Thiên Địa hội của người Hoa. Đây là những hội kín “Phản Thanh phục Minh” ở Trung Quốc theo chân người Hoa di cư đến nước ta. Từ nửa sau thế kỷ XIX trở đi, các Thiên Địa hội xuất hiện ngày càng nhiều ở Nam Kỳ. Trong quá trình hoạt động, chúng đã thu hút sự tham gia của một số đông người Việt. Sau đó người Việt đã tách ra thành lập các tổ chức riêng trên cơ sở học tập cách tổ chức và lè lói sinh hoạt của hội kín Hoa kiều. Với khẩu hiệu “Phản Pháp phục Nam” các hội kín của người dân Nam Kỳ đã thể hiện tinh thần yêu nước rõ rệt. Cho đến đầu thế kỷ XX, các hội kín của người Việt đã xuất hiện ở khắp Nam Kỳ. Với mục tiêu mang tính dân tộc, các tổ chức này là nơi phát sinh một phong trào yêu nước mới. Khác với phong trào Minh Tân vốn

chỉ có ảnh hưởng ở thành thị, phong trào hội kín có sức hút mạnh mẽ ở vùng nông thôn. Đồng thời, do cách thức hoạt động bí mật (giống Thiên Địa hội của người Hoa), các hội kín cũng không có nhiều hoạt động “bè nổi”. Vì vậy, chỉ đến khi các hội kín phát động nổi dậy ở Sài Gòn và một số nơi khác, chính quyền thực dân mới nhận ra rằng đây là một lực lượng yêu nước mà họ không thể xem thường.

Lịch sử hình thành, phát triển và vai trò của hội kín ở Nam Kỳ được tác giả tái hiện trong các nội dung:

Chương 1: Hoàn cảnh ra đời của các hội kín ở Nam Kỳ.

Chương 2: Hội kín ở Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Chương 3: Hội kín Phan Xích Long - một điển hình của hội kín chống Pháp ở Nam Kỳ.

- **Nguyễn Văn Triều**

KHUYNH HƯỚNG YÊU NƯỚC - CÁCH MẠNG TRONG THƠ  
CA NAM BỘ 1900-1945

*Luận án Tiến sĩ Văn học Việt Nam*

Luận án gồm các nội dung chính sau đây:

Xác định, xem xét mối quan hệ giữa các tiền đề lịch sử xã hội, văn hóa tinh thần... với sự hình thành, tồn tại và vận động phát triển của mảng thơ ca yêu nước ở Nam Kỳ 1900-1945.

Từ kết quả của quá trình sưu tầm, thu thập, thống kê, phân loại các tác phẩm thơ ca yêu nước trên các công trình đã được công bố và đặc biệt là trên báo chí công khai ở Nam Bộ từ giai đoạn 1900-1945, luận án sẽ đưa tới những xác định cơ bản về các nội dung lớn của từng mảng thơ ca yêu nước chịu ảnh hưởng của

các hệ tư tưởng đã liên tiếp xuất hiện trong tiến trình vận động và phát triển của hệ tư tưởng yêu nước Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX (tư tưởng yêu nước truyền thống, tư tưởng yêu nước Nho giáo cách tân, tư tưởng duy tân, tư tưởng yêu nước Cộng sản chủ nghĩa).

Trên cơ sở của quá trình tiếp cận văn bản tác phẩm, nội dung lớn kế tiếp của luận án là nghiên cứu các đặc điểm nổi bật về các hệ thống ngôn ngữ, giọng điệu, hình tượng... trong thơ ca yêu nước Nam Bộ 1900-1945.

Lựa chọn và tiếp cận, giới thiệu, phân tích sự nghiệp sáng tác của một số tác giả tiêu biểu có tầm vóc nổi trội về các phương diện tài năng, phong cách, về tư tưởng yêu nước, đã có những công hiến lớn cho các phong trào yêu nước đấu tranh giành độc lập tự do từ 1900-1945.

Những kết quả của luận án:

- Xác định được mối quan hệ giữa những tiền đề lịch sử xã hội, văn hóa tinh thần trong việc định hình những nét lớn về nội dung và nghệ thuật của thơ ca yêu nước - cách mạng ở Nam Bộ giai đoạn 1900-1945.

- Qua việc sưu tầm, thống kê, phân loại, tiến tới việc xác định các giai đoạn hình thành và phát triển, các bộ phận chính, những đặc điểm về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của thơ ca yêu nước - cách mạng ở Nam Bộ trong từng thời kỳ của giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX.

- Giới thiệu một số tác giả tiêu biểu.

- Góp phần vào việc hình thành cái nhìn đầy đủ và có hệ thống hơn trong việc nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam thế kỷ XX.

## • *Ngô Chon Tuê*

### CUỘC ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM CHỐNG ÂM MUỐU CHIA CẮT NAM BỘ RA KHỎI VIỆT NAM CỦA THỰC DÂN PHÁP GIAI ĐOẠN 1945-1949

*Luận án Tiến sĩ Lịch sử*

Sau khi tái chiếm Nam Bộ (đầu 1946), thực dân Pháp chủ trương chia cắt vùng đất này ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, thành lập cái gọi là “nước Cộng hòa Nam Kỳ tự trị” vào ngày 1-6-1946 do Nguyễn Văn Thinh làm Thủ tướng. Chủ trương phân ly của thực dân Pháp bị Đảng Cộng sản Đông Dương, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và toàn thể nhân dân Việt Nam từ Bắc đến Nam kiên quyết chống lại. Do đó, chủ trương này của thực dân Pháp chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, qua hai Chính phủ Nguyễn Văn Thinh và Lê Văn Hoạch (từ 26-3-1946 đến 29-9-1947).

Từ khi Bollaert sang làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương thay D'Argenlieu (1-4-1947), thực dân Pháp từng bước bỏ rơi chủ trương “Nam Kỳ tự trị” và thay bằng “giải pháp Bảo Đại”. Để thực hiện chủ trương mới này, thực dân Pháp lần lượt thành lập 3 Chính phủ: Chính phủ lâm thời Nam Phần Việt Nam (từ 1-10-1947) do Nguyễn Văn Xuân đứng đầu, Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam (từ 2-6-1948) cũng do Nguyễn Văn Xuân làm Thủ tướng và cuối cùng là Chính phủ Quốc gia Việt Nam (từ 1-7-1949) với Bảo Đại làm Quốc trưởng, kiêm Thủ tướng. Sự ra đời của Quốc gia Việt Nam, Nam Bộ (mà phía thực dân Pháp gọi là Nam Phần hay Nam Việt) trở lại là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam thống nhất.

Như vậy, sau bao năm đấu tranh chống lại chủ trương “Nam Kỳ tự trị” trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao, Việt Nam đã giành thắng lợi bước đầu. Luật 49-733 do Tông

thống Pháp Vincent Auriol ký ban hành ngày 4-6-1949 là văn bản pháp lý để khẳng định Nam Bộ là bộ phận không thể tách rời của Việt Nam.

Trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược, mục tiêu “thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ” đi đôi với mục tiêu “độc lập dân tộc”, “Thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ” là một mục tiêu không thể nhượng bộ. Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân Nam Bộ nói riêng trong những năm 1945-1949 đã buộc thực dân Pháp phải từ bỏ chủ trương Nam Kỳ tự trị, nhập Nam Bộ trở lại vào lãnh thổ Việt Nam.

- **Nguyễn Thị Mộng Tuyền**

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN CAO SU  
THỦ DẦU MỘT TRONG 30 NĂM KHÁNG CHIẾN GIẢI PHÓNG  
(1945-1975)

*Luận án Tiến sĩ Lịch sử, 2009*

Luận án gồm ba chương:

Chương 1: Công nhân cao su Thủ Dầu Một trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Ở chương này, tác giả giới thiệu khái quát về lịch sử hình thành vùng đất và con người Thủ Dầu Một; về sự thành lập, phát triển các đồn điền cao su; sự hình thành và thành phần đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một; phong trào đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Thủ Dầu Một trước năm 1945.

Chương 2: Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trong kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1945 đến năm 1954. Nội dung chương này tập trung bày các hoạt

động kháng chiến chống Pháp của công nhân cao su ở Thủ Dầu Một nói riêng và chiến trường miền Đông Nam Bộ nói chung. Thành tích của họ đạt được trong thời kỳ này là đã cùng nhân dân địa phương xây dựng cuộc sống tự chủ, gìn giữ chính quyền mới. Thời gian làm chủ vườn cây nhà máy không lâu nhưng đó là triển vọng của cuộc kháng chiến. Giai đoạn lịch sử này, công nhân cao su Thủ Dầu Một đã thực hiện tốt nhiệm vụ và vai trò của mình và góp phần xứng đáng trong sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

Chương 3: Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trong kháng chiến chống Đế quốc Mỹ từ năm 1954 đến năm 1975. Công nhân cao su Thủ Dầu Một đối diện với cục diện mới của chiến tranh, góp phần xứng đáng vào việc làm thất bại các chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ-ngụy; tham gia vào các chiến dịch quan trọng để giải phóng đồn điền, giải phóng toàn miền Nam 1975.

- **Trần Mai Ước**

### TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA PHAN CHÂU TRINH

#### *Luận án Tiến sĩ Lịch sử Triết học*

Trong tiến trình lịch sử Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Phan Châu Trinh đã góp phần làm phong phú thêm sinh khí của luồng dân chủ tư sản, ít nhiều làm rõ thêm yêu cầu chống chế độ phong kiến. Tư tưởng và hoạt động của Phan Châu Trinh đã góp phần quan trọng tạo nên bước chuyển trong tư duy của dân tộc Việt Nam, đó là làm cuộc vận động từng bước về tư tưởng từ chế độ quân chủ sang chế độ dân chủ, từ tư duy phong kiến sang tư duy thời cận - hiện đại trong những năm đầu

của thế kỷ XX. Tư tưởng của Phan Châu Trinh là một hồi chuông thức tỉnh cho dân tộc ta bước ra khỏi chế độ quân chủ chuyên chế hàng ngàn năm.

Nghiên cứu lịch sử Việt Nam trong thời kỳ này không chỉ làm rõ sự chuyển biến sâu sắc của toàn bộ phong trào cách mạng mà còn cho thấy sự đóng góp của các bậc tiền bối trong việc xác định đường lối, xây dựng khối đoàn kết, phát hiện phương pháp tiếp cận để hội nhập với khu vực và thế giới để từ đó có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm về vai trò và tầm quan trọng của chủ nghĩa yêu nước trong sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc trong những năm đầu của thế kỷ XX.

- **Lê Thụy Hồng Yến**

HỘI QUÁN CỦA NGƯỜI HOA Ở SÀI GÒN - CHỢ LỚN (CUỐI THẾ KỶ XVIII - NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX)

*Luận văn Thạc sĩ Lịch sử*

Có thể nói các Hội quán của người Hoa ở Sài Gòn - Chợ Lớn là chứng nhân lịch sử cho những thăng trầm trong cuộc sống của cộng đồng người Hoa ở vùng đất này. Từ Hội quán cho thấy sự nhạy bén của người Hoa trong kinh doanh cũng như là nơi ghi dấu sự đoàn kết, chia sẻ của họ trong quan hệ đồng hương. Để tài nghiên cứu các Hội quán của người Hoa ở Sài Gòn - Chợ Lớn trong khoảng thời gian từ cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XX, trên nhiều mặt: tổ chức, quản lý, kiến trúc, nghệ thuật, các hoạt động kinh tế, tôn giáo - tín ngưỡng, văn hóa - xã hội để có cái nhìn toàn diện về Hội quán. Qua đó góp phần làm rõ đặc điểm, chức năng của Hội quán người Hoa ở Sài Gòn - Chợ Lớn, sự giao thoa văn hóa giữa người Việt và người Hoa. Tác giả luận văn đã phục dựng lại bức tranh về Hội quán người Hoa ở Sài Gòn - Chợ

Lớn qua các nội dung:

Chương 1: Quá trình thành lập và phát triển của Hội quán người Hoa ở Sài Gòn - Chợ Lớn, đề cập những nét chính về thuật ngữ, khái niệm, trình bày khái lược quá trình di cư, sự phân bố cư trú của người Hoa ở vùng đất phía Nam nói chung và khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn nói riêng, từ đó trình bày sự hình thành, phát triển của Hội quán người Hoa ở Sài Gòn - Chợ Lớn (cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XX).

Chương 2: Hoạt động của Hội quán người Hoa ở Sài Gòn - Chợ Lớn, trình bày cơ cấu hoạt động, kiến trúc nghệ thuật và các hoạt động của Hội quán người Hoa ở Sài Gòn - Chợ Lớn.

Chương 3: Một vài nhận xét về Hội quán của người Hoa ở Sài Gòn - Chợ Lớn, với nội dung chính là rút ra những đặc điểm và tính chất, nét đặc trưng của Hội quán người Hoa ở Sài Gòn - Chợ Lớn cũng như tiến trình hội nhập của Hội quán với văn hóa lịch sử của vùng đất này.

## II. XUẤT BẢN PHẨM

- *Aline Demay*

TOURISM AND COLONIZATION IN INDOCHINA (1898-1939)

*Cambridge Scholars Publishing, 2014*

Các hành trình đến các điểm du lịch và sự xuất hiện các tour du lịch trở về các địa điểm gắn liền với lịch sử chủ nghĩa thực dân đặt ra câu hỏi về di sản du lịch ở các thuộc địa Đông Dương. Không được biết đến nhiều như là một lĩnh vực nghiên cứu khoa học, nghiên cứu về du lịch thời kỳ thực dân mới được đặt ra trong thập kỷ qua. Điều thú vị là, trong thời kỳ thuộc địa, du lịch là một lĩnh vực nằm trong chính sách của chính quyền thực dân để làm

quảng bá thuộc địa. Việc sử dụng các hoạt động du lịch cho mục đích chính trị lần đầu tiên được xác nhận trong Thông tư 02 tháng 10-1922 của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, Albert Sarraut. Trong đó, yêu cầu tất cả các lãnh thổ hải ngoại của Pháp tổ chức phát triển ngành du lịch.

Làm thế nào mà du lịch phát triển trong một lãnh thổ đang ở giai đoạn thuộc địa? Sự liên quan giữa du lịch và thực dân? Sử dụng tài liệu lưu trữ và các ấn phẩm du lịch, cuốn sách trở thành ấn phẩm đầu tiên nghiên cứu về du lịch Đông Dương thời thuộc địa. Tác giả tập trung vào các sự kiện trong thời gian từ đầu thế kỷ XX đến đêm trước của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, phân tích việc chuyển giao kỹ nghệ du lịch ở Châu Âu vào Đông Dương; việc thành lập và hội nhập của du lịch Đông Dương vào năm 1920; chính sách thúc đẩy du lịch Đông Dương của chính quyền thực dân.

- **Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Quốc**

### PHÚ QUỐC NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU TRANH CÁCH MẠNG (1930-1975)

Nxb. Chính trị quốc gia, 2000

Nằm trong vùng biển Tây Nam của Tổ quốc, Phú Quốc có một vị thế quan trọng ngay từ thời kỳ đầu mở cõi của dân tộc cũng như hiện nay. Trên vùng đất xa xôi này, đứng nơi đầu sóng ngọn gió, con người ở đây đã được hun đúc, đào luyện nên những đức tính, truyền thống quý báu, đậm đà bản sắc dân tộc; yêu nước thương nòi, cần cù lao động, kiên trì vượt khó, đoàn kết, tự lực tự cường,... xây dựng nên một Phú Quốc anh hùng, tô đậm thêm truyền thống vẻ vang của dân tộc.

Với các phần:

Mở đầu: Vài nét về địa lý, lịch sử.

Phản I: Cởi bỏ ách nô lệ, đứng lên chống Pháp xâm lược (1868-1954).

Phản II: Chống đế quốc Mỹ và tay sai, giải phóng hoàn toàn huyện đảo (1954-1975).

Cuốn sách tái hiện về cơ bản những chặng đường đấu tranh cách mạng đầy hy sinh, gian khổ nhưng anh dũng, vẻ vang của Đảng bộ, nhân dân Phú Quốc từ khi Pháp xâm lược (1868) đến ngày hoàn toàn giải phóng 30-4-1975.

- *Ban Chỉ đạo lễ kỷ niệm 300 năm vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai*

## BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI 300 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Nxb. Tổng hợp Đồng Nai

Quyển sách gồm có 9 chương, giới thiệu vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai trong 300 năm (1698-1998) trên các lĩnh vực: địa lý, khảo cổ, lịch sử truyền thống, kinh tế, văn hóa, xã hội, những di tích thắng cảnh, những nhân vật tiêu biểu của vùng đất...

Phản I: Biên Hòa - Đồng Nai vùng đất văn minh xưa.

Chương I - Địa lý lịch sử.

Chương II - Các nền văn minh cổ ở Đồng Nai.

Chương III - Lịch sử khai phá.

Phản II: Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển.

Chương IV - Phát triển kinh tế.

Chương V - Văn hóa - nghệ thuật.

Chương VI - Di tích- thăng cảnh.

Chương VII - Những trang sử vàng chống ngoại xâm.

Chương VIII - Người Đồng Nai.

Chương XIX - Những thành tựu kinh tế - xã hội (1975-1998).

Cuốn sách giới thiệu đến người đọc những nội dung chính:

Địa danh Đồng Nai có từ đâu? Sự thay đổi đơn vị hành chánh từ năm 1698 đến năm 1998; vài nét về lịch sử nghiên cứu; diễn trình thời kỳ tiền sử ở Đồng Nai; những thành tựu tiêu biểu của cư dân cổ ở Đồng Nai; văn hóa Đồng Nai với các vùng lân cận (Đông Dương, Đông Nam Á) qua các di tích, di vật khảo cổ; bước đầu nhận định nền văn minh xưa trên đất Đồng Nai; sự phát triển kinh tế dưới triều Nguyễn; kinh tế Đồng Nai từ 1861-1975; nếp sống vật chất; văn học - nghệ thuật; tập quán, tín ngưỡng dân gian; di tích khảo cổ, đình thần, những ngôi chùa cổ ở Đồng Nai; di tích cách mạng; thăng cảnh Đồng Nai; các nhân vật tiêu biểu, anh hùng liệt sĩ Đồng Nai.

• ***Charles Keith***

1. RELIGIOUS MISSIONARIES AND THE COLONIAL STATE  
(INDOCHINA)

*University of California Press*

Khi Thế chiến nổ ra vào tháng 8-1914 có khoảng 400 nhà truyền giáo Pháp hoạt động ở thuộc địa Đông Dương của Pháp. Hầu như tất cả trong số họ thuộc về Hội Truyền giáo thừa sai Hải Ngoại, một dòng truyền đạo hoạt động tại Châu Á từ thế kỷ 17. Những năm đầu của chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương, nhà truyền giáo và các quan chức Hải quân làm việc với nhau khá hiệu

quả trong cuộc chinh phục của Pháp tại Nam Kỳ. Nhưng từ những năm 1880, chính quyền thực dân Pháp công khai các nỗ lực giảm bớt ảnh hưởng của các nhà truyền giáo trong xã hội Đông Dương. Điều này dẫn đến một loại thoả hiệp “chung sống”, trong đó chính quyền thực dân và các nhà truyền giáo - vẫn thường xuyên mâu thuẫn với nhau - cố tìm cách cùng tồn tại. Thế chiến thứ nhất ảnh hưởng như thế nào đến mối quan hệ giữa chính quyền và Thiên chúa giáo ở thuộc địa Đông Dương? Mặt khác, sự phản kháng mạnh mẽ chế độ thực dân của giáo dân tạo ra quan điểm chung đối với cả chính quyền và Công giáo, khi cùng cố bảo vệ “uy quyền” phượng Tây ở thuộc địa.

## 2. CATHOLIC VIETNAM: A CHURCH FROM EMPIRE TO NATION

*Berkeley: University of California Press, 2012*

Qua 7 chương, Charles Keith trình bày sự tranh giành quyền lực giữa các lực lượng chính trị Việt Nam, chế độ chính trị và chính quyền thực dân Pháp ở Việt Nam, sự hiện hữu của Vatican, truyền giáo người Pháp và người Công giáo Việt Nam. Tác giả cũng tìm hiểu các yếu tố văn hóa, chính trị và tổ chức Công giáo Việt Nam từ thế kỷ XIX đến nửa đầu của thế kỷ XX, giai đoạn từ khi thành lập của triều Nguyễn vào năm 1802 cho đến thời kỳ Quốc gia Việt Nam thuộc Pháp (1954).

- ***Hồ Sơn Diệp***

TRÍ THỨC NAM BỘ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP  
(1945-1954)

*Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*

Tác giả phục dựng lại lịch sử của lực lượng trí thức Nam Bộ trong giai đoạn 9 năm kháng chiến chống Pháp. Qua đó bước đầu

tìm hiểu về đặc điểm, vai trò và một số bài học kinh nghiệm trong công tác xây dựng lực lượng cách mạng của đội ngũ trí thức tại Nam Bộ. Với nhiều nguồn tài liệu gốc, tác giả phân tích bối cảnh lịch sử và sự hình thành đội ngũ trí thức tại Nam Bộ giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, giai đoạn kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ. Trong đó, trình bày quá trình xây dựng lực lượng trí thức yêu nước và kháng chiến, cùng những hoạt động của họ trên tất cả các lĩnh vực.

- **Nguyễn Đình Đầu**

NGHIÊN CỨU ĐỊA BẠ TRIỀU NGUYỄN - VĨNH LONG (BẾN TRE, VĨNH LONG, TRÀ VINH)

Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh - 1994

Sau phần giới thiệu về lịch sử hình thành và quá trình sưu tầm, cũng như thực trạng bảo quản Địa bạ triều Nguyễn, nhà sử học Nguyễn Đình Đầu đã trích dịch, ghi chép Địa bạ tỉnh Vĩnh Long với hai nội dung chính: Địa lý lịch sử tỉnh Vĩnh Long và Phân tích Địa bạ tỉnh Vĩnh Long.

Với tầm nhìn khái quát và sâu sắc qua nghiên cứu Địa bạ, nhà sử học Nguyễn Đình Đầu đã làm nổi bật những nét chính yếu của chế độ sở hữu ruộng đất nói riêng và của nền hành chính nói chung. Như các chính sách: quân cấp công điền cho người thiếu ruộng, ngũ binh ư nông, cấm quan chức tâu ruộng ở nơi trị nhậm, thuế khóa biệt đãi dân cư thô và nghĩa trang,... Chế độ sở hữu ruộng đất, được chia ra 3 quyền: Quyền sở hữu tối thượng của nhà vua; quyền sở hữu của tư nhân và tập thể; quyền sử dụng.

- *Eric T. Jennings*

IMPERIAL HEIGHTS: DALAT AND THE MAKING AND UNDOING OF FRENCH INDOCHINA

*Berkeley, CA, University of California Press, 2011*

Thành phố Đà Lạt được người Pháp xây dựng trên vùng cao nguyên với mục đích dành cho binh sĩ và nhân viên của chính quyền thực dân. Cuốn sách của Eric T. Jennings khám phá lịch sử 100 năm kỳ lạ của một thành phố thuộc địa được hình thành như là một trung tâm quyền lực và bây giờ trở thành điểm đến du lịch nổi tiếng. Eric T. Jennings thấy rằng khi bắt đầu, Đà Lạt là hiện thân những nghịch lý của chủ nghĩa thực dân, một thành phố giải trí được xây dựng trên lưng của hàng nghìn cu-li. Jennings đã mở cách cửa vào hầu hết các khía cạnh của đời sống của Đông Dương thuộc địa, từ kiến trúc, quy hoạch đô thị đến bạo lực, lao động, sức khỏe và y học, giới tính, tôn giáo,...

- *Herbelin Caroline*

ARCHITECTURES DU VIETNAM COLONIAL. REPENSER LE MÉTISSAGE

*Paris, INHA / CTHS, 2016*

Vấn đề kiến trúc Đông Dương thời thuộc Pháp rất ít được nghiên cứu. Vì vậy, cuốn sách của Herbelin Caroline viết về kiến trúc Việt Nam thời thuộc địa đã lấp đầy khoảng trống này. Đồng thời, cuốn sách cũng là một xuất bản phẩm quan trọng về lịch sử chính trị, xã hội và giao lưu văn hóa ở Việt Nam thời thuộc địa Pháp.

- **Hà Minh Hồng**

LỊCH SỬ VIỆT NAM CẬN HIỆN ĐẠI (1858-1975)

Nxb. Đại học Quốc gia TP. HCM, 2005

Lịch sử Việt Nam cận hiện đại (thời kỳ 1858 - 1975) của tác giả Hà Minh Hồng đã phản ánh khái quát những sự kiện lịch sử Việt Nam trong hơn một thế kỷ bị đô hộ bởi thực dân, đế quốc. Từ cuộc vận động giải phóng dân tộc và Cách mạng tháng Tám, cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm lược (1945-1954), cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc hậu phương (1954 - 1975).

- **Phạm Thị Huệ**

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở NAM KỲ TỪ 1930-1945

Nxb. Chính trị Quốc gia, 2013

Giai đoạn cách mạng 1930-1945 là giai đoạn đầu tiên cách mạng Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (sau đó đổi tên là Đảng Cộng sản Đông Dương) sau một thời gian dài bế tắc và khủng hoảng về đường lối cứu nước. Đây cũng là giai đoạn phong trào dân tộc dân chủ Việt Nam phát triển mạnh, đặc biệt là ở Nam Kỳ, nơi phong trào diễn ra rất sôi động, độc đáo dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương mà cụ thể là Xứ ủy Nam Kỳ. Từ trước đến nay, có nhiều công trình nghiên cứu về giai đoạn cách mạng này, nhưng chưa có công trình nghiên cứu nào về phong trào dân tộc dân chủ ở Nam Kỳ giai đoạn 1930-1945 dựa trên nền cốt yếu là tư liệu của chính quyền thực dân Pháp ban hành trong những năm 1930-1945 hiện đang bảo quản tại các kho lưu trữ. Đây chính là hướng nghiên cứu mới của cuốn sách Phong trào dân tộc dân chủ ở Nam Kỳ 1930-1945, nghiên

cứu qua tài liệu lưu trữ (Sách chuyên khảo) do TS. Phạm Thị Huệ biên soạn. Phần lớn các tài liệu đưa vào cuốn sách này là tư liệu lần đầu tiên được công bố.

Cuốn sách gồm ba chương:

Chương I: Phong trào dân tộc dân chủ ở Nam Kỳ giai đoạn 1930-1935.

Chương II: Cuộc vận động dân chủ ở Nam Kỳ giai đoạn 1936-1939.

Chương III: Cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Nam Kỳ giai đoạn 1939-1945.

- ***Jacob Ramsay***

MANDARINS AND MARTYRS: THE CHURCH AND THE NGUYEN DYNASTY IN EARLY NINETEENTH CENTURY VIETNAM

*Stanford, Calif.: Stanford University Press, 2008*

Qua 6 chương chính, Jacob Ramsay tìm hiểu về hoạt động bạo lực chống Thiên Chúa giáo vào đầu thế kỷ XIX ở Việt Nam và những thay đổi xã hội, chính trị sâu sắc mà nó tạo ra trong những thập kỷ trước khi chế độ thực dân Pháp được thiết lập. Ông phản biện lại quan điểm cho rằng Thiên Chúa giáo không phù hợp với văn hóa Việt Nam và các nhà truyền giáo người Pháp từng là đại lý cho chủ nghĩa thực dân Pháp trong công cuộc xâm lược thuộc địa ở Việt Nam. Ông cho rằng, sự phát triển mạnh hoạt động bạo lực chống Thiên Chúa giáo là do sự tương tác phức tạp giữa người Công giáo Việt Nam, các nhà truyền giáo người Pháp và các quan chức triều Nguyễn.

- *Jörg Thomas Engelbert*

## VIETNAM'S ETHNIC AND RELIGIOUS MINORITIES: A HISTORICAL PERSPECTIVE

*Peter Lang international academic publishers*

Cuốn sách trình bày các nội dung liên quan đến vấn đề dân tộc thiểu số và tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh lịch sử từ thời kỳ thuộc địa đến thời hiện đại. Tác giả tập trung tìm hiểu về người Hoa, người người Chăm và người Bahnar là những đại diện cho 3 dân tộc thiểu số khác nhau, ở miền Nam hoặc miền Trung Việt Nam. Về tôn giáo, tác giả đi sâu nghiên cứu các vấn đề liên quan đến Công giáo ở Việt Nam và đạo Tin Lành trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

- **GS. Phan Huy Lê (chủ nhiệm)**

## VÙNG ĐẤT NAM BỘ - QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Bộ sách là sản phẩm của một đề án nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, do GS. Phan Huy Lê làm chủ nhiệm, được thực hiện trong thời gian từ năm 2008 đến năm 2010.

*Vùng đất Nam Bộ - Quá trình hình thành và phát triển* được xuất bản với 11 cuốn sách sau:

- *Vùng đất Nam Bộ - Quá trình hình thành và phát triển:* gồm 2 tập, GS. Phan Huy Lê chủ biên.
- *Vùng đất Nam Bộ, tập I: Điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái*, TS. Trương Thị Kim Chuyên chủ biên.
- *Vùng đất Nam Bộ, tập II: Từ cội nguồn đến thế kỷ VII*, GS.

TSKH. Vũ Minh Giang, TS. Nguyễn Việt.

- *Vùng đất Nam Bộ, tập III: Từ thế kỷ VII đến thế kỷ XVI*, GS. TS. Nguyễn Văn Kim chủ biên.

- *Vùng đất Nam Bộ, tập IV: Từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX*, GS. TS. Nguyễn Quang Ngọc chủ biên.

- *Vùng đất Nam Bộ, tập V: Từ năm 1859 đến năm 1945*, PGS. TS. Đoàn Minh Huấn - PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hà đồng chủ biên.

- *Vùng đất Nam Bộ, tập VI: Từ năm 1945 đến năm 2010*, PGS. TS. Trần Đức Cường chủ biên.

- *Vùng đất Nam Bộ, tập VII: Đặc trưng tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa*, GS.TS. Ngô Văn Lệ chủ biên.

- *Vùng đất Nam Bộ, tập VIII: Thiết chế quản lý xã hội*, PSG. TS. Vũ Văn Quân chủ biên.

- *Vùng đất Nam Bộ, tập IX: Tộc người và quan hệ tộc người*, TS. Võ Công Nguyên chủ biên.

- *Vùng đất Nam Bộ, tập X: Tiến trình hội nhập khu vực và thế giới*, PGS.TS. Võ Văn Sen chủ biên.

Bộ sách *Vùng đất Nam Bộ - Quá trình hình thành và phát triển* cung cấp cho bạn đọc cơ sở lịch sử - pháp lý vững chắc phục vụ cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị. Bộ sách là tài liệu quý cho các nhà nghiên cứu, học sinh, sinh viên các học viện, nhà trường và các nhà lãnh đạo, quản lý, các địa phương, đơn vị một khối lượng tri thức lớn, khá đầy đủ, toàn diện và chân xác về vùng đất Nam Bộ.

- Nhóm tác giả

NHÂN VẬT CHÍ TỈNH VĨNH LONG

*Sở Văn hóa Thông tin phát hành năm 1998*

“Nhân vật chí tỉnh Vĩnh Long” lần đầu tiên nghiên cứu những người nổi tiếng hoạt động về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đã thành danh ở Vĩnh Long hoặc sinh ra ở Vĩnh Long đã thành danh ở nơi khác. Nội dung của nhân vật thể hiện các tiêu chí cơ bản là lai lịch, quan hệ dòng tộc và quan hệ xã hội, môi trường phát triển thể hiện ở góc độ tích cực và tiêu cực.

- Olivier Tessier - Pascal Bourdeaux

ĐÀ LẠT - BẢN ĐỒ SÁNG LẬP THÀNH PHỐ...

*Nxb. Tri thức, 2014*

Tác giả tái hiện lịch sử hình thành và phát triển Thành phố Đà Lạt từ khi người Pháp thực hiện những chuyến thám hiểm đầu tiên trong những năm 1881-1901 cho đến đầu thế kỷ XXI và sự hoạch định phát triển thành phố đến năm 2050.

Đặc biệt, cuốn sách đã tập hợp và hệ thống khối lượng lớn tài liệu lưu trữ liên quan đến sự hình thành và phát triển Thành phố Đà Lạt thời kỳ Pháp thuộc với các nội dung:

- Sự khám phá và những chuyến thám hiểm (1881-1901): Trình bày về những chuyến thám hiểm đầu tiên, Alexandre Yersin tìm ra cao nguyên Lang Biang, các cuộc khảo sát vào cuối thế kỷ XIX, các quy hoạch, dự án xây dựng.

- Những tiền đề của một thành phố tương lai (1901-1916): Giới thiệu về quá trình xây dựng thành phố, sự gián đoạn trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918).

- Sự trỗi dậy của thành phố (1916-1932) và Nhữnrg tham vọng đổi mới với nhau của một thành phố tương lai (1932-1940): Giới thiệu về Đà Lạt những năm đầu thập niên 20 của thế kỷ XX, quá trình xây dựng thành phố trở thành nơi nghỉ dưỡng.

- Các báo cáo tổng kết và chi tiêu quá khả năng của chương trình quy hoạch thuộc địa (1940-1955): Trình bày các đồ án, chương trình quy hoạch, xây dựng và mở rộng Đà Lạt; đời sống của các khu phố.

- **VŨ HUY PHÚC (chủ biên)**

LỊCH SỬ VIỆT NAM 1858-1896

Nxb. Khoa học xã hội Hà Nội, 2003

Đề tài nghiên cứu lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1896 qua các giai đoạn: Quốc gia Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX, Cuộc kháng chiến chống Pháp - Tây Ban Nha xâm lược, Việt Nam 1867-1874, Việt Nam 1874-1884, Việt Nam trong phong trào Càn Vương chống Pháp (1885-1896).

- **Pierre Daum**

LÍNH THỢ ĐÔNG DƯƠNG Ở PHÁP (1939-1952) - MỘT TRANG SỬ THUỘC ĐỊA BỊ LÃNG QUÊN

Nxb. Trí Thức

Qua “Lính thợ Đông Dương ở Pháp (1939-1952) - Một trang sử thuộc địa bị lãng quên” (Immigrés de force - Les travailleurs indochinois en France (1939-1952), độc giả biết rằng, tháng 9-1939, khi nước Pháp tuyên chiến với phát xít Đức, Chính phủ Pháp đã đưa 20.000 thanh niên Việt Nam đến chính quốc nhằm phục vụ chiến tranh. Đây là lần đầu tiên, Pierre Daum công bố các thông tin về những người lính An Nam bị cưỡng bức đến chiến

trường Châu Âu trong Thế chiến thứ II, thông qua số liệu, số phận con người cụ thể.

- **Nguyễn Phan Quang**

1. GÓP THÊM SƯU TẬP SÁCH, TẠP CHÍ BỐ TRỢ SÀI GÒN - GIA ĐỊNH (1859-1945)

Nxb. Trẻ, 1998

Sách đề cập đến các vấn đề: Thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn - Gia Định, những biến đổi hành chính và cư dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, cảng Sài Gòn, Sài Gòn và thị trường lúa gạo Nam Kỳ, kinh tế Sài Gòn và Nam Kỳ thời Pháp - Nhật.

2. VIỆT NAM CẬN ĐẠI: NHỮNG SỬ LIỆU MỚI (TẬP 3): SÓC TRĂNG (1867-1945)

Nxb. Văn nghệ TP. HCM, 2000

Tác giả Nguyễn Phan Quang đã dành trọn một tập để giới thiệu về tỉnh Sóc Trăng thời thuộc Pháp trên các lĩnh vực hành chánh và cư dân, canh nông và sở hữu ruộng đất, thủy lợi, giao thông, kỹ nghệ; đô thị và thương mại... Nguồn tài liệu tác giả khai thác và sử dụng chủ yếu là các sưu tập sách, tạp chí bối trợ thuộc tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

3. VIỆT NAM THẾ KỶ XIX (1802-1884)

Nxb. TP. HCM, 2002

Như chúng ta đều biết, lịch sử Việt Nam thế kỷ XIX và triều Nguyễn luôn được giới sử học trong và ngoài nước quan tâm, nghiên cứu. Trải qua nhiều thập kỷ, cho đến nay, vẫn còn những vấn đề liên quan đến các sự kiện và nhân vật lịch sử cần được tìm hiểu thêm. Trong tình hình đó, Giáo sư Nguyễn Phan Quang đã cho ra mắt quyển sách “Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)”. Sách

gồm 3 phần:

- Xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX và triều Nguyễn.
- Phong trào đấu tranh của nông dân và các dân tộc.
- Việt Nam trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp.

Đây là một án phẩm mà trong đó tác giả đã có một cách nhìn toàn diện hơn về thực tại lịch sử xã hội Việt Nam thế kỷ XIX.

#### 4. THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO NAM KỲ (1860-1945)

Nxb. *Tổng hợp TP. HCM*, 2004

PGS.TS. Nguyễn Phan Quang đã sử dụng nhiều mảng tài liệu của Phòng Phú Thống đốc Nam Kỳ để nghiên cứu và công bố cuốn sách “Thị trường lúa gạo Nam Kỳ (1860-1945)”, qua đó, giúp cho người đọc hình dung được sự đa dạng về phong cách của một sử bút ưa tìm tòi, khám phá. Qua cuốn sách, tác giả tái hiện chân thực và sinh động bức tranh kinh tế xứ thuộc địa Nam Kỳ giai đoạn 1860-1945, với toàn cảnh sản xuất và xuất khẩu lúa gạo trong suốt 85 năm Nam Kỳ bị chiếm làm thuộc địa của Pháp.

#### 5. THEO DÒNG LỊCH SỬ DÂN TỘC (TẬP 2)

Nxb. *Tổng hợp TP. HCM*, 2005

Tài liệu mà các luận văn trong cuốn sách “Theo dòng lịch sử dân tộc” được khai thác và sử dụng chủ yếu từ nguồn tài liệu Sưu tập sách, tạp chí bộ trợ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. Thông qua nội dung cuốn sách, tác giả đã chuyên sâu nghiên cứu về một số vấn đề quan trọng của lịch sử Việt Nam để cập một số vấn đề có ý nghĩa quan trọng gắn liền với quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc, là những vấn đề trước đây và hiện nay vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu, trao đổi trước khi đi đến những kết luận thỏa đáng. Trong đó, có việc đánh giá một số nhân vật lịch sử

như Hồ Quý Ly, Lê Văn Duyệt, Phan Thanh Giản, Trương Vĩnh Ký..., và việc chuyên sâu nghiên cứu về các thủ lĩnh như Vũ Đình Dũng, Nguyễn Tuyển - Nguyễn Cù, Phan Bá Vành, Ba Nhàn - Tiền Bột, Nông Văn Vân, Lê Văn Khôi, Lâm Sâm, Kỳ Đồng, Mạc Đĩnh Phúc, Đào Công Bửu... trong các phong trào đấu tranh từ thời trung đại sang thời cận-hiện đại của Việt Nam.

- *Nguyễn Phan Quang - Võ Xuân Đàm*

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN NĂM 1884

Nxb. TP. HCM, 2000

Cuốn sách “Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến năm 1884” được biên soạn công phu, dựa trên những tài liệu phong phú có chọn lọc; được cập nhật hóa bằng những quan điểm và thông tin khoa học mới nhất. Với khoảng 500 trang sách, nội dung của mấy ngàn năm lịch sử Việt Nam được trình bày cô đọng, súc tích, nhưng không kém phần sinh động, giúp bạn đọc - nhất là các bạn sinh viên - dễ dàng tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức cơ bản, có hệ thống của lịch sử nước nhà (về thời Hùng Vương trong quá trình hình thành nhà nước ở Việt Nam, về nhà Nguyễn, về một số nhân vật lịch sử cụ thể).

- *Nguyễn Phan Quang - Phan Văn Trường*

LUẬT SƯ PHAN VĂN TRƯỜNG

Nxb. TP. HCM, 1995

Phan Văn Trường (1876-1933) là một trong những tiên sĩ Luật khoa đầu tiên của Việt Nam, một học giả uyên bác, tinh thông văn hoá kim cổ Đông Tây, là một trí thức yêu nước, tiến bộ, có uy tín trong giới trí thức.

Hoạt động ở Paris những thập niên đầu của thế kỷ XX, ông

đã cùng Phan Châu Trinh và Nguyễn Ái Quốc sáng lập các hội đoàn đầu tiên của Việt kiều yêu nước trên đất Pháp. Khi về nước, Phan Văn Trường cùng với Nguyễn An Ninh chỉ đạo hai tờ báo La Cloche Fêlée (Chuông Rè) và L'An Nam (Nước Nam), hai tờ báo được giới nghiên cứu đánh giá là đã “làm danh dự cho làng báo Việt Nam: từ trước đến đó chưa hề thấy có báo đối lập với chính quyền thực dân Pháp mà dũng cảm đến thế, với văn phong hấp dẫn như thế”.

Phan Văn Trường nghiên cứu chủ nghĩa Mác, nhờ nó mà hiểu rõ sự tiến bộ của xã hội. Ông còn “có công lao truyền bá chủ nghĩa cộng sản trực tiếp ở Việt Nam vào trong giới sinh viên, học sinh, nhà giáo”.

Hoạt động trong sự kìm kẹp nghiệt ngã của chế độ thực dân, Phan Văn Trường đã hai lần vào tù: Lần đầu cùng với nhà yêu nước Phan Châu Trinh vì “âm mưu chính trị chống lại nước Pháp”. Lần sau “xúi giục người bản xứ chống đối và gây loạn”. Tuy vậy, bất cứ lúc nào và ở đâu, vẫn thể hiện lòng nhiệt tình yêu nước: “Già từng ấy tuổi mà lòng hăng hái cũng chẳng khuyết, sức tiến hóa cũng chẳng kém gì tuổi thanh niên”. “Già như Phan Văn Trường xứ ta dễ có mấy ai”. Ông qua đời ở Hà Nội - xã Đông Ngạc quê hương ông - giữa sự thương tiếc của mọi người. Các bậc chí sĩ Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng... đều có câu đố phúng điếu.

Cho đến nay, dùng như chưa có cuốn sách nào viết đầy đủ về thân thế và sự nghiệp của Phan Văn Trường. Đó đây trên sách báo, tên tuổi của ông có được nhắc đến, nhưng còn mờ nhạt. Trong báo cáo “Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam” trình bày tại Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ II, đồng chí Trường Chinh,

trên cương vị Tổng Bí thư Đảng cộng sản Đông Dương nhận xét: “Các ông Phan Văn Trường, Nguyễn Khánh Toàn tiêu biểu cho dư luận cấp tiến trên các báo An Nam, Thực nghiệp Dân báo, Thần Chung...

Giáo sư Nguyễn Phan Quang và Tiến sĩ Phan Văn Hoàng, hai nhà giáo của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã lao động nghiêm túc khi biên soạn cuốn sách này. Cuốn sách có sử dụng một số Sưu tập sách, tạp chí bồi trợ bản gốc do Tiến sĩ Thu Trang sưu tầm tại Pháp và những ảnh chụp các báo La Cloche Fêlée (Chuông Rè) và L'An Nam (Nước Nam) do ông Nguyễn An Tịnh (con trai nhà yêu nước Nguyễn An Ninh cung cấp). Đặc biệt, khi biên soạn cuốn sách, các tác giả đã được bà con họ Phan ở xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, bà luật sư Phan Vĩnh Minh cho phép tiếp cận nguồn Sưu tập sách, tạp chí bồi trợ của dòng họ.

- *Nguyễn Phan Quang - Lê Hữu Phước*

### KHỞI NGHĨA TRƯƠNG ĐỊNH

Nxb. TP. HCM, 1989

Khởi nghĩa Trương Định là cuộc đấu tranh tiêu biểu nhất, có ảnh hưởng và ý nghĩa to lớn trong giai đoạn đầu của phong trào chống thực dân Pháp của nhân dân Nam Bộ ở thế kỷ XIX. PGS. TS. Nguyễn Phan Quang và TS. Lê Hữu Phước đã trình bày một cách khoa học và khách quan về diễn biến, kết quả và những bài học quý giá của cuộc khởi nghĩa Trương Định. Đây là cuộc khởi nghĩa đầu tiên của quân binh tập hợp các binh sĩ và nghĩa dân chống lại quân Pháp xâm lược lần triều đình nhà Nguyễn đầu hàng giặc.

## • *Dương Kinh Quốc*

### 1. VIỆT NAM NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ (1858-1918)

*Nxb. Giáo dục, 1999*

Từ nửa cuối thế kỷ XIX, trên đất nước Việt Nam đã diễn ra một mâu thuẫn đối kháng lớn mạnh mang tính thời đại, đó là mâu thuẫn giữa một bên là chủ nghĩa thực dân Pháp, với một bên là dân tộc Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược và thống trị.

Trong suốt 87 năm - từ khi tiếng súng xâm lược của liên quân thực dân Pháp - Tây Ban Nha nổ ra ở bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng) ngày 1-9-1858, đến khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam) ngày 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội) - quá trình vận động của cả hai mặt đối lập của mâu thuẫn đó đã để lại rất nhiều sự kiện thuộc các lĩnh vực như: chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học kỹ thuật,...

### 2. CHÍNH QUYỀN THUỘC ĐỊA Ở VIỆT NAM TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (GÓP PHẦN TÌM HIỂU CƠ SỞ LỊCH SỬ - XÃ HỘI VIỆT NAM THỜI KỲ THỰC DÂN PHÁP THỐNG TRỊ)

*Nxb. Khoa học xã hội*

Tác giả đã trình bày chi tiết, cụ thể về hệ thống tổ chức, nguyên tắc vận hành và phương thức hoạt động của chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trong thời kỳ thực dân Pháp thống trị nước ta.

- *Sebastien Verney*

L'INDOCHINE SOUS VICHY. ENTRE REVOLUTION NATIONALE, COLLABORATION ET IDENTITES NATIONALES 1940-1945

*Paris, Riveneuve éditions, 2012*

Cuốn sách - dựa trên kết quả nghiên cứu 4 năm ở các quốc gia Đông Dương thuộc địa của Pháp trước đây, làm sáng tỏ lịch sử thuộc địa và chế độ Vichy.

Sau khi Pháp đầu hàng và bị quân Đức chiếm đóng, chính quốc Pháp diễn ra sự đối đầu giữa chính phủ Vichy và lực lượng kháng chiến dưới quyền chỉ huy của Tướng De Gaulle. Trong thời điểm bi thảm của chính quốc, Đông Dương - đại diện cho một trường hợp đặc biệt, nơi diễn ra sự thỏa thuận cùng tồn tại giữa Vichy và Tokyo kéo dài cho đến ngày 9-3-1945.

Làm thế nào, cho đến ngày 9-3-1945, chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương chịu được áp lực liên tục của phát xít Nhật và giữ Đông Dương dưới sự ảnh hưởng của Pháp cho đến khi kết thúc Thế chiến thứ hai? Với việc tập trung nghiên cứu vào Đông Dương, Sebastien Verney đã mang đến cho độc giả tầm nhìn sáng tỏ về vấn đề này.

- *Nguyễn Đình Thông - Nguyễn Linh - Hồ Sĩ Hành*

LỊCH SỬ NHÀ TÙ CÔN ĐẢO 1862-1975

*Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2010*

“Lịch sử Nhà tù Côn Đảo 1862-1975” phản ánh cuộc đấu tranh cách mạng bất khuất, kiên trung của những chiến sĩ cách mạng và người dân yêu nước bị tù đày tại Côn Đảo.

Nhà tù Côn Đảo luôn luôn là chiến trường cách mạng đấu tranh quyết liệt với kẻ thù. Tổ chức Đảng ở Côn Đảo đã lãnh đạo anh em tù chính trị và cả thường phạm đấu tranh kiên cường, bền bỉ hàng ngày suốt mấy chục năm bằng nhiều hình thức chống chế độ lao tù ác nghiệt, chống sự tàn bạo của bọn chúa đảo và gác ngục, để bảo vệ đội ngũ, giữ gìn khí tiết và trau dồi bản lĩnh, hòa nhịp từng bước với phong trào cách mạng của nhân dân cả nước, cho đến ngày thắng lợi hoàn toàn.

Cuộc chiến đấu bất khuất đầy dũng cảm và thông minh của các chiến sĩ Côn Đảo là những trang chóp lợi của lịch sử cách mạng, được nối tiếp và nhân lên trong chủ nghĩa anh hùng cách mạng rực rỡ của nhân dân ta qua kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Sự hi sinh cao cả của biết bao liệt sĩ trong cuộc chiến đấu ấy đã và đang tiếp tục khai hoa kết quả trong những thắng lợi và thành tựu của dân tộc Việt Nam.

Cuốn sách này là một tài liệu quý để bồi dưỡng ý chí chiến đấu, tinh thần lạc quan và niềm tin vững chắc vào sự nghiệp cách mạng, giáo dục các thế hệ ngày nay và mai sau lòng tự hào và biết ơn đối với các chiến sĩ cách mạng đi trước đã hy sinh vì Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội.

• *Tạ Thị Thúy - Ngô Văn Hòa - Vũ Huy Phúc*

LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 8 (1919-1930)

Nxb. Khoa học xã hội Hà Nội, 2007

Giai đoạn lịch sử 1919-1930 tuy ngắn ngủi nhưng lại là một giai đoạn mang tính bản lề quan trọng trong toàn bộ tiến trình lịch sử cận - hiện đại Việt Nam, là giai đoạn quyết định chiều hướng phát triển của Việt Nam trong những giai đoạn kế tiếp.

- **Phạm Hồng Thụy - Mỹ Hà - Đinh Thu Xuân**

LỊCH SỬ XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP BA SON (1863-1998)

Nxb. *Quân đội nhân dân*, 1998

Liên hiệp xí nghiệp Ba Son ngày nay là một xưởng sửa chữa và đóng tàu lớn, địa chỉ tại số 2 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một di tích lịch sử mang nhiều ý nghĩa, là dấu tích cổ còn lại của một công trường thủ công lớn, một ngành công nghiệp quan trọng ra đời sớm nhất của Sài Gòn xưa, là cái nôi của phong trào đấu tranh của các tầng lớp công nhân Sài Gòn. Xưởng cơ khí mang số 323 đường số 12 trong khuôn viên xí nghiệp là nơi người thợ máy Tôn Đức Thắng (sau này là Chủ tịch nước Việt Nam - từ năm 1969 đến ngày 30-08-1980) đã từng làm việc và hoạt động cách mạng trong những năm 1915-1928.

Ngày 12-8-1993, Bộ Văn hóa, Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) ra Quyết định số 1034 QĐ/BT về xếp hạng Di tích lịch sử Xưởng cơ khí thuộc Xí nghiệp liên hợp (XNLH) Ba Son là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử Xưởng cơ khí Ba Son đang đứng trước nhiều thách thức của sự phát triển và yếu tố bền vững, của quá trình hiện đại hóa và việc gìn giữ các giá trị truyền thống của dân tộc.

- **Trần Nam Tiến - Phạm Ngọc Trâm (chủ biên)**

NHẬN DIỆN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ TÀI NGUYÊN BIỂN  
ĐẢO PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG NAM BỘ

Nxb. *Đại học Quốc gia TP. HCM*, 2014

Vùng biển đảo Nam Bộ kết nối với đất liền và vùng biển

Đông Nam biển Đông, nằm ở vị trí trung tâm của khu vực Đông Nam Á, trực đường giao thông hàng hải quốc tế, kết nối Đông Á, Nam Á, châu Đại Dương và các đảo, quần đảo ở trong Thái Bình Dương.

Với thế mạnh được thiên nhiên ưu đãi và ban tặng, vùng biển Nam Bộ không những có vị trí địa lý tự nhiên độc đáo, vị trí địa - chiến lược quan trọng trong lịch sử từ cổ đại đến hiện đại mà còn có tài nguyên đa dạng và giàu có như dầu khí, hệ sinh thái lớn, có vai trò quan trọng phát triển nguồn lợi biển của vùng và đất nước. Sự sống còn và phát triển của các tỉnh, thành thuộc Nam Bộ ngày nay không thể tách rời biển, đảo, kết nối với vùng biển thuộc lãnh thổ đất nước thành một thể thống nhất, hội nhập quốc tế và vươn ra biển lớn.

Nhằm nhận diện và phát huy các giá trị tài nguyên biển đảo phục vụ phát triển bền vững, nhóm tác giả đã tuyển chọn các bài viết, báo cáo khoa học có giá trị về các vấn đề liên quan đến lịch sử xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo, quá trình phát triển kinh tế - xã hội; tiềm năng và hiện trạng khai thác, phát triển kinh tế biển đảo vùng Nam Bộ.

- **Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước**

ĐỊA PHƯƠNG CHÍ BÌNH PHƯỚC

Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, 2015

Bình Phước là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, có đường biên giới tiếp giáp với Vương quốc Campuchia dài 260,433km. Là địa bàn trung chuyển giữa Nam Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, nên tỉnh có địa hình rất đa dạng, gồm cả địa hình cao nguyên, đồi núi và đồng bằng. Đây là nơi cư trú của nhiều dân tộc, trong đó dân tộc thiểu số chiếm một tỷ lệ lớn, đa số là người

Xtiêng, một số ít là người Hoa, Khmer, Nùng, Tày...

So với các vùng khác trên cả nước, Bình Phước được xem là một vùng đất trẻ. Nơi đây chỉ thực sự được coi là “thức tỉnh” kể từ khi thực dân Pháp đánh chiếm lục tỉnh Nam Kỳ (trong đó có vùng đất Bình Phước), thiết lập ách cai trị, xây dựng đòn điền cao su, thực hiện công cuộc khai thác thuộc địa. Trước sự đàn áp, bóc lột và cai trị hà khắc của thực dân Pháp, sau đó là đế quốc Mỹ, cư dân trên vùng đất Bình Phước không ngừng nổi dậy đấu tranh đánh đuổi kẻ thù xâm lược. Người trước ngã, người sau nối bước, không sợ hy sinh, gian khổ, quân và dân Bình Phước đã ghi vào sử sách những dấu son chói lọi cùng với các địa danh không thể nào quên như Phú Riềng Đỏ, Căn cứ Tà Thiết, sóc Bom Bo, v.v...

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975), Bình Phước bước vào thời kỳ mới khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng quê hương, cùng cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí không xa Thành phố Hồ Chí Minh - trung tâm kinh tế lớn nhất của cả nước - lại có cửa khẩu thông thương với Campuchia, Bình Phước có rất nhiều cơ hội để phát triển thương mại, du lịch và xuất khẩu...

Trải qua gần 20 năm xây dựng kể từ ngày tái lập tỉnh, từ xuất phát điểm rất thấp về kinh tế, Bình Phước ngày nay đang từng ngày đổi mới. Để làm rõ hơn về các tiềm năng, thế mạnh cũng như những khó khăn, thuận lợi của tỉnh từ đó đưa ra được những chủ trương, chính sách đúng đắn, phục vụ có hiệu quả cho việc phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh chủ trương tổ chức biên soạn Địa chí Bình Phước với tính chất là một công trình khoa học tổng hợp về các lĩnh vực tự nhiên, lịch sử, kinh tế, văn hóa - xã hội... nhằm cung cấp một hệ thống dữ liệu chung, toàn diện về tỉnh nhà.

Địa chí Bình Phước được chia làm hai tập: Tập 1: Tự nhiên - dân cư, Lịch sử - sự kiện - nhân vật, Các huyện, thị; Tập 2: Kinh tế, Văn hóa - xã hội. Bộ sách cung cấp cho bạn đọc hệ thống dữ liệu khoa học quý, đặc biệt giúp các nhà lãnh đạo địa phương có cơ sở khoa học trong hoạch định các chính sách phát triển cho tỉnh; các nhà đầu tư có thêm thông tin, hiểu biết trước khi thực hiện các dự án đầu tư tại địa bàn, đồng thời giúp cho các nhà nghiên cứu và tất cả những ai quan tâm đến Bình Phước có được một cái nhìn tổng quan nhất về vùng đất giàu tiềm năng này.

- **Nguyễn Khánh Toàn** (chủ biên)

LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 2 (1858-1945)

Nxb. Khoa học xã hội

Tác giả đi sâu vào nghiên cứu lịch sử Việt Nam thời kỳ từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta năm 1858 đến Cách mạng tháng Tám 1945, gồm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn cuối thế kỷ XIX (1858 - 1895): Lịch sử giai đoạn này đặt ra hai vấn đề chủ yếu cần phải giải quyết: Chiến hay hoà; duy tân hay thủ cựu? Đây là hai vấn đề có liên quan mật thiết với nhau, có đổi mới đất nước mới đủ sức đánh đuổi quân xâm lược và ngược lại có đánh đuổi được quân xâm lược mới có điều kiện đổi mới đất nước. Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam kiên quyết đứng lên chống giặc. Khi triều đình còn chống giặc thì nhân dân đi theo triều đình để chống giặc. Khi triều đình nhu nhược đầu hàng, nhân dân ta vẫn cương quyết kháng chiến. Đã có nhiều cuộc khởi nghĩa đáng kể trong giai đoạn này. Một trong các cuộc khởi nghĩa đó là do Trương Định lãnh đạo. Cuộc khởi nghĩa của Trương Định mà tiếp nối là người con Trương Quyền đã làm cho quân Pháp ở Nam Kỳ phải kinh sợ.

Bên cạnh phong trào chủ chiến của nhân dân và một số quan lại triều đình, còn có một phong trào cổ động cho tinh thần duy tân đất nước của một số trí thức thời đó mà tiêu biểu là Nguyễn Trường Tộ. Trong khi phong trào chống Pháp của nhân dân liên tục nổi dậy và những đề nghị duy tân đất nước được đệ trình lên triều đình, thì nhà Nguyễn đã thi hành một đường lối rất nhu nhược trước vận mệnh sống còn của dân tộc và cự tuyệt những đề nghị cải cách, khăng khăng duy trì chính sách cai trị cũ. Chính vì lẽ đó mà nước ta đã bị rơi vào ách đô hộ của thực dân Pháp vào cuối thế kỉ XIX.

- Giai đoạn đầu thế kỉ XX: Vào đầu thế kỉ XX, ngọn cờ giải phóng dân tộc của giai cấp phong kiến đã hoàn toàn mục rõ. Trong bối cảnh có những ảnh hưởng của xu hướng tư sản từ bên ngoài tràn vào, một số nhà nho yêu nước đã tiếp thu và tiến hành cuộc vận động giải phóng dân tộc dưới ngọn cờ mang màu sắc tư sản. Trong phong trào cách mạng đầu thế kỉ XX, có nhiều nhân vật lịch sử chủ trương phương pháp cách mạng của mình, tiêu biểu là xu hướng nâng cao dân trí, dân quyền của Phan Chu Trinh và bạo động của Phan Bội Châu. Trong thời điểm này đã xuất hiện một con người vĩ đại mang tên Nguyễn Tất Thành, mà sau này là nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh. Chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành cũng xuất phát từ truyền thống yêu nước đi tìm đường cứu nước. Nhưng cái khác của Nguyễn Tất Thành so với các bậc tiền bối là Người đã định ra phương hướng và phương thức đi tìm đường cứu nước. Người không sang phương Đông mà sang phương Tây, không đi với tư cách của một chính khách mà là tư cách người thợ. Chính sự khác biệt đó đã giúp cho Người có điều kiện đến được với Chủ nghĩa Cộng sản và trở thành người cộng sản. Ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ bến Nhà Rồng, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, đánh dấu mốc mở đầu con

đường cứu nước của Người.

- Giai đoạn từ 1930 đến 1945: Giai đoạn này được mở đầu bằng sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930). Đây là quá trình từ một người cộng sản Nguyễn Ái Quốc (1920), đến một tổ chức cộng sản chưa hoàn chỉnh - Việt Nam thanh niên Cách mạng Đồng chí hội (1925), đến một tổ chức hoàn chỉnh - Đảng Cộng sản Việt Nam. Quá trình này diễn ra quanh co và khúc khuỷu, nhưng với xu thế của thời đại và uy tín của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra đời. Sự kiện này là một trong những sự kiện đánh dấu sự chấm dứt thời kỳ song song tồn tại hai con đường cứu nước: tư sản và vô sản. Từ đây, Đảng Cộng sản Việt Nam trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ năm 1930 đến năm 1945, là thời kỳ vận động cách mạng giải phóng dân tộc đi theo con đường của giai cấp vô sản. Trong giai đoạn này có nhiều cao trào cách mạng đáng lưu ý như: cao trào 1930-1931 và Xô Viết Nghệ Tĩnh, cao trào dân tộc dân chủ 1936-1939, cao trào vận động Cách mạng tháng Tám 1941-1945 và Cách mạng tháng Tám năm 1945. Ngày 2-9-1945, lễ Tuyên ngôn độc lập đã được tổ chức tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội) trong không khí trang nghiêm và xúc động.

- *Bùi Văn Toản*

### 1. CÔN ĐẢO 6.694 NGÀY ĐÊM

*Nxb. Tre, 2009*

“Côn Đảo 6.694 ngày đêm” là một trong những công trình biên soạn về nhà tù Côn Đảo - một địa ngục trần gian, vốn được nhân dân Việt Nam và trên thế giới biết đến là một nhà tù lâu đài, được tồn tại suốt 113 năm dưới sự thống trị của hai đế quốc sùng sỗ thế giới là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Sóng trong ché độ lao tù tàn bạo của Mỹ-ngụy, người tù Côn Đảo vẫn giữ vững tâm lòng kiên trinh, dũng cảm, bất khuất, hiên ngang, như vàng được thử bằng lửa, ngọn lửa càng cao, chất vàng ròng càng sáng đẹp và cháy mãi một niềm tự hào bất diệt.

## 2. TÙ NHÂN CÔN ĐẢO 1940-1945

*Nxb. Thanh niên, 2010*

Nội dung sách có giá trị lịch sử nhằm bổ sung thông tin, giúp cho việc xác định đối tượng được công nhận liệt sĩ, cung cấp thông tin có cơ sở khoa học để thực hiện chính sách công nhận “lão thành cách mạng” đối với người hoạt động cách mạng trước 1945. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để tỏ lòng tri ân các gia đình có người thân hoạt động cách mạng trước 1945, giúp các địa phương nghiên cứu phát huy truyền thống cách mạng, đánh giá phong trào cách mạng trong từng vùng, từng địa phương một cách khoa học và chính xác. Đây cũng là tấm lòng của những cựu tù chính trị Côn Đảo tri ân các thế hệ đồng đội tiền bối. Sách được tác giả sưu tầm và biên soạn trong hơn 15 năm từ những Sưu tập sách, tạp chí bồi trợ lịch sử tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

## 3. NHÀ TÙ CÔN ĐẢO: DANH SÁCH HY SINH VÀ TÙ TRẦN GIAI ĐOẠN 1930-1975

*Nxb. Thanh niên, 2009*

Tập sách “Nhà tù Côn Đảo - Danh sách hy sinh và tù trần giai đoạn 1930-1975” được sưu tầm, tập hợp từ các nguồn tài liệu Sưu tập sách, tạp chí bồi trợ do Trung tâm Lưu trữ quốc gia II quản lý, Bảo tàng Cách mạng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Ban quản lý di tích Côn Đảo, các cựu tù chính trị Côn Đảo và tài liệu của các gia

đình có người thân đã hy sinh tại nhà tù Côn Đảo... Sách đã thông kê được 4.573 tù nhân chết có số tù, 3.276 tù nhân chết có số tù và có tên, những thông tin về người tù như quê quán, ngày sinh, ngày bị bắt, ngày ra tòa, án tù, ngày mất, tình trạng mộ phần... Sách không chỉ chú thích nguồn dẫn thông tin từ nguồn Sưu tập sách, tạp chí bô trợ gốc, tác giả còn chỉ rõ những sai lệch giữa hồ sơ lưu trữ với hiện trạng những ngôi mộ hiện hữu, phát hiện những mộ trùng tên cũng như vị trí tại các ngôi mộ... với nguyện vọng giúp cho các gia đình có người thân hy sinh tại Côn Đảo biết được thông tin, và là cơ sở cung cấp thông tin cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có căn cứ để xét hồ sơ liệt sĩ.

- ***Trung tâm Lưu trữ quốc gia I & II***

TUYÊN TRUYỀN CÁCH MẠNG TRƯỚC NĂM 1945 QUA SUU  
TAM TÀI LIỆU LUU TRỮ

Nxb. *Quân đội nhân dân*, 2005

Cuốn sách bao gồm các truyền đơn của Đảng và của các tổ chức quần chúng ở các tỉnh đông dân cư của Nam Kỳ cũ như Bạc Liêu, Biên Hòa, Cần Thơ, Chợ Lớn, Gia Định, Gò Công, Mỹ Tho, Sa Đéc, Sài Gòn, Tân An, Thủ Dầu Một... Những truyền đơn này đều được các cấp chính quyền thuộc địa ở Nam Kỳ và của mật thám Pháp phát hiện và thu về, đính kèm các báo cáo “mật” và “tuyệt mật” để gửi lên Thống đốc Nam Kỳ, viên chức cao cấp nhất của chính quyền thuộc địa Pháp ở Nam Kỳ, và là người đại diện cho Toàn quyền Đông Dương ở xứ này. Thời gian tài liệu từ 1934, rái rác qua các năm 1936 đến 1942, nhiều nhất vào năm 1940.

- **Trung tâm Lưu trữ quốc gia II**

- 1. LỊCH SỬ PHÚ QUỐC QUA TÀI LIỆU LUƯ TRỮ (SÁCH THAM KHẢO)

Nxb. Chính trị Quốc gia, 2012

Sách khai thác và sử dụng nguồn sử liệu từ Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ, sách gồm 2 phần:

Phần mở đầu: Vùng đất và con người: Cấu tạo địa chất của vùng đất đảo Phú Quốc, các báo cáo của chính quyền Pháp về dân số, tộc người sinh sống ở đảo trong các năm 1941, 1942 cũng như cuộc sống của dân cư tại đây.

Phần hai: Phú Quốc những năm Pháp thuộc khai thác các lược đồ, hình ảnh về trụ sở, doanh trại, kho dự trữ, các công trình xây dựng... ở Phú Quốc; giới thiệu các đặc phẩm nông sản, thương cảng, đường sá được xây dựng tại Phú Quốc; số lượng tù binh Pháp đưa ra giam giữ ở Phú Quốc.

- 2. MỘC BẢN TRIỀU NGUYỄN - ĐỀ MỤC TỔNG QUAN

Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004

Sách giới thiệu toàn bộ khối tài liệu Mộc bản hiện đang được bảo quản tại Kho Đà Lạt, bao gồm 152 đầu sách với 3 nhóm chính: chính sử triều Nguyễn, tác phẩm văn chương của các Hoàng đế triều Nguyễn, các tác phẩm Nho học.

- 3. SÁCH CHỈ DẪN CÁC PHÒNG, SUU TẬP LUƯ TRỮ BẢO QUẢN TẠI TRUNG TÂM LUƯ TRỮ QUỐC GIA II

Nxb. Tổng hợp, TP. HCM, 2007

Sách giới thiệu chi tiết về lịch sử hình thành Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ: Pháp chính thức xâm lược Việt Nam năm

1858, đặt nền thống trị tại xứ An Nam, ban hành các sắc lệnh, nghị định, chỉ thị, thông tư... để thiết lập hệ thống quản lý hành chính tại xứ này. Từ các hoạt động của bộ máy cai quản thuộc địa ở đây đã sản sinh ra hệ thống tài liệu, sưu tập sách, tạp chí bổ trợ... phục vụ cho việc cai quản thuộc địa An Nam. Mọi hoạt động của xã hội Việt Nam dưới sự cai quản của thực dân Pháp trong giai đoạn lịch sử từ 1858 đến 1945 đều được phản ánh đầy đủ, toàn diện trong Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ.

#### 4. TÀI LIỆU PHÔNG PHỦ THÔNG ĐỐC NAM KỲ (1858-1945) - GIÁ TRỊ MỘT NGUỒN DI SẢN

*Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015*

Nội dung cuốn sách gồm 3 phần:

Phần một: Lịch sử hình thành tài liệu Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ, trình bày tổng quan lịch sử tổ chức bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở Nam Kỳ (1858-1945) và quá trình tổ chức quản lý tài liệu Phủ Thông đốc Nam Kỳ. Giới thiệu nguồn gốc, quá trình hình thành khối tài liệu Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ.

Phần hai: Tổng quan nội dung tài liệu Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ, giới thiệu khái quát nội dung tài liệu được hình thành trong quá trình hoạt động của Phủ Thông đốc Nam Kỳ trên các phương diện, từ quá trình thực dân hóa và phi thực dân hóa, đến quá trình khai thác thuộc địa của Pháp và sự tác động của nó đến đời sống chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội của vùng đất Nam Bộ trong giai đoạn 1858-1945.

Phần ba: Giá trị và tiềm năng khai thác, giới thiệu các công trình nghiên cứu đã sử dụng tài liệu Phông Phủ Thông đốc Nam Kỳ của độc giả trong và ngoài nước. Qua đó làm nổi bật giá trị

của tài liệu, cũng như làm rõ các vấn đề còn bỏ ngỏ, chưa được khai thác, giúp độc giả, giới khoa học có những định hướng cụ thể trong việc nghiên cứu lịch sử vùng đất Nam Bộ, cũng như lịch sử Việt Nam và khu vực trong thời kỳ cận đại.

- **Nguyễn Đình Tư**

### 1. TỪ ĐIỂN ĐỊA DANH HÀNH CHÍNH NAM BỘ

Nxb. Chính trị Quốc gia, 2008

Nam Bộ - vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử, trải qua quá trình biến thiên có nhiều sự thay đổi phức tạp về địa danh hành chính. Năm 1698, nhà Nguyễn thiết lập, cấu tạo các đơn vị hành chính tại Nam Bộ với các địa danh hành chính hầu như được dùng bằng từ Hán - Việt. Dưới thời Pháp thuộc, hệ thống hành chính có sự thay đổi, do đó việc cấu tạo địa giới và địa danh hành chính được các nguyên tắc như nhập hai làng làm một, lấy từ ở tên mỗi làng cũ ghép lại thành tên làng mới; nhập ba làng cùng có một chữ đầu tên giống nhau làm một và thêm chữ “Tam” lên đầu chữ giống nhau để thành tên làng mới,... Sau năm 1954, dưới chính quyền Việt Nam cộng hòa, hệ thống đơn vị hành chính tại Nam Bộ đã tương đối ổn định, chỉ có sắp xếp lại cho phù hợp và khôi phục lại địa danh có từ thời Nguyễn. Sau năm 1975, xu hướng cấu tạo địa danh hành chính là dùng tiếng Nôm, tiếng dân đã quen dùng và lấy tên các chiến sĩ cách mạng đã hy sinh đặt tên các xã.

Từ việc nghiên cứu, rút ra những nguyên tắc chung nhất về cấu tạo địa danh hành chính ở Nam Bộ, tác giả hệ thống và chú giải tên làng, xã ở Nam Bộ và quá trình thay đổi tên gọi đó từ thời kỳ phong kiến nhà Nguyễn đến nay.

## 2. CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP TRÊN ĐẤT NAM KỲ (1859-1954) (2 tập)

Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2016

Bộ sách gồm 2 tập với hơn 1.000 trang in là sản phẩm chắt lọc từ những tư liệu mà tác giả đã kỳ công nghiên cứu trong Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

Tập 1 (560 trang), gồm có 2 phần, phần thứ nhất: Thực dân Pháp đánh chiếm Nam Kỳ và cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ, tác giả đã khái quát công cuộc chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ ở nửa cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX. Phần thứ hai: Bộ máy cai trị các cấp của thực dân Pháp trên đất Nam Kỳ.

Tập 2 (584 trang), gồm 11 chương là Công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp trên đất Nam Kỳ. Tác giả đã trình bày rất chi tiết về các lĩnh vực quan trọng như: Khai thác nông nghiệp, khai thác giao thông vận tải, khai thác công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp...

Qua các chương sách, cho thấy sự tổ chức, quản lý của người Pháp mang một trình độ khoa học, văn minh cao như: Xây dựng bộ máy hành chính các cấp từ cấp quản hạt cho toàn khu vực Nam Kỳ cho đến cấp tỉnh, phủ - huyện, tổng, xã với bộ máy viên chức chật chẽ nhưng rất gọn nhẹ và hoạt động hiệu quả; Xây dựng và quy hoạch địa bàn các thành phố ở Nam Kỳ như Sài Gòn, Chợ Lớn, Sa Đéc, Mỹ Tho, Biên Hòa, Bạc Liêu... Tập sách cũng phục dựng lại bộ mặt mới được hình thành ở vùng đất Nam Kỳ, từ một xã hội phong kiến cổ truyền đã chuyển sang một xã hội tư bản hiện đại theo phuơng Tây. Bộ mặt đô thị ở Nam Kỳ cách đây hàng trăm năm như Sài Gòn, Chợ Lớn, Thủ Dầu Một...

“Chế độ thực dân Pháp trên đất Nam Kỳ (1859-1954)” với

nguồn tư liệu gốc phong phú, dồi dào giúp ích rất nhiều cho thể hệ sau khi bắt tay vào nghiên cứu vùng đất phương Nam.

### III. BÀI VIẾT, THAM LUẬN VÀ BÁO CÁO KHOA HỌC

- *Nguyễn Văn Báu*

LUƯ TRỮ “QUỐC GIA VIỆT NAM” (1948-1954)

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 1-2016*

Ở Việt Nam giai đoạn 1948-1954 đã tồn tại một chính thể quân lý nhà nước với tên gọi “Quốc gia Việt Nam”. Mặc dù tồn tại trong một khoảng thời gian ngắn nhưng “chính quyền” này đã bảo quản, bảo vệ được khối lượng lớn tài liệu lưu trữ của Việt Nam trước năm 1945 và những tài liệu hình thành từ chính hoạt động của chính thể. Những tài liệu này rất có giá trị đối với nghiên cứu lịch sử Việt Nam nói chung và nghiên cứu về “Quốc gia Việt Nam” nói riêng.

Bài viết giới thiệu khái quát về sự ra đời và tổ chức bộ máy chính quyền của Quốc gia Việt Nam để từ đó tìm hiểu sâu về tổ chức hoạt động lưu trữ và những “di sản” lưu trữ mà chính thể này để lại.

- *Võ Thanh Bằng*

GÓP PHẦN TÌM HIỂU CHÍNH SÁCH TRỰC TRỊ VÀ ĐỒNG HÓA CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở NAM BỘ (1858-1945)

*Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. HCM, Hội thảo Khoa học “Chứng tích Pháp - Nhật trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1858-1954).*

Tác giả trình bày bối cảnh lịch sử Việt Nam từ sau khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Đà Nẵng (1858) cho đến năm 1945. Trong đó, tập trung vào phân tích chính sách trực trị của Soái phủ

Nam Kỳ từ năm 1862-1879 và chính sách đồng hóa từ 1879 đến 1945 trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

- **Đào Thị Diến**

1. NHỮNG VĂN BẢN ĐẦU TIÊN VỀ LUU TRỮ VIỆT NAM THỜI KỲ THUỘC ĐỊA ĐÃ RA ĐÒI NHƯ THẾ NÀO?

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 1(3-1995)*

Viết về Quyết định 134 ngày 3-10-1868 của quyền Thống đốc Nam Kỳ G.Ohier về quy định các loại tài liệu nộp lưu, việc cấp chứng thực các bản sao. Quyết định số 70 của Thống đốc Nam Kỳ ngày 17-2-1875 về vấn đề lưu trữ, cùng với việc giới thiệu các quyết định về lưu trữ là một số quyết định bổ nhiệm các chức vụ ở Đông Dương để hoàn thiện bộ máy hành chính quản lý An Nam thuộc địa

2. SỰ THÀNH LẬP KHO LUU TRỮ NAM KỲ - CƠ QUAN LUU TRỮ MANG TÍNH CHẤT KHU VỰC ĐẦU TIÊN Ở ĐÔNG DƯƠNG

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 2 (6-1995)*

Nội dung bài viết trình bày việc thành lập kho lưu trữ tại Nam Kỳ và quyết định sử dụng chữ quốc ngữ trong các văn bản hành chính.

- **Hồ Sơn Diệp - Lê Thị Vị**

BÀN THÊM VỀ NGUỒN GỐC ĐỊA DANH BÀ RỊA

*Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Hội thảo khoa học “Từ xứ Mô Xoài xưa đến Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay” tháng 10-2012.*

Thông qua thống kê tên gọi Bà Rịa trong các truyền thuyết, sử sách và tài liệu thành văn từ nhiều nguồn khác nhau, tác giả cho rằng:

Bà Rịa còn được gọi là Bà Lị, Bà Lịa, Bà Địa trước hết là một địa danh, xuất hiện từ thời người Việt vào lập nghiệp ở xứ Mô Xoài. Có rất nhiều cách giải thích khác nhau về nguồn gốc địa danh Bà Rịa phụ thuộc vào căn cứ sử liệu, tạo ra cách thức tiếp cận đa chiều. Các hướng tiếp cận cho thấy nguồn gốc địa danh Bà Rịa hình thành gắn kết chặt chẽ với lịch sử hình thành tên núi, tên sông,... theo ngôn ngữ của một bộ tộc hay từ tín ngưỡng, truyền thuyết của những nhóm cư dân xiêu tán. Những kiến giải về địa danh Bà Rịa mới dừng lại ở mức độ giả thuyết, chưa đủ căn cứ khoa học để kết luận về địa danh Bà Rịa. Do đó, cần tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu các liệu lịch sử xác đáng để làm sáng tỏ nguồn gốc địa danh Bà Rịa.

- **Cù Thị Dung**

1. HỆ THỐNG GIÁO DỤC Ở NAM KỲ TỪ KHI PHÁP XÂM LUỢC ĐẾN TRƯỚC CUỘC CẢI CÁCH GIÁO DỤC LẦN THỨ NHẤT (1906)

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 4-2011*

Tác giả khai thác các khía cạnh như: quá trình hình thành nền giáo dục thực dân ở Nam Kỳ, giới thiệu giáo dục bậc tiểu học, cụ thể về các trường lớp, yêu cầu của một hiệu trưởng, giáo viên, thời gian học tiểu học; giáo dục trung học. Ngoài ra còn giới thiệu các trường chuyên biệt, trường quận, trường hàng tông, trường làng, trường thực nghiệm, trường sư phạm...

2. VÀI NÉT VỀ CÁC TRƯỜNG NGHÈ Ở NAM KỲ TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 6-2011*

Tác giả viết về quá trình hình thành các trường nghề ở Nam Kỳ trong những năm đầu thế kỷ XX, đồng thời cũng giới thiệu sơ

lược về chế độ lương bổng của giáo viên ở các trường này.

### 3. NHỮNG CUỘC CẢI CÁCH GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM THỜI THUỘC PHÁP (1862-1945)

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 1&2-2012*

Tác giả giới thiệu những cuộc cải cách giáo dục ở Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1906, tiêu biểu như cải cách năm 1874, 1879, 1906. Đó là những cải cách về nội dung học tập, chế độ, thời gian, các môn học, ngôn ngữ sử dụng trong các trường học... Tác giả cũng giới thiệu hai hệ thống giáo dục riêng biệt là hệ thống trường Việt chủ yếu học bằng tiếng Hán, hệ thống giáo dục Pháp Việt trong đó sử dụng tiếng Pháp và tiếng Việt trong giảng dạy và học tập.

### 4. CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC Ở PHÁP VÀ ẢNH HƯỚNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI NỀN GIÁO DỤC Ở MIỀN NAM VIỆT NAM (1860-1975)

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 12-2014*

Bài viết khái quát bối cảnh lịch sử và quá trình xâm chiếm, thiết lập chế độ cai trị của Pháp ở Nam Kỳ, làm đòn bẩy cho việc tìm hiểu sâu về chính sách giáo dục của Pháp và những tác động của nó đến sự phát triển của nền giáo dục ở Nam Kỳ (Nam Việt), không chỉ ở thời kỳ thuộc Pháp mà kéo dài đến thời kỳ Việt Nam cộng hòa (1955-1975).

- *Nguyễn Thuỷ Dương*

#### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ NAM KỲ

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 2000, số 3 (310)*

Tác giả khái lược về tình hình kinh tế ở Nam Kỳ thời thuộc Pháp và đưa ra những số liệu kinh tế thời kỳ này.

## 2. TÌM HIỂU CÁC LOẠI NGÂN SÁCH CỦA THỰC DÂN PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN HÀ TIỀN - RẠCH GIÁ (1867-1914)

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 2001, số 1 (314)*

Thực dân Pháp ban hành và điều quản nhiều loại ngân sách ở Nam Kỳ, đặc biệt là ngân sách ở địa bàn Hà Tiên - Rạch Giá để phục vụ việc quản lý, điều hành vùng đất này.

### • *Nguyễn Đình Đầu*

LỊCH SỬ CẢNG SÀI GÒN NƠI CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NUỐC, NGÀY 5-6-1911

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 5-2011*

Ngày 5-6-1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành lên tàu Amiral La Touche Tréville thuộc hãng Năm Sao, ra đi tìm đường cứu nước từ cảng Sài Gòn (Port de Saigon) với chân phụ bếp.

Qua nghiên cứu các tài liệu của chính quyền thực dân Pháp về lịch sử Sài Gòn, tác giả đã phác họa bức tranh cảng Sài Gòn tấp nập tàu buôn của các nước nhộn nhịp ra vào từ cách nay hơn 100 năm. Đặc biệt, tác giả trình bày chi tiết về cảng Sài Gòn ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, cùng nhiều dữ liệu về hãng Năm Sao và con tàu Amiral La Touche Tréville.

### • *Trần Giang*

SỰ TÀN BẠO CỦA ĐẾ QUỐC PHÁP ĐỐI VỚI CUỘC KHỐI NGHĨA NAM KỲ

Kỷ yếu Hội thảo khoa học: “Chứng tích Pháp - Nhật trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1858-1954)”, Nxb Tre

Bài viết tố cáo tội ác của thực dân Pháp trong việc đàn áp các cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ, đồng thời ca ngợi tinh thần anh dũng của nhân dân Nam Kỳ trong cuộc khởi nghĩa chống Pháp

xâm lược, gồm 5 phần:

1. Đế quốc Pháp huy động toàn bộ bộ máy bạo lực phản cách mạng để đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân Nam Kỳ.
2. Đế quốc Pháp bắt những người nổi dậy.
3. Tình trạng man rợ của các nhà tù.
4. Dùng tòa án để trấn áp những người nổi dậy.
5. Về tinh thần và thái độ của nghĩa quân trước quân thù.

- **Lê Mỹ Hà**

THỰC TRẠNG ĐỜI SỐNG CỦA DÂN PHU ĐỒN ĐIỀN CAO SU DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP HAI HUYỆN BÌNH LONG VÀ LỘC NINH THUỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC)

*Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCM, Hội thảo Khoa học “Chứng tích Pháp - Nhật trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1858-1954) ”.*

Tác giả trình bày chính sách phát triển cây cao su và đồn điền cao su của thực dân Pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ I (1914-1918). Trình bày đời sống cơ cực của dân phu đồn điền cao su và phong trào đấu tranh chống chủ tư bản Pháp của công nhân cao su Bình Phước từ năm 1920-1945.

- **Nguyễn Xuân Hoài**

VÀI NÉT VỀ XỨ MÔ XOÀI - BÀ RỊA THẾ KỶ XVII

*Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Từ xứ Mô Xoài xưa đến Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay”, 2012.*

Thông qua khảo cứu các sách chính sử triều Nguyễn, tác giả

trình bày quá trình khai hoang mở cõi về phuơng Nam của các cư dân Việt tại xứ Mô Xoài - Bà Rịa, cùng với việc thiết lập chủ quyền lanh thổ Đại Việt của triều đình phong kiến Việt Nam từ giữa thế kỷ XVII. Qua đó, tác giả khẳng định, Mô Xoài - Bà Rịa là nơi người Việt đến sinh sống sớm nhất so với những nơi khác ở Nam Bộ, là nơi địa đầu của Sài Gòn - Gia Định xưa.

- **Nguyễn Xuân Hoài - Cù Thị Dung**

“NHƯ TÂY NHẬT TRÌNH” NHẬT KÝ BẰNG THƠ CỦA TRƯƠNG MINH KÝ

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 2-2009*

Trương Minh Ký là học trò xuất sắc của Trương Vĩnh Ký. Ông sinh ngày 23 tháng 10 năm 1855, mất ngày 11 tháng 8 năm 1900, tự Thế Tài, hiệu Mai Nham. Ông và những học giả cùng thời là những tác gia tiên phong trong việc truyền bá chữ Quốc ngữ ở Việt Nam, cũng như tiếp thu nền văn hóa “tiên tiến” của các nước phương Tây vào những năm cuối thế kỷ XIX.

Năm Canh Thìn (năm 1880), ông được triều đình cử dẫn 10 du học sinh sang học tại Algérie. Cuộc hành trình qua châu Âu và Bắc Phi này được ông ghi lại qua Thiên du ký dài khoảng 2000 câu thơ thể song thất lục bát, tựa đề “Như Tây Nhật Trình”, khởi đăng trên Gia Định báo từ ngày 10-4-1888.

Bài viết giới thiệu đến độc giả toàn văn Thiên du ký của Trương Minh Ký đang được lưu giữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

- **Nguyễn Xuân Hoài - Phạm Thị Huệ**

VÀI NÉT VỀ CẢNG SÀI GÒN VÀ CON TÀU LA TOUCHE TRÉVILLE NĂM 1911

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 5-2011*

Đây là con tàu đưa Nguyễn Tất Thành rời khỏi Việt Nam đi tìm đường cứu nước. Tác giả giới thiệu về thương cảng Sài Gòn từ năm 1903 đến 1911, về số lượng tàu vào và ra ở bến cảng này; giới thiệu cụ thể về con tàu mang tên La Touche Tréville tại cảng Sài Gòn năm 1911 như về tên tàu, quốc gia, trọng tải, thuyền trưởng và nhật trình chi tiết của con tàu này.

• **Phan Văn Hoàng - Phạm Thị Huệ - Nguyễn Xuân Hoài**

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NHÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM QUA  
TÀI LIỆU LƯU TRỮ CỦA THỰC DÂN PHÁP - NGHIÊN CỨU VỀ  
TRƯỜNG HỢP TRẦN VĂN GIÀU

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 12-2011*

Bài viết giới thiệu hai tài liệu về bản lược chú về những hoạt động phá hoại ở Nam Kỳ của cảnh sát Đông Dương - Ban 1: trong đó tài liệu 6 có thời gian từ 16-11-1934 đến cuối tháng 2-1935 và tài liệu 7 ghi thời gian từ 1-4 đến 31-5-1935. Đây là các tài liệu mà thực dân Pháp thu thập về hoạt động của các tổ chức cộng sản ở Nam Kỳ, trong đó có nhiều nhân vật tiêu biểu. Đặc biệt giới thiệu một số hoạt động của Trần Văn Giàu.

• **Phạm Thị Huệ**

1. TÒ BÁO LA LUTTE XUẤT BẢN TẠI NAM KỲ THỜI PHÁP  
THUỘC

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 5 (10-2006)*

Bài viết về tờ báo La Lutte, gồm những nội dung được đăng tải trên tờ báo như: tờ báo lên án các chính sách của thực dân Pháp tại An Nam; tầm ảnh hưởng của tờ báo đối với dân chúng theo hai chiều hướng (sự nâng đỡ của tờ báo đối với tầng lớp nhân dân, ngược lại thái độ của dân chúng đối với tờ báo); thái độ giận dữ của chính quyền thực dân Pháp đối với tờ La Lutte và tìm cách

giảm uy tín của tờ báo.

## 2. MỘT TÀI LIỆU CỦA XỨ UỶ NAM KỲ CHỈ ĐẠO CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG NĂM 1934

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 4 (8-2006)*

Bài viết viết về một trang tài liệu của Xứ ủy Nam Kỳ chỉ đạo công tác của các cơ sở Đảng năm 1934.

## 3. ÁN NGHỊ QUYẾT CỦA LIÊN ĐỊA PHƯƠNG CHẤP ỦY TOÀN THỂ HỘI NGHỊ, NĂM 1934

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 7-2009*

Tác giả giới thiệu toàn văn tài liệu mang tên “Án nghị quyết của Liên địa phương chấp ủy toàn quyền hội nghị” được phát tán tháng 12-1934. Tài liệu này nói về công tác Đảng trong quần chúng như đối với công nhân, nông dân, cứu tế đỏ và các hoạt động của Đảng về các lĩnh vực như đấu tranh chống đế quốc, quân đội tuyên truyền trong giới phụ nữ, thanh niên cộng sản.

## 4. VÀI NÉT VỀ PHONG TRÀO BÁO CHÍ CÔNG KHAI TẠI NAM KỲ (1936-1939)

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 5-2010*

Tác giả viết về các hoạt động của các ký giả, các bài báo được công khai phát hành tại Nam Kỳ và chính sách báo chí của thực dân Pháp ở Nam Kỳ.

## 5. VÀI NÉT VỀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN NAM KỲ GIAI ĐOẠN 1930-1931 QUA TÀI LIỆU LUU TRU

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 6-2010*

Phong trào đấu tranh của nhân dân Nam Kỳ năm 1930 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản ngày càng lan rộng và phát triển mạnh mẽ dưới nhiều hình thức đấu tranh phong phú và đa dạng.

- **Phạm Thị Huệ**

MỘT SỐ TRUNG TÂM BUÔN BÁN LÚA GẠO Ở NAM KỲ  
THỜI PHÁP THUỘC

*Tạp chí Khoa học, trường Đại học Cần Thơ, 2016*

Bài viết này đề cập đến hoạt động buôn bán lúa gạo ở một số nơi thời Pháp thuộc như: Bến Tre, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu và đặc biệt là Sài Gòn. Trong giai đoạn này, hoạt động buôn bán lúa gạo đã góp phần thay đổi diện mạo của vùng đất Nam Kỳ. Từ đó, góp phần vào việc thay đổi nền kinh tế nước ta, tuy phát triển nhưng lại lệ thuộc vào kinh tế chính quốc Pháp.

- **Phạm Thị Huệ - Cù Thị Dung**

CHUYÊN MỤC CÔN ĐẢO SỬ LIỆU

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam (2008-2012)*

Năm 1862, Thống đốc Bonard ở Nam Kỳ ký quyết định thành lập nhà tù Côn Đảo - là một hệ thống nhà tù với nhiều khu vực biệt giam, chuồng cọp. Trong hơn 100 năm, khoảng 20.000 người Việt Nam thuộc nhiều thế hệ, từ các sĩ phu yêu nước như Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh... cho đến những nhà cách mạng lừng lẫy như Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng... đã bị giam cầm, hy sinh tại nhà tù Côn Đảo.

Với việc nghiên cứu tài liệu lưu trữ là các báo cáo, bản văn của chính quyền thực dân Pháp, chuyên mục Côn Đảo sử liệu cung cấp cho độc giả thông tin cụ thể về các phạm nhân ở nhà tù Côn Đảo qua các thời kỳ, thông qua danh sách tù chính trị thụ án, danh sách những tù nhân chết, danh sách tù nhân vượt ngục,...

- *Bùi Thị Huệ*

MÁY ĐẶC TRƯNG VỀ QUYỀN SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP Ở BÌNH PHƯỚC (1862-1945) QUA CÁC NGUỒN TÀI LIỆU

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 10-2010*

Tài liệu được tác giả khai thác và sử dụng là các báo cáo, nghị định của Pháp có nội dung đề cập đến các vấn đề như: Việc hình thành sở hữu ruộng đất tư ở tỉnh Bình Phước và quá trình phát triển của loại hình sở hữu này, từ đó đi đến việc phát triển cây cao su ở tỉnh Bình Phước.

- *Nguyễn Văn Khá*

NHỮNG YẾU TỐ CÁCH TÂN TRONG VĂN HỌC QUỐC NGỮ NAM BỘ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

*Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 35-2012*

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, văn học Nam Bộ Việt Nam đã thực hiện một cuộc cách tân. Văn học viết bằng chữ quốc ngữ ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt tinh thần của một bộ phận công chúng độc giả. Để lý giải tại sao văn học quốc ngữ Nam Bộ có những đóng góp mang ý nghĩa khai phá, phải tìm về những yếu tố nội tại. Theo đó, bài viết triển khai ba yếu tố: Sự tiên phong của đội ngũ nhà văn Nam Bộ; Chữ quốc ngữ và văn hóa phương Tây; Văn học hướng về công chúng độc giả.

- *Huỳnh Bá Lộc*

ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TÂN HỌC NAM KỲ TRƯỚC NĂM 1930

*Tạp chí Khoa học xã hội số 3 (211) - 2016*

Bài viết với các nội dung: Những thành tố góp phần hình thành đội ngũ trí thức tân học Nam Kỳ; Số lượng và trình độ học vấn của đội ngũ trí thức tân học Nam Kỳ; Những hoạt động xã hội và chính trị của đội ngũ tri thức tân học Nam Kỳ. Qua đó khẳng định, trí thức tân học Nam Kỳ ra đời với tư cách đội ngũ vào những năm đầu thế kỷ XX, cụ thể là từ sau Thế chiến thứ nhất (1919). Với sự ra đời đó, đội ngũ trí thức đã tham gia và đóng góp trên nhiều lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp của xã hội. Những hoạt động đặc trưng kiểu trí thức về xã hội, chính trị cũng được hình thành và ngày càng phát triển (như tranh luận, diễn thuyết; lập hội nhóm, hoạt động chính trị). Các hoạt động nghề nghiệp và hoạt động chính trị, xã hội đã giúp trí thức khẳng định vị thế trong xã hội Nam Kỳ, cũng như góp phần vào cuộc vận động khai minh và giải phóng dân tộc.

- *Trần Thị Thu Lương*

CHẾ ĐỘ SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT Ở NAM BỘ TỪ THẾ KỶ XVII  
ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX

*Tạp chí Phát triển Khoa học và công nghệ, tập 9, số  
3-2006*

Dựa vào những cứ liệu lịch sử đáng tin cậy, tác giả đã trình bày rõ lịch sử phát triển của chế độ sở hữu ruộng đất và những đặc điểm của chế độ sở hữu này ở Nam Bộ qua từng giai đoạn từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX. Những kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò chủ nhân của người Việt trong quá trình khai phá, cải tạo, xác lập quyền sở hữu của mình trên tư liệu sản xuất quan trọng nhất - ruộng đất, ở vùng Nam Bộ.

- **Trần Thị Mai**

## 1. GÓP THÊM MỘT VÀI TƯ LIỆU VÀ SUY NGHĨ VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ RUỘNG ĐẤT CỦA CHÍNH QUYỀN THỰC DÂN PHÁP Ở NAM KỲ DƯỚI THỜI THUỘC PHÁP

*Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. HCM, Hội thảo Khoa học “Chứng tích Pháp - Nhật trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1858-1954)”*

Bài viết bàn về những chính sách thuế ruộng đất của chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ. Mục đích của thực dân Pháp là chính sách vơ vét, bóc lột thuộc địa và đáp ứng những nhu cầu về việc tổ chức cai trị mà không phải dựa vào sự tài trợ của chính quyền bản địa.

## 2. VÙNG ĐẤT THOẠI SƠN TỪ SAU NĂM 1757 ĐẾN NỬA SAU THẾ KỶ XIX

*Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, số X5-2015*

Năm 1757, vùng đất Thoại Sơn chính thức thuộc chủ quyền của chúa Nguyễn. Tổ chức khẩn hoang và xác lập chủ quyền là hai quá trình được các chúa Nguyễn tiến hành song song đồng thời, trong đó xác lập chủ quyền là để bảo vệ tính hợp pháp của công cuộc khẩn hoang và thành quả của công cuộc khẩn hoang chính là cơ sở để xác lập và khẳng định chủ quyền lâu dài, bền vững. Chỉ hơn một thế kỷ, từ năm 1757 đến nửa sau thế kỷ XIX, bằng nỗ lực vượt bậc, Thoại Sơn nhanh chóng trở thành nơi cư trú của các cộng đồng cư dân Việt, Khmer, Chăm, Hoa... và là vùng kinh tế - xã hội đa dạng, có vai trò đặc biệt quan trọng trong tiến trình phát triển của Nam Bộ.

Những kiến giải khoa học trên được tác giả thể hiện qua các nội dung: 1. Thoại Sơn trong tiến trình khai khẩn và xác lập chủ quyền của chúa Nguyễn ở Nam Bộ; 2. Quá trình khẩn hoang, lập làng; 3. Các thành phần dân cư; 4. Tình hình phát triển kinh tế; 5. Vai trò của chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong đẩy mạnh khẩn hoang vùng Thoại Sơn.

### 3. QUÁ TRÌNH XÁC LẬP VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN VÙNG BIỂN TÂY NAM BỘ THỜI CHÚA NGUYỄN VÀ VƯƠNG TRIỀU NGUYỄN (THẾ KỶ XVII-XIX)

*Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, tập 18, số XI-2012*

Quá trình xác lập, khẳng định và bảo vệ chủ quyền của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trên vùng biển Tây Nam Bộ là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều biến cố phức tạp trong các thế kỷ XVII -XIX. Thông qua các chính sách, biện pháp nhất quán, mềm dẻo và cương quyết của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn, chủ quyền Việt Nam đã mở rộng trên toàn vùng biển Tây Nam Bộ, đến tận Hà Tiên và mũi Cà Mau, bao gồm cả các hải đảo ngoài Biển Đông và vịnh Thái Lan. Bên cạnh đội Hoàng Sa trấn giữ các quần đảo giữa Biển Đông, chúa Nguyễn còn đặt ra đội Bắc Hải (dưới sự kiêm quản của đội Hoàng Sa) có trách nhiệm khai thác hóa vật, kiểm tra, kiểm soát thực thi chủ quyền của Việt Nam ở khu vực “các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên”. Từ việc thực thi chủ quyền và quyền chủ quyền, các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn đã biến vùng biển Tây Nam Bộ thành một trong những địa bàn trọng yếu trong hội lưu quốc tế, góp phần quan trọng vào công cuộc kiến thiết và bảo vệ an ninh quốc gia.

• ***Nguyễn Quang Ngọc - Đặng Ngọc Hà***

NHẬN DIỆN TRUNG TÂM MÔ Xoài QUA TƯ LIỆU ĐỊA BẠ  
ĐẦU THẾ KỶ XIX

*Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Hội thảo khoa  
học “Từ xứ Mô Xoài xưa đến Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay”  
tháng 10-2012*

Mô Xoài nằm ở vị trí cửa ngõ then chốt nhất, khai mở và định hướng cho toàn bộ quá trình khai phá đất đai và xác lập chủ quyền của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ. Thế nhưng sử cũ lại chép về Mô Xoài quá cô đọng, khiến cho các đời càng về sau càng ít biết vị trí đích thực của nó và chỉ xem nó như là một địa danh huyền thoại. Thông qua nghiên cứu địa bạ, tác giả lần tìm dấu tích Mô Xoài đầu thế kỷ XIX, nhằm xác định không gian một cách tường đối cụ thể với những đổi thay của Mô Xoài trong lịch sử.

• ***Vũ Huy Phúc***

THÁI ĐỘ CỦA CỦA THỰC DÂN PHÁP ĐỐI VỚI VĂN ĐỀ  
RUỘNG ĐẤT Ở NAM KỲ VÀO NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1986, số 5(230)*

Thể hiện chính sách của thực dân Pháp đối với vấn đề ruộng đất ở Nam Kỳ.

• ***Hà Kim Phương***

TỔNG QUAN TÀI LIỆU LUU TRỮ VỀ NAM KỲ KHỞI NGHĨA  
HIỆN ĐANG BẢO QUẢN TẠI TRUNG TÂM LUU TRỮ QUỐC GIA II

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 11-2010*

Tài liệu lưu trữ về Nam Kỳ khởi nghĩa thuộc Phòng Thủ Thông đốc Nam Kỳ rất đa dạng, phong phú dưới nhiều hình thức như: văn bản pháp quy, công văn trao đổi, tổ chức chính quyền, chính trị, báo cáo,...

- **Hà Kim Phương - Cù Thị Dung**

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở BÀ RỊA - VŨNG TÀU THỜI KỲ PHÁP THUỘC

*Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Từ xưa Mô Xoài xưa đến Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay”, 2012*

Các tác giả trình bày bối cảnh lịch sử vùng đất Bà Rịa - Vũng Tàu từ khi Pháp xâm lược năm 1862; quá trình biến động dân cư từ đầu thế kỷ XIX cho đến năm 1936; hoạt động khai thác thuộc địa của thực dân và hoạt động sản xuất nông nghiệp của cư dân Bà Rịa - Vũng Tàu từ năm 1900-1936.

- **Nguyễn Phan Quang**

1. GIỚI THIỆU BA BÚC THƯ CỦA KỲ ĐỒNG GỬI TOÀN QUYỀN, CÔNG SỨ PHÁP

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1982, số 5(206)*

Giới thiệu nguyên văn các bức thư của Kỳ Đồng gửi Toàn quyền Pháp và Công sứ Pháp.

2. BẢN KHẨU CUNG CỦA KỲ ĐỒNG NGÀY 22-9-1897

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1983, số 1(208)*

Kỳ Đồng bị thực dân Pháp bắt và giam giữ, rồi mất ở nước ngoài, trong thời gian bị giam giữ, thực dân Pháp đã lấy nhiều khẩu cung từ Kỳ Đồng. Đây là một trong số nhiều khẩu cung của ông.

3. HAI BẢN ĐỒ ĐẦU TIÊN VỀ NHÀ TÙ CÔN ĐẢO

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1989, số 3-4(246-247)*

Nhà tù Côn Đảo được xây dựng thời Pháp thuộc. Để tiện cho việc xây dựng và quản lý, Pháp đã cho lập nhiều bản đồ. Ở số này tác giả giới thiệu hai bản đồ đầu tiên về nhà tù này.

#### 4. BA BỨC THƯ TỪ NAM KỲ NĂM 1863

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1990, số 5(252)*

Trong thời gian thực dân Pháp xâm lược và chiếm đóng, phong trào kháng Pháp phát triển mạnh mẽ ở Nam Kỳ. Nhiều loại hình đấu tranh được sử dụng, trong đó có thư từ của các nhà hoạt động yêu nước viết gửi tới quan thầy Pháp để chống đối, và kháng Pháp.

#### 5. CUỘC NỐI DẬY CỦA TÙ NHÂN CÔN ĐẢO TẠI HÒN BÀY CẠNH (THÁNG 8-1883)

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1992, số 2(261)*

Trong thời gian bị giam giữ, tù nhân Côn Đảo đã tổ chức nhiều cuộc nổi dậy và những cuộc vượt ngục lẻ tẻ. Trong số đó, có cuộc nổi dậy của tù nhân ở hòn Bảy Cạnh chống đối chế độ hà khắc của nhà tù.

#### 6. ĐỘC QUYỀN THUỘC PHIỆN Ở NAM KỲ CUỐI THẾ KỶ XIX

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1994, số 6(277)*

Tác giả khai thác về chính sách và các thủ đoạn của thực dân Pháp về kinh tế thương mại. Trong đó, tập trung ở khía cạnh kinh doanh và buôn bán thuốc phiện, nhằm đầu độc đối với dân An Nam.

#### 7. DÂN SỐ SÀI GÒN THỜI PHÁP THUỘC

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1998, số 2(297)*

Công bố số dân, tộc người thời Pháp thuộc trên cả nước, trong đó có các tài liệu về dân số ở Nam Kỳ.

## 8. TƯƠNG QUAN KINH TẾ PHÁP - NHẬT TẠI NAM KỲ (1940-1945)

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1999, số 1(302)*

Tác giả viết về kinh tế ở Nam Kỳ thời Pháp, cụ thể là các mặt hàng như tơ lụa - vải sợi, kỹ nghệ mía đường, chế biến dầu ăn và xà bông, thuộc da, hoá chất và rượu bia... Việc Nhật Bản kinh doanh các mặt hàng vận tải, trong mối tương quan kinh tế giữa Pháp và Nhật, cho chúng ta thấy, người Pháp đã lo lắng về vị thế của kinh tế của chính họ và Nhật có tham vọng nhúng tay vào kinh tế Nam Kỳ ở các lĩnh vực then chốt của sản xuất và thương mại.

## 9. CẢNG SÀI GÒN THỜI PHÁP THUỘC

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 2000, số 2(309)*

Cảng Sài Gòn thời thuộc Pháp là một trong những điểm nổi bật khi nhắc đến vấn đề kinh tế Nam Kỳ. Tác giả giới thiệu về việc mở cảng, quản lý cảng và khai thác cảng của thực dân Pháp.

## 10. SÀI GÒN VÀ THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO NAM KỲ (1860-1938)

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 2000, số 5(312)*

Sự nhận biết tinh thông của người Pháp về Nam Kỳ - một vụ lúa lớn trong cả nước nói riêng và Đông Dương nói chung. Nơi không chỉ cung cấp lương thực nuôi sống Sài Gòn mà còn cung ứng cho thị trường Pháp.

## 11. NGƯỜI HOA TRÊN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO NAM KỲ THỜI PHÁP THUỘC (1859-1945)

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 2002, số 1(320)*

Đối với người Hoa, Pháp đã đặt ra nhiều chính sách khác nhau để quản lý. Chiến lược của Pháp là dùng người Hoa làm công cụ chế

ngự người Việt, vì thế Pháp đã có những ưu đãi đối với người Hoa về kinh tế. Chính vì thế, người Hoa nắm và chi phối thị trường lúa gạo Nam Kỳ và chi phối hoạt động xuất khẩu lúa gạo ở đây.

## 12. NGHÈ TẦM TƠ NAM KỲ THỜI THUỘC PHÁP (1911-1925)

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 2009, số 7(399)*

Quá trình hình thành nghề tơ tằm ở Nam Kỳ; thực dân Pháp thành lập trung tâm tơ tằm ở miền Tây và việc chuyển trung tâm này về Sài Gòn; việc thống kê số lượng hàng năm và chi phí sản xuất của nghề này.

## 13. NGHÈ TẦM TƠ NAM KỲ THỜI THUỘC PHÁP (CUỐI THẾ KỶ XIX, ĐẦU THẾ KỶ XX)

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 2010, số 1(405)*

Về việc thành lập nghề tơ tằm ở các tỉnh miền Tây, Thủ Dầu Một, Long Xuyên và Tân Châu (Châu Đốc). Trong đó, có những vấn đề về nguồn dâu tằm, tuyển lựa giống tằm, lắp đặt bệ ướm, chế biến phế phẩm,... của Trung tâm tơ tằm kiểu mẫu ở Tân Châu. Thực dân Pháp cho rằng Nam Kỳ là nơi có thể chế biến và xuất cảng những sản phẩm tơ tằm với giá cao, đồng thời bán được cả thú phẩm và phế phẩm cho Bắc Kỳ.

## 14. GÓP THÊM TƯ LIỆU CHỨNG TÍCH VỀ “TỘI ÁC TAY SAI” CỦA THỰC DÂN PHÁP HỒI CUỐI THẾ KỶ XIX

*Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. HCM, Hội thảo Khoa học “Chứng tích Pháp - Nhật trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1858-1954)”*

Tác giả giới thiệu thông tin tài liệu lưu trữ về “tội ác” của loại “tay sai” có nhiều nợ máu với dân tộc, như Lê Hoan, Đỗ Hữu Phương, Huỳnh Văn Tấn, Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân và Trần Bá Lộc.

- **Nguyễn Phan Quang - Phạm Thị Huệ**

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐẢNG PHÁI CHÍNH TRỊ Ở NAM KỲ NĂM 1938 NHÌN TỪ PHÍA CHÍNH QUYỀN THỰC DÂN PHÁP

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 2006, số 6(362)*

Viết về các đảng phái, xu hướng chính trị của các tổ chức hoạt động trong thời gian này ở Nam Kỳ như: những người chủ nghĩa Stalin báo “Le Pueple”, các tổ chức Xứ uỷ Nam Kỳ, đảng viên nhóm “La Lutte”, nhóm hoạt động theo chủ nghĩa dân tộc, hoạt động của nhóm Cao Đài.

- **Vũ Văn Tâm**

1. MỘT SỐ CÁI CÁCH BỘ MÁY HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA PHÁP ĐỐI VỚI CÁC TỈNH NAM KỲ TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 7-2012*

Tác giả giới thiệu cách thức tổ chức hành chính ở Nam Kỳ từ cấp tỉnh xuống cấp xã, các quan viên cai quản thông qua các sắc lệnh, nghị định của Toàn quyền Đông Dương. Đặc biệt, ngoài sự thay đổi về địa giới, về hành chính ở Nam Kỳ, tác giả còn giới thiệu về ngân sách, cách sử dụng, quản lý ngân quỹ ở các cấp của Nam Kỳ thời kỳ này.

2. QUÁ TRÌNH “CHUYỂN GIAO” TOÀN VẸN KHỐI TÀI LIỆU PHỦ THÔNG ĐỐC NAM KỲ (1858-1945) TỪ CHÍNH QUYỀN THUỘC ĐỊA PHÁP SANG CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM CỘNG HÒA

*Ký yếu Hội thảo khoa học “Lưu trữ Việt Nam cộng hòa (1955-1975) - từ góc nhìn lịch sử và lưu trữ học”, 2014*

Tác giả trình bày lược sử hình thành khói tài liệu Phủ Thống đốc Nam Kỳ thông qua tiến trình xâm chiếm và cai trị thuộc địa của Pháp ở Nam Kỳ từ năm 1858-1945; quá trình tổ chức quản lý và “chuyển giao” khói tài liệu Phủ Thống đốc Nam Kỳ từ chính quyền Thực dân Pháp sang chính quyền Việt Nam cộng hòa từ đầu thế kỷ XX cho đến năm 1959.

- **Nguyễn Thị Thiêm**

## 1. ĐÔI NÉT VỀ SƯU TẬP TÀI LIỆU SỔ BỘ HÁN NÔM TRIỀU NGUYỄN BẢO QUẢN TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 2-2011*

Sưu tập tài liệu Sổ bộ Hán Nôm triều Nguyễn - một trong những tài liệu viết tay trên giấy dó, bằng chữ Hán và chữ Nôm, phản ánh mọi khía cạnh của đời sống kinh tế - chính trị - văn hóa, xã hội,... của các xã, thôn Nam Kỳ lục tỉnh từ nửa cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX.

Bài viết giới thiệu đến độc giả quá trình hình thành, số lượng, thành phần và khái quát nội dung của Sưu tập tài liệu Sổ bộ Hán Nôm. Qua đó khẳng định giá trị của Sưu tập đối với công tác nghiên cứu lịch sử Nam Bộ thời kỳ phong kiến, Pháp thuộc.

## 2. THIẾT CHẾ QUẢN LÝ LÀNG XÃ Ở LỤC TỈNH NAM KỲ QUA TÀI LIỆU SỔ BỘ HÁN NÔM (1822-1918)

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 2-2012*

Thông qua việc nghiên cứu Sổ bộ Hán Nôm, tác giả trình bày lịch sử thiết lập hệ thống quản lý hành chính thời kỳ phong kiến triều Nguyễn, từ trung ương cho đến bộ máy quản lý xã hội thôn, xã.

- **Tạ Thị Thuý**

CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN KHAI THÁC THUỘC  
ĐỊA LẦN THỨ HAI CỦA NGƯỜI PHÁP (1919-1930)

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 2007, số 7(375)*

Công nghiệp bông vải, tơ lụa, xay xát gạo ở Nam Kỳ, gồm những vấn đề như cung cấp các số liệu, các chỉ số về nền công nghiệp ở Nam Kỳ.

- **Nguyễn Thế Trung**

QUÁ TRÌNH XÁC LẬP VÀ KHAI THÁC CHỦ QUYỀN  
CỦA CÁC CHÚA NGUYỄN VÀ VƯƠNG TRIỀU NGUYỄN TRÊN  
VÙNG BIỂN TÂY NAM BỘ (TỪ THẾ KỶ XVIII ĐẾN NỬA ĐẦU  
THẾ KỶ XIX)

*Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế lần thứ tư “Việt Nam trên đường  
hội nhập và phát triển bền vững”, Hà Nội - 2012*

Qua các mục: Tầm quan trọng của vùng biển Tây Nam trong vịnh Thái Lan; Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn xác lập chủ quyền trên vùng biển đảo Tây Nam; Hoạt động khai thác quyền chủ quyền vùng biển Tây Nam bộ dưới thời chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn; tác giả đã phục dựng lại bức tranh vùng biển Tây Nam Bộ, với nhóm đảo tiền tiêu - biên giới (Hải Tặc, Phú Quốc, Thổ Chu), nhóm đảo tiền tiêu (Hòn Khoai) và cụm đảo tuyển trong (Nam Du, Hòn Rái, Hòn Tre, Bà Lụa...), giữ vai trò quan trọng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng cho khu vực phía Nam Tổ quốc. Trong hành trình Nam tiến, quá trình xác lập chủ quyền của người Việt trên đất liền gắn liền với quá trình xác lập chủ quyền tại các vùng biển đảo. Trước khi Mạc Cửu đến Hà Tiên, người Việt đã đến định cư, sinh sống và khai thác nguồn tài nguyên vùng biển, ven biển và hải đảo trong vịnh Thái Lan cùng với các dân tộc anh em (Hoa, Khmer,...).

Thời chính quyền Đàng Trong, họ Mạc được chúa Nguyễn giao quyền “tự trị”. Tuy nhiên, việc phân chia và xác lập các đơn vị hành chính (trên đất liền và biển đảo), quyền ngoại giao với Chân Lạp và Xiêm,... đều do các chúa Nguyễn quyết định. Một hệ thống phòng thủ hai tuyến (ven bờ và trên các đảo) đã được Mạc Cửu và Mạc Thiên Tú xây dựng. Chúa Nguyễn cũng thành lập đội Bắc Hải, tăng cường viện trợ quân sự, khí giới nhằm bảo vệ an ninh và chống xâm lược trên vùng biển này. Kế thừa những thành tựu trước đó, các vua Nguyễn đẩy mạnh việc xác lập các đơn vị hành chính, xây dựng đồn sở, lập đội Phú Cường,... nhằm trấn áp cướp biển, đánh bại quân nước ngoài xâm lược, bảo vệ chủ quyền quốc gia và khai thác tài nguyên.Thêm vào đó, nhà Nguyễn cũng tiến hành đo đạc hải trình, vẽ bản đồ và xác lập lại các nơi nên đặt đồn canh giữ đường biển. Bằng chính sách đòn điền, chính quyền nhà Nguyễn đạt được nhiều thành công trong việc khẩn hoang vùng biển này.

Hoạt động kinh tế biển đảo của người dân được mở rộng. Sự kết hợp của chính quyền và người dân tạo đã tạo ra sức mạnh vững chắc nhằm bảo vệ và khai thác hiệu quả chủ quyền trên vùng biển đảo Tây Nam bộ trong suốt một thế kỷ rưỡi.

- *Phạm Quang Trung*

#### 1. SẮC LUẬT 21-7-1925 CỦA THỰC DÂN PHÁP VỚI VẤN ĐỀ SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT CỦA GIAI CẤP ĐỊA CHỦ Ở NAM KỲ TRONG THỜI KỲ PHÁP THUỘC

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1988, số 3-4(240-241)*

Thể hiện chính sách ruộng đất của Thực dân Pháp ở Nam Kỳ, đặc biệt là đối với giai cấp địa chủ, qua đó cho thấy mối quan hệ quyền lợi giữa địa chủ và Thực dân Pháp đương thời.

## 2. BÚC THƯ CỦA NGUYỄN AN NINH GỬI ỦY BAN ĐIỀU TRA

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1996, số 1(284)*

Là một nhà yêu nước, Nguyễn An Ninh nhiều lần lên tiếng phản đối chính sách của Thực dân Pháp ở Nam Kỳ. Ông gửi thư cho Ủy ban điều tra Pháp để yêu cầu xem xét một số vấn đề ở thuộc địa An Nam.

## 3. BÚC THƯ CỦA MỘT SÓ TÙ CHÍNH TRỊ TẠI SÀI GÒN GỬI ỦY BAN ĐIỀU TRA QUỐC HỘI PHÁP

*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1997, số 2(293)*

Tù chính trị bị Thực dân Pháp quản lý và đối xử tệ, họ đã gửi thư cho Ủy ban điều tra Quốc hội Pháp yêu cầu đến điều tra về thực trạng tù nhân ở Nam Kỳ.

### • **Nguyễn Đình Tư**

## GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP RUỘNG ĐẤT TRỰC CANH CỦA NÔNG DÂN TỈNH TRÀ VINH HỒI ĐẦU THUỘC PHÁP

*Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 6-2008*

Bài viết giới thiệu 13 điều được ban hành trong nghị định ngày 28-10-1881, việc tranh chấp ruộng đất trực canh của nông dân tỉnh Trà Vinh, và việc Thống đốc Nam Kỳ ban hành nghị định để quy định một số điều liên quan đến ruộng đất.

### • **Mai Thị Mỹ Vị**

## BÁO PHỤ NỮ TÂN VĂN VÀ SỰ KHỞI XƯỚNG PHONG TRÀO THƠ MỚI ĐẦU THẾ KỶ XX

*Tạp chí Khoa học xã hội số 7 (179)-2013*

Với hai nội dung chính: Giới thiệu về báo Phụ nữ Tân văn; Báo Phụ nữ Tân văn và sự khởi xướng phong trào thơ mới, tác

giả cho thấy, bài viết “Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ” cùng với bài thơ “Tình già” của Phan Khôi, báo Phụ nữ Tân văn đã trình làng một lối thơ phá luật, khởi xướng cho phong trào Thơ Mới và được nhiều người gọi là “cuộc cách mạng về thi ca”. Tờ báo đã dấy lên cuộc tranh luận sôi nổi giữa hai trường phái: thơ Mới và thơ Cũ. Tuy nhiên, cuối cùng Thơ Mới đã khẳng định thắng lợi với sự xuất hiện của một loạt nhà thơ nổi tiếng tiêu biểu cho dòng thơ này. Bài viết nhìn lại lịch sử những đóng góp của báo Phụ nữ Tân văn trong việc khởi xướng phong trào Thơ Mới, góp phần đổi mới nền văn học Việt Nam ở những thập niên đầu thế kỷ XX.

## BẢNG CHỈ DẪN ĐỊA DANH

- An Giang 12, 72, 108, 109, 125, 216, 217
- An Hoa 46
- An Nam 41, 46, 53, 59, 60, 68, 120, 128, 155, 156, 169, 172, 241, 245, 246, 259, 263, 269, 278, 285
- An Phước 135
- Bà Rá 72, 83, 95, 98, 148
- Bà Rịa 22, 62, 65, 66, 79, 80, 105, 106, 115, 122, 135, 137, 138, 145, 214, 256, 263, 264, 267, 268, 276, 277
- Bắc Kỳ 16, 19, 27, 30, 31, 82, 83, 91, 112, 135, 150, 155, 160, 175, 182, 198, 280
- Bạc Liêu 22, 41, 64, 79, 84, 92, 114, 138, 148, 151, 154, 214, 257, 261, 271
- Bắc Việt 34, 36, 93, 166
- Bassac 157
- Bến Thành 46, 54
- Bến Tre 22, 69, 113, 135, 139, 148, 214, 234, 271
- Biên Hòa 11, 12, 18, 48, 53, 61, 79, 105, 108, 109, 113, 115, 117, 118, 131, 132, 133, 135, 136, 156, 172, 179, 180, 214, 231, 257, 261
- Bình Định 17
- Bình Dương 107, 190, 191, 214
- Bình Phước 65, 107, 109, 193, 214, 251, 252, 253, 267, 272
- Bình Thạnh 45
- Bình Thuận 11, 16, 27
- Bình Trước 61
- Bình Tuy 45
- Bờ biển Ngà 32

- Cà Mau 48, 57, 157, 214, 275
- Cái Bè 17, 85, 108, 109
- Cai Lậy 46, 48
- Cái Sơn 152
- Campuchia 18, 19, 23, 29, 32, 63, 107, 114, 125, 137, 142, 155, 156, 161, 174, 176, 197, 198, 199, 217, 251, 252
- Cần Giờ 17
- Cần Giuộc 46
- Cần Thơ 22, 43, 52, 75, 108, 109, 111, 118, 120, 121, 149, 150, 152, 156, 214, 257, 271
- Cầu Cỏ May 70
- Cây Dừa 63, 66
- Châu Đốc 22, 72, 111, 120, 135, 139, 154, 162, 280
- Chợ Gạo 17, 122, 164
- Chợ Lớn 22, 46, 61, 76, 110, 112, 116, 119, 121, 123, 125, 126, 141, 142, 143, 145, 146, 147, 149, 150, 151, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 163, 167, 170, 189, 197, 228, 229, 242, 257, 261
- Chợ Quán 86, 91, 136, 155
- Con Cuông 81
- Côn Đảo 31, 45, 56, 60, 61, 62, 63, 64, 66, 67, 68, 70, 71, 72, 73, 74, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 85, 87, 90, 93, 95, 97, 98, 99, 100, 102, 103, 104, 105, 143, 205, 212, 248, 249, 255, 256, 257, 271, 277, 278
- Côn Sơn 64, 67
- Đà Nẵng 17, 74, 75, 153, 247, 262
- Đa Nhím 119, 121
- đảo Côn Lôn 18
- Đất Đỏ 22, 107, 118, 144

- Dầu Tiếng 105, 115, 116  
Định Tường 12, 18  
Đòn điền Michelin 105  
Đồng Đăng 153  
Đông Dương 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 27, 30, 31, 32, 33, 39, 40, 42, 43, 44, 46, 47, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 61, 63, 66, 69, 70, 71, 72, 78, 79, 85, 87, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 98, 99, 102, 103, 106, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 115, 116, 118, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 135, 138, 139, 142, 144, 146, 147, 148, 149, 155, 156, 161, 163, 165, 168, 171, 174, 175, 176, 177, 194, 195, 198, 199, 203, 212, 225, 229, 230, 232, 233, 235, 236, 241, 246, 248, 257, 263, 269, 279, 281  
Đông Hà 153  
Đông Nam Á 23, 25, 26,  
29, 30, 38, 123, 170, 209, 214, 232, 251  
Đồng Tháp Mười 79  
Gia Định 11, 12, 17, 18, 40, 48, 105, 126, 132, 133, 149, 172, 242, 257, 268  
Gia Định thành 11  
Gò Công 17, 79, 116, 120, 149, 152, 161, 162, 257  
Gò Vấp 46, 48  
Guyane 45, 83, 130  
Hà Nội 85, 93, 103, 150, 153, 154, 172, 216, 245, 246, 247, 255  
Hà Tiên 11, 12, 17, 22, 62, 111, 138, 149, 167, 183, 209, 210, 266, 275, 283  
Hải Phòng 69, 153  
Hoàng Sa 31  
Hoàng triều Cương thố 34

- Hóc Môn 76
- Hongkong 98
- Huế 11, 53, 120, 161, 198, 221
- Hưng Điện 107
- Hưng Hội 84
- Khám lớn Sài Gòn 47, 59, 61, 67, 78, 85, 97, 143
- Khánh Hậu 111
- Khánh Hòa 124, 163
- Kiến An 69
- Kiên Giang 62, 63, 65, 214
- Lạng Sơn 153
- Lào 18, 19, 23, 31, 32, 125
- Liên bang Đông Dương 19, 20, 30, 33, 40, 198
- Lò Gốm 133, 159
- Lộc Ninh 153, 267
- Long Bình 63
- Long Xuyên 22, 48, 72, 88, 91, 111, 135, 149, 280
- Madagascar 32, 122
- Marseille 133, 155, 164, 169
- Martinique 32
- Miền Tây 52, 156, 280
- Miền Trung 53, 81, 143, 238
- Miquelon 32
- Mỹ Quới 63
- Mỹ Tho 22, 46, 48, 50, 79, 85, 95, 104, 116, 120, 122, 146, 148, 153, 154, 157, 161, 162, 163, 257, 261
- Na Cham 153
- Nam Bộ 7, 21, 33, 38, 47, 49, 54, 110, 111, 115, 122, 170, 171, 175, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 192, 196, 200, 201, 202, 206, 214,

- 215, 223, 224, 225, 226, 227, 233, 234, 238, 239, 246, 250, 251, 259, 260, 262, 268, 272, 273, 274, 275, 276, 282, 283, 284.
- Nam Kỳ 11, 13, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 36, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 167,
- 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 182, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 197, 198, 206, 207, 212, 222, 223, 225, 226, 233, 236, 237, 242, 243, 252, 253, 257, 258, 259, 261, 263, 264, 265, 266, 267, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 276, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285
- Nam phần 11, 12, 37, 44, 49, 66, 73, 78, 79, 82, 83, 94, 108, 111, 112, 129, 134, 137, 138, 146, 152, 172, 176, 225
- Nam Việt 34, 35, 36, 37, 43, 44, 47, 49, 50, 51, 57, 58, 62, 63, 73, 78, 80, 83, 106, 108, 110, 113, 124, 127, 128, 129, 131, 132, 134, 142, 150, 153, 154, 155, 158, 159, 161, 165, 166, 168, 170, 171, 225, 265
- Nghệ An 80, 81, 93
- Nghệ Tĩnh 53, 81, 143, 255
- Nha Trang 124, 153

- Nhật 24, 32, 42, 44, 108, 109, 126, 133, 173, 174, 176, 177, 193, 194, 195, 203, 204, 242, 248, 262, 266, 267, 274, 279, 280
- Nhật Bản 24, 32, 42, 44, 47, 120, 173, 174, 175, 203, 204, 208, 221, 279
- Nhơn Ninh 48
- Ninh Thanh Lợi 63
- Nouvelle Calédonie 27, 32
- Núi Dinh 66
- Paris 169, 235, 244, 248
- Pháp 12, 13, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 46, 47, 49, 50, 51, 53, 54, 55, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 66, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 80, 81, 84, 86, 87, 88, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 101, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 112, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 122, 124, 125, 126, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 139, 140, 143, 145, 148, 149, 150, 151, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 162, 163, 167, 168, 169, 172, 173, 174, 175, 176, 179, 182, 183, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 199, 203, 205, 206, 207, 209, 210, 211, 212, 213, 220, 221, 222, 223, 225, 226, 227, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 240, 241, 242, 243, 245, 246, 247, 248, 249, 252, 253, 254, 255, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 264, 265, 266, 267, 269, 270, 271, 272, 274, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285
- Phủ Lạng Thương 153
- Phú Long 63
- Phú Quốc 31, 56, 62, 63, 65, 66, 73, 78, 123, 230, 231, 258, 283

- Phú Xuân 11  
Phụng Hiệp 152  
Phuốc Lẽ 66  
Phuốc Lộc 61  
Phuốc Long 118, 140  
Quảng Châu Loan 18, 20, 23, 32  
Quảng Nam 11, 17, 74, 75, 172  
Quảng Trị 53  
Quy Nhơn 17  
Rạch Giá 22, 62, 63, 111, 138, 162, 183, 266  
Sa Đéc 22, 107, 139, 154, 257, 261  
Sài Gòn 17, 21, 22, 28, 32, 36, 40, 43, 44, 47, 48, 49, 50, 51, 54, 56, 57, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 66, 67, 69, 70, 76, 78, 82, 83, 85, 86, 87, 88, 89, 94, 97, 98, 106, 112, 115, 119, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 130, 131, 134, 140, 141, 142, 143, 146, 147, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 166, 167, 169, 170, 172, 173, 174, 175, 189, 191, 192, 196, 197, 200, 210, 223, 228, 229, 242, 250, 257, 261, 266, 268, 269, 271, 278, 279, 280, 285  
Saint-Pierre 32  
Sóc Trăng 68, 71, 75, 114, 157, 162, 205, 206, 214, 242, 271  
Sơn Trà 17, 247  
Sông Bé 140  
Tà Lài 72, 83, 98, 148  
Tâm Ba 61  
Tân An 22, 48, 107, 157, 257  
Tân Hoà 61  
Tánh Linh 45

- Tây Ninh 22, 83, 84, 105, 113, 118, 125, 135, 140, 149, 162, 167, 214
- Thái Bình 68, 69
- Thái Lan 18, 23, 27, 29, 32, 120, 174, 209, 214, 275, 283
- Thành phố Hồ Chí Minh 40, 76, 81, 82, 115, 150, 152, 158, 162, 216, 234, 246, 250, 252, 272
- Tháp Chàm 153
- Thị Nghè 42
- Thiên Tân 61
- Thoại Sơn 167, 215, 216, 217, 274, 275
- Thủ Dầu Một 105, 107, 108, 109, 115, 117, 118, 131, 132, 149, 190, 226, 227, 257, 261, 280
- Thủ Thiêm 141, 142
- Thủ Thừa 48
- Thuận Lợi 115, 118
- Trà Vinh 22, 86, 92, 100, 118, 148, 149, 214, 234, 285
- Trung Kỳ 19, 24, 27, 30, 31, 43, 45, 53, 55, 56, 57, 75, 81, 91, 93, 94, 112, 120, 124, 126, 127, 137, 145, 160, 173, 175, 182, 198, 199, 219
- Trung Quốc 18, 20, 85, 146, 196, 208, 209, 222
- Trung Việt 34, 36
- Trường Sa 31
- Tunisia 83
- U Minh 152
- Vàm Cỏ Đông 164
- Việt Nam 7, 11, 13, 17, 18, 20, 21, 23, 24, 25, 26, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 44, 45, 46, 47, 49, 50, 51, 53, 55, 56, 58, 59, 65, 71, 73, 78, 79, 82, 98, 106, 109, 110, 111, 117, 119,

- 121, 123, 124, 125, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 143, 144, 145, 146, 147, 149, 153, 154, 161, 163, 164, 165, 166, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 179, 181, 182, 183, 184, 185, 187, 188, 189, 190, 193, 194, 195, 196, 197, 199, 200, 201, 203, 204, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 215, 218, 219, 220, 221, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 233, 235, 236, 237, 238, 241, 242, 243, 244, 245, 247, 249, 250, 253, 255, 258, 259, 260, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 274, 275, 276, 280, 281, 282, 283, 285, 286
- Vinh 153
- Vĩnh Lợi 84
- Vĩnh Long 12, 22, 48, 52, 89, 107, 108, 109, 113, 115, 121, 122, 135, 148, 149, 152, 157, 176, 214, 234, 240
- Vĩnh Tê 167
- Vũng Tàu 65, 70, 79, 80, 115, 121, 123, 124, 149, 161, 162, 214, 256, 263, 267, 276, 277
- Xóm Chiếu 142

## BẢNG CHỈ DẪN NHÂN VẬT

An Ngọc Phùng	168
Bảo Đại	33, 34, 35, 36, 225
Bestaille	89
Boinen	114
Brecq	152
Bùi Quang Chiêu	60
Bùi Quang Đại	60
Bùi Văn Tế	88, 100
Bùi Văn Thủ	51, 88, 89
Cao Triều Phát	64, 91, 92
Cao Văn Ven	60
Charles Le Myre de Villiers	19
Châu Văn Sanh	102
Châu Văn Tiệp	162
Chuẩn Đô đốc Bonard	17

Diệp Văn Cương	56
Diệp Văn Kỳ	56
Đỗ Hữu Phương	104, 280
Đỗ Trọng Dực	168
Đoàn Hữu Tùng	60
Doan Van Phung	62
Dương Bạch Mai	50, 95, 104
Duong Lac	62
Gia Long	11
Hà Huy Giáp	55, 88, 90, 100
Hà Huy Tập	50, 79, 85, 87, 92, 93, 101, 103
Hà Mỹ May	60
Hồ Chí Minh	88, 226, 247, 254, 266
Hồ Đa Văn	93
Hồ Nam	103
Huỳnh Bá Nhẫn	97

Khanh Ky	106
Khánh Ký	109
Le Berre	77
Lê Đức Thọ	271
Lê Hồng Phong	79, 97, 101
Lê Huy Đoàn	101
Lê Nho	93
Lê Tấn Thông	102
Lê Văn Chất	11
Lê Văn Duyệt	11, 244
Michel	40, 60
Minh Mạng	11, 16
Minh Mệnh	134
Ngô Đình Diệm	34, 36
Ngo Van Khich	106
Nguyễn Ái Quốc	86, 87, 88, 91, 98, 106, 212, 213, 245, 254, 255

Nguyễn An Ninh	46, 55, 57, 86, 92, 99, 104, 110, 143, 185, 219, 245, 246, 285
Nguyễn Giang	93
Nguyễn Hữu Cương	45
Nguyễn Kim Miêu	110
Nguyễn Lương Quang	114
Nguyen Nang Lu tự Bay Den	89
Nguyễn Thái tự Năm	90, 100
Nguyễn Thị Bảy	114
Nguyễn Thị Minh Khai	46, 85, 87, 96, 97, 100, 103
Nguyễn Văn Cù	89, 94, 96, 97, 103
Nguyễn Văn Hữu	67
Nguyễn Văn Liêng	114
Nguyễn Văn Nông	104
Nguyễn Văn Phô	67
Nguyễn Văn Quǎng	67
Nguyen Van S	106

Nguyễn Văn Tạo	55, 95, 98, 102, 103, 104, 110, 219
Nguyễn Văn Thinh	33, 225
Nguyễn Văn Xuân	115, 225
Nguyễn Vàng Lư	51
Paul Pierre Marie De La Grandière	18
Phạm Hùng	96, 271
Phạm Văn Chương	109
Phạm Văn Đồng	103
Phan Bội	90
Phan Bội Châu	57, 61, 106, 185, 219, 245, 254
Phan Chu Trinh	46, 219, 254, 271
Phan Đăng Lưu	96, 97
Phan Thanh	91

Phan Thanh Giản	162, 244
Phan Văn Hùm	86, 110, 143
Philastre	105
Phó Đô đốc Charner	17
Pierre	41, 114, 213, 241
Poirion	153
Quận công Trần Đức Hòa	17
Quang Trung	11
Rheinart	105
Rigault De Genouilly	17
Tạ Thu Thâu	51, 55, 61, 86, 95, 103, 104, 110
Thủ Khoa Huân	104
Tôn Đức Thắng	86, 87, 88, 91, 96, 196, 197, 250, 271

Trần Ba Coi	85
Trần Huy Liệu	46, 219
Trần Ngon	93
Trần Trinh Trạch	60, 64
Trần Tử Ca	104
Trần Văn Giàu	51, 52, 86, 96, 98, 103, 269
Trần Văn Hai	67
Trần Văn Kha	106
Trần Văn Khá	57, 60, 91, 98
Trần Văn Phước	105
Tran Van Thanh	106
Trần Văn Thông	60
Trương Vĩnh Ký	106, 244, 268

Ung Văn Khiêm	99
Võ Thành Cử	92
Võ Văn Tân	96, 97

# NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

80B Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04.39423346 \* Fax: 04.38224784

Website: [www.nxbgtvt.vn](http://www.nxbgtvt.vn) \* Email: [nxbgtvt@fpt.vn](mailto:nxbgtvt@fpt.vn)

---

*Chịu trách nhiệm xuất bản:* LÊ TỬ GIANG

*Chịu trách nhiệm nội dung:* NGUYỄN HỒNG KỲ

*Biên tập:* TRẦN ANH THU

*Thiết kế và trình bày bìa:* HOÀNG TRẦN

SÁCH KHÔNG BÁN

---

In 300 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Trung tâm Tu bổ - Phục chế tài liệu lưu trữ.

Địa chỉ: 24 Phố Trạm - Long Biên - Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3117-2016/CXBIPH/3-142/GTVT.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-76-1126-3.

Quyết định xuất bản số: 232/QĐ-GTVT ngày 01 tháng 11 năm 2016.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2016.

**TUYỂN TẬP ĐỀ TÀI  
KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ**  
tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

**Tập 1**

**ĐỀ TÀI KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ  
HÌNH THÀNH TRƯỚC NĂM 1954**

